

Tuần 19: Bài 18 - Tiết 73: Đọc – Hiểu văn bản
TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Khái niệm tục ngữ.
- Nội dung tư tưởng, ý nghĩa triết lí và hình thức nghệ thuật của những câu tục ngữ trong bài học.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Đọc - hiểu, phân tích các lớp nghĩa của tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất.
- Vận dụng được ở mức độ nhất định một số câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất vào đời sống.

3. Phẩm chất:

- Yêu quý trân trọng những kinh nghiệm cha ông để lại.
- Vận dụng vào đời sống thực tế những kinh nghiệm hay phù hợp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, một số câu tục ngữ cùng chủ đề nhắc học sinh soạn bài

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Soạn bài
- Sưu tầm các câu tục ngữ cùng chủ đề

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm
- Sản phẩm hoạt động: Trình bày được các câu tục ngữ theo đúng yêu cầu
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi

- + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
 - Tiến trình hoạt động:
 1. Chuyển giao nhiệm vụ
 - Nhiệm vụ: Tìm và đọc các câu tục ngữ liên quan đến thời tiết
 - Phương án thực hiện:
 - + Thực hiện trò chơi “Đố vui”
 - + Luật chơi: Mỗi đội có 5 hs tham gia trong vòng 2 phút 2 đội lần lượt đọc các câu tục ngữ theo đúng chủ đề
 - Thời gian: 2 phút
 - Sản phẩm: Các câu tục ngữ về thời tiết
 2. Thực hiện nhiệm vụ:
 - * Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:
 - + lập đội chơi
 - + chuẩn bị tinh thần thi đấu
 - + thực hiện trò chơi theo đúng luật
 - * Giáo viên:
 - Tổ chức cho hs chơi trò chơi
 - Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh
 - Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu 2 đội lần lượt trình bày các câu tục ngữ theo đúng chủ đề. Hết thời gian thì dừng lại
 3. Báo cáo kết quả:
 - Học sinh mỗi đội thống kê và báo cáo số lượng câu tục ngữ đã đọc được trong thời gian quy định
 4. Nhận xét, đánh giá:
 - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá:
 - + tinh thần, ý thức hoạt động học tập
 - + kết quả làm việc
 - + bổ sung thêm nội dung (nếu cần)
- => Vào bài: Như các em vừa thấy có rất nhiều câu tục ngữ nêu kinh nghiệm về thời tiết. Vậy kho tàng tục ngữ với số lượng lớn sẽ là cả một kho kinh nghiệm mà dân gian xưa đã đúc kết. Chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu giá trị của tục ngữ. Cụ thể hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu các câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>HD 1: Tìm hiểu khái niệm tục ngữ (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu thế nào là tục ngữ và nội dung, chủ đề tục ngữ nói chung của văn bản nói riêng - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm - Phương thức thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Hoạt động cá nhân + Hoạt động nhóm + Hoạt động chung cả lớp - Sản phẩm hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + nội dung hs trình bày + phiếu học tập của nhóm - Phương án kiểm tra, đánh giá <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh tự đánh giá. + Học sinh đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên đánh giá. - Tiến trình hoạt động: <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuyển giao nhiệm vụ <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu: Đọc phần chú thích và cho biết: <i>Tục ngữ là gì? Với đặc điểm như vậy, tục ngữ có tác dụng gì?</i> - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện 2. Thực hiện nhiệm vụ <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: Đọc, suy nghĩ, trình bày - Giáo viên: Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày - Dự kiến sản phẩm: <ul style="list-style-type: none"> - Tục: Là thói quen lâu đời - Ngữ: Lời nói <p>=> là lời nói đúc kết thói quen lâu đời được mọi</p>	<p><u>I. Tìm hiểu chung:</u></p> <p>1. Khái niệm:</p>

<p>người công nhận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm cho lời ăn tiếng nói thêm hay, sinh động. <p>3. Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình - Học sinh khác bổ sung <p>4. Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức - GV bổ sung, nhấn mạnh: <p>+ Về hình thức: tục ngữ là một câu nói diễn đạt một ý trọn vẹn có đặc điểm ngắn gọn, kết cấu bền vững có hình ảnh, nhịp điệu</p> <p>+ Về nội dung: diễn đạt kinh nghiệm, cách nhìn nhận của nhân dân về tự nhiên, đđ, sx, con người, xã hội</p> <p>Những bài học kinh nghiệm về quy luật thiên nhiên và lao động sản xuất là nội dung quan trọng của tục ngữ. Vì thế tục ngữ còn được gọi là túi khôn của nhân dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều câu tục ngữ chỉ có nghĩa đen, một số câu có cả nghĩa bóng <p>HD 2: Đọc, tìm hiểu chú thích, bố cục (5 phút)</p> <p>Mục tiêu: Giúp hs rèn kỹ năng đọc, hiểu được ngữ nghĩa cụ thể của mỗi câu tục ngữ và những đề tài cụ thể của tục ngữ</p> <p>Phương pháp: Thuyết trình, thảo luận nhóm</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Hướng dẫn đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - giọng điệu chậm rãi, rõ ràng, chú ý các vần lưng, ngắt nhịp ở vế đối trong câu hoặc phép đối giữa 2 câu. - HS đọc, nhận xét. <p>Giải thích từ khó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS giải thích -> lắng nghe -> hiểu nghĩa từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, đúc kết những bài học của nhân dân về: + Quy luật của thiên nhiên + Kinh nghiệm lao động sản xuất + Kinh nghiệm về con người và xã hội. <p>2. Đọc, Chú thích, Bố cục:</p>
--	---

<p>Bước 2: Chia bố cục</p> <p>Phương pháp: Thảo luận nhóm</p> <p>- Phương thức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hoạt động cá nhân + Hoạt động nhóm + Hoạt động chung cả lớp <p>- Sản phẩm hoạt động: Chia bố cục văn bản trên phiếu học tập</p> <p>- Tiến trình:</p> <p><i>1. Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- Giáo viên yêu cầu: <i>Ta có thể chia 8 câu tục ngữ trong bài thành mấy nhóm? Mỗi nhóm gồm những câu nào? Gọi tên từng nhóm đó?</i></p> <p>- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện</p> <p><i>2. Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>- Học sinh: Làm việc cá nhân -> Thảo luận nhóm -> thống nhất ý kiến</p> <p>- Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh khi cần thiết</p> <p>- Dự kiến sản phẩm: 8 câu tục ngữ trong bài chia làm 2 nhóm. Mỗi nhóm gồm 4 câu.</p> <p><i>3. Báo cáo kết quả:</i></p> <p>- Tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo kết quả</p> <p>- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu 1 hoặc 2 nhóm lên trình bày kết quả</p> <p>- Học sinh nhóm khác bổ sung</p> <p><i>4. Đánh giá kết quả:</i></p> <p>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>GV chốt:</p> <p><i>Hai đề tài trên có điểm nào gần gũi mà có thể gộp vào một văn bản?</i></p>	<p>+ Từ câu 1 đến 4 : Những câu tục ngữ về thiên nhiên.</p> <p>+ Từ câu 5 đến 8 : Những câu tục ngữ về lao động sản xuất.</p> <p><u>II. Đọc, hiểu văn bản:</u></p> <p>1. Những câu tục ngữ về thiên nhiên</p>
---	---

- Hai đề tài có liên quan: thiên nhiên có liên quan đến sản xuất, nhất là trồng trọt, chăn nuôi. Các câu đều được cấu tạo ngắn gọn, có vần, nhịp, đều do dân gian sáng tạo và truyền miệng.

HD 3: Đọc, hiểu văn bản

Bước 1: Tìm hiểu những câu tục ngữ về thiên nhiên

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được nội dung ý nghĩa, cách vận dụng và một số hình thức nghệ thuật của nhóm các câu tục ngữ về thiên nhiên

- Phương pháp: Thuyết trình, thảo luận nhóm

Cách tiến hành:

+Hoạt động cá nhân

+Hoạt động nhóm

-Sản phẩm hoạt động: Nội dung , nghệ thuật của nhóm các câu tục ngữ về thiên nhiên

- Tiến trình:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu: *Các câu tục ngữ về thiên nhiên đúc kết những kinh nghiệm gì? Em có nhận xét gì về các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu đó? Trong thực tế những câu tục ngữ này được áp dụng như thế nào*

-Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe yêu cầu và thực hiện

2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh: Làm việc cá nhân → thảo luận nhóm- >thống nhất ý kiến

-Giáo viên: Quan sát ,hỗ trợ học sinh nếu cần

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1:

- Kinh nghiệm: Tháng năm ngày dài đêm ngắn , tháng mười ngày ngắn đêm dài(do ánh sáng mùa hè và mây mù mùa đông) => đúc kết kinh

<p> nghiệm có tính quy luật của thời gian - Nghệ thuật đối, hiệp vần lưng, nói quá -> nhấn mạnh đặc điểm của thời gian, gây ấn tượng -Áp dụng thực tế: Sử dụng thời gian trong cuộc sống sao cho hợp lí. Lịch làm việc mùa hè khác mùa đông. Câu 2: - Kinh nghiệm: Đêm có nhiều sao thì ngày hôm sau sẽ nắng, đêm không có sao thì ngày hôm sau sẽ mưa. - Nghệ thuật: Hai vế đối xứng -> Làm cho câu tục ngữ cân đối nhịp nhàng, dễ thuộc, dễ nhớ. -Áp dụng thực tế: Trông sao, dự báo thời tiết. Biết thời tiết để chủ động bố trí công việc ngày hôm sau. Câu 3: -Kinh nghiệm: Khi chân trời xuất hiện sắc vàng màu mỡ gà(do ánh sáng mặt trời chiếu vào mây) thì sắp có gió bão lớn cần phải chằng chống nhà cửa cẩn thận. - Nghệ thuật: Ẩn dụ "ráng mỡ gà" -Áp dụng: Hiện nay khoa học đã cho phép con người dự báo bão khá chính xác. Ở vùng sâu, vùng xa, phương tiện thông tin hạn chế thì kinh nghiệm đoán bão của dân gian qua câu tục ngữ vẫn còn có tác dụng. Câu 4: -Kinh nghiệm: Vào tháng 7 âm lịch nếu kiến dờn tổ, từng đàn bò lên cao thì sẽ có lụt lội -Nghệ thuật: Hai vế cân xứng, vần bằng "bò- lo" -Áp dụng: Phải đề phòng lũ lụt sau tháng 7 âm lịch. 3. Báo cáo sản phẩm - Giáo viên gọi đại diện 1-2 nhóm lên trình bày </p>	<p> a. Câu 1: - Nghệ thuật: đối, hiệp vần lưng, nói quá - Nội dung: nhấn mạnh (Đêm tháng năm rất ngắn và ngày tháng mười cũng rất ngắn.) Ý nói: Mùa hè đêm ngắn, ngày dài; mùa đông đêm dài, ngày ngắn. b. Câu 2: -Nghệ thuật: đối xứng, gieo vần lưng - Nội dung: Đêm có nhiều sao thì ngày hôm sau sẽ </p>
---	---

<p>bằng phiếu học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh các nhóm khác bổ sung <p>4. Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, đánh giá - Giáo viên nhận xét đánh giá → Giáo viên chốt kiến thức ghi bảng <p>GV chốt, chuyển: Bốn câu tục ngữ trên đều có điểm chung là đúc kết những kinh nghiệm về thời gian, thời tiết, bão lụt cho thấy phần nào cuộc sống vất vả, thiên nhiên khắc nghiệt của đất nước ta. Ngoài ra nhân dân ta còn đúc kết những kinh nghiệm trong lao động sản xuất</p> <p>Bước 2: Tìm hiểu những câu tục ngữ về lao động sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được nội dung ý nghĩa, cách vận dụng và một số hình thức nghệ thuật của nhóm các câu tục ngữ về lao động sản xuất - Phương pháp: Dự án <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ giáo viên yêu cầu trước ở nhà - Sản phẩm hoạt động: Nội dung, nghệ thuật của nhóm các câu tục ngữ về lao động sản xuất - Tiến trình: <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu: <i>Các câu tục ngữ về lao động sản xuất đúc kết những kinh nghiệm gì? Em có nhận xét gì về các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu đó? ý nghĩa của mỗi kinh nghiệm.</i> - Học sinh tiếp nhận: Thực hiện ở nhà 	<p>nắng, đêm không có sao hoặc ít sao thì ngày hôm sau sẽ mưa.</p> <p><u>c. Câu 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật ẩn dụ <p>Khi chân trời xuất hiện sắc vàng màu mỡ gà thì sắp có gió bão lớn</p> <p><u>d. Câu 4:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật: Vận bằng -> Vào tháng 7 âm lịch nếu kiến bò lên cao thì sắp có lụt lội <p>2. Tục ngữ về lao động sản xuất:</p>
--	--

<p>2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: Thảo luận trong nhóm->thống nhất ý kiến chỉnh sửa sản phẩm nếu cần - Giáo viên: Quan sát ,hỗ trợ học sinh nếu cần <p>Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Câu 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh nghiệm: Đề cao vai trò ,giá trị của đất⇒ Đất quý như vàng. - Nghệ thuật :Hai vế đối xứng, so sánh - ý nghĩa của kinh nghiệm: con người sử dụng đất hiệu quả không lãng phí đất <p>Câu 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh nghiệm: thứ tự các nghề mang lại kinh tế cao: thứ nhất là nghề đào ao thả cá, thứ nhì là làm vườn, thứ ba là làm ruộng - Nghệ thuật: liệt kê - ý nghĩa: Phát triển kinh tế VAC, nuôi tôm, nuôi cá nâng cao giá trị kinh tế trong các hộ gia đình <p>Câu 7:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Kinh nghiệm: Nghề trồng lúa cần phải đủ 4 yếu tố: Nước, phân, cày, giống trong đó quan trọng hàng đầu là nước - Nghệ thuật: Phép liệt kê để thuộc dễ nhớ - ý nghĩa: Chú trọng yếu tố thủy lợi, trong sản xuất <p>Câu 8:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Kinh nghiệm: Trồng trọt đúng thời vụ và làm đất kĩ lưỡng năng suất sẽ bội thu -Nghệ thuật:Kết cấu cân xứng, vần lưng -Áp dụng: Trồng trọt phải đúng thời vụ <p>3.Báo cáo sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi đại diện 1-2 nhóm lên trình bày. -Học sinh các nhóm khác bổ sung 	<p>a. <u>Câu 5:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> -Nghệ thuật: so sánh - Nội dung; khẳng định đất quý giá như vàng. <p>b. <u>Câu 6:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật: liệt kê
--	--

<p>4. Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, đánh giá -Giáo viên nhận xét đánh giá tinh thần chuẩn bị ở nhà của các nhóm →Giáo viên chốt kiến thức. <p>HD4: Tổng kết</p> <p>Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp: Học sinh hoạt động cá nhân <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện nhiệm vụ giáo viên yêu cầu -Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của học sinh <p>Tiến trình:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu: <i>Khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các câu tục ngữ?</i> - Học sinh lắng nghe yêu cầu <p>2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: Suy nghĩ làm việc cá nhân -Giáo viên: Lắng nghe, nhận xét câu trả lời của học sinh <p>Dự kiến sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nghệ thuật: Sử dụng cách diễn đạt ngắn gọn, cô đúc; sử dụng kết cấu diễn đạt theo kiểu đối xứng, nhân quả; tạo vần, nhịp cho câu văn dễ nhớ, dễ vận dụng. -Nội dung: Các câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất là những bài học quý giá của nhân dân ta. <p>3.Báo cáo sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi học sinh trả lời -Học sinh khác bổ sung 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung:khẳng định thứ tự các nghề mang lại lợi ích kinh tế lớn: thứ nhất là nghề đào ao thả cá, thứ nhì là làm vườn, thứ ba là làm ruộng <p><u>c. Câu 7:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phép liệt kê : - Nội dung: nghề trồng lúa cần phải đủ 4 yếu tố: Nước, phân, cần, giống trong đó quan trọng hàng đầu là nước. <p><u>d. Câu 8:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - cấu trúc đối xứng, vần lưng - Trồng trọt cần đảm bảo 2 yếu tố thời vụ và đất đai <p><u>III. Tổng kết:</u></p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngắn gọn,có vần nhịp, giàu hình ảnh. <p>2. Nội dung:</p> <p>Đúc kết kinh nghiệm quý về tự nhiên và lao động, sản xuất</p> <p>* Ghi nhớ (sgk)</p> <p><u>IV. Luyện tập</u></p>
--	--

<p>4. Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, đánh giá -Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức ghi bảng -HS đọc ghi nhớ. <p>HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu:Giúp học sinh tìm thêm các câu tục ngữ khác</p> <p>Phương pháp: Học sinh hoạt động cặp đôi</p> <p>Sản phẩm: Các câu tục ngữ học sinh tìm được</p> <p>Tiến trình</p> <p>1.GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV nêu yêu cầu:<i>Em hãy tìm thêm những câu tục ngữ về thiên nhiên mà em biết hoặc sưu tầm?</i> -HS lắng nghe tiếp nhận yêu cầu <p>2.Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi cặp đôi, thống nhất lựa chọn - GV lắng nghe <p>Dự kiến sản phẩm:</p> <p><i>Chuồn chuồn bay thấpthì râm.</i></p> <p><i>Cầu vồng cụt không lụt thì mưa.</i></p> <p><i>Trời đang nắng cỏ gà trắng thì mưa</i></p> <p><i>Qua tấm thì ráo, sáo tấm thì mưa....</i></p> <p><i>Chớp đông nhay nháy gà gáy thì mưa</i></p> <p>3.Báo cáo sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi các cặp đôi trình bày - Các cặp khác nhận xét bổ sung <p>4.Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giáo viên nhận xét, cho điểm 	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Mục tiêu:Học sinh vận dụng các câu tục ngữ đã học vào trong giao tiếp hàng ngày

Phương pháp: Học sinh hoạt động cá nhân

Sản phẩm: Các câu văn học sinh nói và viết

Tiến trình

1.GV chuyển giao nhiệm vụ

-GV nêu yêu cầu:*Em hãy đặt câu có sử dụng một trong những câu tục ngữ vừa học?*

-HS lắng nghe tiếp nhận yêu cầu

2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ đặt câu

- GV lắng nghe

Dự kiến sản phẩm:

- Ông cha ta luôn nhắc nhở: *tác đất tác vàng.*

- *Mai đi học con phải mang áo mưa vì mau sao thì nắng vắng sao thì mưa.*

.....

3. Báo cáo sản phẩm

- GV gọi HS trình bày

- Các cặp khác nhận xét bổ sung

- GV nhận xét

4. Đánh giá kết quả

-Giáo viên nhận xét, cho điểm

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Mục tiêu: Học sinh sưu tầm các câu tục ngữ về lao động sản xuất

Phương pháp: Dự án

Sản phẩm: Các câu tục ngữ HS sưu tầm

Tiến trình

1. GV chuyển giao nhiệm vụ

-GV nêu yêu cầu:*Em hãy sưu tầm những câu tục ngữ về lao động sản xuất?*

- Học thuộc lòng tất cả các câu tục ngữ trong bài học.

Chuẩn bị bài “ Chương trình địa phương (Phần văn và tập làm văn)”

2. Thực hiện nhiệm vụ

-HS về nhà học bài, sưu tầm

-Dự kiến sản phẩm:

- *Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang/Bao nhiêu tác đất tác vàng bấy nhiêu*

- *Người đẹp vì lụa lúa tốt vì phân*

- *Tốt lúa, tốt má, tốt mạ, tốt giống*

- *Một lượt tát , một bát cơm.*

-*Tháng hai trông cà tháng ba trông đỗ.*

- *Bao giờ đơm đóm bay ra/Hoa gạo rụng xuống bà già cắt chẵn.*

3. Báo cáo sản phẩm

- GV yêu cầu HS trình bày vào tiết học sau

- HS về nhà sưu tầm

4.Đánh giá kết quả

-Giáo viên nhắc nhở, hướng dẫn các nguồn sưu tầm

IV. Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

Tuần 19

Bài 18- Tiết 74: Tập làm văn
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG
(Phân Văn và Tập làm văn)

Tuần 19

Bài 18 – Tiết 75: Tập làm văn
TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Khái niệm văn bản nghị luận.
- Nhu cầu nghị luận trong đời sống.
- Những đặc điểm chung của văn bản nghị luận.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

Nhận biết văn bản nghị luận khi đọc sách, chuẩn bị để tiếp tục tìm hiểu sâu, kĩ hơn về kiểu văn bản quan trọng này.

3. Phẩm chất:

- Ý thức được ý nghĩa quan trọng của văn nghị luận để học tập nghiêm túc hơn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: - Một số bài nghị luận mẫu, SGK, giáo án, bảng phụ...

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Nghiên cứu tình huống
- Sản phẩm hoạt động: Trình bày được các lí do bạn Nam đi học muộn
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Nhiệm vụ: GV đưa tình huống Trong giờ sinh hoạt các bạn tranh cãi sôi nổi quanh việc có bầu Nam là học sinh ưu tú trong học kì I hay không. Vấn đề là có đôi lần Nam đã đi học muộn. Là bạn thân của Nam hiểu rõ lí do vì sao Nam đi muộn hãy chứng minh Giúp để Nam được bình chọn

- Phương án thực hiện:

+HS hoạt động cá nhân

+ Thời gian: 2 phút

- Dự kiến sản phẩm: Các cách xử lí tình huống của học sinh

2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh : Hoạt động cá nhân-> trình bày

-Giáo viên quan sát, động viên ghi nhận kết quả của học sinh

3. Báo cáo kết quả:

- GV gọi 1->2 học sinh trả lời.Các em khác bổ sung(nếu cần)

4. Nhận xét, đánh giá:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá:

=> Vào bài: Trong đời sống, đôi khi ta kể lại một câu chuyện, miêu tả một sự vật, sự việc hay bộc bạch những tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của mình qua các thể loại kể chuyện, miêu tả hay biểu cảm. Người ta thường bàn bạc, trao đổi những vấn đề có tính chất phân tích, giới thiệu hay nhận định. Đó là nhu cầu cần thiết của văn nghị luận. Vậy thế nào là văn nghị luận? Tiết học hôm nay chúng ta sẽ làm quen với thể loại này.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>HĐ 1: Nhu cầu nghị luận?</p> <p>- Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu nhu cầu nghị luận là vô cùng cần thiết trong cuộc sống</p> <p>- Phương pháp: thảo luận nhóm</p> <p>- Phương thức thực hiện:Hoạt động cặp đôi</p> <p>- Sản phẩm hoạt động:</p> <p>+ Câu trả lời của học sinh</p> <p>- Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <p>+ Học sinh tự đánh giá.</p>	<p>I. Nhu cầu nghị luận và văn bản nghị luận:</p> <p>1. Nhu cầu nghị luận:</p>

+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.
 + Giáo viên đánh giá.
 - Tiến trình hoạt động:
 1. Chuyển giao nhiệm vụ
 - Giáo viên yêu cầu: Em hiểu "nghị luận" là gì?
 Trong đời sống em có thường gặp các vấn đề và câu hỏi kiểu như dưới đây không? (- Vì sao em đi học? Vì sao con người cần phải có bạn? Theo em như thế nào là sống đẹp? Trẻ em hút thuốc lá là tốt hay xấu, lợi hay hại? 1) Gặp các vấn đề và câu hỏi loại đó, em có thể trả lời bằng các kiểu văn bản đã học như kể chuyện, miêu tả, biểu cảm hay không?) Để trả lời các câu hỏi đó cần sử dụng kiểu văn nào?
 - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện
 2. Thực hiện nhiệm vụ
 - Học sinh: suy nghĩ, trình bày
 - Giáo viên: Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày
 - Dự kiến sản phẩm:
 +Nghị luận: bàn bạc, trao đổi, thảo luận
 +Trong đời sống ta vẫn thường gặp những vấn đề như đã nêu trên, không thể trả lời bằng văn miêu tả hay tự sự
 +Các câu hỏi phải trả lời bằng lí lẽ, phù hợp => sử dụng văn nghị luận
 3. Báo cáo kết quả:
 - Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình
 - Học sinh khác bổ sung
 4. Đánh giá kết quả:
 - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá
 -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng
 Hs tự ghi vở

- Trong đời sống, khi gặp những vấn đề cần bàn bạc, trao

- GV bổ sung, nhấn mạnh:
 Tự sự là thuật lại, kể câu chuyện . Miêu tả là dựng chân dung cảnh, người, vật . Biểu cảm đánh giá đã ít nhiều cần dùng lí lẽ, lập luận nhưng chủ yếu vẫn là cảm xúc, tình cảm đều không có sức thuyết phục . Để trả lời những câu hỏi như thế, hàng ngày trên báo chí, qua đài phát thanh, truyền hình, ta thường gặp những kiểu văn bản : Xã luận, bình luận, bình luận thời sự, bình luận thể thao, tạp chí văn học, bài phát biểu ý kiến trên báo chí,.....)

HD 2: Khái niệm văn nghị luận

HS đọc văn bản: *Chống nạn thất học.*

- Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu thế nào là văn nghị luận .

- Phương pháp: Dạy học theo nhóm

- Phương thức thực hiện: Thảo luận nhóm

- Sản phẩm hoạt động:

+ Câu trả lời của học sinh trên giấy khổ lớn

- Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh tự đánh giá.

+ Các nhóm đánh giá lẫn nhau.

+ Giáo viên đánh giá.

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu: *Bác Hồ viết bài này để nhằm mục đích gì? Cụ thể Bác kêu gọi nhân dân làm gì? Xác định luận đề? Luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng của văn bản? Những luận điểm Bác đưa ra có rõ ràng và thuyết phục hay không? Bài phát biểu của Bác nhằm xác lập cho người đọc, người nghe những tư tưởng, quan điểm nào ? Từ đó em hãy rút ra đặc điểm văn nghị luận?*

đổi, phát biểu, bình luận, bày tỏ quan điểm ta thường sử dụng văn nghị luận.

⇒ Trong đời sống, ta thường gặp văn nghị luận dưới dạng các ý kiến nêu ra trong cuộc họp, các bài xã luận, bình luận, bài phát biểu ý kiến trên báo chí,...

2. Thế nào là văn nghị luận:

a. Ví dụ:

Văn bản: *Chống nạn thất học.*

- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Hoạt động cá nhân -> thảo luận nhóm -> trình bày

- Giáo viên: Quan sát, động viên, giúp đỡ, lắng nghe học sinh trình bày

- Dự kiến sản phẩm:

* Mục đích: chỉ ra tình trạng thất học. Kêu gọi, thuyết phục nhân dân chống nạn thất học

* Luận đề: Chống nạn thất học.

* Luận điểm:

+ Mọi người VN phải hiểu biết quyền lợi và bổn phận của mình là phải có kiến thức

+ Có kiến thức mới có thể tham gia vào công việc xây dựng nước nhà.

+ Biết đọc, viết, truyền bá chữ quốc ngữ, giúp đồng bào thoát nạn mù chữ.

* Lí lẽ:

+ Tình trạng thất học, lạc hậu trước CM/8 do Đế quốc gây nên.

+ Điều kiện trước hết cần phải có là nhân dân phải biết đọc, biết viết mới thanh toán được nạn dốt nát, lạc hậu.

+ Việc “chống nạn thất học” có thể thực hiện được vì nhân dân ta rất yêu nước và hiếu học.

* Tư tưởng, quan điểm: Bằng mọi cách phải chống nạn thất học để xây dựng nước nhà, giúp đất nước tiến bộ, phát triển.

3. Báo cáo kết quả:

- Học sinh trình bày ý kiến của mình trên giấy khổ lớn

- Học sinh nhóm khác bổ sung

4. Đánh giá kết quả:

- Luận đề: Chống nạn thất học.

- Luận điểm:

<p>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>Hs tự ghi vở</p> <p>- GV bổ sung, nhấn mạnh:</p> <p>Văn bản” <i>Chống nạn mù chữ</i>”Bác đã nêu ra một thực trạng là Pháp cai trị tiến hành chính sách ngu dân khiến 95% Người Việt Nam mù chữ ... Nay dành được độc lập phải nâng cao dân trí. Việc chống nạn mù chữ sẽ thực hiện được vì (Người biết chữ dạy cho người không biết. Người chưa biết gắng sức học. Người giàu có mở lớp học ở tư gia. Phụ nữ cần phải học để theo kịp nam giới.) . Vấn đề này không thể thực hiện bằng văn tự sự, miêu tả, biểu cảm. Vậy vấn đề này cần phải thực hiện bằng kiểu văn bản nghị luận.</p> <p><i>Em hiểu thế nào là văn nghị luận?</i></p> <p><i>Yêu cầu HS đọc ghi nhớ</i></p>	<p>+ Mọi người VN phải hiểu biết quyền lợi và bổn phận của mình là phải có kiến thức</p> <p>+ Có kiến thức mới có thể tham gia vào công việc xây dựng nước nhà.</p> <p>+ Biết đọc, viết, truyền bá chữ quốc ngữ, giúp đồng bào thoát nạn mù chữ.</p> <p>-> Lý lẽ, dẫn chứng thuyết phục.</p> <p>b. Kết luận:</p> <p>- Văn nghị luận: là văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe 1 tư tưởng, quan điểm nào đó. Muốn thế văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng, có lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục..</p> <p>3. Ghi nhớ (sgk)</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

Mục tiêu:Học sinh kể được một số tình huống trong đời sống cần dùng văn nghị luận

Phương pháp: Học sinh hoạt động cá nhân

Sản phẩm: Các tình huống họ sinh nêu ra

Tiến trình

1.GV chuyển giao nhiệm vụ

-GV nêu yêu cầu: *Tìm một số tình huống trong đời sống cần vận dụng văn nghị luận?*

-HS lắng nghe tiếp nhận yêu cầu

2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ , tìm tòi

- GV lắng nghe

Dự kiến sản phẩm:

- Bàn tác hại của việc ô nhiễm môi trường?

- Làm thế nào để giảm thiểu ách tắc giao thông?

- Thế nào là học tốt?

3. Báo cáo sản phẩm

- GV gọi HS trình bày

- HS nhận xét bổ sung

- GV nhận xét

4. Đánh giá kết quả

-Giáo viên nhận xét, cho điểm

HOẠT ĐỘNG 4: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

Mục tiêu: Học sinh tiếp tục tìm các tình huống, chuẩn bị câu hỏi tiết 2

Phương pháp: Học sinh chuẩn bị ở nhà

Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh vào tiết sau

Tiến trình

1. GV chuyển giao nhiệm vụ

-GV nêu yêu cầu: Em hãy tiếp tục tìm các tình huống trong cuộc sống cần phải dùng văn nghị luận?

- Chuẩn bị bài : Tìm hiểu chung về văn nghị luận (tiết 2)

2. Thực hiện nhiệm vụ

-HS về nhà học bài, sưu tầm

-Dự kiến sản phẩm: Các tình huống học sinh sưu tầm được

3. Báo cáo sản phẩm

- GV yêu cầu HS trình bày vào tiết học sau

- HS về nhà sưu tầm

4. Đánh giá kết quả

-Giáo viên nhắc nhở, hướng dẫn

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Bài 18 – Tiết 76: Tập làm văn
TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Khái niệm văn bản nghị luận.
- Nhu cầu nghị luận trong đời sống.
- Những đặc điểm chung của văn bản nghị luận.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

Nhận biết văn bản nghị luận khi đọc sách, chuẩn bị để tiếp tục tìm hiểu sâu, kỹ hơn về kiểu văn bản quan trọng này.

3. Phẩm chất:

- Ý thức được ý nghĩa quan trọng của văn nghị luận để học tập nghiêm túc hơn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: - Một số bài nghị luận mẫu, SGK, giáo án, bảng phụ...

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, hứng thú chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Nghiên cứu tình huống
- Sản phẩm hoạt động: Những lựa chọn của học sinh
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:
 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: GV đưa tình huống Trong những tình huống sau tình huống nào em có thể sử dụng văn nghị luận?

+Kể lại buổi chào cờ đầu tuần ở trường em?

+Tả lại một người thân yêu của em?

+Cảm nghĩ về ngôi trường em đang học?

+Bàn về lợi ích của bóng đá?

- Phương án thực hiện:

+HS hoạt động cá nhân

+ Thời gian: 2 phút

- Dự kiến sản phẩm: Các cách xử lý tình huống của học sinh(HS chọn tình huống 4)

2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh : Hoạt động cá nhân-> trình bày

-Giáo viên quan sát, động viên ghi nhận kết quả của học sinh

3. Báo cáo kết quả:

GV gọi 1->2 học sinh trả lời.Các em khác bổ sung(nếu cần)

4. Nhận xét, đánh giá:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá:

=> Vào bài: Như vậy qua tiết học trước các em đã có ý thức vận dụng văn nghị luận vào việc xử lý tình huống trong đời sống. Tiết học hôm nay các em sẽ tiếp tục vận dụng phần lí thuyết để giải quyết các bài tập về văn nghị luận.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1:Hướng dẫn học sinh làm bài tập 1 và 2 HS đọc văn bản: “ <i>Cần tạo ra.....xã hội</i> ” - Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu đặc điểm văn nghị luận thông qua việc tìm hiểu hệ thống:Luận điểm, lí lẽ,dẫn chứng của bài văn - Phương pháp: Dạy học theo nhóm - Phương thức thực hiện:Thảo luận nhóm - Sản phẩm hoạt động: + Câu trả lời của học sinh trên giấy khổ lớn - Phương án kiểm tra, đánh giá	<u>II. Luyện tập:</u> Bài 1+2 " Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội"

- + Học sinh tự đánh giá.
 - + Các nhóm đánh giá lẫn nhau.
 - + Giáo viên đánh giá.
 - Tiến trình hoạt động:
- 1. Chuyển giao nhiệm vụ*
- Giáo viên yêu cầu: *Đây có phải là bài văn nghị luận không? Vì sao? Tác giả đề xuất ý kiến gì? Những dòng câu nào thể hiện ý kiến đó? Để thuyết phục người đọc, tác giả nêu ra những lí lẽ và dẫn chứng nào? Em có nhận xét gì về những lí lẽ và dẫn chứng mà tác giả đưa ra ở đây? Từ đó em hãy tìm hiểu bố cục của bài văn trên?*
 - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện
- 2. Thực hiện nhiệm vụ*
- Học sinh: Hoạt động cá nhân → thảo luận nhóm → trình bày
 - Giáo viên: Quan sát, động viên, giúp đỡ, lắng nghe học sinh trình bày
 - Dự kiến sản phẩm:
- + Đây là bài văn nghị luận vì bàn về vấn đề đạo đức, xã hội (ngay nhan đề của bài đã có tính chất nghị luận)
 - + Tác giả đề xuất ý kiến: Tạo nên thói quen tốt như dậy sớm, luôn đúng hẹn, luôn đọc sách,... bỏ thói quen xấu như hay cáu giận, mất trật tự, vứt rác bừa bãi,...
 - + Lí lẽ:
 - . Cuộc sống có những thói quen tốt, có những thói quen xấu (thói quen tốt có lợi, thói quen xấu có hại)
 - . Thói quen rất khó sửa
 - . Thói quen xấu dễ nhiễm, thói quen tốt khó tạo
 - => mỗi người tự xem xét bản thân để tạo ra nếp sống văn minh...
 - + Dẫn chứng: thói quen gạt tàn bừa bãi ra nhà, thói quen vứt rác bừa bãi, cáu giận, hút thuốc....

-> Lí lẽ đưa ra rất thuyết phục, dẫn chứng rõ ràng, cụ thể, phong phú

**Bố cục: 3 phần.*

- MB: Tác giả nêu thói quen tốt và xấu, nói qua vài nét về thói quen tốt.

- TB: Tác giả kể ra thói quen xấu cần loại bỏ.

- KB: Nghị luận về tạo thói quen tốt rất khó, nhiễm thói quen xấu thì dễ, cần làm gì để tạo nếp sống văn minh.

3. Báo cáo kết quả:

- Học sinh trình bày ý kiến của mình trên giấy khổ lớn

- Học sinh nhóm khác bổ sung

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hs tự ghi vở

- Đây là bài văn nghị luận vì bàn về vấn đề lối sống đạo đức

-Đề xuất ý kiến: Tạo nhiều thói quen tốt , bỏ thói quen xấu từ những việc làm nhỏ

+ Lí lẽ: Thói quen xấu dễ nhiễm, tạo thói quen tốt rất khó. Nhưng mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem xét lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho XH.

+ Dẫn chứng: thói quen gạt tàn bừa bãi ra nhà, thói quen vứt rác bừa bãi...

**Bố cục: 3 phần.*

- MB: Giới thiệu thói quen tốt và xấu

- TB: Tác giả kể ra thói quen xấu cần loại bỏ.

- KB: Khẳng định tạo thói quen tốt rất khó, nhiễm thói

<p>- GV bổ sung, nhấn mạnh: Bài văn bàn về một vấn đề rất nhạy cảm không dễ giải quyết trong cuộc sống hiện đại. Nhiều thói quen tốt mất đi hoặc bị lãng quên, nhiều thói quen xấu mới nảy sinh và phát triển. Để giải quyết vấn đề này không thể một sớm một chiều. Nó cần tạo ra ý thức tự giác đồng bộ của toàn xã hội . Mỗi người, mỗi nhà, nhất là trong nhà trường và nơi công cộng hãy xây dựng nếp sống văn minh cho xã hội.</p> <p>Bước 2: Hướng dẫn học sinh làm bài tập 4</p> <p>Đọc bài văn “Hai biển hồ”</p> <p>- Mục tiêu: Giúp học sinh nhận diện một văn nghị luận</p> <p>- PP: Dạy học nêu vấn đề</p> <p>- Phương thức thực hiện:Hoạt động cặp đôi</p> <p>- Sản phẩm hoạt động:</p> <p>+ Câu trả lời của học sinh</p> <p>- Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <p>+ Học sinh tự đánh giá.</p> <p>+ Các nhóm đánh giá lẫn nhau.</p> <p>+ Giáo viên đánh giá.</p> <p>- Tiến trình hoạt động:</p> <p><i>1. Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- Giáo viên yêu cầu: Có ý kiến cho rằng</p> <p>a.Văn bản trên là văn bản miêu tả</p> <p>b.Kể chuyện hai biển hồ.</p> <p>c. Biểu cảm về hai biển hồ.</p> <p>d. Nghị luận về cuộc sống và hai cách sống thông qua kể chuyện hai biển hồ.</p> <p>Theo em ý kiến nào đúng? Vì sao?</p> <p>- H/S tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện</p> <p><i>2.Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>- H/S:Hoạt động cá nhân->thảo luận cặp đôi → trình bày</p>	<p>quen xấu thì dễ, cần làm gì để tạo nếp sống văn minh.</p> <p>Bài 4: Bài văn: <i>Hai biển hồ</i></p>
--	---

- Giáo viên: Quan sát, động viên, giúp đỡ, lắng nghe học sinh trình bày

- Dự kiến sản phẩm:

-> Câu trả lời d là đúng vì: Văn bản "Hai biển hồ" tả cuộc sống tự nhiên và con người quanh hồ nhưng mục đích là làm sáng tỏ về hai cách sống. Cách sống cá nhân và cách sống sẻ chia, hòa nhập. Cách sống cá nhân là cách sống thu mình, không quan hệ chẳng giao lưu thật đáng buồn và chết dần chết mòn. Còn cách sống sẻ chia, hòa nhập là cách sống mở rộng, cho đi mới làm cho tâm hồn con người phong phú tràn ngập niềm vui do đó là văn bản nghị luận

3. Báo cáo kết quả:

- Học sinh trình bày ý kiến của mình

- Học sinh nhóm khác bổ sung

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức

Văn bản nghị luận thường được trình bày chặt chẽ, rõ ràng, sáng sủa, trực tiếp và khúc triết nhưng cũng có khi được trình bày gián tiếp thông qua hình ảnh bóng bẩy. Vì vậy muốn xác định đúng kiểu văn bản các em cần bám vào mục đích, bố cục trình bày, diễn đạt của văn bản

Hs tự ghi vở

Là văn bản nghị luận trong đó mượn yếu tố tự sự, miêu tả để dẫn dắt đến việc bàn bạc, đánh giá: Hai cái hồ có ý nghĩa tượng trưng, từ đó mà nghĩ đến 2 cách sống của con người.

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

- Mục tiêu: Học sinh bước đầu viết được những đoạn văn nghị luận ngắn gắn với cuộc sống

- Phương pháp: Học sinh hoạt động cá nhân

- Sản phẩm: Bài viết của học sinh

Tiến trình

1. GV chuyển giao nhiệm vụ

-GV nêu yêu cầu: *Viết một đoạn văn nghị luận kêu gọi bạn bè giữ vệ sinh trường, lớp?*

-HS lắng nghe tiếp nhận yêu cầu

2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ ,thực hiện

- GV lắng nghe, sửa chữa góp ý cho học sinh.

Dự kiến sản phẩm:

VD:HS có thể viết đoạn văn dựa vào những gợi ý sau

-Nêu thực trạng việc giữ gìn vệ sinh trường lớp hiện nay

- Vai trò , ý nghĩa của việc giữ gìn vệ sinh

- Những giải pháp để nâng cao hiệu quả việc giữ gìn vệ sinh.

3. Báo cáo sản phẩm

- GV gọi HS trình bày

- HS nhận xét bổ sung

- GV nhận xét

4.Đánh giá kết quả: Giáo viên nhận xét, cho điểm

HOẠT ĐỘNG 4: TÌM TÀI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

- Mục tiêu:Học sinh tiếp tục sưu tầm các đoạn văn nghị luận mẫu

- Phương pháp: Học sinh chuẩn bị ở nhà

- Sản phẩm: Bài viết của học sinh vào tiết sau

Tiến trình

1.GV chuyển giao nhiệm vụ

-GV nêu yêu cầu:*Em hãy sưu tầm một số đoạn văn nghị luận?(Nội dung bài tập 3)*

- Chuẩn bị bài : Tìm hiểu chung về văn nghị luận (tiết 2)

2. Thực hiện nhiệm vụ

-HS về nhà học bài, sưu tầm

-Dự kiến sản phẩm:Các đoạn văn học sinh sưu tầm được

3. Báo cáo sản phẩm

- GV yêu cầu HS trình bày vào tiết học sau

- HS về nhà sưu tầm

4.Đánh giá kết quả

-Giáo viên nhắc nhở, hướng dẫn

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Tuần 20

Bài 19 – Tiết : VĂN BẢN:

TỤC NGỮ VỀ CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT :

Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

- Nội dung của tục ngữ về con người và xã hội.
- Đặc điểm hình thức của tục ngữ về con người và xã hội.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Củng cố, bổ sung thêm hiểu biết về tục ngữ.
- Đọc - hiểu, phân tích các lớp nghĩa của tục ngữ về con người và xã hội trong đời sống.
- Sử dụng tục ngữ đúng ngữ cảnh trong giao tiếp.

3. Phẩm chất: Yêu quý trân trọng những kinh nghiệm cha ông để lại và vận dụng vào cuộc sống thường ngày.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: phiếu học tập
- Giao nhiệm vụ chuẩn bị bài cụ thể cho học sinh

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Soạn bài
- Sưu tầm các câu tục ngữ cùng chủ đề

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm
- Sản phẩm hoạt động: Trình bày được các câu tục ngữ theo đúng yêu cầu
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Nhiệm vụ: Tìm và đọc các câu tục ngữ liên quan đến con người hoặc xã hội mà em đã biết, giải nghĩa sơ lược

- Phương án thực hiện:

+ Thực hiện trò chơi “Đố vui”

+ Luật chơi: Mỗi đội có 3 hs tham gia trong vòng 2 phút 2 đội lần lượt đọc các câu tục ngữ theo đúng chủ đề

- Thời gian: 2 phút

- Sản phẩm: Các câu tục ngữ về con người và xã hội

2. Thực hiện nhiệm vụ:

*. Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ lập đội chơi

+ chuẩn bị tinh thần thi đấu

+ thực hiện trò chơi theo đúng luật

* Giáo viên:

- Tổ chức cho hs chơi trò chơi

- Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh

- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu 2 đội lần lượt trình bày các câu tục ngữ theo đúng chủ đề. Hết tg thì dừng lại

3. Báo cáo kết quả:

- Học sinh mỗi đội thống kê và báo cáo số lượng câu tục ngữ đã đọc được trong thời gian quy định

4. Nhận xét, đánh giá:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá:

+ tinh thần, ý thức hoạt động học tập

+ kết quả làm việc

+ bổ sung thêm nội dung (nếu cần)

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
HD 1: Tìm hiểu chung (5 phút) - Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu chủ đề, cách	<u>I. Tìm hiểu chung:</u> 1. Chủ đề:

đọc và bố cục của văn bản

- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm

- Phương thức thực hiện:

+ Hoạt động cá nhân

+ Hoạt động nhóm

+ Hoạt động chung cả lớp

- Sản phẩm hoạt động:

+ nội dung hs trình bày

+ phiếu học tập của nhóm

- Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh tự đánh giá.

+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.

+ Giáo viên đánh giá.

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

NV1: Nội dung cơ bản của các câu tục ngữ trong văn bản là gì?

NV2: Nêu cách đọc văn bản?

NV3: Ta có thể chia các câu tục ngữ trong bài thành mấy nhóm ?

Hướng dẫn đọc: Giọng đọc rõ, chậm, ngắt nghỉ đúng dấu câu, chú ý vần, đối

- HS đọc, nhận xét cách đọc.

Giải thích từ khó.

- HS giải thích.

Hs hoạt động nhóm nhanh

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh:

NV1: Trình bày ý kiến cá nhân

NV2: Nêu cách đọc

NV3: Hoạt động nhóm và trình bày

- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện từng

NV

- Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày

- Dự kiến sản phẩm:

+ NV1: - Tục ngữ về con người và xã hội

+ NV2: Giọng đọc rõ, chậm, ngắt nghỉ đúng đầu câu, chú ý vần, đối

- HS đọc, nhận xét cách đọc.

+ NV 3: Chia 3 nhóm

3. Báo cáo kết quả:

NV1+ 2:

- Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình

- Học sinh khác bổ sung

NV3: Đại diện nhóm trình bày

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung:

=> Những bài học kinh nghiệm về con người và xã hội là một nội dung quan trọng của tục ngữ.

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

HD 2: Đọc, hiểu văn bản (25 phút)

- Mục tiêu: Giúp học sinh Tìm hiểu cụ thể nội dung, ý nghĩa, cách vận dụng từng câu tục ngữ

- Phương pháp: Dạy học nhóm kết hợp vấn đáp, thuyết trình

- Phương thức thực hiện:

- Tục ngữ về con người và xã hội

2. Đọc; Chú thích; Bố cục

- Bố cục: 3 nhóm:

+Tục ngữ về phẩm chất con người (câu 1 -> 3)

+ Tục ngữ về học tập tu dưỡng (câu 4 -> 6)

+ Tục ngữ về quan hệ ứng xử (câu 7-> 9).

II. Đọc, hiểu văn bản:

1. Tục ngữ về phẩm chất con người :

- + Hoạt động cá nhân
- + Hoạt động nhóm
- + Hoạt động chung cả lớp
- Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm
- Phương án kiểm tra, đánh giá
- + Học sinh tự đánh giá.
- + Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- + Giáo viên đánh giá.
- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động theo nhóm trên phiếu học tập tìm hiểu các câu tục ngữ theo 3 nhóm nội dung:

- +Tục ngữ về phẩm chất con người (câu 1 -> 3)
- + Tục ngữ về học tập tu dưỡng (câu 4 -> 6)
- + Tục ngữ về quan hệ ứng xử (câu 7-> 9).
- Cách làm: theo gợi ý trong phiếu học tập:
- + biện pháp nghệ thuật trong mỗi câu?
- + giải nghĩa mỗi câu?
- + nêu ý nghĩa hoặc cách vận dụng nó?

2.Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh:
 - + Bước 1: Hoạt động các nhân
 - + Bước 2: Tập hợp ý kiến, thống nhất theo nhóm
- HS đọc câu 1: " Một mặt người bằng mười mặt của.
"
- Em hiểu "mặt người", "mặt của" là gì?*
- Hs giải thích
- Câu tục ngữ có sử dụng những biện pháp tu từ gì? Tác dụng của các biện pháp tu từ đó ?*
- HS trả lời
- Một mặt người là cách nói hoán dụ dùng bộ

Câu 1:

<p>phận để chỉ toàn thể: của là của cái vật chất, mùi mắt của ý nói đến số của cái rất nhiều.</p> <p>-> Tạo điểm nhấn sinh động về từ ngữ và nhịp điệu.</p> <p><i>Câu tục ngữ có ý nghĩa gì?</i></p> <p>=> Khẳng định sự quý giá của người so với của.</p> <p><i>Câu tục ngữ cho ta kinh nghiệm gì?</i></p> <p>HS trả lời: Người quý hơn của.</p> <p><i>Câu tục ngữ này có thể ứng dụng trong những trường hợp nào ?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phê phán những trường hợp coi của hơn người hay an ủi động viên những trường hợp “của đi thay người”. - Nêu quan niệm cũ về việc sinh nhiều con <p><i>Em còn biết câu tục ngữ nào đề cao giá trị con người nữa không?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người ta là hoa đất. - Người sống đồng vàng. <p><i>Em hãy giải thích “góc con người” là như thế nào? Tại sao “cái răng cái tóc là góc con người”?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Góc tức là 1 phần của vẻ đẹp. So với toàn bộ con người thì răng và tóc chỉ là những chi tiết rất nhỏ, nhưng chính những chi tiết nhỏ nhất ấy lại làm nên vẻ đẹp con người. <p><i>Câu tục ngữ có ý nghĩa gì ?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời <p><i>Câu tục ngữ này có thể ứng dụng trong những trường hợp nào ?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc nhở con người giữ gìn răng và tóc - Nhìn nhận đánh giá con người 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân hoá, so sánh, hoán dụ, đối lập -> Khẳng định tư tưởng coi trọng giá trị của con người. <p>Câu 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyên mọi người hãy giữ gìn hình thức bên ngoài cho gọn gàng, sạch sẽ, vì hình thức bên ngoài thể hiện phần nào tính cách bên trong. <p>Câu 3:</p>
--	---

<p>Đói cho sạch, rách cho thơm.</p> <p><i>Các từ: Đói-sạch, rách-thơm được dùng với nghĩa như thế nào ?</i></p> <p>- Đói-rách là cách nói khái quát về cuộc sống khổ cực, thiếu thốn; sạch-thơm là chỉ phẩm giá trong sáng tốt đẹp mà con người cần phải giữ gìn.</p> <p><i>Hình thức của câu tục ngữ có gì đặc biệt? Tác dụng của hình thức này là gì ?</i></p> <p>- Có vần, có đối → làm cho câu tục ngữ cân đối, dễ thuộc, dễ nhớ.</p> <p><i>Câu tục ngữ có nghĩa như thế nào? (Gv giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng)</i></p> <p>- Nghĩa đen: dù đói vẫn phải ăn uống sạch sẽ, dù quần áo rách vẫn giữ cho sạch, cho thơm.</p> <p>- Nghĩa bóng: dù nghèo khổ thiếu thốn vẫn phải sống trong sạch; không phải vì nghèo khổ mà làm bừa, phạm tội.</p> <p><i>Câu tục ngữ cho ta bài học gì ?</i></p> <p>- Tự nhủ, tự răn bản thân; nhắc nhở người khác phải có lòng tự trọng.</p> <p><i>Trong dân gian còn có những câu tục ngữ nào đồng nghĩa với câu tục ngữ này?</i></p> <p>- Chết trong còn hơn sống đục; - Giấy rách phải giữ lấy lề</p> <p>HS đọc câu 4,5,6.</p> <p><i>Ba câu này có chung nội dung gì ?</i></p> <p>Hs trả lời</p> <p><i>Em có nhận xét gì về cách dùng từ trong câu 4?</i></p> <p><i>Tác dụng của cách dùng từ đó?</i></p> <p>Học ăn, học nói, học gói, học mở</p>	<p>- Có vần, có đối</p> <p>-> khuyên người ta dù đói khổ, thiếu thốn cần giữ lối sống trong sạch không làm việc xấu xa; Cần giữ gìn phẩm giá trong sạch, không vì nghèo khổ mà bán rẻ lương tâm, đạo đức.</p> <p>- Giáo dục con người lòng tự trọng biết vươn lên trên hoàn cảnh</p> <p>2. Tục ngữ về học tập, tu dưỡng</p> <p>Câu 4:</p> <p>- Điệp ngữ -> Nhấn mạnh việc học toàn diện, tỉ mỉ.</p>
--	---

- Điệp ngữ → Vừa nêu cụ thể những điều cần thiết mà con người phải học, vừa nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học.

Câu tục ngữ có ý nghĩa gì?

- Nói về sự tỉ mỉ công phu trong việc học hành. Ăn nói phải giữ phép tắc, phải biết học xung quanh, học để biết làm, biết giao tiếp với mọi người.

Bài học rút ra từ câu tục ngữ này là gì? Liên hệ?

- HS trả lời

- Liên hệ: Ăn trông nồi, ngồi trông hướng; Ăn tùy nơi, chơi tùy chốn; Một lời nói dối, sấm hối bảy ngày; Nói hay hơn hay nói.

Câu tục ngữ có ý nghĩa gì ?

- HS trả lời

Bài học nào được rút ra từ kinh nghiệm đó?

- Phải tìm thầy giỏi mới có cơ hội thành đạt; Không được quên công ơn của thầy.

HS đọc câu 6

- Câu tục ngữ có ý nghĩa gì ?

- HS trả lời

- Mục đích của cách nói đó là gì ?

- HS trả lời

- Câu 5,6 mâu thuẫn với nhau hay bổ sung cho nhau ? Vì sao ?

- 1 câu nhấn mạnh vai trò của người thầy, 1 câu nói về tầm quan trọng của việc học bạn. 2 câu không mâu thuẫn nhau mà chúng bổ sung ý nghĩa cho nhau để hoàn chỉnh quan niệm đúng đắn của người xưa: trong học tập vai trò

Câu 5: Không thầy đồ mà y làm nên.

- Ý nghĩa: Không có thầy dạy bảo sẽ không làm được việc gì thành công.

⇒ Khẳng định vai trò và công ơn của thầy.

Câu 6:

Học thầy không tày học bạn.

- Phải tích cực, chủ động học hỏi ở bạn bè.

⇒ Đề cao vai trò và ý nghĩa của việc học bạn.

3. Tục ngữ về quan hệ ứng xử

Câu 7:

Thương người như thể thương thân.

- Nhấn mạnh đối tượng cần sự

của thầy và bạn đều hết sức quan trọng.

HS đọc câu 7,8,9.

Giải nghĩa từ: Thương người, thương thân ?

- Thương người: tình thương dành cho người khác; thương thân: tình thương dành cho bản thân.

-Nghĩa của câu tục ngữ là gì ?

- Thương mình thế nào thì thương người thế ấy.

- Hai tiếng “thương người” đặt trước “thương thân”, đặt như vậy để nhằm mục đích gì ?

- HS trả lời

- Câu tục ngữ cho ta bài học gì ?

- HS trả lời

- Liên hệ?

- Lá lành đùm lá rách; Bầu ơi thương lấy....

HS đọc câu 8.

- Giải nghĩa từ : quả, cây, kẻ trồng cây ?

- Quả là hoa quả; cây là cây trồng sinh ra hoa quả; kẻ trồng cây là người trồng trọt, chăm sóc cây để cây ra hoa kết trái.

Nghĩa của câu tục ngữ là gì ? (Nghĩa đen, nghĩa bóng).

- Nghĩa đen: hoa quả ta dùng đều do công sức người trồng, vì vậy ta phải nhớ ơn họ.

Nghĩa bóng: cần trân trọng sức lao động của con người, không được lãng phí. Biết ơn người đi trước, không được phản bội quá khứ.

- Câu tục ngữ được sử dụng trong những hoàn cảnh nào ?

đồng cảm, thương yêu.

⇒ Hãy cư xử với nhau bằng lòng nhân ái và đức vị tha. Không nên sống ích kỉ.

Câu 8:

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

- Khi được hưởng thụ thành quả nào thì ta phải nhớ đến công ơn của người đã gây dựng nên thành quả đó.

Câu 9:

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

- Chia rẽ thì yếu, đoàn kết thì mạnh; 1 người không thể làm nên việc lớn, nhiều người hợp

<p>- Thể hiện tình cảm của con cháu đối với ông bà, cha mẹ; của học trò đối với thầy cô giáo. Lòng biết ơn của nhân dân đối với các anh hùng liệt sĩ đã chiến đấu hi sinh để bảo vệ đất nước.</p> <p>- <i>Liên hệ?</i></p> <p>- Uống nước nhớ nguồn.</p> <p>HS đọc câu 9</p> <p><i>Nghiã của câu 9 là gì ?</i></p> <p>- 1 cây đơn lẻ không làm thành rừng núi; nhiều cây gộp lại thành rừng rậm, núi cao.</p> <p><i>Câu tục ngữ cho ta bài học kinh nghiệm gì ?</i></p> <p>- HS trả lời (Tránh lối sống cá nhân; cần có tinh thần tập thể trong lối sống và làm việc).</p> <p>- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Quan sát, động viên, hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Dự kiến sản phẩm: Phiếu học tập hoàn chỉnh</p> <p>3. Báo cáo kết quả:</p> <p>Đại diện nhóm 1 trình bày 3 câu đầu</p> <p>- Đại diện nhóm 2 trình bày câu 4,5,6</p> <p>- Đại diện nhóm 3 trình bày câu 7,8,9</p> <p>=> Các nhóm khác lắng nghe</p> <p>4. Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung:</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p><i>Về hình thức những câu tục ngữ này có gì đặc biệt ?</i></p> <p>- Sử dụng cách diễn đạt ngắn gọn, cô đúc; Sử dụng các phép so sánh, ẩn dụ, đối, điệp từ,</p>	<p>sức lại sẽ giải quyết được những khó khăn trở ngại dù là to</p> <p>III. Tổng kết:</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <p>2. Ý nghĩa:</p> <p>* Ghi nhớ: sgk/ Tr13</p>
---	---

ngữ...; Tạo văn, nhịp cho câu văn dễ nhớ, dễ vận dụng.

Chín câu tục ngữ trong bài đã cho ta hiểu gì về quan điểm của người xưa ?

- Không ít câu tục ngữ là những kinh nghiệm quý báu của nhân dân ta về cách sống, cách đối nhân, xử thế.

-HS đọc ghi nhớ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, củng cố: (5 phút)

1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức vừa học
2. Phương thức thực hiện: Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.
3. Sản phẩm hoạt động: Bài viết của học sinh
4. Phương án kiểm tra, đánh giá: Giáo viên đánh giá học sinh
5. Tiến trình hoạt động

***Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên giao nhiệm vụ: Trình bày cảm nhận của em về một trong số các câu tục ngữ mà em vừa học một cách ngắn gọn

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Trình bày trên giấy nháp

- Giáo viên: Giáo viên quan sát, động viên học sinh

- Dự kiến sản phẩm: Một đoạn văn nêu đủ nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của 1 câu tục ngữ

***Báo cáo kết quả**

Giáo viên gọi 2 đến 3 học sinh trình bày trước lớp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, nhấn mạnh yêu cầu

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Giúp học sinh biết vận dụng linh hoạt kiến thức vừa học vào thực tế đời sống
2. Phương thức thực hiện: Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.
3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày của học sinh
4. Phương án kiểm tra, đánh giá: Học sinh đánh giá Hs, Gv đánh giá Hs
5. Tiến trình hoạt động:

Hãy tìm một tình huống mà em có thể một vận dụng một câu tục ngữ trong bài cho hợp lí?

Hs nêu tình huống và giải thích

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Tìm câu tục ngữ gần nghĩa, câu tục ngữ trái nghĩa với một vài câu tục ngữ trong bài học.

- Đọc thêm và tìm hiểu ý nghĩa của các câu tục ngữ Việt Nam và nước ngoài.

- Tìm những câu tục ngữ Việt Nam có ý nghĩa gần gũi với những câu tục ngữ nước ngoài trên.

*Chuẩn bị bài “Rút gọn câu”

IV. Rút kinh nghiệm:

Tuần 20

Bài 19 – Tiết : Tiếng Việt: RÚT GỌN CÂU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Khái niệm câu rút gọn.
- Tác dụng của việc rút gọn câu.
- Cách dùng câu rút gọn.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết và phân tích câu rút gọn.
- Rút gọn câu phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.
- Sử dụng câu rút gọn trong việc tạo lập văn bản đạt hiệu quả diễn đạt.

3. Phẩm chất:

- Chăm học, ý thức việc tìm tòi, học hỏi, vận dụng kiến thức đã học trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: sgk, phiếu học tập
- Giao nhiệm vụ chuẩn bị bài cụ thể cho học sinh

2. Chuẩn bị của học sinh: Soạn bài: Nghiên cứu trả lời các câu hỏi sgk

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh, giúp học sinh kết nối kiến thức đã có và kiến thức mới nảy sinh nhu cầu tìm hiểu kiến thức

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Học sinh trình bày miệng - Gv ghi lên bảng phụ

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá học sinh

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv đưa một số câu yêu cầu học sinh xác định CN, VN?

a) Mẹ mua cho em mấy quyển vở mới.

b) Buổi sáng, em đi học, chiều em tự ôn bài.

c) Hàng cây bị bão quật đổ ngã nghiêng.

d) Về thôi.

- Học sinh tiếp nhận: Quan sát các câu Vd trên bảng phụ

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: Phân tích cấu trúc câu trên giấy nháp theo yêu cầu

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

- Dự kiến sản phẩm: Các câu đã phân tích ngữ pháp

*** Báo cáo kết quả:**

- Học sinh lần lượt trình bày các câu đã phân tích ngữ pháp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Trong các câu trên câu 4 không có CN. Những câu như vậy được gọi là câu rút gọn. Vậy đặc điểm và cách dùng chúng như thế nào chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
1. Mục tiêu: - HS nắm được khái niệm câu rút gọn . - Hiểu được tác dụng của rút gọn câu.	<u>A. Bài học:</u> <u>I. Thế nào là rút gọn câu:</u>

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân
- Hoạt động nhóm, kỹ thuật khăn trải bàn
- Hoạt động chung cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động

- Phiếu học tập cá nhân
- Phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên treo bảng phụ chứa ví dụ sgk
- Phát phiếu học tập
- Nêu yêu cầu: hs thảo luận nhóm (2 bàn một nhóm)

*. VD1:

- *Cấu tạo của 2 câu ở vd₁ có gì khác nhau?*
- *Từ "chúng ta" đóng vai trò gì trong câu?*
- *Như vậy 2 câu này khác nhau ở chỗ nào? Tìm những từ ngữ có thể làm CN trong câu a?*
- *Theo em, vì sao CN trong câu a được lược bỏ ?*

*. VD 2:

- *Trong những câu in đậm dưới đây, thành phần nào của câu được lược bỏ?*
- *Thêm những từ ngữ thích hợp vào các câu in đậm để chúng được đầy đủ nghĩa?*
- *Tại sao có thể lược như vậy ?*
- Học sinh tiếp nhận yêu cầu: quan sát, lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: + Làm việc các nhân
- + trao đổi trong nhóm, thống nhất ý kiến vào phiếu học tập...
- Giáo viên: Quan sát, đôn đốc, nhắc nhở, động viên

1. Ví dụ:

và hỗ trợ hs khi cần

- Dự kiến sản phẩm: Phiếu học tập của mỗi nhóm đã trả lời đủ các câu hỏi

***Báo cáo kết quả:**

- Giáo viên gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả

- Nhóm khác bổ sung

***. VD1:**

Cấu tạo của 2 câu ở vd₁ có gì khác nhau?

- Câu b có thêm từ *chúng ta*.

Từ "chúng ta" đóng vai trò gì trong câu?

- Làm CN

Như vậy 2 câu này khác nhau ở chỗ nào ?

- Câu a vắng CN, câu b có CN.

Tìm những từ ngữ có thể làm CN trong câu a?

- Chúng ta, chúng em, người ta, người VN.

Theo em, vì sao CN trong câu a được lược bỏ ?

- Vì câu tục ngữ là lời khuyên chung cho tất cả mọi người dân Việt Nam, là lời nhắc nhở mang tính đạo lý truyền thống của dân tộc Việt Nam

***. VD2:**

Trong những câu in đậm dưới đây, thành phần nào của câu được lược bỏ?

- Câu a lược VN; Câu b lược cả CN, VN

Thêm những từ ngữ thích hợp vào các câu in đậm để chúng được đầy đủ nghĩa?

a. → Rồi ba bốn người, sáu bảy người / đuổi theo nó.

b. → Ngày mai, tới / đi Hà Nội

Tại sao có thể lược như vậy ?

- HS trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

2. Nhận xét:

VD 1:

a. Học ăn, học nói, học gói, học mở. VN

b. Chúng ta / học ăn, học nói, CN VN

học gói, học mở

-> (a) lược bỏ chủ ngữ.

(b) có CN

- Thêm CN vào câu (a) : Chúng ta, chúng em, người ta, người VN.

<=> (a) lược bỏ chủ ngữ -> Ngụ ý hành động, đặc điểm nói trong câu là của chung mọi người.

*Ví dụ₂:

a, Hai ba người đuổi theo nó. **Rồi ba bốn người, sáu bảy người.** → lược VN.

b, Bao giờ cậu đi Hà Nội ?

- **Ngày mai.** → lược cả CN và VN.

=> Làm cho câu gọn hơn, nhưng vẫn đảm bảo lượng thông tin truyền đạt.

Thế nào là rút gọn câu?

Rút gọn câu để nhằm mục đích gì ?

HS đọc ghi nhớ₁.

Gv chuyển ý sang nội dung tiếp theo của bài học

1. Mục tiêu: Học sinh nắm vững được cách dùng câu rút gọn.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân

- Học sinh trao đổi cặp đôi

- Hoạt động chung cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: phần trình bày miệng của học sinh trước lớp hoặc trên bảng phụ

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Nêu yêu cầu hs quan sát ví dụ, phân tích câu trả lời câu hỏi

Những câu in đậm thiếu thành phần nào?

Có nên rút gọn câu như vậy không ? Vì sao ?

- Học sinh tiếp nhận yêu cầu: quan sát, lắng nghe

NV2: Hs trao đổi cặp đôi

Em có nhận xét gì về câu trả lời của người con ?

*** Kết luận:**

- Rút gọn câu là lược bỏ 1 số thành phần của câu

- Mục đích:

+ làm cho câu gọn hơn, thông tin nhanh, tránh lặp từ

+ ngụ ý hành động, đặc điểm nói trong câu là của chung mọi người.

3. Ghi nhớ: SGK (15).

II. Cách dùng câu rút gọn:

1. Ví dụ:

Ta cần thêm những từ ngữ nào vào câu rút gọn dưới đây vd 1,2?

***Thực hiện nhiệm vụ**

NV1:

- Học sinh:

+ Làm việc các nhân

+ trình bày trước lớp

NV2:

Hs trao đổi cặp đôi

- Giáo viên: Quan sát, vấn đáp, động viên và hỗ trợ hs khi cần

- Dự kiến sản phẩm:

Những câu in đậm thiếu thành phần nào?

→ Thiếu CN

Có nên rút gọn câu như vậy không? Vì sao?

- Không nên → Làm cho câu khó hiểu.

Em có nhận xét gì về câu trả lời của người con?

-> Câu trả lời của người con chưa được lễ phép.

Ta cần thêm những từ ngữ nào vào câu rút gọn dưới đây vd 1,2?

- Thêm thành phần:

+ VD1: CN: em, các bạn nữ, các bạn nam,...

+ VD2: Từ biểu cảm: mẹ ạ, thưa mẹ, ạ.

***Báo cáo kết quả:**

- Giáo viên gọi hs trình bày ý kiến - học sinh khác bổ sung hoặc nêu ý kiến của mình kết quả

- Nhóm cặp trình bày kết quả trao đổi, cặp khác bổ sung

Gv lưu ý ở VD 2:

=> Do đó các em cần lưu ý không nên rút gọn câu tùy tiện nhất là khi giao tiếp với người lớn, người bề trên (ông, bà, cha mẹ, thầy, cô ...) nếu dùng thì phải kèm theo từ tình thái : dạ, ạ, ... để tỏ ý thành kính.

***Đánh giá kết quả**

2. Nhận xét:

VD 1: **Chạy loăng quăng. Nhảy dây. Chơi kéo co.**

→ Thiếu CN → Làm cho câu khó hiểu.

VD 2: **Bài kiểm tra toán.**

-> Sắc thái biểu cảm chưa phù hợp.

VD1, VD2 => Không nên rút gọn câu.

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Khi rút gọn câu cần chú ý gì?

- Không làm cho người nghe, người đọc hiểu sai hoặc không hiểu đầy đủ nội dung câu nói; Không biến câu nói thành một câu cộc lốc, khiếm nhã.

HS đọc ghi nhớ₂

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng những kiến thức vừa tiếp thu về câu rút gọn để giải quyết các dạng bài tập liên quan

2. Phương thức thực hiện: Kết hợp hoạt động các nhân, hoạt động cặp đôi, hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động:

- + Phần trình bày miệng
- + Trình bày trên bảng
- + Trình bày trên phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động (lần lượt thực hiện các bài tập

Bài 1:

- HS đọc bài 1, nêu yêu cầu của bài tập

Cách thực hiện: Học sinh làm việc cá nhân - trình bày miệng trước lớp

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung
- Gv chốt phương án đúng

Trong các câu tục ngữ sau, câu nào là câu rút gọn ?

***. Kết luận:**

Khi rút gọn câu cần chú ý:

- Không làm cho người đọc, người nghe hiểu sai hoặc hiểu không đầy đủ nội dung
- Không biến câu nói thành cộc lốc khiếm nhã

3. Ghi nhớ₂: sgk (16).

B. Luyện tập:

Bài 1 (16):

- b. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
- c. Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi

- HS trả lời

Những thành phần nào của câu được rút gọn ? Rút gọn như vậy để làm gì ?

- HS trả lời

Em hãy thêm CN vào 2 câu tục ngữ trên ?

- Câu b: chúng ta, câu c: người ta, (ai).

Bài 2:

- HS đọc bài 1, nêu yêu cầu của bài tập

- Yêu cầu hoạt động nhóm trên phiếu học tập:

Hãy tìm câu rút gọn trong các ví dụ dưới đây ?

Khôi phục những thành phần câu rút gọn ?

- Cách thực hiện: Học sinh làm việc cá nhân -> làm việc nhóm -> thống nhất kết quả vào phiếu học tập -> đại diện trình bày trước lớp

- Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung

- Gv chốt phương án đúng

Bài 3: Trao đổi cặp đôi

Cho biết vì sao trong thơ, ca dao thường có nhiều câu rút gọn như vậy ?

- HS phát biểu, GV nhận xét

tầm ăn cơm đứng.

Câu b, c → Rút gọn CN

- Mục đích: những câu tục ngữ nêu quy tắc ứng xử chung cho mọi người nên có thể rút gọn chủ ngữ, làm cho câu trở nên gọn hơn..

Bài 2 (16):

a. Tôi bước tới...

Tôi dừng chân...

Tôi cảm thấy chỉ có một mảnh...

→ Những câu trên thiếu CN, câu cuối thiếu cả CN và VN chỉ có thành phần phụ ngữ.

b. Thiếu CN (trừ câu 7 là đủ CV, VN).

- Người ta đồn rằng...

Quan tướng cười ngạ...

Người ta ban khen...

Người ta ban cho...

Quan tướng đánh giặc...

Quan tướng xông vào...

Quan tướng trở về gọi mẹ...

→ Làm cho câu thơ ngắn gọn, xúc tích, tăng sức biểu cảm.

Bài tập 3:

Cậu bé và người khách trong câu chuyện hiểu lầm nhau bởi vì cậu bé khi trả lời người khách đã dùng ba câu rút gọn

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng, thể nghiệm giá trị đã được học vào trong cuộc sống thực tiễn ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ: Nêu một số trường hợp có thể sử dụng hoặc không nên sử dụng câu rút gọn khi giao tiếp ở trường, ở nhà?

- Hs tìm và nêu trường hợp cụ thể

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu: khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân ở nhà

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày trên giấy của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

- Tìm một số câu ca dao, tục ngữ có sử dụng câu rút gọn.

- Tìm ví dụ về việc sử dụng câu rút gọn thành câu cộc lốc, khiếm nhã.

*học sinh thực hiện ở nhà nộp kết quả vào tiết sau

Gv nhắc học sinh: Chuẩn bị bài “ Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”.

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Tuần 20

Bài 19 – Tiết : Đọc – Hiểu văn bản

TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nét đẹp truyền thống yêu nước của nhân dân ta.
- Đặc điểm nghệ thuật văn nghị luận Hồ Chí Minh qua văn bản.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết văn bản nghị luận xã hội.
- Đọc – hiểu văn bản nghị luận xã hội.
- Chọn, trình bày dẫn chứng trong tạo lập văn bản nghị luận chứng minh.

3. Phẩm chất:

Yêu nước biết quý trọng giữ gìn phát huy truyền thống của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: sgk, phiếu học tập, tiểu sử Hồ Chí Minh
- Giao nhiệm vụ chuẩn bị bài cụ thể cho học sinh

2. Chuẩn bị của học sinh: Soạn bài: Nghiên cứu trả lời các câu hỏi sgk

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: - Tạo tâm thế cho học sinh, gây hứng thú, kích thích sự tò mò muốn được khám phá kiến thức

- Kết nối kiến thức đã có với kiến thức mới

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Hs trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá: Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu:

+ Kể tên một văn bản em đã học ở lớp 6 viết về lòng yêu nước và cho biết cảm xúc, ấn tượng sâu sắc mà văn bản đó để lại cho em?

+ Em thấy văn bản đó và văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” có điểm gì giống nhau?

- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe và suy nghĩ

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: Suy nghĩ, trả lời

- Giáo viên: Lắng nghe, nhận xét

- Dự kiến sản phẩm:

+ Văn bản “Lòng yêu nước” của I.Ê-ren-bua -> chân lí của lòng yêu nước và lòng yêu nước luôn tồn tại trong trái tim mỗi công dân

+ Điểm giống: Cùng đề cập đến lòng yêu nước và chỉ ra nó được khơi dậy mạnh mẽ khi Tổ quốc lâm nguy....

*** Báo cáo kết quả**

- một số học sinh trình bày ý kiến của mình trước lớp

*** Đánh giá kết quả**

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Đúng như các em vừa trình bày tinh thần yêu nước là một giá trị tinh thần cao quý của mỗi dân tộc. Ở mỗi thời đại, hoàn cảnh biểu hiện của nó cũng rất đa dạng. Trong văn bản “*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*” mà chúng ta tìm hiểu hôm nay Hồ Chí Minh đã đưa ra một nhận định xác đáng về tinh thần này dưới một văn bản nghị luận chặt chẽ giàu sức thuyết phục. Vì vậy trong tiết học này chúng ta cần:

(->Giáo viên nêu mục tiêu bài học)

- Hiểu được nét đẹp truyền thống yêu nước của nhân dân ta.

- Đặc điểm nghệ thuật văn nghị luận Hồ Chí Minh qua văn bản.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu tác giả, văn bản</p> <p>- Mục tiêu: Học sinh nắm được những nét cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch HCM cũng như hoàn cảnh ra đời, thể loại, cách đọc, bố cục văn bản</p> <p>- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm</p> <p>- Phương thức thực hiện:</p> <p>+ Hoạt động cá nhân</p> <p>+ Hoạt động nhóm</p>	<p><u>I. Tìm hiểu chung:</u></p>

<p>+ Hoạt động chung cả lớp</p> <p>- Sản phẩm hoạt động:</p> <p>+ nội dung hs trình bày miệng</p> <p>+ phiếu học tập của nhóm</p> <p>- Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <p>+ Học sinh tự đánh giá.</p> <p>+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.</p> <p>+ Giáo viên đánh giá.</p> <p>- Tiến trình hoạt động:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>NV1: Nhắc lại những nét chính về tác giả Hồ Chí Minh</p> <p>NV2: Nêu xuất xứ, thể loại, cách đọc văn bản?</p> <p>-> Học sinh làm việc cá nhân</p> <p>- NV3: Hoạt động nhóm nêu bố cục văn bản</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh:</p> <p>NV1: Trình bày ý kiến cá nhân</p> <p>NV2: Nêu cách đọc</p> <p>NV3: Hoạt động nhóm và trình bày</p> <p>- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện từng NV</p> <p>- Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>+ Vài nét về tiểu sử HCM</p> <p>+ Xuất xứ, thể loại văn bản</p> <p>+ Cách đọc văn bản</p> <p>+ Bố cục văn bản</p> <p>3. Báo cáo kết quả:</p> <p>NV1+ 2:</p> <p>- Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình</p> <p>- Học sinh khác bổ sung</p> <p>NV3: Đại diện nhóm trình bày</p>	<p>1. Tác giả</p> <p>- Hồ Chí Minh (1890-1969)</p> <p>- Quê ở làng Sen - Kim Liên-</p>
--	---

<p>-Nhóm khác bổ sung</p> <p>Cụ thể:</p> <p><i>Em đã được biết về tác giả HCM qua bài thơ nào? Em hãy giới thiệu 1 vài nét về tác giả HCM?</i></p> <p>Văn chính luận chiếm một vị trí quan trọng trong sự nghiệp văn thơ Hồ Chí Minh.</p> <p><i>- Dựa vào c.thích (*), em hãy nêu xuất xứ của văn bản?</i></p> <p>=> Trong bản báo cáo Bác nêu quan điểm yêu nước là truyền thống quý báu đáng tự hào của nhân dân ta được hình thành qua trường kì lịch sử và ngày càng được bồi đắp thêm. Hiểu rõ và phát huy truyền thống đó trong hoàn cảnh kháng chiến chống kẻ thù xâm lược là một việc hết sức quan trọng.</p> <p><i>Văn bản thuộc thể loại gì?</i></p> <p>- HS trả lời</p> <p>- Học sinh tự nêu cách đọc, GV hướng dẫn đọc: Giọng to rõ ràng mạch lạc, dứt khoát nhưng tình cảm.</p> <p>- GV đọc mẫu, gọi hs đọc</p> <p>- Học sinh đọc -> nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét, sửa chữa.</p> <p><i>Giải thích nghĩa từ “quyên”; “nồng nàn”?</i></p> <p>- HS đọc các từ khó còn lại</p> <p><i>Bài văn nghị luận về vấn đề gì?</i></p> <p>- Lòng yêu nước của nhân dân ta.</p> <p><i>Câu văn nào giữ vai trò là câu chốt đầu tóm ND vấn đề nghị luận trong bài?</i></p> <p>- Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.</p> <p>Hs thảo luận nhóm: <i>Tìm bố cục bài văn và lập dàn ý theo trình tự lập luận trong bài?</i></p>	<p>Nam Đàn - Nghệ An</p> <p>- Là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc</p> <p>2. Văn bản:</p> <p><i>a. Xuất xứ, thể loại:</i></p> <p>- Bài văn trích trong "Báo cáo chính trị" của Chủ tịch HCM tại Đại hội lần thứ II, tháng 2/1951 của Đảng LĐ VN.</p> <p><i>- Thể loại:</i> Nghị luận xã hội (chứng minh một vấn đề chính trị xã hội).</p> <p><i>b. Đọc, chú thích, bố cục</i></p> <p>- Bố cục: 3 phần.</p> <p>+ MB (Đ1): Nhận định chung về lòng yêu nước.</p> <p>+ TB (Đ2,3): CM những biểu hiện của lòng yêu nước</p> <p>+ KB (Đ4): Nhiệm vụ của chúng ta.</p> <p><u>II. Đọc, hiểu văn bản:</u></p>
--	--

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
- Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung:
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

HD 2: Đọc, hiểu văn bản

- Mục tiêu chung: Hiểu được nét đẹp truyền thống yêu nước của nhân dân ta.
- + Đặc điểm nghệ thuật văn nghị luận HCM qua văn bản.
- + Nhận biết văn bản nghị luận xã hội.
- + Đọc, hiểu văn bản nghị luận xã hội.
- + Chọn, trình bày dẫn chứng trong tạo lập văn bản nghị luận chứng minh.

Mục tiêu phần 1: Học sinh nắm được nhận định chung về lòng yêu nước, cách nêu nhận định trong văn nghị luận

- PP: Vấn đáp, thuyết trình kết hợp trao đổi cặp đôi

- Phương thức thực hiện:

- + Hoạt động cá nhân
- + Hoạt động cặp đôi
- + Hoạt động chung cả lớp

- Sản phẩm hoạt động:

- + nội dung hs trình bày miệng
- Phương án kiểm tra, đánh giá
- + Học sinh đánh giá lẫn nhau.

+ Giáo viên đánh giá.

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

NV1: Hoạt động cá nhân

HS đọc đoạn 1

1. Nhận định chung về lòng yêu nước:

Đoạn 1 nêu nội dung gì ?

Ngay ở phần MB, HCM trong cương vị Chủ tịch nước đã thay mặt toàn Đảng toàn dân ta khẳng định 1 chân lí, đó là chân lí gì?

Em có nhận xét gì về cách viết câu văn của tác giả ?

Cách nêu luận điểm của tác giả HCM có gì đặc biệt ?

Lòng yêu nước của nhân dân ta được nhấn mạnh trên lĩnh vực nào? Vì sao ?

NV2: Trao đổi cặp đôi trả lời các câu hỏi

Câu 1: Em hãy tìm những hình ảnh nổi bật nhất được tác giả dùng để diễn tả lòng yêu nước trong đoạn văn? Cách nêu hình ảnh?

Câu 2: Em có nhận xét gì về cách dùng từ của tác giả? Nêu tác dụng của cách dùng từ đó ?

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh:

NV1: Trình bày ý kiến cá nhân

NV3: Hoạt động cặp đôi và trình bày

- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện từng NV

- Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày

- Dự kiến sản phẩm:

+ Nêu được luận điểm của bài văn (Nhận định chung về lòng yêu nước)

+ Cách trình bày luận điểm

+ ý nghĩa của luận điểm

3. Báo cáo kết quả:

Học sinh báo cáo kết quả làm việc theo từng nhiệm vụ được giao

- Báo cáo kết quả làm việc cá nhân

HS đọc đoạn 1.

Đoạn 1 nêu nội dung gì ?

Hs nêu

Ngay ở phần MB, HCM trong cương vị Chủ tịch nước đã thay mặt toàn Đảng toàn dân ta khẳng định 1 chân lí, đó là chân lí gì?

- HS trả lời: Dân ta có 1 lòng nồng nàn yêu nước, đó là truyền thống quý báu của ta.

Em có nhận xét gì về cách viết câu văn của tác giả ?

- Lời văn ngắn gọn, vừa phản ánh LS, vừa nhìn nhận đánh giá và nêu cảm xúc về LS, về đạo lí của DT.

Cách nêu luận điểm của tác giả HCM có gì đặc biệt ?

- HS trả lời: nêu luận điểm ngắn gọn, giản dị, mang tính thuyết phục cao

Lòng yêu nước của nhân dân ta được nhấn mạnh trên lĩnh vực nào? Vì sao ?

- Đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Vì đặc điểm LS của DT ta luôn phải chống ngoại xâm nên cần đến lòng yêu nước.

- Báo cáo kết quả trao đổi cặp đôi:

Em hãy tìm những hình ảnh nổi bật nhất được tác giả dùng để diễn tả lòng yêu nước trong đoạn văn? Cách nêu hình ảnh?

- Nó kết thành...lũ cướp nước.

Em có nhận xét gì về cách dùng từ của tác giả?

Nêu tác dụng của cách dùng từ đó ?

- Lặp lại nhiều lần đại từ nó (tức lòng yêu nước); các động từ mạnh dùng liên tiếp (kết thành, lướt qua, nhấn chìm).

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung:

- Cách nêu luận điểm ngắn gọn, giản dị, mang tính thuyết phục cao khẳng định chân lí: Dân ta có 1 lòng nồng nàn yêu nước, đó là truyền thống quý báu của ta.

- Hình ảnh so sánh, điệp ngữ kết hợp với động từ, tính từ
-> diễn tả đúng hình ảnh và sức công phá của làn sóng yêu nước

<=> Gọi tả sức mạnh của lòng yêu nước, tạo khí thế mạnh mẽ cho câu văn, thuyết phục người đọc.

2. Chứng minh những biểu hiện của lòng yêu nước:

a. Lòng yêu nước trong lịch sử thời quá khứ:

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

- **Mục tiêu của phần 2 văn bản:** Học sinh nắm được những biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước qua hệ thống dẫn chứng toàn diện của tác giả; thấy được cách trình bày dẫn chứng trong văn bản nghị luận thuyết phục

- Phương thức thực hiện:

+ Hoạt động nhóm, kĩ thuật sơ đồ tư duy

+ Hoạt động chung cả lớp

- Sản phẩm hoạt động: Phiếu học của nhóm được chuẩn bị trước ở nhà

- Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh tự đánh giá.

+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.

+ Giáo viên đánh giá.

- Tiến trình hoạt động

1. Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu học sinh làm dự án theo nhóm ở nhà:

Yêu cầu 1: nghiên cứu đoạn văn thứ hai và cho biết

- *Lòng yêu nước trong quá khứ được xác nhận bằng những chứng cứ LS nào ?*

Trước khi đưa ra dẫn chứng, tác giả đã khẳng định điều gì ?

Vì sao tác giả lại khẳng định như vậy ?

Em có nhận xét gì về cách đưa dẫn của tác giả ở đoạn văn này ?

Các dẫn chứng được đưa ra ở đây có ý nghĩa gì ?

Yêu cầu 2: đọc đoạn văn thứ 3 và cho biết

Để c/m lòng yêu nước của đồng bào ta ngày nay, tác giả đã đưa ra những dẫn chứng nào ?

Các dẫn chứng được đưa ra theo cách nào ?

Dẫn chứng được trình bày theo kiểu câu có mô hình chung nào? Cấu trúc dẫn chứng ấy có quan hệ với nhau như thế nào?

Các dẫn chứng được đưa ra ở đây có ý nghĩa gì ?

Yêu cầu 3: Vẽ sơ đồ tư duy cách lập luận của tác giả ở hai đoạn văn

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ: Lắng nghe ghi chép yêu cầu, lên kế hoạch thực hiện

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh Tập hợp nhóm làm ở nhà trên phiếu học tập

- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện từng yêu cầu, cách trình bày sản phẩm và yêu cầu cần đạt của sản phẩm

- Dự kiến sản phẩm:

+ nêu được nội dung chủ yếu của mỗi đoạn văn

+ cách nêu dẫn chứng

+ ý nghĩa của dẫn chứng

+ khái quát được hệ thống lập luận bằng sơ đồ đơn giản

3. Báo cáo kết quả

Gv tổ chức cho học sinh báo cáo sản phẩm của mình trước lớp

- Mỗi nhóm báo cáo kết quả thực hiện một yêu cầu

- Các nhóm khác nhận xét bổ sung hoàn thiện sản phẩm

Cụ thể:

Trước khi cho các nhóm trình bày sản phẩm Gv yêu cầu Hs đọc đoạn 2,3.

- Học sinh đọc

Hai đoạn này có nhiệm vụ gì ?

- Chứng minh những biểu hiện của lòng yêu nước

- Dẫn chứng: Chúng ta có quyền tự hào vì những trang LS vẻ vang về thời đại Bà Trưng, Bà Triệu,..., Q.Trung,...

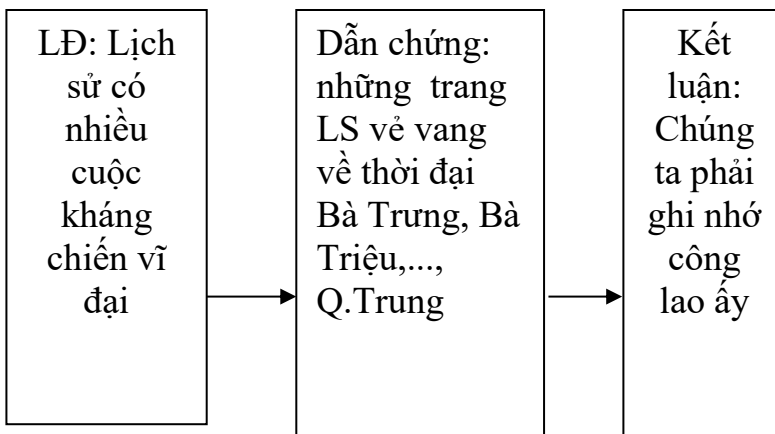
-> Dẫn chứng tiêu biểu, được liệt kê theo trình tự thời gian LS.

=>Ca ngợi những chiến công

<p>GV: Để làm rõ lòng yêu nước, tác giả đã đưa ra những chứng cứ của lòng yêu nước trong hai thời kì: Lòng yêu nước trong quá khứ của LS DT và lòng yêu nước ngày nay của đồng bào ta.</p> <p><i>Hãy chỉ ra các đoạn văn tương ứng?</i></p> <p>- Từ lịch sử..... anh hùng. - Đồng bào.... yêu nước.</p> <p>Nhóm 1 báo cáo kết quả thực hiện yêu cầu 1 dự kiến như sau:</p> <p>- <i>Lòng yêu nước trong quá khứ được xác nhận bằng những chứng cứ LS nào ?</i></p> <p><i>Trước khi đưa ra dẫn chứng, tác giả đã khẳng định điều gì ?</i></p> <p><i>Vì sao tác giả lại khẳng định như vậy ?</i></p> <p>- Vì đây là các thời đại gắn liền với các chiến công hiển hách trong LS chống ngoại xâm của DT.</p> <p><i>Em có nhận xét gì về cách đưa dẫn của tác giả ở đoạn văn này ?</i></p> <p><i>Các dẫn chứng được đưa ra ở đây có ý nghĩa gì ?</i></p> <p>Sau khi hs nhóm 1 trình bày - hs nhóm khác nhận xét - Gv chốt – hs ghi kiến thức cơ bản</p> <p>Chuyển ý sang yêu cầu 2: Lịch sử dân tộc anh hùng mang truyền thống yêu nước từ ngàn xưa được nối tiếp theo dòng chảy của thời gian, của mạch nguồn sức sống DT được biểu hiện bằng 1 câu chuyển ý, chuyển đoạn. Đó là câu nào?</p> <p><i>Em có nhận xét gì về câu văn chuyển ý này?</i></p> <p>- Câu văn chuyển ý tự nhiên và chặt chẽ.</p> <p><u>Goi nhóm thứ 2 trình bày yêu cầu 2</u></p> <p><i>Để c/m lòng yêu nước của đồng bào ta ngày nay, tác giả đã đưa ra những dẫn chứng nào ?</i></p> <p>- Từ các cụ già ... đến các cháu...</p>	<p>hiển hách trong LS chống ngoại xâm của DT.</p> <p>b. Lòng yêu nước ngày nay của đồng bào ta:</p> <p>- Nhận định chung: Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.</p> <p>- Liệt kê dẫn chứng theo mô hình "từ... đến" vừa cụ thể, vừa toàn diện</p> <p>=> Cảm phục, ngưỡng mộ lòng yêu nước của đồng bào ta trong cuộc kháng chiến chống TD Pháp.</p>
--	---

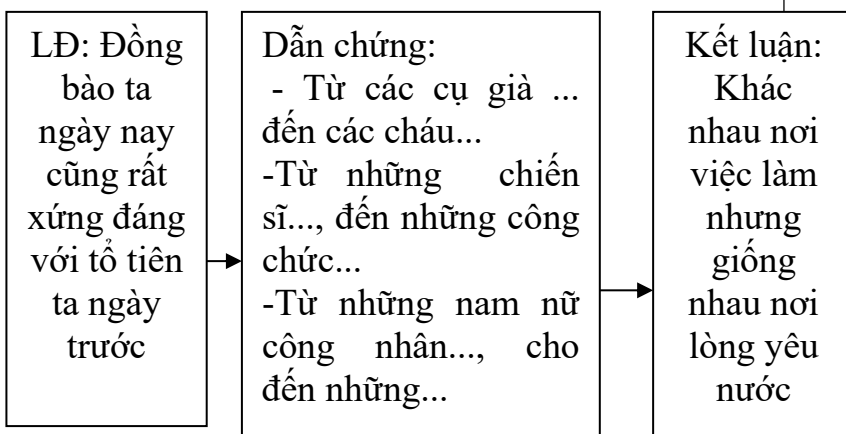
-Từ những chiến sĩ..., đến những công chức...
 -Từ những nam nữ công nhân..., cho đến những...
Các dẫn chứng được đưa ra theo cách nào ? Dẫn chứng được trình bày theo kiểu câu có mô hình chung nào? Cấu trúc dẫn chứng ấy có quan hệ với nhau như thế nào?
 - Mô hình LK: Từ ... đến để làm sáng tỏ chủ đề đoạn văn: Lòng yêu nước của đồng bào ta trong kháng chiến chống TD Pháp.
Các dẫn chứng được đưa ra ở đây có ý nghĩa gì ?
 - HS trả lời trên sản phẩm
 Sau khi hs nhóm 2 trình bày - hs nhóm khác nhận xét - Gv chốt – hs ghi kiến thức cơ bản
Yêu cầu nhóm thứ 3 trình bày yêu cầu 3

Mô hình lập luận đoạn 2



* Kết luận: Với nghệ thuật liệt kê trùng điệp, lí lẽ hùng hồn, dẫn chứng cụ thể, lập luận đanh thép tác giả đã chứng minh lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta cả trong quá khứ và hiện tại. Nó ăn sâu vào tiềm thức mọi tầng

Mô hình lập luận đoạn 3



nhân dân, mọi công việc **Thiêm vụ của Đảng viên:**

→ sánh: Tinh thần yêu nước

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Qua việc tìm hiểu hai đoạn văn trên em hãy khái quát cách lập luận và nội dung nghị luận của tác giả?

Hs khái quát

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Mục tiêu phần 3: Học sinh nắm được sự đánh giá khái quát của tác giả về lòng yêu nước và mục đích của văn bản (nêu nhiệm vụ của Đảng viên)

- PP: Vấn đáp, thuyết trình - Phương thức thực hiện:

+ Hoạt động cá nhân

+ Hoạt động chung cả lớp

- Sản phẩm hoạt động:

+ nội dung hs trình bày miệng

Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.

+ Giáo viên đánh giá.

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu học sinh đọc đoạn văn cuối

Đoạn em vừa đọc nêu nội dung gì ?

cũng như các thứ của quý.

-> Đề cao tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

- Lòng yêu nước được tồn tại dưới 2 dạng:

+ Có khi được trưng bày... -> nhìn thấy.

+ Có khi được cất giấu kín đáo... -> không nhìn thấy.

=> Cả 2 đều đáng quý.

- Nêu lên bốn phạm: phải động viên, tổ chức, khích lệ tiềm năng yêu nước của mọi người. (Phải ra sức giải thích, tuyên truyền...kháng chiến).

-> Đưa hình ảnh để diễn đạt lí lẽ -> Dễ hiểu, dễ đi vào lòng người.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Xây dựng luận điểm ngắn

Tìm câu văn có sử dụng hình ảnh so sánh? Hình ảnh s.sánh đó có tác dụng, ý nghĩa gì ?

Theo như lập luận của tác giả thì lòng yêu nước được tồn tại dưới dạng nào?

Em hiểu như thế nào về lòng yêu nước được trưng bày và lòng yêu nước được cất giấu kín đáo ?

Trong khi bàn về bốn phận của chúng ta, tác giả đã bộc lộ quan điểm yêu nước như thế nào? Câu văn nào nói lên điều đó ?

Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả ?

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học

, gợi ý khuyến khích học sinh trả lời, trao đổi với học sinh

- Dự kiến sản phẩm:

+ Nêu được nội dung đoạn sinh:

+ suy nghĩ trả lời câu hỏi

+ Trình bày ý kiến cá nhân

- Giáo viên: nêu câu hỏi văn

+ Cách trình bày đoạn văn

+ ý nghĩa của luận điểm

3. Báo cáo kết quả:

Học sinh báo cáo kết quả làm việc theo từng câu hỏi

Đoạn em vừa đọc nêu nội dung gì ?

-Nhiệm vụ của Đảng viên trong việc phát huy tinh thần yêu nước

Tìm câu văn có sử dụng hình ảnh so sánh? Hình ảnh s.sánh đó có tác dụng, ý nghĩa gì ?

- So sánh: Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý.

-> Đề cao tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

Theo như lập luận của tác giả thì lòng yêu nước được tồn tại dưới dạng nào?

gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng toàn diện, tiêu biểu, chọn lọc theo các phương diện: lứa tuổi, nghề nghiệp, vùng miền,...

- Sử dụng từ ngữ gợi hình ảnh (làn sóng, lướt qua, nhấn chìm...) câu văn nghị luận hiệu quả (câu có từ quan hệ từ... đến).

2. Ý nghĩa:

- Khẳng định dân ta có lòng yêu nước nồng nàn và làm sáng tỏ lòng yêu nước đó

3.Ghi nhớ: sgk (27).

IV. Luyện tập

Bài tập: Viết một đoạn văn từ 3 đến 5 câu lập luận theo mô hình "từ... đến" để nói về phong trào thi đua của lớp em trong học kì 1 vừa qua?

- Lòng yêu nước được tồn tại dưới 2 dạng:

+ Có khi được trưng bày... -> nhìn thấy.

+ Có khi được cất giấu kín đáo... -> không nhìn thấy.

Em hiểu như thế nào về lòng yêu nước được trưng bày và lòng yêu nước được cất giấu kín đáo ?

- HS trả lời

Trong khi bàn về bốn phạm của Đảng viên, tác giả đã bộc lộ quan điểm yêu nước như thế nào? Câu văn nào nói lên điều đó ?

- phải động viên, tổ chức, khích lệ tiềm năng yêu nước của mọi người. (Phải ra sức giải thích, tuyên truyền...kháng chiến).

Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả ?

- HS thảo luận, trả lời

-> Đưa hình ảnh để diễn đạt lí lẽ -> Dễ hiểu, dễ đi vào lòng người.

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung:

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

=> Kết thúc bài viết Báo cáo chính trị thì ai nấy đều hiểu và đều thề hứa với Người sẽ vận dụng vào thực tế công tác của mình. Và chúng ta ngày nay, khi đọc văn bản này cũng hiểu rõ để suy ngẫm sâu thêm về tấm lòng, trí tuệ và tài năng của Bác, làm theo lời Bác dạy: Phát huy tinh thần yêu nước trong công việc cụ thể hằng ngày, trong việc học tập, lao động và ứng xử với mọi người.

Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản?

+ Nghệ thuật:

- Sử dụng biện pháp liệt kê nêu tên các anh hùng dân tộc trong lịch sử chống ngoại xâm của đất

nước, nêu các biểu hiện của lòng yêu nước của nhân dân ta.

+ Ý nghĩa: Truyền thống yêu nước quý báu của nhân dân ta cần được phát huy trong hoàn cảnh lịch sử mới để bảo vệ đất nước.

Qua bài văn em hiểu thêm gì về Chủ tịch HCM ?

- Chúng ta hiểu thêm và kính trọng tấm lòng của HCM đối với dân, với nước; hiểu thêm về tài năng và trí tuệ của Người trong văn chương kể cả thơ ca và văn xuôi.

- Gọi HS đọc ghi nhớ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động các nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Bài viết của học sinh trên giấy

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Giáo viên đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

*Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ:

Viết một đoạn văn từ 3 đến 5 câu lập luận theo mô hình "từ... đến" để nói về phong trào thi đua của lớp em trong học kì 1 vừa qua?

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu

*Học sinh thực hiện nhiệm vụ: Viết đoạn văn theo yêu cầu

- Dự kiến sản phẩm: là một đoạn văn đảm bảo cả hình thức và nội dung

Trong học kỳ I vừa qua, phong trào thi đua học tập của lớp em rất sôi nổi. Từ các thầy cô giáo đến các bạn học sinh, từ các bạn nữ đến các bạn nam, từ các bạn học sinh giỏi đến học sinh yếu, từ những bạn xưa nay rất trầm đến các bạn sôi nổi, có thành tích cao đều tích cực hơn trong phong trào. Tất cả đều cố gắng để đạt được thành tích cao nhất.

* Báo cáo kết quả

- Gọi 1 đến 3 học sinh trình bày đoạn văn trước lớp

*.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng, thể nghiệm giá trị đã được học vào trong cuộc sống thực tiễn ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ: *Liên hệ với cuộc sống hiện tại chỉ ra một số biểu hiện thể hiện lòng yêu nước của nhân dân ta hiện nay?*

- Hs tìm và nêu biểu hiện cụ thể

Hs trình bày – hs khác bổ sung

Gv bổ sung thêm

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu: khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân ở nhà

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày trên giấy của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

- Kể tên một số văn bản nghị luận xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- học sinh thực hiện ở nhà nộp kết quả vào tiết sau

Nhắc nhở: Chuẩn bị bài “Đặc điểm của văn bản nghị luận”

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Bài 19 – Tiết 80: Tập làm văn **ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

I. MỤC TIÊU

Giúp học sinh:

1. Kiến thức: Đặc điểm của văn bản nghị luận với các yếu tố luận điểm, luận cứ và lập luận gắn bó với nhau.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Biết xác định luận điểm, luận cứ và lập luận trong một văn bản nghị luận.

- Bước đầu biết xác định luận điểm, xây dựng hệ thống luận điểm, luận cứ và lập luận cho một đề bài cụ thể.

3. Phẩm chất:

- Chăm học, biết nắm vững lí thuyết để làm bài văn nghị luận đạt hiệu quả.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.

- Phương thức thực hiện: Nghiên cứu tình huống

- Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày của học sinh

- Phương án kiểm tra, đánh giá:

+ Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi

+ Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa tình huống: *Có nhận định cho rằng sống và làm việc có kế hoạch sẽ đem lại hiệu quả cao. Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên bằng thực tiễn đời sống?*

2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh : Nghiên cứu tình huống tìm dẫn chứng -> trình bày

- Giáo viên quan sát, động viên, lắng nghe kết quả của học sinh

- Phương án thực hiện:

+ HS hoạt động cá nhân

+ Thời gian: 2 phút

- Dự kiến sản phẩm: Các dẫn chứng thuyết phục của học sinh

3. Báo cáo kết quả:

- GV gọi 1->2 học sinh trả lời. Các em khác bổ sung(nếu cần)

4. Nhận xét, đánh giá:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá:

=> Vào bài: Như vậy vấn đề cô nêu ra trong tình huống là luận điểm. Các dẫn chứng mà các em đưa ra kèm theo lí lẽ (lời văn, lời dẫn dắt) gọi là luận cứ. Cách trình bày vấn đề để có sức thuyết phục gọi là quá trình lập luận. Mỗi bài văn nghị luận đều có luận điểm, luận cứ, lập luận. Vậy luận điểm là gì? luận cứ là gì? lập luận là gì? Chúng ta sẽ tìm hiểu tiết học hôm nay

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>1. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm của văn bản nghị luận với các yếu tố luận điểm, luận cứ và lập luận gắn bó mật thiết với nhau. - Biết xác định luận điểm, luận cứ và lập luận trong một văn bản nghị luận <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cá nhân - Hoạt động nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn - Hoạt động chung cả lớp <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu học tập cá nhân - Phiếu học tập của nhóm <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc văn bản: Chống nạn thất học. - Học sinh làm việc nhóm thực hiện kĩ thuật khăn phủ bàn vào 3 phiếu học tập <p><u>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo em ý chính của bài viết là gì ? Ý chính đó được thể hiện dưới dạng nào ? Các câu văn nào đã cụ thể hoá ý chính? Ý chính đó đóng vai trò gì trong bài văn nghị luận ? Muốn có sức thuyết phục thì ý chính phải đạt được yêu cầu gì ? <p><u>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người viết triển khai luận điểm bằng cách nào ? - Em hãy chỉ ra các luận cứ trong văn bản: Chống nạn thất học ? 	<p><u>A. Bài học:</u></p> <p><u>I. Luận điểm, luận cứ và lập luận:</u></p>

- Lí lẽ và dẫn chứng có vai trò như thế nào trong bài văn nghị luận ?

Muốn có sức thuyết phục thì lí lẽ và dẫn chứng cần phải đảm bảo những yêu cầu gì ?

- Luận điểm, luận cứ thường được diễn đạt dưới hình thức nào? Có tính chất gì?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

- Cách sắp xếp, trình bày luận cứ gọi là lập luận. Em hiểu lập luận là gì?

- Lập luận có vai trò như thế nào?

- Học sinh tiếp nhận yêu cầu: quan sát, lắng nghe, nắm vững yêu cầu

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ Làm việc các nhân

+ trao đổi trong nhóm, thống nhất ý kiến vào phiếu học tập...

- Giáo viên: Quan sát, đôn đốc, nhắc nhở, động viên và hỗ trợ hs khi cần

- Dự kiến sản phẩm: Phiếu học tập của mỗi nhóm đã trả lời đủ các câu hỏi

***Báo cáo kết quả:**

- Giáo viên gọi mỗi nhóm trình bày kết quả ở một phiếu học tập lần lượt từ 1 đến 3

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả

- Nhóm khác bổ sung

Lưu ý: khi một nhóm học sinh trình bày hoàn thiện gv chốt cho học sinh ghi kiến thức cơ bản

Dự kiến kết quả trình bày như sau

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Theo em ý chính của bài viết là gì ?

- Chống nạn thất học

Ý chính đó được thể hiện dưới dạng nào ?

- Được trình bày dưới dạng nhan đề

1. Luận điểm:

a. Ví dụ:

Văn bản: Chống nạn thất học .

b. Nhận xét:

Các câu văn nào đã cụ thể hoá ý chính?

+ Mọi người VN...

+ Những người đã biết chữ...

+ Những người chưa biết chữ...

Ý chính đó đóng vai trò gì trong bài văn nghị luận ?

Muốn có sức thuyết phục thì ý chính phải đạt được yêu cầu gì ?

*. Giảng thêm: Vấn đề chống nạn thất học không chỉ là vấn đề được nhiều người quan tâm vào những năm 1945 mà hiện nay, đây cũng là một trong những vấn đề đang được quan tâm hàng đầu. Trong nước ta hiện có rất nhiều tỉnh, thành đã phổ cập bậc trung học cơ sở. Như vậy, muốn cho ý chính có sức thuyết phục thì ý chính phải rõ ràng, đúng đắn là vấn đề luôn được mọi người quan tâm, là vấn đề đáp ứng được nhu cầu thực tế.

Gv: Trong văn nghị luận người ta gọi ý chính là luận điểm.

Vậy em hiểu thế nào là luận điểm ?

- HS trả lời

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Người viết triển khai luận điểm bằng cách nào ?

- Lý lẽ : Pháp cai trị bằng chính sách ngu dân

Em hãy chỉ ra các luận cứ trong văn bản: Chống nạn thất học ?

Luận cứ 1:

- Dẫn chứng: 95% người Việt Nam thất học

- Lý lẽ: Khi giành được độc lập cần nâng cao dân trí ...

Luận cứ 2:

- Dẫn chứng: những người đã biết chữ ...những người không biết chữ ...

Lý lẽ và dẫn chứng có vai trò như thế nào trong bài văn nghị luận ?

- làm cơ sở cho luận điểm, giúp cho luận điểm đạt tới sự sáng rõ, đúng đắn và có sức thuyết phục.

- Ý chính của bài viết: Chống nạn thất học, được trình bày dưới dạng nhan đề.

- > Ý chính thể hiện tư tưởng của bài văn nghị luận.

=> Muốn có sức thuyết phục ý chính phải rõ ràng, sâu sắc, có tính phổ biến (vấn đề được nhiều người quan tâm).

→ Luận điểm: là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định (hay phủ định).....

2. Luận cứ:

- Triển khai luận điểm bằng lý lẽ, dẫn chứng cụ thể làm cơ sở cho luận điểm, giúp cho luận điểm đạt tới sự sáng rõ, đúng đắn và có sức thuyết phục.

Gv => Có thể tạm so sánh luận điểm như xương sống, luận cứ như xương sườn, xương các chi, còn lập luận như da thịt, mạch máu của bài văn nghị luận.

- Luận điểm thường mang tính khái quát cao

VD: Chông nạn thất học, Tiếng Việt giàu và đẹp, Non sông gấm vóc. Vì thế: muốn có tính thuyết phục...

Muốn có sức thuyết phục thì lí lẽ và dẫn chứng cần phải đảm bảo những yêu cầu gì ?

=> Luận cứ chính là lí lẽ và dẫn chứng trong bài văn nghị luận, trả lời câu hỏi vì sao phải nêu luận điểm? nêu ra để làm gì? Luận điểm ấy có đáng tin cậy không?

Luận điểm, luận cứ thường được diễn đạt dưới hình thức nào? Có tính chất gì?

- Luận điểm và luận cứ thường được diễn đạt thành những lời văn cụ thể. Những lời văn đó cần được lựa chọn, sắp xếp, trình bày 1 cách hợp lí để làm rõ luận điểm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

=> Ta thường gặp các hình thức lập luận phổ biến: diễn dịch, quy nạp, tổng - phân-hợp, so sánh... học ở tiết sau.

Cách sắp xếp, trình bày luận cứ gọi là lập luận. Em hiểu lập luận là gì?

- HS trả lời

Lập luận có vai trò như thế nào?

- Lập luận có vai trò cụ thể hoá luận điểm, luận cứ thành các câu văn, đoạn văn có tính liên kết về hình thức và nội dung để đảm bảo cho mạch tư tưởng nhất quán, có sức thuyết phục .

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Em hiểu thế nào là luận điểm, luận cứ và lập luận?

- HS trả lời

- Muốn cho người đọc hiểu và tin, cần phải có hệ thống luận cứ cụ thể, sinh động, chặt chẽ.

- Muốn có tính thuyết phục thì luận cứ phải chân thật, đúng đắn và tiêu biểu.

3. Lập luận:

- Lập luận là cách lựa chọn sắp xếp trình bày luận cứ sao cho chúng làm cơ sở vững chắc cho luận điểm

- HS đọc ghi nhớ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng những kiến thức vừa tiếp thu về đặc điểm văn bản nghị luận để giải quyết bài tập liên quan

2. Phương thức thực hiện: Kết hợp hoạt động các nhân, hoạt động cặp đôi

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động (lần lượt thực hiện các bài tập

*. Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên nêu yêu:

+ Đọc lại văn bản "Cần tạo thói quen tốt trong đời sống xã hội" (bài 18).

- HS thảo luận cặp đôi các câu hỏi trong SGK:

- *Cho biết luận điểm ?*

- *Luận cứ ?*

- *Và cách lập luận trong bài ?*

- *Nhận xét về sức thuyết phục của bài văn ấy ?*

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ: Lắng nghe nắm được yêu cầu

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ Làm việc các nhân

+ trao đổi cặp đôi trả lời các câu hỏi

- Giáo viên: Quan sát, đôn đốc, nhắc nhở, động viên và hỗ trợ hs khi cần

- Dự kiến sản phẩm:

- Luận điểm: chính là nhan đề.

- Luận cứ:

3. Ghi nhớ: SGK/Tr19 .

B. Luyện tập:

<p>+ Luận cứ 1: Có thói quen tốt và có thói quen xấu.</p> <p>+ Luận cứ 2: Có người biết phân biệt tốt và xấu, nhưng vì đã thành thói quen nên rất khó bỏ, khó sửa.</p> <p>+ Luận cứ 3: Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ.</p> <p>- Lập luận:</p> <p>+ Luôn dậy sớm,... là thói quen tốt.</p> <p>+ Hút thuốc lá,... là thói quen xấu.</p> <p>+ Một thói quen xấu ta thường gặp hằng ngày... rất nguy hiểm.</p> <p>+ Cho nên mỗi người... cho xã hội.</p> <p>*Báo cáo kết quả:</p> <p>- Giáo viên đại diện một số cặp trình bày lần lượt từng câu hỏi</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức</p> <p>*. Củng cố:</p> <p>- Nêu vai trò của luận điểm, luận cứ và lập luận trong văn nghị luận?</p> <p>- HS phát biểu, GV nhận xét</p>	<p>Văn bản: Cần tạo thói quen tốt trong đời sống xã hội.</p> <p>- Luận điểm: chính là nhan đề.</p> <p>- Luận cứ:</p> <p>+ Luận cứ 1: Có thói quen tốt và có thói quen xấu.</p> <p>+ Luận cứ 2: Có người biết phân biệt tốt và xấu, nhưng vì đã thành thói quen nên rất khó bỏ, khó sửa.</p> <p>+ Luận cứ 3: Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ.</p> <p>=> Bài văn có sức thuyết phục mạnh mẽ vì luận điểm mà tác giả nêu ra rất phù hợp với cuộc sống hiện tại.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng, thể nghiệm giá trị đã được học vào trong cuộc sống thực tiễn ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

***. Chuyển giao nhiệm vụ:**

Gv nêu nhiệm vụ: *Hãy chỉ ra luận điểm, luận cứ và lập luận trong văn bản "Tinh thần yêu nước của nhân dân ta"?*

Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

*.Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm ra giấy, trình bày

- Gv quan sát, động viên

- Dự kiến sản phẩm

*Hệ thống LD:

+ Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.

+ Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.

+ Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.

+ Bồn phận của chúng ta phải làm cho tinh thần yêu nước được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

***Báo cáo kết quả:**

- Giáo viên gọi một số hs trình bày

- Hs khác nhận xét, bổ sung

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức

- Hs làm việc cá nhân – trình bày

Hs trình bày – hs khác bổ sung

Gv bổ sung thêm

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu: khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm làm dự án ở nhà

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày trên giấy của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

Tìm luận điểm, luận cứ và cách lập luận trong văn bản “Sự giàu đẹp của Tiếng Việt”

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ
- Làm dự án ở nhà, báo cáo theo thời gian quy định của giáo viên

***. Nhắc nhở:**

- Nhớ được đặc điểm văn bản nghị luận qua các văn bản nghị luận đã học.
- Về nhà học bài, soạn bài “Đề văn nghị luận và việc lập ý cho bài văn nghị luận”

IV. Rút kinh nghiệm:

.....

Tuần 21 - Tiết 81 - Tập làm văn:

ĐỀ VĂN NGHỊ LUẬN

VÀ VIỆC LẬP Ý CHO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Đặc điểm và cấu tạo của đề bài văn nghị luận, các bước tìm hiểu đề và lập ý cho một đề văn nghị luận.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết luận điểm, biết cách tìm hiểu đề và cách lập ý cho đề bài văn nghị luận.

- So sánh đề tìm ra sự khác biệt của đề văn nghị luận với các đề tự sự, miêu tả, biểu cảm.

3. Phẩm chất:

Chăm học, biết lập dàn ý cho bài văn nghị luận của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Kế hoạch bài học

- Học liệu: phiếu học tập, một số văn bản nghị luận, đề văn nghị luận.

- Một số đề văn nghị luận

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc trước bài

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU(5 phút)

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: hoạt động nhóm
- Sản phẩm hoạt động: các nhóm tìm được các đề văn thuộc văn nghị luận.
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Nhiệm vụ: tìm và ghi ra giấy các đề văn nghị luận

2. Thực hiện nhiệm vụ:

- * Học sinh :tìm nhanh trong vòng 2 phút .(chia lớp làm 4 đội)
- * Giáo viên:tổ chức cho các nhóm chơi.
- Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh

3. Báo cáo kết quả:phiếu học tập

4. Nhận xét, đánh giá:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
- GV nhận xét...

GV dẫn vào bài: Muốn đạt yêu cầu trong bài văn nghị luận, chúng ta cần phải có điều kiện nào. Tiết học hôm nay, cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu một số đề bài văn nghị luận từ đó nắm được những yêu cầu cần đạt của bài văn nghị luận.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
HD1:Tìm hiểu nội dung và tính chất của đề văn nghị luận -Mục tiêu: HS biết xác định nội dung, tính chất của đề văn nghị luận. -Phương pháp: hoạt động nhóm -Sản phẩm hoạt động: các nhóm tìm được các đề văn thuộc văn nghị luận. - Phương án kiểm tra, đánh giá: + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi	<u>I-Tìm hiểu đề văn nghị luận:</u> <i>1.Nội dung và tính chất của đề văn nghị luận</i>

<p>+ Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Tiến trình hoạt động:</p> <p>1. Chuyên giao nhiệm vụ</p> <p>-GV cho Hs đọc thầm các đề bài Sgk. Sau đó giao nhiệm vụ thảo luận: 4 nhóm cùng thảo luận trả lời các câu hỏi a,b,c mục 1.I/21.</p> <p>a) Các đề văn nêu trên có thể xem là đề bài, đầu đề được không? Nếu dùng làm đề bài cho bài văn sắp viết có được không?</p> <p>b) Căn cứ vào đâu để nhận ra các đề trên là văn nghị luận? (Nội dung: mỗi đề chứa 1 vấn đề đem ra để bàn luận.)</p> <p>c) Tính chất của đề văn có ý nghĩa gì đối với việc làm văn?</p> <p>-HS hoạt động nhóm sau đó đại diện trình bày, các nhóm nhận xét bổ sung cho nhau.</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>-Học sinh :làm việc cá nhân -> thảo luận nhóm-> thống nhất ý kiến.</p> <p>-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3. Báo cáo kết quả:</p> <p>-Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.</p> <p>Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 nhóm lên trình bày sản phẩm ,2 nhóm còn lại bổ sung.</p> <p>4.Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.</p> <p>-GV nhận xét,đánh giá</p> <p>a)Được.</p> <p>b)Căn cứ vào khái niệm, vấn đề lí luận mà đề nêu ra.</p> <p>c)Tính chất của đề như lời khuyên, tranh luận, giải thích, ...có tính định hướng cho bài viết (định hướng 1 thái độ hoặc giọng điệu....) và đòi hỏi người viết phải vận dụng các phương pháp phù hợp.</p>	<p>-Đề bài của 1 bài văn nghị luận thể hiện chủ đề của nó.</p> <p>-Tính chất của đề thường đưa ra lời ca ngợi, khuyên nhủ, tranh luận, giải thích, ...</p> <p>-> định hướng cho bài viết.</p>
--	--

-GV chốt kiến thức:

GV giảng thêm về ý b: Căn cứ vào chỗ mỗi đề đều nêu ra 1 số khái niệm, 1 số v. đề lí luận. Ví dụ: Lối sống giản dị, Tiếng Việt giàu đẹp...->là những nhận định, q.điểm, luận điểm; Thuốc đắng dã tật ->là 1 tư tưởng; Hãy biết quý thời gian ->là lời kêu gọi mang 1 tư tưởng...=>Căn cứ vào nội dung mỗi đề.

Giảng khái quát: Tóm lại đề văn nghị luận là câu hay cụm từ mang tư tưởng, q.điểm hay 1 v. đề cần làm sáng tỏ. Như vậy tất cả các đề trên đều là đề văn nghị luận, đại bộ phận là ẩn yêu cầu.

HĐ2 tìm hiểu đề văn nghị luận

-Mục tiêu: HS biết xác đề văn nghị luận.

-Phương pháp: hoạt động nhóm

-Sản phẩm hoạt động: các nhóm tìm được các đề văn thuộc văn nghị luận.

- Phương án kiểm tra, đánh giá:

+ Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi

+ Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

-GV gọi Hs đọc đề bài.

-GV giao nhiệm vụ thảo luận theo bàn các câu hỏi Sgk/22 mục 2.I.

?Đề bài nêu lên vấn đề gì , Đối tượng và phạm vi nghị luận ở đây là gì , Khuynh hướng tư tưởng của đề là k.định hay phủ định , Đề đòi hỏi người viết phải làm gì?

2. Thực hiện nhiệm vụ

-HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau

Học sinh :làm việc cá nhân -> thảo luận nhóm-> thống nhất ý kiến.

2. Tìm hiểu đề văn nghị luận:

-Xác định đúng vấn đề, phạm vi, tính chất của bài nghị luận để làm bài khỏi sai lệch.

-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.

Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 nhóm lên trình bày sản phẩm ,2 nhóm còn lại bổ sung.

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.

-GV nhận xét,đánh giá

-GV chốt, sau đó hỏi khái quát: -Xác định đúng vấn đề, phạm vi, tính chất của bài nghị luận để làm bài khỏi sai lệch.

Hđ3 lập ý cho bài văn nghị luận

?Từ việc tìm hiểu trên, em hãy cho biết: trước 1 đề văn, muốn làm bài tốt, cần tìm hiểu điều gì trong đề?

-Mục tiêu: HS làm quen với các bước lập ý cho bài nghị luận.

-Phương pháp: hoạt động chung cả lớp

-Sản phẩm hoạt động: HS tìm được các ý của đề văn nghị luận.

- Phương án kiểm tra, đánh giá:

+ Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi

+ Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

? Xác định LĐ? ?Từ việc tìm hiểu trên, em hãy cho biết: trước 1 đề văn, muốn làm bài tốt, cần tìm hiểu điều gì trong đề?

.Thực hiện nhiệm vụ

-HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau

Học sinh :làm việc cá nhân -> thảo luận nhóm-> thống nhất ý kiến.

II-Lập ý cho bài văn

nghị luận:

*Đề bài: Chớ nên tự phụ.

1-Xác lập luận điểm:

-Tự phụ là 1 căn bệnh ,là một thói xấu của con người mà hs chúng ta dễ mắc phải.

-Bệnh tự phụ dễ mắc phải nhưng rất khó sửa .

-Tự phụ trong học tập thì làm cho học tập kém đi,sai lệch .

Tự phụ trong giao tiếp sẽ làm hạn chế nhiều mặt ...

2-Tìm luận cứ:

-Tự phụ là căn bệnh tự đề cao mình, coi

<p>-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.</p> <p>Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 nhóm lên trình bày sản phẩm ,2 nhóm còn lại bổ sung.</p> <p>4.Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung. -GV nhận xét,đánh giá <p>-GV chốt, sau đó hỏi khái quát:</p> <p>LĐ: chớ nên tự phụ (tự phụ là tính xấu, nên từ bỏ để rèn luyện tính khiêm tốn)</p> <ul style="list-style-type: none"> -*luận cứ cho đề trên? - Tự phụ là gì? (Tự phụ là căn bệnh tự đề cao mình, coi thường ý kiến của người khác) - Vì sao không nên tự phụ? (Để cho bản thân tiến bộ, cần tránh bệnh tự phụ, tự phụ sẽ khó tiếp thu ý kiến của người khác, làm cho mình ngày càng co mình lại, không tiến bộ được.) <p>*Tự phụ có hại ntn? Hại cho ai? (Bệnh tự phụ thường được biểu hiện ở sự coi thường ý kiến của người khác, tự cho ý kiến của mình là đúng, là tuyệt dẫn đến thái độ khắt khe với người, dễ dễ dãi đối với mình)</p> <p>Và những dẫn chứng cụ thể:</p> <p>ví dụ: Tự phụ dẫn đến chủ quan hỏng việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự phụ gây mất đoàn kết, không được mọi người yêu mến, giúp đỡ. <p>-> dẫn chứng từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thực tế đời sống. + Bản thân. + Sách báo. <ul style="list-style-type: none"> - Tác hại của tự phụ, những dẫn chứng cụ thể. - Lời khuyên. 	<p>thường ý kiến của người khác.</p> <p>-Để cho bản thân tiến bộ, cần tránh bệnh tự phụ, tự phụ sẽ khó tiếp thu ý kiến của người khác, làm cho mình ngày càng co mình lại, không tiến bộ được.)</p> <p>-Bệnh tự phụ thường được biểu hiện ở sự coi thường ý kiến của người khác, tự cho ý kiến của mình là đúng, là tuyệt dẫn đến thái độ khắt khe với người, dễ dễ dãi đối với mình)</p> <p>3-Xây dựng lập luận:</p>
--	---

<p>* Muốn lập ý cho bài văn NL, ta cần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định LĐ, cụ thể hoá LĐ chính thành các LĐ phụ, tìm LC và cách LL cho bài văn. -Hs đọc ghi nhớ. 	<p>*Ghi nhớ₃: sgk (23)</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Hình thức hoạt động: hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm

<p>-Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức vào luyện tập.</p> <p>-Phương pháp: hoạt động cá nhân</p> <p>-Sản phẩm hoạt động: HS tìm được các ý của đề văn nghị luận.</p> <p>- Phương án kiểm tra, đánh giá:</p> <p>+ Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi</p> <p>+ Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Tiến trình hoạt động:</p> <p>-GV giao nhiệm vụ: hoàn thành vào vở bài tập Ngữ văn, sau đó gọi 2 em</p>	<p>III-Luyện tập:</p> <p>*Yêu cầu: Tìm hiểu đề và lập ý cho đề bài: Sách là người bạn lớn của con người.</p> <p>1.Tìm hiểu đề:</p> <p>-Vấn đề nghị luận: Lợi ích của việc đọc sách.</p> <p>2.Lập ý:</p> <p>a-Xác định luận điểm:</p> <p>-Sách có vai trò to lớn trong đời sống xã hội. Sách đáp ứng nhu cầu hưởng thụ cái hay, cái đẹp và nhu cầu p.triển trí tuệ tâm hồn.</p> <p>-Ta phải coi “sách là ng bạn lớn của con người” vì trên lĩnh vực văn hoá, t.tưởng không có gì thay thế được sách.</p> <p>b-Tìm luận cứ:</p> <p>-Sách mở mang trí tuệ-giúp ta khám phá n điều bí ẩn của thế giới x.quanh, đưa ta vào tìm hiểu thế giới cực lớn là thiên hà và thế giới cực nhỏ như hạt vật chất.</p> <p>-Sách đưa ta ngược thời gian về với n biến cố LS xa xưa và hướng về ngày mai.</p> <p>-Sách cho ta n phút thư giãn thoải mái.</p> <p>c-Xây dựng lập luận:</p> <p>Sách là báu vật không thể thiếu đối với mỗi ng. Phải biết nâng niu, trân trọng và chọn n cuốn sách hay để đọc.</p>
---	--

trình bày bảng phần vừa làm. -HS trình bày vào vở, lên bảng trình bày, nhận xét bổ sung lẫn nhau -GV chốt kiến thức...	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG:

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm các bt
- Phương pháp: hoạt động cá nhân,
phương thức thực hiện :
- +HĐ cá nhân,hđ chung cả lớp.
- Sản phẩm hoạt động:nội dung hs trình bày ,phiếu học tập .
- phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,
- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ: Đọc lại VB Tinh thần yêu nước của nhân dân ta, hãy tìm luận điểm, luận cứ của VB đó và ghi vào giấy, nộp chấm.

- HS thực hiện nhiệm vụ hđ cá nhân

2.Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm bài, trình bày, nhận xét lẫn nhau

Học sinh :làm việc cá nhân

- Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.
- GV nhận xét,đánh giá

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm các bt
- Phương pháp: hoạt động cá nhân,
phương thức thực hiện :về nhà đọc ,suy nghĩ
- . - Sản phẩm hoạt động:nội dung hs trình bày , bà tập làm vào vở hôm sau thu .
- phương án đánh giá:đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

* Hình thức hoạt động: GV giao nhiệm vụ HS thực hiện ở nhà

-Đọc bài tham khảo Sgk/23, tìm luận điểm, các luận cứ trong bài văn đó?

2. Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện

3. Báo cáo kết quả : HS báo cáo kết quả vào tiết học hôm sau .

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.

-GV nhận xét,đánh giá vào h học hôm sau

Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Tuần 21 - Tiết 82- Tiếng Việt: **CÂU ĐẶC BIỆT**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Khái niệm câu đặc biệt.

- Tác dụng của việc sử dụng câu đặc biệt trong văn bản.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết câu đặc biệt.

- Phân tích tác dụng của câu đặc biệt trong văn bản.

- Sử dụng câu đặc biệt phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Chăm học, ham tìm tòi, học hỏi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Kế hoạch bài học

- Học liệu: phiếu học tập, một số đoạn văn...

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc trước bài

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU(5 phút)

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: hoạt động cặp đôi.
- Sản phẩm hoạt động: các nhóm tìm được các câu đặc biệt.
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
- + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
- + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu câu hỏi, HS trao đổi với bạn trong bàn cặp đôi để trả lời câu hỏi sau đó trình bày trước lớp

Câu hỏi:

1. Hãy đọc đoạn thoại sau:

Chim sâu hỏi chiếc lá:

- Lá ơi! Hãy kể chuyện cuộc đời bạn cho tôi nghe đi!

- Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu.

2. Trả lời các câu hỏi:

? Tìm câu rút gọn, chỉ ra thành phần rút gọn và cho biết tác dụng việc rút gọn?

? Các câu còn lại có tác dụng gì?

2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau

Học sinh : làm việc cá nhân -> trao đổi với bạn cặp đôi

- Giáo viên quan sát, động viên, hỗ trợ khi học sinh cần.

3. Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

Cách thực hiện: giáo viên yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm, 2 cặp nhận xét, bổ sung.

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, cho điểm phần kiến thức liên quan đến bài học trước, dẫn dắt vào bài học mới...

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

* Hình thức tổ chức hoạt động: thuyết trình, thảo luận cặp đôi, nhóm,

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
------------------------	--------------------

<p>HD1: tìm hiểu khái niệm câu đặc biệt</p> <p>-Mục tiêu: HS nắm được khái niệm câu đặc biệt</p> <p>-Phương pháp: đọc, hoạt động nhóm, chung cả lớp</p> <p>-phương thức thực hiện :</p> <p>+HD cá nhân,hđ nhóm ,hđ chung cả lớp.</p> <p>-Sản phẩm hoạt động:nội dung hs trình bày ,phiếu học tập .</p> <p>-phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,</p> <p>-Tiến trình thực hiện:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-Gv gọi Hs đọc VD Sgk, chú ý câu in đậm.</p> <p>? Hãy thảo luận cặp đôi với bạn và lựa chọn 1 câu trả lời đúng,Câu in đậm có c.tạo như thế nào?</p> <p>a.Đó là 1 câu b.thg, có đủ CN-VN</p> <p>b.Đó là 1 câu rút gọn, lược bỏ CN-VN.</p> <p>c.Đó là câu không có CN-VN.</p> <p>2.Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>-HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau</p> <p>Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi</p> <p>-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.</p> <p>Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm ,2 cặp nhận xét , bổ sung.</p> <p>-HS trả lời: là câu không có CN-VN.</p> <p>4.Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.</p> <p>-GV nhận xét,đánh giá</p>	<p>I-Thế nào là câu đ. biệt:</p> <p>1.Ví dụ:</p> <p>-Ôi, em Thuý !</p> <p>2.Nhận xét:</p> <p>Đó là câu không có CN-VN.</p> <p>->Là câu đặc biệt .</p>
---	---

<p>-Gv chốt giảng: Câu in đậm không thể có CN và VN, tức không cấu tạo theo mô hình CN-VN. Loại câu đó là câu đ. biệt.</p> <p>? Vậy em hiểu thế nào là câu đ. biệt ?</p> <p>-HS trả lời</p> <p>-GV y/c các em đọc ghi nhớ Sgk, lấy ví dụ.</p> <p>Hđ2: Tìm hiểu tác dụng của câu đ. biệt</p> <p>-Mục tiêu: HS nắm được tác dụng của câu đặc biệt</p> <p>-Phương pháp: đọc, vấn đáp, hoạt động cá nhân, nhóm.</p> <p>-phương thức thực hiện :</p> <p>+HĐ cá nhân, hđ nhóm ,hđ chung cả lớp.</p> <p>-Sản phẩm hoạt động: nội dung hs trình bày ,phiếu học tập .</p> <p>-phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,</p> <p>-Tiến trình thực hiện:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-GV yêu cầu học sinh đọc bảng Sgk? Quan sát vào bảng em vừa điền, hãy cho biết câu đ. biệt thường được dùng để làm gì ?</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>-HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau</p> <p>Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi</p> <p>-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3. Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.</p> <p>Cách thực hiện: giáo viên yêu cầu 2 đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm ,2 nhóm khác nhận xét , bổ sung.</p>	<p>3. Ghi nhớ (Sgk).</p> <p>II- Tác dụng của câu đ. biệt</p> <p>1. Ví dụ:</p> <p>2. Nhận xét</p> <p>-Một đêm mùa xuân. ->xđ th.gian, nơi chốn.</p> <p>-Tiếng reo. Tiếng vỗ tay. ->liệt kê, thông báo về sự tồn tại của</p>
---	---

<p>-GV yêu cầu học sinh dùng bút chì đánh dấu vào ô thích hợp</p> <p>4.Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.</p> <p>-GV nhận xét,đánh giá</p> <p>-Gvchốt giảng: Một đêm mùa xuân. ->xđ th.gian, nơi chốn.</p> <p>-Tiếng reo. Tiếng vỗ tay. ->liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, h.tượng.</p> <p>-Trời ơi ! ->bộc lộ cảm xúc.</p> <p>-Sơn ! Em Sơn ! Sơn ơi ! Gọi-đáp.</p> <p>-Chị An ơi !</p> <p>-GV gọi Hs đọc ghi nhớ Sgk</p>	<p>sự vật, hiện tượng.</p> <p>-Trời ơi ! ->bộc lộ cảm xúc.</p> <p>-Sơn ! Em Sơn ! Sơn ơi !</p> <p>-Chị An ơi !</p> <p>->gọi -đáp</p> <p>3.Ghi nhớ (sgk/29).</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

<p>-Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm các bt</p> <p>-Phương pháp: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm phương thức thực hiện :</p> <p>+HD cá nhân,hđ nhóm ,hđ chung cả lớp.</p> <p>-Sản phẩm hoạt động:nội dung hs trình bày ,phiếu học tập .</p> <p>-phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,</p> <p>-Tiến trình thực hiện:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-Hs đọc các đ.v.</p> <p>-Tìm câu đ.biệt và câu rút gọn ?</p> <p>-Vì sao em biết đó là câu rút gọn ?</p> <p>?Mỗi câu đ.biệt và rút gọn em vừa tìm được trong bài tập trên có t.d gì ?</p> <p>(Mỗi nhóm 1 ý-chia lớp 4 nhóm)</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>Bài 1 (29):Tìm câu rút gọn và câu đặc biệt.</p> <p>a- Câu đ.biệt: không có.</p> <p>-Câu rút gọn: câu 2,3,5.</p> <p>b-Câu đ.biệt: câu 2,3,4,5.</p> <p>-Câu rút gọn: không có.</p> <p>c-Câu đ.biệt: câu 4.</p> <p>-Câu rút gọn: không có.</p> <p>d-Câu đ.biệt: Lá ơi !</p> <p>-Câu rút gọn: Hãy kể chuyện... đi !</p> <p>Bình thường... đâu.</p> <p>Bài 2 (29):Tác dụng của câu rút gọn và câu đặc biệt.</p> <p>b-Xđ th.gian (3 câu), bộc lộ cảm xúc (câu 4).</p> <p>c-Liệt kê, thông báo sự tồn tại của sự vật, h.tượng</p> <p>d-Gọi đáp.</p>
---	--

<p>2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận, tình bày, nhận xét lẫn nhau Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi -Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả. Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm ,2 nhóm khác nhận xét , bổ sung.</p> <p>4.Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung. -GV nhận xét,đánh giá -GV chốt</p> <p>a- Câu đ. biệt: không có. -Câu rút gọn: câu 2,3,5. b-Câu đ. biệt: câu 2,3,4,5. -Câu rút gọn: không có. c-Câu đ. biệt: câu 4. -Câu rút gọn: không có. d-Câu đ. biệt: Lá ơi ! -Câu rút gọn: Hãy kể chuyện... đi ! Bình thường... đâu. Bài 2 (29):Tác dụng của câu rút gọn và câu đặc biệt. b-Xđ th.gian (3 câu), bộc lộ cảm xúc (câu 4). c-Liệt kê, thông báo sự tồn tại của sự vật, h.tượng d-Gọi đáp.</p>	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

-Mục tiêu:hs vận dụng kiến thức đã học về câu đặc biệt để viết đoạn văn .

-Phương pháp: hoạt động: cá nhân

-Sản phẩm: đoạn văn.

-phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,

-Tiến trình thực hiện:

-1.GV giao nhiệm vụ: Làm bài tập 3/29 Sgk

Bài 3 (29): Viết đ.v ngắn khoảng 5-7 câu, tả cảnh q.hg em (hoặc chủ đề về tình bạn) trong đó có 1 vài câu đ.biệt ?

2.Thực hiện nhiệm vụ

-HS làm việc cá nhân (1 em viết vào bảng)....

Quê em ở vùng lòng Hồ. Để đến được trường học, chúng em phải đi thuyền. Vào n ngày mưa rét, chúng em không thể đến trường được vì sóng to, đi trên sông rất nguy hiểm. Những hôm như vậy, đứng trên bờ, chúng em thầm gọi: Gió ơi ! Đừng thổi nữa. Mưa ơi ! Hãy tạnh đi.

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.

-Hs nhận xét ,bổ sung

GV nhận xét ,đánh giá.

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.

-GV nhận xét,đánh giá,cho điểm.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

-Mục tiêu:hs vận dụng kiến thức đã học về câu đặc biệt để tìm đoạn văn .

-Phương pháp: hoạt động: cá nhân

-Sản phẩm: đoạn văn.

-phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,

-Tiến trình thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ :HS thực hiện ở nhà

-Tìm 1 số đoạn văn, đoạn thơ có sử dụng câu đặc biệt, gạch chân các câu đặc biệt.

2.Thực hiện nhiệm vụ

-HS làm việc cá nhân ở nhà.

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả vào tiết học hôm sau.

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung trong giờ học hôm sau

4.Hướng dẫn học bài:

-Học thuộc lòng ghi nhớ, hoàn thành các nhiệm vụ đã giao.

-Đọc bài: Bố cục và phương pháp lập
.....
.....

Rút kinh nghiệm:

Tuần 21 - Tiết 83: Tự học có hướng dẫn
**BỐ CỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN
TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Bố cục chung của một bài văn nghị luận.
- Phương pháp lập luận.
- Mối quan hệ giữa bố cục và lập luận.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Lập dàn ý, viết bài văn nghị luận có bố cục rõ ràng.
- Sử dụng các phương pháp lập luận.

3. Phẩm chất:

Chăm học, có ý thức trách nhiệm, tập viết bài nghị luận có bố cục rõ ràng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU(5 phút)

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi.
- Sản phẩm hoạt động: các nhóm tìm được bố cục của bài văn nghị luận.
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
+ Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi

- + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình tổ chức hoạt động

1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa ra 1 văn bản nghị luận và yêu cầu hs xác định bố cục của văn bản đó?

: GV nêu câu hỏi, HS trao đổi với bạn trong bàn cặp đôi để trả lời câu hỏi sau đó trình bày trước lớp

2. Thực hiện nhiệm vụ

-HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau

Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi

-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.

3. Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm ,2 cặp nhận xét , bổ sung.

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.

-GV nhận xét,đánh giá

-GV nhận xét, cho điểm phân kiến thức liên quan đến bài học trước, dẫn dắt vào bài học mới...

.Bài mới:

Không biết lập luận thì không làm được bài văn nghị luận. Bài hôm nay sẽ giúp chúng ta biết cách lập bố cục và lập luận trong văn nghị luận.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p>HD1: tìm hiểu mối quan hệ giữa bố cục và lập luận:</p> <p>-Mục tiêu: HS nắm được mối quan hệ giữa bố cục và lập luận:</p> <p>-Phương pháp: đọc, hoạt động nhóm, chung cả lớp</p>	<p>I-Mối quan hệ giữa bố cục và lập luận:</p> <p>1-B.văn “Tinh thần yêu...”:gồm 3 phần.</p> <p>a-MB (ĐVĐ): 3 câu.</p> <p>-Câu 1: nêu v.đề tr.tiếp.</p> <p>-Câu 2: k.định g.trị của v.đề.</p> <p>-Câu 3: s.sánh mở rộng và xđ phạm vi biểu hiện nổi bật của v.đề trong các cuộc k.c chống ngoại xâm bảo vệ đ.nc.</p> <p>b-TB (GQVĐ): CM truyền thống yêu nước AH trong LS DT ta (8 câu).</p>

<p>-phương thức thực hiện : +HD cá nhân,hđ nhóm ,hđ chung cả lớp. -Sản phẩm hoạt động:nội dung hs trình bày ,phiếu học tập . -phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá , - Tiến trình tổ chức hoạt động</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv chia lớp ra làm 4 nhóm mỗi nhóm 1 câu hỏi thảo luận -Hs đọc bài văn “Tinh thần yêu...”. ?Bài văn gồm mấy phần ? ND của mỗi phần là gì ? ?1Phần MB gồm mấy câu , Nhiệm vụ của từng câu là gì ? ?2Phần TB có n.vụ gì , Gồm mấy câu ? Chia làm mấy đoạn ?3 Mỗi đoạn nêu gì? Mỗi đoạn gồm mấy câu ? Nhiệm vụ của từng câu trong đoạn ? ?4Phần KB gồm mấy câu ? Nhiệm vụ của từng câu trong đoạn ?</p> <p>2.Thực hiện nhiệm vụ -HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau Học sinh :làm việc cá nhân - >thảo luận nhóm -Giáo viên quan sát ,động</p>	<p>*Trong quá khứ: 3 câu. -Câu 1: g.thiệu k.q và chuyển ý. -Câu 2: liệt kê d.c, xđ tình cảm, thái độ. -Câu 3: xđ tình cảm, thái độ và ghi nhớ công ơn. *Trong cuộc k.c chống Pháp hiện tại: 5 câu. -Câu 1: k.q và chuyển ý. -Câu 2,3,4: liệt kê d.c theo các bình diện, các mặt khác nhau. Kết nối d.c bằng cặp qht: từ... đến. -Câu 5: kq nhận định đánh giá. c-KB (KTVD): 5 câu. -Câu 1: S.sánh, kq g.trị của t.thần yêu nước. -Câu 2,3: Hai biểu hiện khác nhau của lòng yêu nước. -Câu 4,5: xđ trách nhiệm và bổn phận của chúng ta.</p> <p>=>Bố cục của b.văn nghị luận: sgk (31)</p>
---	--

<p>viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.</p> <p>Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm ,2 nhóm nhận xét , bổ sung.</p> <p>4.Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung. -GV nhận xét,đánh giá <p>Gvchốt: B.văn gồm 16 câu. PT 1 cách tổng thể và chặt chẽ, ta thấy: Để xđ được n.v mọi ng trên cơ sở hiểu sâu sắc và tự nguyện, tác giả đã dùng tới 16 câu: trong đó có 1 câu nêu v.đề và 15 câu là n cách làm rõ v.đề. Đó chính là bố cục và lập luận.</p> <p><u>*các phương pháp lập luận</u></p> <ul style="list-style-type: none"> -Mục tiêu: HS nắm được <i>các phương pháp lập luận</i> -phương thức thực hiện : +HĐ cá nhân,hđ nhóm ,hđ chung cả lớp. -Sản phẩm hoạt động:nội dung hs trình bày ,phiếu học tập . -phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá , - Tiến trình tổ chức hoạt động <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p>	<p>2-Các p.pháp lập luận trong b.văn:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hàng ngang 1,2: lập luận theo qh nhân quả. -Hàng ngang 3: lập luận theo qh tổng-phân-hợp (đưa nhận định chung, rồi d.c bằng các trường hợp cụ thể, cuối c là KL mọi ng đều có lòng yêu nước). -Hàng ngang 4: là suy luận tương đồng (từ truyền thống suy ra bản phận của chúng ta là phát huy lòng yêu nước. đây là mục đích của b.văn nghị luận). -Hàng dọc 1: suy luận tương đồng theo th.gian (có lòng nồng nàn yêu nước-trong quá khứ-đến hiện tại-bản phận của chúng ta). <p>=>Phương pháp lập luận: sgk (31).</p> <p>*Ghi nhớ: sgk (31).</p>
--	---

HD cặp đôi

?Bố cục của b.văn nghị luận gồm mấy phần ?

?Dựa vào sơ đồ sgk, hãy cho biết các p.pháp lập luận được sd trong b.văn ?

?Để xđ luận điểm trong từng phần và mối quan hệ giữa các phần, ng ta thường sd các p.pháp lập luận nào ?

2.Thực hiện nhiệm vụ

-HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau

Học sinh :làm việc cá nhân -
>cặp đôi trao đổi

-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.

Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 cặp lên trình bày sản phẩm ,2 cặp nhận xét , bổ sung.

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.

-GV nhận xét,đánh giá

-Gvchốt: Có thể nói mối quan hệ giữa bố cục và lập luận đã tạo thành 1 mạng lưới LK trong VBNL, trong đó p.pháp lập luận là chất keo gắn bó các phần, các ý của bố cục.

<p>-Hs đọc ghi nhớ.</p> <p>HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP</p> <p>-Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm các bt</p> <p>-Phương pháp: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm phương thức thực hiện :</p> <p>+HD cá nhân,hđ nhóm ,hđ chung cả lớp.</p> <p>-Sản phẩm hoạt động:nội dung hs trình bày ,phiếu học tập .</p> <p>-phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,</p> <p>- Tiến trình tổ chức hoạt động</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Hs thảo luận nhóm</p> <p>-Hs đọc b.văn”Học cơ bản...”.</p> <p>?Bài văn nêu t.tưởng gì ,</p> <p>T.tưởng ấy được thể hiện bằng n luận điểm nào ?</p> <p>?BV có bố cục mấy phần ,</p> <p>Hãy cho biết cách lập luận được sd ở trong bài ?</p> <p>?Câu mở đầu đối lập nhiều người và ít ai, là dùng phép lập luận gì ? (suy luận tương phản).</p> <p>?Câu chuyện Đờ vanh xi vẽ trướng đóng vai trò gì trong bài?(là d.c để lập luận).?</p> <p>2.Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>-HS thảo luận, trình bày, nhận</p>	<p>II-Luyện tập:</p> <p>Bài văn “Học cơ bản...”</p> <p>a-Bài văn nêu lên 1 t.tưởng: Muốn thành tài thì trong h.tập phải chú ý đến học cơ bản.</p> <p>-Luận điểm: Học cơ bản mới có thể trở thành tài lớn. ->Luận điểm chính.</p> <p>-Những câu mang luận điểm (luận điểm phụ):</p> <p>+ở đời có nhiều ng đi học, nhưng ít ai biết học thành tài.</p> <p>+Nếu không cố công luyện tập thì không vẽ đúng được đâu.</p> <p>+Chỉ có thầy giỏi mới đào tạo được trò giỏi.</p> <p>b*Bố cục: 3 phần. -MB: đoạn 1.</p> <p>-TB: đoạn 2.</p> <p>-KB: đoạn 3.</p> <p>*Cách lập luận được sd trong bài là: Câu chuyện vẽ trướng của Đờ vanh xi, tập trung vào vào câu: Người xưa nói, chỉ có thầy giỏi mới đào tạo được trò giỏi, quả không sai.</p> <p>Để lập luận CM cho l.điểm nêu ở nhan đề và phần MB, tác giả kể ra 1 câu chuyện, từ đó mà rút ra KL.</p>
---	---

<p>xét lẫn nhau</p> <p>Học sinh :làm việc cá nhân - >thảo luận nhóm</p> <p>-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.</p> <p>Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm ,2 nhóm nhận xét , bổ sung.</p> <p>4.Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.</p> <p>-GV nhận xét,đánh giá</p> <p>Bài văn “Học cơ bản...”</p> <p>a-Bài văn nêu lên 1 t.tưởng: Muốn thành tài thì trong h.tập phải chú ý đến học cơ bản.</p> <p>-Luận điểm: Học cơ bản mới có thể trở thành tài lớn. ->Luận điểm chính.</p> <p>-Những câu mang luận điểm (luận điểm phụ):</p> <p>+ở đời có nhiều ng đi học, nhưng ít ai biết học thành tài.</p> <p>+Nếu không cố công luyện tập thì không vẽ đúng được đâu.</p> <p>+Chỉ có thầy giỏi mới đào tạo được trò giỏi.</p> <p>b*Bố cục: 3 phần. -MB: đoạn 1.</p> <p style="text-align: right;">-TB: đoạn 2.</p>	
---	--

<p style="text-align: center;">-KB: đoạn 3.</p> <p>*Cách lập luận được sd trong bài là: Câu chuyện vẽ trứng của Đờ vanh xi, tập trung vào vào câu: Người xưa nói, chỉ có thầy giỏi mới đào tạo được trò giỏi, quả không sai.</p> <p>Để lập luận CM cho l.điểm nêu ở nhan đề và phần MB, tác giả kể ra 1 câu chuyện, từ đó mà rút ra KL</p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG:

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm các bt
- Phương pháp: hoạt động cá nhân, phương thức thực hiện :
- +HĐ cá nhân,hđ chung cả lớp.
- Sản phẩm hoạt động:nội dung hs trình bày ,phiếu học tập .
- phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,
- Tiến trình tổ chức hoạt động

1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV chuyển cho hs một văn bản nghị luận (có thể trong sách hoặc báo) yêu cầu chỉ ra bố cục và lập luận của văn bản đó.

2.Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm bài, tình bày, nhận xét lẫn nhau
- Học sinh :làm việc cá nhân
- Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.
- GV nhận xét,đánh giá

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm các bt
- Phương pháp: hoạt động cá nhân,.

- phương thức thực hiện : về nhà sưu tầm. ,
- Sản phẩm hoạt động: nội dung hs trình bày , phiếu học tập .
- Tiến trình tổ chức hoạt động

1. Chuyển giao nhiệm vụ

Em hãy sưu tầm văn bản nghị luận về vấn đề đoàn kết.

2. Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện

3. Báo cáo kết quả : HS báo cáo kết quả vào tiết học hôm sau .

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét , đánh giá , bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá vào h học hôm sau

Rút kinh nghiệm:

Tuần 21 - Tiết 84:

LUYỆN TẬP

VỀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đặc điểm của luận điểm trong văn nghị luận.
- Cách lập luận trong văn nghị luận.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết luận điểm, biết cách tìm hiểu đề và cách lập ý cho đề bài văn nghị luận.
- Trình bày được luận điểm, luận cứ trong bài văn nghị luận.

3. Phẩm chất:

- Chăm học, tập viết bài nghị luận có bố cục rõ ràng.
- Vận dụng được các phương pháp lập luận trong đời sống và trong văn nghị luận
- Bồi dưỡng tình yêu môn Văn.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, hoạt động nhóm, ...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU(5 phút)

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
 - Phương thức thực hiện:Hoạt động cặp đôi.
 - Sản phẩm hoạt động: HS đưa ra các lập luận.
 - Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động

1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa ra 1 luận điểm :”dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước” và yêu cầu hs ss với các kết luận ‘trời mưa nên em nghỉ học”

: GV nêu câu hỏi, HS trao đổi với bạn trong bàn cặp đôi để trả lời câu hỏi sau đó trình bày trước lớp

2.Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau
- Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi
- Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.

Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm ,2 cặp nhận xét , bổ sung.

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.
- GV nhận xét,đánh giá
- GV nhận xét, cho điểm phần kiến thức liên quan đến bài học trước, dẫn dắt vào bài học mới...

.Bài mới: lập luận trong văn nghị luận khác với trong đời sống ntn. Bài hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p>HĐ1 tìm hiểu lập luận trong đời sống</p> <p>-Mục tiêu: HS thấy được những lập luận trong đời sống.</p> <p>-Phương pháp: đọc, hoạt động nhóm</p> <p>-Phương thức thực hiện :hoạt động cá nhân->hđ nhóm</p> <p>-sản phẩm là phiếu học tập</p> <p>-Phương án đánh giá :đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá.</p> <p>-Tiền trình hoạt động</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-Gv gọi 1 HS đọc đoạn đầu mục I Sgk để hiểu lập luận là gì</p> <p>-GV gọi 1 HS đọc các câu ở mục 1 Sgk, cùng HS trả lời câu hỏi bên dưới:</p> <p>?Trong những câu trên, bộ phận nào là luận cứ, bộ phận nào là kết luận, thể hiện tư tưởng (ý định q.điểm) của người nói ?</p> <p>?Mối quan hệ của luận cứ đối với kết luận như thế nào? V.trí của luận cứ và KL có thể thay đổi cho nhau không ?</p> <p>2.Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>-HS thảo luận, tình bày, nhận xét lẫn nhau</p> <p>Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn trong nhóm</p> <p>-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>-GV cho các em hoạt động nhóm hoàn thành bài 2,3. Nhóm 1,2 hoàn thành bài</p>	<p>I-Lập luận trong đời sống:</p> <p>1-Xác định luận cứ, kết luận:</p> <p>a-Hôm nay trời mưa, chúng ta không... Luận cứ - KL(qh nhân - quả).</p> <p>b-Em rất thích đọc sách, vì qua sách.... KL -LC(qh nh-quả)</p> <p>c-Trời nóng quá, đi ăn kem đi. Luận cứ - KL (qh nhân- quả).</p> <p>->Có thể thay đổi v.trí giữa luận cứ và kết luận.</p> <p>2-Bổ sung luận cứ cho kết luận:</p> <p>a-Em rất yêu trường em, vì từ nơi đây em đã học được nhiều điều bổ ích.</p> <p>b-Nói dối có hại, vì nói dối sẽ làm cho người ta không tin mình nữa.</p> <p>c-Mệt quá, nghỉ 1 lát nghe nhạc thôi.</p> <p>d-Vì còn non dại nên trẻ em cần biết nghe lời cha mẹ.</p> <p>e-Để mở mang trí tuệ, em rất thích đi tham quan.</p> <p>3-Bổ sung kết luận cho luận cứ:</p> <p>a-Ngồi mãi ở nhà chán lắm, đến thư viện chơi đi.</p> <p>b-Ngày mai đã đi thi rồi mà bài vở còn nhiều quá, phải học thôi (chẳng biết học cái gì trước).</p> <p>c-Nhiều bạn nói năng thật khó nghe, ai cũng khó chịu (họ cứ tưởng như thế là</p>

2; nhóm 3,4 hoàn thành bài 3 vào vở.
GV gọi đại diện trình bày, các nhóm nhận xét, bổ sung lẫn nhau.

3. Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

Cách thực hiện: giáo viên yêu cầu 2 đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, 2 nhóm nhận xét, bổ sung.

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.

-GV nhận xét, đánh giá

1-Xác định luận cứ, kết luận:

a-Hôm nay trời mưa, chúng ta không...

Luận cứ - KL(qh nhân - quả).

b-Em rất thích đọc sách, vì qua sách....

KL -LC(qh nh-quả)

c-Trời nóng quá, đi ăn kem đi.

Luận cứ - KL (qh nhân- quả).

a-Em rất yêu trường em, vì từ nơi đây em đã học được nhiều điều bổ ích.

b-Nói dối có hại, vì nói dối sẽ làm cho người ta không tin mình nữa.

c-Mệt quá, nghỉ 1 lát nghe nhạc thôi.

d-Vì còn non dại nên trẻ em cần biết nghe lời cha mẹ.

e-Để mở mang trí tuệ, em rất thích đi tham quan.

HD2 tìm hiểu lập luận trong văn nghị luận

-Mục tiêu: HS hiểu được những lập luận trong văn nghị luận.

-Phương thức thực hiện :hoạt động cá nhân->trao đổi với bạn

hay lắm).

d-Các bạn đã lớn rồi, làm anh làm chị chúng nó cần phải gương mẫu.

e-Cậu này ham đá bóng thật, chẳng ngó ngang gì đến việc học hành.

II-Lập luận trong văn nghị luận:

1-So sánh kết luận trong đời sống với luận điểm trong văn nghị luận:

-Giống: Đều là những KL.

-Khác:

<p>-sản phẩm là phiếu học tập</p> <p>-Phương án đánh giá :đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá.</p> <p>-Tiến trình hoạt động</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>?Hãy bổ sung luận cứ cho các kết luận sau ?</p> <p>?Viết tiếp kết luận cho các luận cứ sau nhằm thể hiện tư tưởng, q.điểm của người nói ?</p> <p>Hs hđ cặp đôi</p> <p>2.Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS thảo luận, tình bày, nhận xét lẫn nhau</p> <p>Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi</p> <p>-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.</p> <p>Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm ,2 cặp nhận xét , bổ sung.</p> <p>4.Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.</p> <p>-GV nhận xét,đánh giá</p> <p>-Gv giảng: trong đời sống, hình thức biểu hiện mối quan hệ giữa luận cứ và luận điểm (KL) thường nằm trong 1 c.trúc câu nhất định. Mỗi l.cứ có thể có 1 hoặc nhiều l.điểm (KL) hoặc ngược lại. Có thể mô hình hoá như sau: -GV nhấn mạnh, khắc sâu để HS hiểu về lập luận trong đời sống.</p>	<p>+Ở mục I.2 là lời nói giao tiếp hàng ngày thường mang tính cá nhân và có ý nghĩa nhỏ hẹp.</p> <p>+Ở mục II là luận điểm trong văn nghị luận thường mang tính kq cao và có ý nghĩa phổ biến đối với XH.</p> <p>*Tác dụng của l.điểm trong văn nghị luận:</p> <p>-Là cơ sở để triển khai luận cứ.</p> <p>-Là KL của lập luận.</p>
---	--

+Nếu A thì B (B1, B2...)
+Nếu A (A1, A2...) thì B
=>Luận cứ + Luận điểm =1 câu

-Gv: L.điểm trong văn nghị luận là những KL có tính k.q, có ý nghĩa phổ biến đối với XH.

-Gv: Về hình thức: Lập luận trong đ.s hằng ngày thg được diễn đạt dưới hình thức 1 câu. Còn lập luận trong văn nghị luận thg được diễn đạt dưới hình thức 1 tập hợp câu.

Về ND ý nghĩa: Trong đ.s, lập luận thg mang tính cảm tính, tính hàm ẩn, không tường minh. Còn lập luận trong văn nghị luận đòi hỏi có tính lí luận chặt chẽ và tường minh.

Do l.điểm có tầm q.trong nên ph.pháp lập luận trong văn nghị luận đòi hỏi phải có tính kh.học chặt chẽ. Nó phải...(mục 2 Sgk/34)

-Em hãy lập luận cho luận điểm: Sách là người bạn lớn của con người ?

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

-Mục tiêu: HS hiểu và xây dựng được lập luận cho 1 luận điểm

-Phương thức thực hiện :đọc ,hoạt động cá nhân

-sản phẩm là bài làm

-Phương án đánh giá :đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá.

-Tiến trình hoạt động

*** luyện tập**

-BT Lập luận cho luận điểm: Sách là người bạn lớn của con người.

-Vì sao sách là người bạn lớn của con người? ->Sách là ph.tiện mở mang trí tuệ, khám phá thế giới và cuộc sống....

-Sách là người bạn lớn của con người có thực tế không? ->Luận điểm này có cơ sở thực tế vì bất cứ ai và ở đâu cũng cần có sách để thoả mãn nhu cầu cần thiết trong h.tập, rèn luyện, giải trí.

-Sách là người bạn lớn của con người, sách có tác dụng gì?->nhắc nhở động viên khích lệ mọi người biết quý sách, nâng cao lòng ham thích đọc sách...

1. Chuyên giao nhiệm vụ

Em hãy lập luận cho luận điểm « sách là người bạn lớn của con người »

2. Thực hiện nhiệm vụ

-HS suy nghĩ tình làm bài, nhận xét lẫn nhau

Học sinh :làm việc cá nhân bạn

-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.

3. Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.

-GV nhận xét,đánh giá2-Lập luận cho luận điểm: Sách là người bạn lớn của con người.

-Vì sao sách là người bạn lớn của con người? ->Sách là ph.tiện mở mang trí tuệ, khám phá thế giới và cuộc sống....

-Sách là người bạn lớn của con người có thực tế không? ->Luận điểm này có cơ sở thực tế vì bất cứ ai và ở đâu cũng cần có sách để thoả mãn nhu cầu cần thiết trong h.tập, rèn luyện, giải trí.

-Sách là người bạn lớn của con người, sách có tác dụng gì?->nhắc nhở động viên khích lệ mọi người biết quý sách, nâng cao lòng ham thích đọc sách...

-Rút ra kết luận làm thành luận điểm và lập luận cho luận điểm các truyện ngụ ngôn “Thầy bói xem voi”; “Ếch ngồi đáy giếng”

--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

-Mục tiêu: HS hiểu và xây dựng được lập luận cho 1 luận điểm

-Phương thức thực hiện :hoạt động cá nhân

-Sản phẩm là bài làm

-Phương án đánh giá :đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá.

-Tiến trình hoạt động

1. Chuyển giao nhiệm vụ

Bài tập 3/34-hoạt động cá nhân

2.Thực hiện nhiệm vụ

-HS suy nghĩ tình làm bài, nhận xét lẫn nhau

Học sinh :làm việc cá nhân bạn

-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.

Rút thành luận điểm và lập luận cho luận điểm:

*Ở truyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng”

- Luận điểm: Cái giá phải trả cho những kẻ dốt nát, kiêu ngạo.

- Luận cứ: Ếch sống lâu trong giếng, bên cạnh những con vật nhỏ bé. Các loài này sợ tiếng kêu của ếch. Ếch thấy mình oai phong như một vị chúa tể. Trời mưa to đưa ếch ra ngoài. Theo thói quen cũ, ếch đi nghênh ngang... bị con trâu giẫm bẹp.

- Lập luận: theo trình tự thời gian.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm các bt

-phương thức thực hiện : : hoạt động cá nhân, về nhà sưu tầm.

-Sản phẩm là bài làm

-Phương án đánh giá :đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá.

-Tiến trình hoạt động

1. Chuyển giao nhiệm vụ

Em hãy sưu tầm các luận điểm về tình thương và lập luận cho luận điểm đó.

2.Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện

3.Báo cáo kết quả : HS báo cáo kết quả vào tiết học hôm sau .

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.
- GV nhận xét,đánh giá vào h học hôm sau

Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Tiết :

THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Một số trạng ngữ thường gặp.
- Vị trí của trạng ngữ trong câu.

2. Năng lực:

*a. Năng lực chung:*Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết thành phần trạng ngữ của câu.
- Nhận biết các loại trạng ngữ.
- Biết sử dụng trạng ngữ khi đặt câu.

3.Phẩm chất:

- Chăm học, có ý thức sử dụng trạng ngữ trong đặt câu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: tạo tâm thế và hứng thú học tập cho hs

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

*GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv chia 2 nhóm, thực hiện các y/c sau:

- +Đặt câu về đề tài học tập bằng cấu trúc câu chỉ bao gồm CN,VN
- +Thêm trạng ngữ cho các câu đã đặt.

*Hs thực hiện nhiệm vụ: Hs làm việc cá nhân, trao đổi nhóm, thống nhất ý kiến.

* Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập

* Báo cáo kết quả

Vd: Chúng em học bài.

Trong lớp, chúng em học bài.

Buổi sáng, chúng em học bài.

Để đạt thành tích cao, chúng em học bài.

*Đánh giá kết quả: hs tự đánh giá, gv đánh giá hs

-GV vào bài mới

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>Hoạt động 1 : Đặc điểm của trạng ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: hs nắm được thế nào là trạng ngữ, trạng ngữ bổ sung cho câu những ý nghĩa nào cho câu, lấy được ví dụ về trạng ngữ... - Phương pháp dạy học: dạy học theo nhóm, đặt câu hỏi chung. - Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập và câu trả lời của hs -Cách tiến hành: <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên <p>+Hs đọc đ.trích (bảng phụ).</p> <p>?Thảo luận nhóm các câu hỏi sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.Dựa vào kiến thức tiểu học, hãy xác định trạng ngữ trong các câu trên? 2.Các trạng ngữ vừa tìm được bổ sung cho 	<p>I.Đặc điểm của trạng ngữ :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.Ví dụ 2.Nhận xét: <p>-Câu 1, 2: <i>Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày VN / dựng nhà,..., khai hoang. Tre / ăn ở với người, đời đời kiếp kiếp.</i></p> <p>->Bổ sung thông tin về thời gian, địa điểm.</p> <p>-Câu 6: <i>Cối xay tre nặng nề quay /, từ ngàn đời nay, / xay nắm thóc.</i></p> <p>->Thời gian.</p> <p>-Có thể chuyển các TN nói trên sang những v.trí đầu, giữa hoặc</p>

<p>câu những nội dung gì?</p> <p>3. Có thể chuyển các trạng ngữ trên sang những vị trí nào trong câu?...</p> <p>- Học sinh tiếp nhận...</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh hoạt động cá nhân, thảo luận, thống nhất ý kiến</p> <p>- Giáo viên: quan sát</p> <p>- Dự kiến sản phẩm...</p> <p>* Báo cáo kết quả</p> <p>- Đại diện 1 nhóm lên trình bày kq</p> <p>* Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>*GV: đưa thêm 1 số VD và đặt câu hỏi chung, hs nghe và trả lời miệng:</p> <p>? Xác định trạng ngữ và ý nghĩa của nó ?</p> <p>a. Nó bị điểm kém, vì <i>lười học</i>.</p> <p>b. <i>Để có kq cao trong học tập</i>, Lan phải nỗ lực học tập hơn nữa.</p> <p>c. <i>Bốp bốp</i>, nó bị hai cái tát.</p> <p>d. Nó đến trường <i>bằng xe đạp</i>.</p> <p>? Qua tìm hiểu VD cho biết: Về ND (ý nghĩa) TN được thêm vào câu để làm gì ?</p> <p>- Về ý nghĩa: TN thêm vào câu để xđ thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.</p> <p>? Về hình thức TN có thể đứng ở những v.trí nào trong câu ?</p> <p>- Về ht, trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, cuối câu hay giữa câu.</p>	<p>cuối câu.</p> <p>3. Ghi nhớ: sgk (39).</p>
--	---

<p>? Trạng ngữ và nòng cốt câu thường ngăn cách với nhau bằng dấu hiệu nào ?</p> <p>- Trạng ngữ ngăn cách với nòng cốt câu bằng một quãng nghỉ khi nói và một dấu phẩy khi viết.</p> <p>-Hs đọc ghi nhớ</p>	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:Hs vận dụng kiến thức bài học vào làm bài tập

2. Phương thức thực hiện:

+bài 1,2 hs làm việc cá nhân

+bài 3 làm việc theo nhóm cặp

3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của hs

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, gv đánh giá hs

5. Tiến trình hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên: Hs đọc và xác định yêu cầu của bài tập

- Học sinh tiếp nhận: nghe và thực hiện

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:suy nghĩ và trả lời miệng, thảo luận cặp đôi

- Giáo viên:nghe, quan sát, gọi nhận xét

- Dự kiến sản phẩm: câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:** hs trả lời miệng, trình bày kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

1. Bài 1(39):

a-Mùa xuân... ->CN và VN.

b-Mùa xuân ->TN th.gian.

c- ..mùa xuân. ->Phụ ngữ cho đt “ chuộng”

d-Mùa xuân ! ->Câu đ.biệt.

2. Bài 2, 3 (40):

a.

- Câu 1:Như báo trước...tinh khiết ->TN cách thức.
- Câu 2: Khi đi qua...xanh, mà hạt thóc... tươi ->TN nơi chốn.
- Câu 3: Trong cái vỏ xanh kia ->TN nơi chốn.
- Câu 4: Dưới ánh nắng ->TN nơi chốn.
- b-Với khả năng thích ứng... trên đây
- >TN cách thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu:vận dụng kiến thức đã học để đặt câu
2. Phương thức thực hiện:làm việc cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động:hs làm ra vở
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:hs tự đánh giá, gv đánh giá hs
5. Tiến trình hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên: đặt câu với mỗi loại trạng ngữ vừa học
- Học sinh tiếp nhận: về nhà làm ra vở

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh về nhà làm bài
- Giáo viên kiểm tra vào giờ sau
- Dự kiến sản phẩm:bài làm của hs

***Báo cáo kết quả: gv chấm vở hs**

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu:
2. Phương thức thực hiện:
3. Sản phẩm hoạt động:
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
5. Tiến trình hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên
- Tìm 1 số đv, thơ có sd trạng ngữ
- Học sinh tiếp nhận: về nhà sưu tầm

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: về nhà sưu tầm và ghi vào vở

- Giáo viên: kiểm tra vở hs
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs

***Báo cáo kết quả**

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

IV. Ghi chú và những vấn đề rút kinh nghiệm trước, trong và sau tiết dạy:

Tiết 87

TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đặc điểm của phép lập luận chứng minh trong bài văn nghị luận.
- Yêu cầu cơ bản về luận điểm, luận cứ của phương pháp lập luận chứng minh.
- Các bước làm bài văn lập luận chứng minh.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết phương pháp lập luận chứng minh trong văn bản nghị luận.
- Phân tích phép lập luận chứng minh trong văn bản nghị luận.
- Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn chứng minh

3. Phẩm chất:

- + Học tập tự giác, tích cực.
- + Yêu thích bộ môn.
- + Vận dụng vào thực tế bài làm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: tạo tình huống có vấn đề để hướng hs vào tìm hiểu nội dung bài học

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***GV chuyển giao nhiệm vụ:**

-GV cho tình huống

? Khi cần chứng minh cho ai đó tin rằng em là học sinh lớp 7 trường THCS...thì em sẽ làm thế nào?

***Học sinh tiếp nhận :** trả lời câu hỏi

- Dự kiến sản phẩm:em sẽ đưa phù hiệu, vở ghi bài học cho người đó để chứng minh.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài

Gv: Đây là 1 tình huống cần chứng minh trong đời sống, ta dùng những chứng cứ có thật để chứng minh lời nói của mình là đúng. Vậy, trong văn bản nghị luận, khi người ta chỉ được sử dụng lời văn để chứng tỏ 1 ý kiến nào đó là đúng sự thật, là đáng tin cậy ta làm thế nào, chúng ta tìm hiểu trong bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p>1. Mục tiêu:hs nắm được mục đích và phương pháp chứng minh</p> <p>2. Phương thức thực hiện:- Hoạt động chung cả lớp, hoạt động nhóm</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <p>- HS trả lời miệng.</p> <p>-Phiếu học tập của hs</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <p>- Học sinh tự đánh giá.</p> <p>- Học sinh đánh giá lẫn nhau.</p>	<p>I-Mục đích và phương pháp chứng minh:</p> <p>1. Mục đích của chứng minh</p> <p>-Trong đời sống:Chứng minh là dùng những chứng cứ xác thực để chứng tỏ điều gì đó là</p>

<p>- Giáo viên đánh giá.</p> <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên yêu cầu:câu hỏi của gv</p> <p>- Học sinh tiếp nhận: nghe và trả lời, trao đổi để trả lời</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh:trả lời miệng, đại diện báo cáo sản phẩm</p> <p>- Giáo viên:nghe và nhận xét</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:câu trả lời của hs</p> <p>*Báo cáo kết quả:hs trả lời miệng, đại diện báo cáo.</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>*Hoạt động chung:</p> <p>?Hãy nêu ví dụ và cho biết: Trong đời sống khi nào người ta cần CM ?</p> <p>HS : Những lúc cần bảo vệ ý kiến của mình (trước tập thể, trc người khác) là đúng, là có thật.</p> <p>Vd:</p> <p>+Khi cần cm mình là 1 công dân nước VN.</p> <p>+Khi cần cm về ngày sinh của mình.</p> <p>+CM mình không lấy bút của bạn.</p> <p>?Khi cần CM cho ai đó tin rằng lời nói của mình là thật, em phải làm như thế nào ?</p> <p>-Dùng những chứng cứ có thật để chứng minh: đưa chứng minh thư, giấy khai sinh, cho xem cặp sách...</p> <p>?Thế nào là CM trong đời sống ?</p>	<p>đáng tin cậy.</p> <p>-Trong văn bản nghị luận:Chứng minh là phép lập luận dùng những lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục để chứng tỏ 1 luận điểm nào đó là đáng tin cậy.</p>
---	---

<p>*Chứng minh là dùng những bằng chứng thuyết phục, bằng chứng ấy có thể là người (nhân chứng), vật (vật chứng), sự việc, số liệu...</p> <p>?Trong văn bản nghị luận, người ta chỉ sử dụng lời văn (không dùng nhân chứng, vật chứng) thì làm thế nào để chứng tỏ 1 ý kiến nào đó là đúng sự thật và đáng tin cậy ?</p> <p>-Gv: Những d.c trong văn nghị luận phải hết sức chân thực, tiêu biểu. Khi đưa vào bài văn phải được lựa chọn, p.tích. Dẫn chứng trong văn chương cũng rất đa dạng đó là những số liệu cụ thể, những câu chuyện, sự việc có thật. Và d.c chỉ có g.trị khi có xuất xứ rõ ràng và được thừa nhận.</p> <p>* Thảo luận nhóm:</p> <p>-HS đọc bài văn: “Đừng sợ vấp ngã” và thảo luận nhóm các câu hỏi sau:</p> <p>?Luận điểm cơ bản của bài văn này là gì?Hãy tìm những câu văn mang luận điểm đó?</p> <p>?Để khuyên ng. ta “đừng sợ vấp ngã”, bài văn đã lập luận như thế nào? Hãy nêu dẫn chứng cụ thể ?</p> <p>?Em hiểu thế nào là phép lập luận CM trong văn nghị luận ?</p> <p>? Hãy chỉ ra bố cục của bài văn và cách lập luận ?</p> <p>-Hs đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét bổ sung.</p> <p>-GV nhận xét và chốt ghi bảng :</p> <p>-Vấp ngã là thường: + Lần đầu tiên chập chững...</p>	<p>2. Phương pháp chứng minh</p> <p>a. Ví dụ: “ Đừng sợ vấp ngã”</p> <p>b.Nhận xét:</p> <p>*Luận điểm:Đừng sợ vấp ngã.</p> <p>* Câu văn mang luận điểm: + Đã bao lần bạn vấp ngã mà không hề nhớ... không sao đâu. + Vậy xin bạn chớ lo sợ thất bại. Điều đáng lo sợ hơn là bạn...hết mình.</p> <p>*Lập luận:</p> <p>- Vấp ngã là chuyện bình thường - Nhiều người nổi tiếng cũng từng vấp ngã nhưng đã thành công: 5 dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu</p> <p>- Điều đáng sợ là thiếu sự cố gắng</p> <p>*Bố cục: 3 phần</p> <p>MB: Nêu vấn đề chứng minh TB: Đưa ra dẫn chứng cụ thể KB: Kq luận điểm</p>
---	--

<p>+ Lần đầu tiên tập bơi...</p> <p>+ Lần đầu tiên đánh bóng bàn...</p> <p>- Đưa ra những người nổi tiếng cũng bị vấp ngã: Oan-Đít-xây đến En ri cô Ca ru xô là những người đã từng vấp ngã, những vấp ngã không gây trở ngại cho họ trở thành nổi tiếng.</p> <p>? Các chúng có dẫn ra có đáng tin cậy không ?</p> <p>Vì sao ? (Rất đáng tin cậy, vì đây đều là những người nổi tiếng, được nhiều người biết đến).</p> <p>GV : Để khuyên người ta đừng sợ vấp ngã thì đó sd pp lập luận CM bằng một loạt chứng cứ cụ thể, thật đáng tin cậy và thuyết phục.</p> <p>HS đọc ghi nhớ/42</p>	<p>*Ghi nhớ: SGK (42).</p>
--	----------------------------

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (hs làm trong tiết sau)

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: vận dụng kiến thức đã học vào làm 1 bài văn chứng minh 1 vấn đề

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động

- Phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyên giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu:

Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý cho đề văn: Chứng minh câu tục ngữ: “Có công mài sắt có ngày nên kim.”

- Học sinh tiếp nhận: về nhà làm theo nhóm

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân, trao đổi thống nhất ý kiến ra phiếu học tập

- Giáo viên: kiểm tra giờ sau

- Dự kiến sản phẩm: phiếu học tập của hs
- *Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm trình bày
- *Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu: Hs sưu tầm mở rộng kiến thức đã học

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân
- 3. Sản phẩm hoạt động
- Phiếu học tập cá nhân
- 4. Phương án kiểm tra, đánh giá
- Học sinh tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu:

Đọc bài đọc thêm “ Có hiểu đời mới hiểu văn” và tìm hiểu về việc triển khai các lí lẽ, dẫn chứng trong vbản

- Học sinh tiếp nhận: về nhà làm bài ra vở

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: về nhà làm bài ra vở
- Giáo viên: kiểm tra
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs

***Báo cáo kết quả**

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

IV. Ghi chú và những vấn đề rút kinh nghiệm trước, trong và sau tiết dạy:

Tiết 88:

TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đặc điểm của phép lập luận chứng minh trong bài văn nghị luận.
- Yêu cầu cơ bản về luận điểm, luận cứ của phương pháp lập luận chứng minh.
- Các bước làm bài văn lập luận chứng minh.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết phương pháp lập luận chứng minh trong văn bản nghị luận.
- Phân tích phép lập luận chứng minh trong văn bản nghị luận.
- Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn chứng minh

3. Phẩm chất:

- + Học tập tự giác, tích cực.
- + Yêu thích bộ môn.
- + Vận dụng vào thực tế bài làm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Mô tả phương pháp và kĩ thuật thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài học :

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kĩ thuật dạy học
A. Hoạt động khởi động	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.	- Kĩ thuật đặt câu hỏi
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Dạy học theo nhóm	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP	- Dạy học dự án - Dạy học theo nhóm	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác

D. Hoạt động vận dụng	- Dạy học theo nhóm	- Kỹ thuật học tập hợp tác
E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi

2. Tổ chức các hoạt động

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu:

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân.

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***GV chuyển giao nhiệm vụ:**

- HS trả lời câu hỏi sau:

? Thế nào là phép lập luận chứng minh?

? Lí lẽ và dẫn chứng trong bài văn chứng minh cần đạt được yêu cầu ntn?

***Học sinh tiếp nhận:** nghe và trả lời câu hỏi

- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, dẫn vào bài:

Giờ trước ta đã tìm hiểu và nắm được thế nào là phép lập luận chứng minh, giờ này ta vận dụng vào luyện tập.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p>1. Mục tiêu: hs vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập</p> <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <p>- Dạy học dự án</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <p>- Phiếu học tập của nhóm</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <p>- Học sinh tự đánh giá.</p>	<p><i>I-Mục đích và phương pháp chứng minh.</i></p> <p><i>II- Luyện tập:</i></p> <p>a. Luận điểm : Không sợ sai lầm</p> <p>* Câu văn mang luận điểm:</p> <p>- Bạn ơi nếu muốn sống 1 đời</p>

<p>- Học sinh đánh giá lẫn nhau.</p> <p>- Giáo viên đánh giá.</p> <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên yêu cầu:</p> <p>HS nêu câu hỏi thảo luận nhóm mà gv giao về nhà từ giờ trước</p> <p>? Bài văn nêu luận điểm gì? Hãy tìm những câu văn mang luận điểm đó?</p> <p>?Để chứng minh luận điểm của mình, người viết nêu ra những luận cứ nào? Những luận cứ ấy có hiển nhiên, có sức thuyết phục không?</p> <p>?Cách lập luận chứng minh bài này có gì khác bài: “Đừng sợ vấp ngã”?</p> <p>- Học sinh tiếp nhận: nêu câu hỏi</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh:thảo luận theo nhóm đã chia, ghi kết quả ra phiếu học tập của nhóm</p> <p>- Giáo viên:kiểm tra sự chuẩn bị của hs</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:Phiếu học tập của hs</p> <p>*Báo cáo kết quả:đại diện 1 nhóm lên trình bày</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p>	<p>mà k phạm sai lầm, thì hoặc là ảo tưởng, hoặc là hèn nhất..</p> <p>- Người sợ sai lầm là người sợ hãi thực tế, k bao giờ có thể tự lập</p> <p>- Sai lầm cũng có 2 mặt. Tuy nó đem lại tổn thất, nhưng nó cũng đem đến bài học cho đời.</p> <p>- Thất bại là mẹ của thành công.</p> <p>-Những người sáng suốt..sp của mình.</p> <p>b-Luận cứ:</p> <p>- Đ 2: + Bạn sợ sặc nc thì bạn không biết bơi, bạn sợ nói sai thì bạn không nói được ngoại ngữ.</p> <p>+Một người không chịu mất gì thì sẽ không được gì.</p> <p>- Đ 3: + Nếu bạn bước vào tương lai...sai lầm.</p> <p>+ Nếu người khác bảo sai chưa chắc bạn đó sai...khác nhau.</p> <p>+ Tiếp tục ... trắc trở.</p> <p>Đ 4: + Bạn không phải là ng liều lĩnh ...sai lầm.</p> <p>+ Có người phạm sai lầm thì chán nản.</p> <p>+ Có kẻ sai lầm thì rồi tiếp tục sai lầm thêm.</p> <p>+ Người biết suy nghĩ tiến lên.</p>
--	--

	<p>c.Cách lập luận CM ở bài này khác với bài “Đừng sợ vấp ngã”: Bài “Không sợ sai lầm” người viết dùng lí lẽ để CM, còn bài “Đừng sợ vấp ngã” chủ yếu dùng dẫn chứng để CM.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: vận dụng kiến thức đã học vào làm 1 bài văn chứng minh 1 vấn đề

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động

- Phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu:hs nhắc lại nhiệm vụ của giờ trước:

 Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý cho đề văn: Chứng minh câu tục ngữ: “Có công mài sắt có ngày nên kim.”

- Học sinh tiếp nhận: nhắc lại nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Đại diện 1 nhóm lên trình bày

- Giáo viên: nghe , theo dõi kết quả của hs

- Dự kiến sản phẩm: phiếu học tập của hs

***Báo cáo kết quả:**đại diện nhóm trình bày

MB: Giới thiệu luận điểm cần cm: lòng kiên trì, ý chí nghị lực là yếu tố quyết định sự thành công.

 Trích dẫn câu TN.

TB:

*Giải thích nội dung ý nghĩa :

NĐ:

NB: Nếu kiên trì, có ý chí, nghị lực, quyết tâm vượt khó thì sẽ đạt được thành công trong cs.

* Chứng minh

- Dựa trên lí lẽ:

- Dựa trên dẫn chứng:

+Trong học tập...

+Trong nghiên cứu khoa học...

+Trong lao động sản xuất...

+Trong thể thao...

*KB: khẳng định ý nghĩa của luận điểm, rút ra bài học.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

1. Mục tiêu: Hs sưu tầm mở rộng kiến thức đã học

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động

- Phiếu học tập cá nhân

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu:

Sưu tầm 1 số bài văn chứng minh và học tập cách làm bài văn chứng minh.

- Học sinh tiếp nhận: về nhà làm bài ra vở

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: về nhà làm bài ra vở

- Giáo viên: kiểm tra

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs

***Báo cáo kết quả:** hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

IV.Ghi chú và những vấn đề rút kinh nghiệm trước, trong và sau tiết dạy:

TUẦN 23

Tiết - Tiếng Việt:

THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU (Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU: Giúp học sinh

1. Kiến thức:

- Công dụng của trạng ngữ.
- Cách tách trạng ngữ thành câu riêng.

2. Năng lực:

*a. Năng lực chung:*Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Phân tích tác dụng của thành phần trạng ngữ của câu.
- Tách trạng ngữ thành câu riêng.

3.Phẩm chất:

- Chăm học, biết sử dụng trạng ngữ khi đặt câu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bảng phụ
- Giao nhiệm vụ chuẩn bị bài cụ thể cho học sinh

2. Chuẩn bị của học sinh: Soạn bài

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: tạo tâm thế và hứng thú học tập cho HS
2. Phương thức thực hiện:
 - Hoạt động cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của HS

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

* GV chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu tình huống, gợi ý cho HS trả lời

Trạng ngữ được coi là thành phần phụ của câu, nó bổ sung ý nghĩa cho nòng cốt câu. Vậy có khi nào trạng ngữ được dùng như một biện pháp tu từ không?

* HS thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân.

* Sản phẩm hoạt động: HS trả lời

* Báo cáo kết quả

* Đánh giá kết quả: HS tự đánh giá

GV vào bài mới: Câu trả lời sẽ có trong bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p>1. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- HS nắm được công dụng của trạng ngữ- Lấy được ví dụ về công dụng của trạng ngữ... <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hoạt động cá nhân- Hoạt động nhóm- Hoạt động chung cả lớp <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none">- Phiếu học tập cá nhân- Phiếu học tập của nhóm <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh tự đánh giá.- Học sinh đánh giá lẫn nhau.- Giáo viên đánh giá. <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p>* <i>Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Giáo viên treo bảng phụ chứa ví dụ sgk- Phát phiếu học tập- Nêu yêu cầu: HS thảo luận nhóm (2 bàn một	<p><u>I. Công dụng của trạng ngữ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><u>1. Ví dụ:</u><u>2. Nhân xét</u>

<p>nhóm)</p> <p>? Tìm TN ở 2 ví dụ?</p> <p>? Các trạng ngữ trên có td gì?</p> <p>? Hãy thử bỏ các trạng ngữ có trong đoạn văn trên? Đọc đoạn văn đó?</p> <p>? TN không phải là thành phần bắt buộc của câu, nhưng vì sao trong các câu văn trên, ta không nên hoặc không thể lược bớt TN?</p> <p>? TN có vai trò gì trong việc thể hiện trình tự lập luận ấy?</p> <p>- Học sinh tiếp nhận yêu cầu: quan sát, lắng nghe</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: + Làm việc các nhân + trao đổi trong nhóm, thống nhất ý kiến vào phiếu htập</p> <p>- Giáo viên: Quan sát, đôn đốc, nhắc nhở, động viên và hỗ trợ HS khi cần</p> <p>- Dự kiến sản phẩm: Phiếu học tập của mỗi nhóm đã trả lời đủ các câu hỏi</p> <p>* Báo cáo kết quả:</p> <p>- Giáo viên gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả</p> <p>- Nhóm khác bổ sung</p> <p>? Thông thường lá bàng có màu gì ? (xanh)</p> <p>? Vậy khi nào lá bàng có màu đồng hung? vào mùa đông</p> <p>? Các trạng ngữ trên có td gì?</p> <p>- Nội dung câu chính xác, khách quan, dễ hiểu</p> <p>- Sẽ làm cho ý tưởng câu văn được thể hiện sâu sắc, biểu cảm hơn.</p> <p>? Hãy thử bỏ các trạng ngữ có trong đoạn văn trên? Đọc đoạn văn đó?</p> <p>? TN không phải là thành phần bắt buộc của</p>	<p>a. -Thường thường, vào khoảng đó - Sáng dậy. Chỉ độ 8,9 giờ sáng -> Chỉ thời gian. - Trên dàn thiên lí - Trên nền trời trong trong. -> Chỉ địa điểm.</p> <p>b. Về mùa đông-> Chỉ thời gian.</p>
--	---

<p>câu, nhưng vì sao trong các câu văn trên, ta không nên hoặc không thể lược bớt TN ?</p> <p>? TN có vai trò gì trong việc thể hiện trình tự lập luận ấy?</p> <p>? Công dụng của TN khi thêm vào câu?</p> <p>-> Nối kết các câu, các đoạn làm cho bài văn được mạch lạc.</p> <p>* Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>-> Đó là nội dung ghi nhớ SGK.</p> <p>Gọi HS đọc ghi nhớ.</p> <p>1. Mục tiêu: - HS nắm vững được những trường hợp tách trạng ngữ thành câu riêng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết tách trạng ngữ thành câu riêng. <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cá nhân - Học sinh trao đổi cặp đôi - Hoạt động chung cả lớp <p>3. Sản phẩm hoạt động: phần trình bày miệng của học sinh trước lớp hoặc trên bảng phụ</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p>* <i>Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên treo bảng phụ chứa ví dụ sgk <p>? Nêu yêu cầu HS quan sát ví dụ trao đổi cặp</p>	<p>- Các trạng ngữ trên có tác dụng liên kết giữa các câu tạo thành mạch thống nhất</p> <p>-> Không nên lược bỏ TN vì lược bỏ nội dung đoạn văn không đầy đủ.</p> <p>- Trong văn nghị luận, phải sắp xếp luận cứ theo những trình tự nhất định (th.gian, kh.gian, ng.nhân-k.quả...) -> Nối kết các câu, các đoạn làm cho bài văn mạch lạc.</p> <p>3. <u>Ghi nhớ</u>: sgk/46.</p> <p><u>II. Tách trạng ngữ thành câu riêng</u>:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ví dụ: 2. Nhận xét:
---	---

đôi trả lời câu hỏi

? *Câu in đậm có gì đặc biệt? Việc tách câu như vậy có tác dụng gì?*

- Học sinh tiếp nhận yêu cầu: quan sát, lắng nghe

* Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh:

+ Làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi

- Giáo viên: Quan sát, vấn đáp, động viên và hỗ trợ khi cần

- Dự kiến sản phẩm:

? Câu gạch chân có gì đ. biệt ?

- TN được tách thành câu riêng để nhấn mạnh ý

? Việc tách TN thành câu riêng như trên có t.d gì ?

? Trường hợp sau có thể tách trạng ngữ thành câu được không?

“Chỉ độ tám giờ sáng. Trời trong trẻo, sáng bừng”.

? Từ đó cho biết ở vị trí nào trạng ngữ có thể tách thành câu riêng?

Gọi HS đọc ghi nhớ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: HS biết vận dụng những k/thức vừa tiếp thu về câu rút gọn để giải quyết các dạng bài tập liên quan

2. Phương thức thực hiện: Kết hợp hoạt động các nhân, hoạt động cặp đôi, hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động:

+ Phân trình bày miệng

+ Trình bày trên bảng

+ Trình bày trên phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- TN thứ 2 được tách thành câu riêng.

- Tác dụng: Nhấn mạnh ý.

3. Ghi nhớ 2: sgk (47).

III. Luyện tập:

- Học sinh tự đánh giá.
 - Học sinh đánh giá lẫn nhau.
 - Giáo viên đánh giá.
5. Tiến trình hoạt động (lần lượt thực hiện các bài tập
- HS đọc bài 1, nêu yêu cầu của bài tập
 - Yêu cầu hoạt động nhóm trên phiếu học tập:
? Tìm trạng ngữ và chỉ ra công dụng của trạng ngữ?
 - Cách thực hiện: Học sinh làm việc cá nhân -> làm việc nhóm -> thống nhất kết quả vào phiếu học tập -> đại diện trình bày trước lớp
 - Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung
 - GV chốt phương án đúng

? Bài tập 2 yêu cầu điều gì?

GV y/c HS trao đổi cặp đôi

Giảng: Đây là đoạn văn trích từ văn bản "Hòn Đất" của Anh Đức miêu tả cảnh 4 người lính quốc gia chán ghét cảnh bắn giết đồng bào ta họ thường lui tới kiếm ông già để nghe đờn, để đỡ nhớ quê hương, gia đình.

1. Bài tập 1:

a. Ở loại bài thứ nhất; ở loại bài thứ 2

b. Đã bao lần; Lần đầu tiên chập chững bước đi; lần đầu tiên tập bơi; lần đầu tiên chơi bóng bàn; lúc còn học phổ thông

=> Trong 2 đoạn trích trên, trạng ngữ vừa có tác dụng bổ sung những thông tin tình huống, vừa có tác dụng liên kết luận cứ trong mạch lập luận của bài văn, giúp cho bài văn trở nên rõ ràng dễ hiểu

2. Bài tập 2:

- Năm 72 – trạng ngữ chỉ thời gian có tác dụng nhấn mạnh đến thời điểm hi sinh của nhân vật được nói đến trong câu đứng trước

- Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ đờn li biệt, bòn chòn – Có tác dụng làm nổi bật thông tin ở nòng cốt câu (Bốn người lính đều cúi đầu, tóc xóa gôi). Nếu không tách trạng ngữ ra thành câu riêng, thông tin ở nòng cốt có thể bị thông tin ở trạng ngữ lấn át (bởi ở vị trí cuối câu, trạng ngữ có ưu thế được nhấn mạnh về thông tin). Sau nữa việc tách câu

<p>? Bài tập 3 yêu cầu điều gì? HS làm việc cá nhân- trình bày. GV nhận xét, sửa chữa.</p>	<p>như vậy còn có tác dụng nhấn mạnh sự tương đồng của thông tin mà trạng ngữ biểu thị, so với thông tin ở nòng cốt câu</p> <p>3. Bài tập 3:</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: vận dụng kiến thức đã học để tìm trạng ngữ và công dụng của nó
2. Phương thức thực hiện: làm việc cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động: HS làm ra vở
4. Phương án kiểm tra, đánh giá: HS tự đánh giá, GV đánh giá HS
5. Tiến trình hoạt động:

- * Chuyển giao nhiệm vụ
- Xác định và gọi tên trạng ngữ:
 - Sáng hôm ấy, tôi dậy sớm hơn mọi ngày.-> TN chỉ thời gian.
 - Giữa mùa vàng lúa chín, hiện lên một cái chòi canh.-> TN chỉ nơi chốn.
- * Thực hiện nhiệm vụ
 - Học sinh về nhà làm bài
 - Giáo viên kiểm tra vào giờ sau
 - Dự kiến sản phẩm: bài làm của HS
- * Báo cáo kết quả: GV chấm vở HS
- * Đánh giá kết quả
 - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 4: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

1. Mục tiêu:
 2. Phương thức thực hiện:
 3. Sản phẩm hoạt động:
 4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
 5. Tiến trình hoạt động:
- * Chuyển giao nhiệm vụ
 - ? Tìm trong các văn bản đã học và đọc thêm các câu có trạng ngữ, chỉ ra công dụng của nó?
 - Học sinh tiếp nhận

- * Thực hiện nhiệm vụ
- Học sinh: về nhà sưu tầm và ghi vào vở
- Giáo viên: kiểm tra vở hs
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs
- * Báo cáo kết quả
- * Đánh giá kết quả
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

RÚT

KINH

NGHIỆM:

.....

.....

.....

TUẦN 23

Bài 22 - Tiết : Tập làm văn:

CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH.

I. MỤC TIÊU: Giúp học sinh

1. Kiến thức:

- Đặc điểm của phép lập luận chứng minh trong bài văn nghị luận.
- Yêu cầu cơ bản về luận điểm, luận cứ của phương pháp lập luận chứng minh.
- Các bước làm bài văn lập luận chứng minh.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết phương pháp lập luận chứng minh trong văn bản nghị luận.
- Phân tích phép lập luận chứng minh trong văn bản nghị luận.
- Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn chứng minh

3. Phẩm chất:

- + Học tập tự giác, tích cực.
- + Yêu thích bộ môn.
- + Vận dụng vào thực tế bài làm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bảng phụ
- Giao nhiệm vụ chuẩn bị bài cụ thể cho học sinh

2. Chuẩn bị của học sinh: Soạn bài

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU(5 phút)

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương pháp: Đóng vai
- Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm
- Sản phẩm hoạt động: Tiểu phẩm HS đóng
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
- + Học sinh đánh giá và học tập nhau
- + GV đánh giá HS thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đóng vai, yêu cầu từ giờ trước.

2. HS thực hiện:

- HS đóng vai.
- + Các nhân vật *Luận điểm*, *Luận cứ*, *Lập luận* lần lượt nói vai trò của mình trong bài văn NL. Bất ngờ anh *Bố cục* chạy ra và nói: Các anh có quan trọng như nào mà không có sự chỉ đạo, sắp xếp của tôi thì cũng không có được một bài văn nghị luận hay. Và các anh cùng tôi làm nên một bài văn hay lại đòi hỏi phải tuân thủ các bước làm một bài văn. Tôi nói như vậy đúng không các bạn. Nếu đúng thì các bạn hãy trả lời các bước làm bài văn nghị luận chứng minh.
- Nhiệm vụ: Qua xem tình huống, HS xác định vai trò của LD, LC, LL cũng như các bước tạo lập văn bản. Chứ chưa nắm được các bước làm bài văn nghị luận chứng minh. Nhờ cô giáo giải đáp.
- + Tìm hiểu đề.
- + Tìm ý, lập dàn ý.
- + Viết bài.
- + Kiểm tra lại.

Vậy quy trình làm một bài văn nghị luận chứng minh có gì khác với quy trình trên không? Câu trả lời sẽ có trong bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>Hoạt động 1: Các bước làm bài văn lập luận chứng minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh nắm được các bước làm bài văn lập luận chứng minh. Thực hành các bước làm bài văn lập luận chứng minh. - Phương pháp: Thảo luận nhóm, thuyết trình, đàm thoại, quy nạp. - Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Cách thức thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> ? Nhắc lại các bước làm một bài văn? + Tìm hiểu đề. + Tìm ý, lập dàn ý. + Viết bài. + Đọc và sửa chữa. ? Một học sinh đọc phần tìm hiểu đề, tìm ý? ? Một HS đọc phần lập dàn ý? ? Một HS đọc các đoạn văn trong SGK? * Chuyển giao nhiệm vụ: <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Tìm hiểu đề, tìm ý cho bài văn nghị luận chứng minh cần thực hiện những bước nào? Dựa vào đâu em thực hiện được các yêu cầu đó? - Nhóm 2: Trình bày dàn ý của bài văn Nghị luận chứng minh. - Nhóm 3: Có mấy cách viết mở bài? Là những cách nào? Lưu ý gì khi viết các đoạn văn trong bài nghị luận chứng minh? * Thực hiện nhiệm vụ: <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm đọc nội dung thảo luận của nhóm mình trong sách giáo khoa, thảo luận trả lời câu hỏi vào phiếu học tập. - Các nhóm lần lượt trao đổi phiếu học tập 	<p>I. Các bước làm bài văn lập luận chứng minh:</p> <p>1. <u>Tìm hiểu đề tìm ý:</u></p> <p>a. <u>Tìm hiểu đề:</u></p> <p><u>Đề:</u> Nhân dân ta thường nói: "Có chí thì nên". Hãy chứng minh tình đúng đắn của câu tục ngữ đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định yêu cầu chung của đề CM, tư tưởng của câu tục ngữ là đúng đắn. - Câu tục ngữ khẳng định: Chí là ý chí hoài bão, sự kiên trì của bản thân. Ai có nó thì sẽ thành công. <p>b. <u>Tìm ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí lẽ: Trong cuộc sống bất cứ việc gì, dù có vẻ đơn giản nhưng ta không chú tâm kiên trì liệu có làm được không. - Huống chi ở đời luôn có những

cho nhau và bổ sung ý kiến bằng bút màu khác.

- HS dán kết quả lên bảng
- GV chữa và kết luận

* Dự kiến sản phẩm:

a. N1:

* Tìm hiểu đề

- Đọc đề, xác định từ quan trọng.
- Xác định thể loại, yêu cầu của đề

+ Thể loại: Nghị luận chứng minh.

+ Nội dung: Câu tục ngữ.

+ Yêu cầu: CM tính đúng đắn của câu tục ngữ - Các bước làm:

+ Đọc đề và gạch chân những từ quan trọng:

Có chí thì nên, Chứng minh.

+ Chỉ ra nội dung, thể loại, yêu cầu của đề.

* Tìm ý: Trả lời câu hỏi: Là gì? Vì sao? Làm như thế nào? Đề CM cho luận điểm này ta có mấy cách? Đó là gì? Đó là những lí lẽ, dẫn chứng nào?

b. Nhóm 2:

- MB: Nêu luận điểm cần được CM

- TB: Nêu lí lẽ và dẫn chứng để chứng tỏ luận điểm là đúng đắn.

- KB: Nêu ý nghĩa của luận điểm.

=> Chú ý lời văn kết bài hô ứng với mở bài.

Các đoạn trong bài phải liên kết chặt chẽ qua các hình thức chuyển tiếp ý. Dẫn chứng trong thực tế cuộc sống, trong các tác phẩm văn học.

thử thách, khó khăn. Nếu gặp khó khăn mà bỏ dở thì chẳng làm gì được.

- Dẫn chứng : Nguyễn Ngọc Kí, các vận động viên, Cô Pa- đư- la...

- Oan Đix-nây, Lu-i Paxtơ, Lép-Tôn- xtôi.

2. Lập dàn ý:

a. MB: Nêu vai trò của chí trong đời sống con người (nêu luận điểm chứng minh).

b. TB: CM luận điểm đã nêu ở phần MB.

* Xét về lí:

- Chí là điều kiện rất cần.

- Ko có chí không làm được gì .

* Về thực tế:

- Người có chí đều thành công.

- Chí giúp ta vượt qua những khó khăn.

Dẫn chứng: Nguyễn Ngọc Kí, các vận động viên, Cô Pa-đư-la.....

3. Viết bài:

a. Viết đoạn mở bài:

- Có 3 cách: Đi thẳng vào vấn đề, suy từ chung đến riêng, suy từ tâm lí con người

c. Nhóm 3:

- Có 3 cách viết mở bài: Đi thẳng vào vấn đề, suy từ chung đến riêng, suy từ tâm lí con người

- Viết đoạn thân bài cần lưu ý:

+ Viết đoạn có sự liên kết: Dùng các từ liên kết: Như vậy, thật vậy, như đã nói ở trên.

+ Viết đoạn phân tích lí lẽ: Nêu lí lẽ trước rồi mới phân tích lí lẽ.

+ Viết đoạn CM:

. Chọn dẫn chứng tiêu biểu.

. Sắp xếp dẫn chứng theo 1 trật tự hợp lí.

. Dẫn chứng người trong nước.

. Người ngoài nước.

c. Viết đoạn kết bài:

Hô ứng với luận điểm CM

? Đọc và sửa chữa bài, cần lưu ý điều gì?

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- củng cố kiến thức đã học trong bài

b. Viết đoạn thân bài:

* Viết đoạn liên kết: Dùng các từ liên kết: Như vậy, thật vậy, như đã nói ở trên.

* Viết đoạn phân tích lí lẽ: Nêu lí lẽ trước rồi mới phân tích lí lẽ.

* Viết đoạn CM:

- Chọn dẫn chứng tiêu biểu.

- Sắp xếp dẫn chứng theo 1 trật tự hợp lí.

+ Dẫn chứng người trong nước.

+ Người ngoài nước.

c. Viết đoạn kết bài:

Hô ứng với luận điểm CM

4. Đọc và sửa chữa bài:

Kiểm tra sửa lại những hạn chế trong bài viết.

* Ghi nhớ : SGK/50

II. Luyện tập

- Hai đề văn về cơ bản giống nhau vì đều mang ý nghĩa khuyên nhủ con người phải bền lòng, không nản chí

* Đề 1: Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ “Có công mài sắt, có ngày nên kim”

+ Tìm hiểu đề và tìm ý

a. Xác định yêu cầu chung của đề:
Cần chứng minh tư tưởng mà câu tục ngữ đã nêu là đúng đắn

b. Từ đó cho biết câu tục ngữ thể hiện điều gì ?

- Câu tục ngữ đã dùng 2 hình ảnh

- Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b. Nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK

c. Phương thức tiến hành: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

d. Sản phẩm hoạt động: Kết quả các bài tập đã hoàn thành.

đ. Phương án kiểm tra, đánh giá: Bằng chấm điểm theo nhóm và cá nhân.

e. Tiến trình hoạt động:

* GV chuyển giao nhiệm vụ

? Hai đề này có gì giống và khác so với đề văn đã làm mẫu ở trên ?

- HS đọc 2 đề bài.

- Hai đề văn về cơ bản giống nhau vì đều mang ý nghĩa khuyên nhủ con người phải bền lòng, không nản chí

? Em sẽ làm đề văn theo các bước nào?

? Lập dàn ý cho đề văn?

* Các nhóm thảo luận và báo cáo kết quả?

* Dự kiến sản phẩm.

Đề 1: Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ “Có công mài sắt, có ngày nên kim”

+ Tìm hiểu đề và tìm ý

a. *Xác định yêu cầu chung của đề:* Cần chứng minh tư tưởng mà câu tục ngữ đã nêu là đúng đắn

b. *Ý nghĩa câu tục ngữ:*

- Câu tục ngữ đã dùng 2 hình ảnh “ Mài sắt” và “ nên kim” để khẳng định: tính kiên trì nhẫn nại, sự bền lòng quyết chí là các yếu tố cực kì quan trọng giúp cho con người ta có

“Mài sắt” và “nên kim” để khẳng định: tính kiên trì nhẫn nại, sự bền lòng quyết chí là các yếu tố cực kì quan trọng giúp cho con người ta có thể thành công trong c/s.

c. *Muốn chứng minh có 2 cách lập luận:* Một là nêu lí lẽ rồi nêu dẫn chứng xác thực để minh họa ; hai là nêu các dẫn chứng xác thực trước rồi từ đó rút ra lí lẽ để khẳng định vấn đề.

* *Lập dàn bài :*

+ *MB:* Giới thiệu câu tục ngữ và nói rõ tư tưởng mà nó muốn thể hiện

+ *TB:* Nêu dẫn chứng cụ thể

Dùng lí lẽ để phân tích đúc kết

+ *KB:* Rút ra kết luận khẳng định tính đúng đắn của nhẫn nại, sự bền lòng quyết chí là các yếu tố cực kì quan trọng giúp cho con người ta có thể thành công trong c/s.

thể thành công trong c/s.

c. Muốn chứng minh có 2 cách lập luận:

Một là nêu lí lẽ rồi nêu dẫn chứng xác thực để minh họa; hai là nêu các dẫn chứng xác thực trước rồi từ đó rút ra lí lẽ để khẳng định vấn đề.

d. Dàn ý:

+ *MB*: Giới thiệu câu tục ngữ và nói rõ tư tưởng mà nó muốn thể hiện

+ *TB*: Nêu dẫn chứng cụ thể

Dùng lí lẽ để phân tích đúc kết

+ *KB*: Rút ra kết luận khẳng định tính đúng đắn của nhận nại, sự bền lòng quyết chí là các yếu tố cực kì quan trọng giúp cho con người ta có thể thành công trong c/s.

* Nhóm trưởng trình bày – Lớp NX bổ sung

* GV kết luận:

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm các bt

- Phương pháp: hoạt động cá nhân,

- Phương thức thực hiện:

+ HĐ cá nhân, hđ chung cả lớp.

- Sản phẩm hoạt động: nội dung HS trình bày, phiếu học tập .

- Phương án đánh giá: HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau, GV đánh giá

- Tiến trình hoạt động:

* Chuyên giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ: ? Viết phần mở bài và kết bài cho hai đề văn trên?

- HS thực hiện nhiệm vụ hđ cá nhân

* Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm bài, trình bày, nhận xét lẫn nhau

- Giáo viên quan sát, động viên, hỗ trợ khi học sinh cần.

* Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

* Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu: HS mở rộng kiến thức đã học

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động

- Phiếu học tập cá nhân

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

*Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu:

? Viết hai đề trên thành bài văn hoàn thiện?

- Học sinh tiếp nhận: về nhà làm bài ra vở

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: về nhà làm bài ra vở

- Giáo viên: kiểm tra

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs

* Báo cáo kết quả

* Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

RÚT

KINH

NGHIỆM:
.....
.....
.....

Bài 22 - Tiết : Tập làm văn:

LUYỆN TẬP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

I. MỤC TIÊU: Giúp học sinh

1. Kiến thức:

- Củng cố những hiểu biết về cách làm bài làm văn lập luận CM.
- Vận dụng được những hiểu biết đó vào việc làm 1 bài văn nghị luận CM, đề CM 1 nhận định, 1 ý kiến về 1 vấn đề xã hội gần gũi.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Giáo dục HS biết dùng kiến thức đã học vào làm bài tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bảng phụ
- Giao nhiệm vụ chuẩn bị bài cụ thể cho học sinh

2. Chuẩn bị của học sinh: Soạn bài

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi
- Sản phẩm hoạt động: HS đưa ra các câu trả lời.
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày
 - + Giáo viên đánh giá học sinh
- Tiến trình hoạt động
 - * Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa ra câu hỏi: “Khi làm bài văn nghị luận chứng minh, thực tế khi làm bài em thường thực hiện những bước nào? Bỏ những bước nào? Khi bỏ như vậy em có gặp khó khăn gì ko?”

GV nêu câu hỏi, HS trao đổi với bạn trong bàn cặp đôi để trả lời câu hỏi sau đó trình bày trước lớp

2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau

Học sinh: làm việc cá nhân -> trao đổi với bạn cặp đôi

- Giáo viên quan sát, động viên, hỗ trợ khi học sinh cần.

3. Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

Cách thực hiện: GV yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm, 2 cặp nhận xét, bổ sung.

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học: Tiết trước các em đã biết cách làm bài văn lập luận CM. Tiết này chúng ta sẽ

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - củng cố kiến thức đã học tiết trước - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập <p>b. Nhiệm vụ: Hoàn thành bài tập trong SGK</p> <p>c. Phương thức tiến hành: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.</p> <p>d. Sản phẩm hoạt động: Kết quả các bài tập đã hoàn thành.</p> <p>đ. Phương án kiểm tra, đánh giá: Bảng chấm điểm theo nhóm và cá nhân.</p> <p>e. Tiến trình hoạt động:</p> <p>* <i>Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>GV y/c HS kiểm tra lại sản phẩm đã hoàn thiện</p> <p>Trình bày sản phẩm</p> <p>* <i>Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: suy nghĩ, trình bày 	<p><u>I. Chuẩn bị ở nhà</u></p> <p><u>Đề bài:</u> Chứng minh rằng nhân dân VN từ xưa đến nay luôn luôn sống theo đạo lí “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “Uống nước nhớ nguồn”</p>

- Giáo viên: Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày

- Dự kiến sản phẩm:

Sản phẩm của HS

3. Báo cáo kết quả:

- Học sinh đại diện nhóm trình bày ý kiến

- Nhóm khác bổ sung

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

HS tự ghi vở

? Đề này yêu cầu chúng ta làm gì?

- CM luận điểm ăn quả nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ nguồn.

? Vậy trước hết em phải hiểu ý nghĩa 2 câu tục ngữ này là gì?

1: Lòng biết ơn với những người tạo ra thành quả cho ta hưởng thụ.

2: Uống nước phải nhớ đến nguồn gốc sinh ra dòng nước đó -> lòng biết ơn ông bà, tổ tiên, nguồn cội của bản thân.

- Lòng biết ơn đối với người tạo ra thành quả để chúng ta hưởng đó là lí lẽ đẹp đẽ của người VN.

- Chúng ta cần giải thích rõ về ý nghĩa hai câu tục ngữ này.

-> Để làm sáng tỏ đề này chúng ta cần phải có những ý, lí lẽ dẫn chứng nào

II. Thực hành trên lớp:

1. Tìm hiểu đề, tìm ý:

a. Tìm hiểu đề:

- Thể loại: NL chứng minh.

- Nội dung: Lòng biết ơn những người đã tạo ra thành quả để mình được hưởng. Phải nhớ về cội nguồn. Đó là một đạo lí sống đẹp đẽ của người VN.

b. Tìm ý:

- Giải thích 2 câu tục ngữ.

- **Dùng dẫn chứng để CM.**

2. Lập dàn ý

? Nếu là người cần được CM thì em có đòi hỏi người viết phải giải thích rõ hơn ý nghĩa 2 câu tục ngữ này ko? Vì sao?

? Em sẽ giải thích 2 câu tục ngữ đó như thế nào?

- Ăn quả phải nhớ đến kẻ trồng cây-> Khi hưởng thành quả lao động phải ghi nhớ đến người tạo ra thành quả đó.

? Giải thích xong nhiệm vụ quan trọng các em phải làm gì?

-> Đó là những dẫn chứng nào phân lập dàn ý các em sẽ rõ hơn

? Bài văn nghị luận có mấy phần? Nội dung từng phần?

+ MB: Nêu luận điểm cần CM

+ TB: Nêu lí lẽ và d/c làm sáng tỏ vđ CM

- các dẫn chứng này ta nên sắp xếp theo trình tự thời gian: Từ xưa -> nay.

+ KB: Nêu ý nghĩa luận điểm CM.

? Đối với đề này phần MB em sẽ làm gì

? Giải thích nội dung ý nghĩa của 2 câu tục ngữ?

? Ở phần thân bài các em sẽ làm gì?

? Để bài văn được mạch lạc ngoài dùng từ liên kết, người ta còn dùng cách đặt câu hỏi và trả lời, theo em đối với đề này em sẽ đặt những câu hỏi nào?

? Theo các em, vì sao ăn... nguồn?

- Vì đó là truyền thống của dân tộc, con người ai cũng có tổ tiên, nguồn cội.

? Ngoài câu hỏi đó, em còn đặt những câu hỏi nào?

-> Câu hỏi đó cũng chính là dẫn chứng cho bài văn này.

- Gọi HS đọc các dẫn chứng SGK.

? Theo em các dẫn chứng đó chúng ta có nên sắp

a. **MB:** Giới thiệu 2 câu tục ngữ "Ăn quả.... nguồn".

b. **TB:** Giải thích ý nghĩa 2 câu tục ngữ.

* **Vì sao: "Ăn..... Uống....."**

+ Đó là truyền thống của dt

+ Con người ai cũng có tổ tiên, cội nguồn.

* "Ăn quả.....; Uống"

Chúng ta phải làm gì?

+ **Từ xưa: Dân tộc VN luôn nhớ đến nguồn cội dân tộc.**

- **Dẫn chứng: Bàn thờ tổ tiên.**

+ **Đền thờ: vua Hùng + Trần Hưng Đạo.**

-> Điều đó thể hiện lòng hiếu thảo của con cháu đối với ông bà tổ tiên

+ **Ngày nay đạo lí ấy vẫn được con người phát huy.**

- **Nhà nào cũng có bàn thờ tổ tiên.**

- **Các lễ hội hàng năm: Giỗ tổ Hùng Vương, 27/ 7 ngày thương binh liệt sĩ, 20/ 11 ngày nhà giáo VN.**

- **Dẫn chứng câu ca dao: "Công cha..... đạo con".**

- **Người VN ko thể sống thiếu các truyền thống lễ**

<p>xếp theo 1 trật tự nào ko? Đó là trật tự nào? ? Tìm những dẫn chứng cụ thể thể hiện điều đó? ? Ngày nay thì sao? - Ngày nay đạo lý ấy vẫn còn phát huy ? Cụ thể ở nhà em có bàn thờ tổ tiên ko? Bàn thờ tổ tiên thể hiện điều gì của con cháu đối với ông bà? ? Ở VN hằng năm, có các lễ hội, ngày lễ nào thể hiện truyền thống "Ăn..... (Gợi ý: Tháng 3, tháng 7). ? Ngoài những d/c đó, em có thể bổ sung thêm những b/hiện nào khác cũng thể hiện đạo lý trên? - Những câu ca dao khuyên con người nhớ công lao của ông bà cha mẹ: Công cha nặng lắm..... đạo con. ? Người VN có thể sống thiếu các truyền thống lễ hội ấy được ko? Vì sao? <u>Giảng thêm:</u> Có thể thêm phần mở rộng vấn đề: Lên án thái độ vô ơn, bạc nghĩa của 1 số người. ? Ở phần kết bài các em sẽ làm gì? - Phát biểu suy nghĩ của em về đạo lý trên. ? Bước 3 chúng ta sẽ làm gì? GV kiểm tra kết quả thảo luận của HS ? Kết hợp bước 4 sửa chữa bài.</p>	<p>hội ấy được -> Đây là nét đẹp truyền thống của người VN. - Mở rộng vấn đề: Lên án kẻ vô ơn bạc nghĩa. c. KB: Khẳng định ý nghĩa của 2 câu tục ngữ trên.</p> <p>3. Viết bài: 4. Đọc lại và sửa chữa.</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm bt
- Phương pháp: hoạt động cá nhân
- Phương thức thực hiện:
- + HĐ cá nhân, hđ chung cả lớp.
- Sản phẩm hoạt động: nội dung HS trình bày, phiếu học tập .
- Phương án đánh giá: HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau, GV đánh giá
- Tiến trình hoạt động:
- * Chuyển giao nhiệm vụ
- GV giao nhiệm vụ: ? Viết phần mở bài và kết bài cho đề văn trên?

- HS thực hiện nhiệm vụ hđ cá nhân
- * Thực hiện nhiệm vụ
- HS làm bài, trình bày, nhận xét lẫn nhau
- Giáo viên quan sát, động viên, hỗ trợ khi học sinh cần.
- * Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.
- * Đánh giá kết quả
- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 4: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

1. Mục tiêu: HS mở rộng kiến thức đã học
2. Phương thức thực hiện:
 - Hoạt động cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động
 - Phiếu học tập cá nhân
4. Phương án kiểm tra, đánh giá
 - Học sinh tự đánh giá.
 - Học sinh đánh giá lẫn nhau.
 - Giáo viên đánh giá.
5. Tiến trình hoạt động
 - * Chuyển giao nhiệm vụ
 - Giáo viên yêu cầu: ? Viết đề trên thành bài văn hoàn thiện?
 - Học sinh tiếp nhận: về nhà làm bài ra vở
 - * Thực hiện nhiệm vụ
 - Học sinh: về nhà làm bài ra vở
 - Giáo viên: kiểm tra
 - Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs
 - * Báo cáo kết quả
 - * Đánh giá kết quả
 - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá

RÚT

KINH

NGHIỆM:

.....

.....

.....

Tuần 24. Bài 23 – Tiết 93: Đọc – Hiểu văn bản

ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ

(Phạm Văn Đồng)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Sơ giản về tác giả Phạm Văn Đồng.
- Đức tính giản dị của Bác Hồ được biểu hiện trong lối sống, trong quan hệ với mọi người, trong việc làm và trong sử dụng ngôn ngữ nói, viết hằng ngày.
- Cách nêu dẫn chứng và bình luận, nhận xét; giọng văn sôi nổi nhiệt tình của tác giả.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học bài, biết làm và làm thành thạo, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác, trao đổi, thảo luận về nội dung bài học.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Đọc – hiểu các văn bản nghị luận xã hội và nghị luận văn học.
- Đọc diễn cảm và phân tích nghệ thuật nêu luận điểm và luận chứng trong văn bản nghị luận.
- Xác định và phân tích luận điểm được triển khai trong văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất:

- Yêu quý và học tập theo Bác.
- Yêu quý trân trọng văn học dân tộc.
- Có ý thức vận dụng vào thực tế bài làm.
- Chăm chỉ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIỀN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
 - Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm
 - Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng
 - Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
 - Tiến trình hoạt động:
 1. Chuyển giao nhiệm vụ
 - Nhiệm vụ: ***Kể tên những tác phẩm viết về Bác Hồ kính yêu? Qua đó em thấy Bác Hồ có những phẩm chất gì?***
 - Phương án thực hiện:
 - + Thực hiện: ***Hoạt động nhóm***
 - Thời gian: 2 phút
 2. Thực hiện nhiệm vụ:
 - *. Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:
 - *. Giáo viên:
 - Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh
 - Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu hs hoạt động theo nhóm bàn để trả lời câu hỏi trong khoảng 2 phút
 - ***Dự kiến sản phẩm:*** Các bài viết, bài thơ: *Đêm nay Bác không ngủ- Minh Huệ,, Bác ơi!- Tố Hữu, Viếng lăng Bác- Viễn Phương, Người đi tìm hình của nước- Chế Lan Viên,*
 3. Báo cáo kết quả:
 - Học sinh báo cáo
 4. Nhận xét, đánh giá:
 - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá:
 - + tinh thần, ý thức hoạt động học tập
 - + kết quả làm việc
 - + bổ sung thêm nội dung
- => Vào bài: ở bài thơ Đêm nay Bác không ngủ của Minh Huệ, chúng ta đã rất xúc động trước hình ảnh giản dị của người cha mái tóc bạc suốt đêm không ngủ

đốt lửa cho anh đội viên nằm rồi nhón chân đi dếm chần từng người, từng người một. ...Còn hôm nay chúng ta lại thêm một lần nhận rõ hơn phẩm chất cao đẹp này của chủ tịch Hồ Chí Minh qua một đoạn văn xuôi nghị luận đặc sắc của cố thủ tướng Phạm Văn Đồng- Người học trò xuất sắc- người cộng sự gần gũi nhiều năm với Bác Hồ

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>HD 1: Tìm hiểu về tác giả và văn bản.</p> <p>Mục tiêu: Học sinh nắm được những nét chính về tác giả, cảm nhận được đức tính giản dị của Bác</p> <p>Phương pháp: thảo luận</p> <p>- Phương thức thực hiện:</p> <p>+ Hoạt động nhóm</p> <p>+ Hoạt động chung cả lớp</p> <p>- Sản phẩm hoạt động:</p> <p>+ phiếu học tập của nhóm</p> <p>- Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <p>+ Học sinh tự đánh giá.</p> <p>+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.</p> <p>+ Giáo viên đánh giá.</p> <p>- Tiến trình hoạt động:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên yêu cầu: <i>Hôm trước cô đã giao dự án cho các nhóm về nhà tìm hiểu về tác giả Phạm Văn Đồng và văn bản Đức tính giản dị của Bác Hồ. Bây giờ cô mời đại diện 1 nhóm lên báo cáo kết quả của nhóm mình ?</i></p> <p>- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: trình bày</p> <p>- Giáo viên: Lắng nghe học sinh trình bày</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>- <i>Phạm Văn Đồng(1906 - 2000) quê ở Đức Tân, Mộ</i></p>	<p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>- Phạm Văn Đồng (1906- 2000)</p> <p>– một cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh.</p> <p>- Ông từng là Thủ tướng Chính phủ trên ba mươi năm đồng thời cũng là nhà hoạt động văn hóa nổi tiếng.</p> <p>2. Văn bản:</p> <p>a. Xuất xứ và thể loại:</p> <p>- Văn bản trích từ diễn văn “ Chủ tịch HCM, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại” đọc trong lễ kỉ niệm 80 năm ngày sinh của Bác (1970)</p> <p>- Thể loại: nghị luận chứng minh</p> <p>Vấn đề chứng minh: Đức tính giản dị của Bác</p> <p>b. Đọc, chú thích, bố cục:</p>

Đức, Quảng Ngãi.

- Là nhà văn, nhà Cách Mạng nổi tiếng. Từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Đảng, Nhà nước.

- Có nhiều thời gian gần gũi với Bác và đã từng viết nhiều bài viết về Bác rất có giá trị.

- Trích trong bài: Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại.

- Đây là bài diễn văn trong lễ kỉ niệm 80 năm ngày sinh của Bác.

3. Báo cáo kết quả:

- Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình

- Mời các nhóm còn lại nhận xét phần trình bày của 2 nhóm.

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hs tự ghi vở

- GV bổ sung, nhấn mạnh và chốt kt

HD 2: Đọc, tìm hiểu chú thích, bố cục

Mục tiêu: Giúp hs rèn kĩ năng đọc, hiểu được nghĩa

Của một số từ khó và chia được bố cục văn bản

Phương pháp: **Thuyết trình, hoạt động cặp đôi**

Cách tiến hành:

Bước 1: Hướng dẫn đọc

- giọng điệu chậm rãi, rõ ràng, chú ý các vần lưng, ngắt nhịp ở vế đối trong câu hoặc phép đối giữa 2 câu.

- HS đọc, nhận xét.

Giải thích từ khó.

- HS giải thích -> lắng nghe -> hiểu nghĩa từ

Bước 2: Chia bố cục

Phương pháp: Thảo luận

<p>- Phương thức thực hiện + Hoạt động cặp đôi</p> <p>- Sản phẩm hoạt động: Chia bố cục văn bản trên phiếu học tập</p> <p>- Tiến trình:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ <i>Theo em bài này các em chia làm mấy phần, vì sao em lại chia như vậy?</i></p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: Hoạt động cặp đôi - Giáo viên: Quan sát - Dự kiến sản phẩm:</p> <p><u>Bố cục</u>: 2 phần</p> <p>- <u>Phần 1</u>: đầu -> tuyệt đẹp : Nhận định về đức tính giản dị của BH.</p> <p><u>Phần 2</u>: Tiếp -> hết: Những biểu hiện của đức tính giản dị của BH.</p> <p>3. Báo cáo kết quả:</p> <p>- Tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo kết quả - Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu hs lên trình bày kết quả - Học sinh nhóm khác bổ sung</p> <p>4. Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng GV chốt:</p> <p>HD 3</p> <p>Mục tiêu: HS hiểu được sự nhất quán giữa cuộc đời hoạt động chính trị sôi nổi, mạnh mẽ, vĩ đại với đời sống bình thường giản dị, khiêm tốn của Bác Hồ</p> <p>Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động chung cả lớp</p> <p>Phương pháp:</p>	
---	--

+ Hoạt động chung cả lớp

1. Chuyển giao nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ

Trong phần mở đầu tác giả đã viết 2 câu văn với nội dung gì ?

- Câu 1: Nêu nhận xét chung về đức tính giản dị và khiêm tốn của BH.

Câu 2: Giới thiệu nhận xét về đức tính của BH

Văn bản này tập trung làm nổi rõ phẩm chất nào của Bác?

- HS trả lời

- Từ “với” biểu thị quan hệ gì giữa 2 vế câu ? Tác dụng của sự đối lập đó là gì ?

- Sử dụng quan hệ từ đối lập có tác dụng bổ sung cho nhau cho ta thấy:

+ Bác là người chiến sĩ cách mạng tất cả vì dân, vì nước -> sự nghiệp chính trị lay trời chuyển đất

+ đời sống trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp -> vô cùng giản dị

Câu văn nêu luận điểm chính của bài cho ta hiểu gì về Bác?

- Bác Hồ vừa là bậc vĩ nhân lỗi lạc, phi thường vừa là người bình thường, rất gần gũi thân thương với mọi người.

Câu nào là câu giải thích nhận xét chung ấy? Đức tính giản dị của Bác được tác giả nhận định bằng những từ nào?

- Rất lạ lùng... là trong 60 năm của cuộc đời đầy sóng gió... *trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp.*

- Trong các từ đó từ nào quan trọng nhất ? vì sao?

- Từ thanh bạch vì nó thu tóm đức tính giản dị

Trong khi nhận định tác giả có thái độ như thế nào?

- Tác giả tin ở nhận định của mình, ngợi ca về đức tính ấy.

Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả ở

đoạn văn này?

- HS trả lời

Trong phần đặt vấn đề tác giả nêu ra sự tương phản nhưng thống nhất giữa đời sống chính trị và đời sống bình thường của Bác. Từ đó tg nhấn mạnh tầm quan trọng của đức tính giản dị, đặt nó trong mối quan hệ giữa cuộc đời hoạt động chính trị và đời sống hàng ngày để chỉ ra sự thống nhất. Đó là một khám phá lớn qua nhiều năm sống gần bó với Bác của P.V. Đồng

- Dự kiến sản phẩm:

- Làm nổi bật sự nhất quán giữa cuộc đời hoạt động chính trị sôi nổi, mạnh mẽ, vĩ đại với đời sống bình thường giản dị, khiêm tốn của Bác Hồ

3. Báo cáo kết quả:

- Tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo kết quả

- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu hs lên trình bày kết quả

- Học sinh nhóm khác bổ sung

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

GV chốt:

HD 3:

Mục tiêu: Học sinh nắm được những biểu hiện của đức tính giản dị của Bác Hồ:

Phương pháp: thảo luận nhóm

- Phương thức thực hiện:

+ Hoạt động nhóm

- Sản phẩm hoạt động:

+ phiếu học tập của nhóm có nội dung theo yêu cầu

- Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh tự đánh giá.

Bố cục: 2 phần

- Phần 1: đầu -> tuyệt đẹp : Nhận định về đức tính giản dị của BH.

Phần 2: Tiếp -> hết: Những biểu hiện của đức tính giản dị của BH.

II. Tìm hiểu văn bản:

1. Nhận định về đức tính giản dị của Bác Hồ:

+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.

+ Giáo viên đánh giá.

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Nhóm 1: Tìm hiểu đức tính giản dị của Bác Hồ thể hiện trong lời sống

Để làm rõ nếp sinh hoạt giản dị của Bác tác giả đã đưa ra những dẫn chứng nào? Nhận xét của em về các dẫn chứng trên?

Nhóm 2: Đức tính giản dị của Bác Hồ thể hiện trong quan hệ với mọi người

Để thuyết phục bạn đọc về sự giản dị của Bác trong quan hệ với mọi người, tác giả đã đưa ra những dẫn chứng cụ thể nào?

Những dẫn chứng nêu ra ở đây có ý nghĩa gì?

Nhóm 3,4: Đức tính giản dị của Bác Hồ thể hiện trong lời nói bài viết

- Để làm sáng tỏ sự giản dị trong cách nói và viết của Bác, tác giả đã dẫn những câu nói nào của Bác ?

*Vì sao tác giả lại dẫn những câu nói này ?
Khi nói và viết cho quần chúng nhân dân, Bác đã dùng những câu rất giản dị, vì sao ?
Vì sao tác giả lại dẫn những câu nói này ?*

- Giáo viên yêu cầu:- Học sinh các nhóm tiếp nhận:
Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: thảo luận nhóm

- Giáo viên: Quan sát, đến từng nhóm có thể gợi mở và lắng nghe các nhóm trao đổi, thảo luận

- Dự kiến sản phẩm:

*** Giản dị trong tác phong sinh hoạt và giản dị trong sinh hoạt với mọi người**

- Làm nổi bật sự nhất quán giữa cuộc đời hoạt động chính trị sôi nổi, mạnh mẽ, vĩ đại với đời sống bình thường giản dị, khiêm tốn của Bác Hồ
-> nêu vấn đề nghị luận ngắn gọn

- Bữa cơm của Bác: Chỉ vài ba món...tươi tất.
- Cái nhà nơi Bác ở: Cái nhà sàn...của hoa vườn.
 - + Bác viết thư cho một đồng chí cán bộ.
 - + Bác nói chuyện với các cháu thiếu nhi miền Nam.
 - + Đi thăm nhà tập thể của công nhân.
 - + Thăm nơi làm việc, phòng ngủ, nhà ăn của công nhân.
 - + Việc gì tự làm được Bác không cần người giúp việc.
 - + Đặt tên cho những người phục vụ quanh Bác với những cái tên mang nhiều ý nghĩa.

***Giản dị trong lời nói và cách viết.**

- Câu nói của Bác, những câu nói nổi tiếng:
 - + Không có gì quý hơn độc lập tự do.
 - + Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí ấy không bao giờ thay đổi.

Bác nói về những điều lớn lao bằng cách nói giản dị. -> Đây là những câu nói nổi tiếng của Bác, mọi người dân đều biết.

Khi nói và viết cho quần chúng nhân dân, Bác đã dùng những câu rất giản dị, vì sao ?

- Để mọi người dễ hiểu
- Vì muốn cho quần chúng hiểu được, nhớ được, làm được.

Vì sao tác giả lại dẫn những câu nói này ?

- Có sức tập hợp, lôi cuốn, cảm hoá lòng người.
 - Mỗi lời nói câu viết của Bác đã trở thành chân lí giản dị mà sâu sắc
- “ Tôi nói... không?”. Em hiểu ý nghĩa của lời bình luận này là gì ? Lời bình luận có ý nghĩa: Đề cao

2. Những biểu hiện của đức tính giản dị của Bác Hồ:

sức mạnh phi thường của lối sống giản dị và sâu sắc của Bác. Đó là sức mạnh khơi dậy, lòng yêu nước .

-> Từ đó khẳng định tài năng có thể viết thật giản dị về những điều lớn lao của Bác.

.3. Báo cáo kết quả:

- Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình

-Mời các nhóm còn lại nhận xét phần trình bày của 2 nhóm.

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hs tự ghi vở

- GV bổ sung, nhấn mạnh và chốt kt

? Em có nhận xét gì về cách nêu lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ luận điểm?

? Theo em, tác giả có thái độ như thế nào về đức tính giản dị của Bác Hồ?

->Tác giả cảm phục, ca ngợi chân thành, nồng nhiệt

GV bình: Bằng sự hiểu biết của mình, tác giả trân trọng và ca ngợi đức tính giản dị của Bác, đó cũng là phẩm chất cao đẹp của Người. Tác giả nói về những điều cao đẹp, vĩ đại bằng những ngôn từ giản dị và dễ hiểu đúng như những điều tác giả học được trong những năm tháng được sống cùng Bác.

HD 4: Tổng kết.

Mục tiêu: Học sinh nắm được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản

Phương pháp: thảo luận nhóm

- Phương thức thực hiện:

+ Hoạt động nhóm theo hình thức khăn phủ bàn

- Sản phẩm hoạt động:

+ kết quả của nhóm ở khăn phủ bàn

<p>- Phương án kiểm tra, đánh giá + Học sinh tự đánh giá. + Học sinh đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên đánh giá.</p> <p>- Tiến trình hoạt động:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên yêu cầu:</p> <p>?Nhóm 1,2:</p> <p>Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật trong văn bản nghị luận : Đức tính giản dị của Bác Hồ?</p> <p>?Nhóm 3,4: Trình bày nội dung của văn bản?</p> <p>- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: trình bày sản phẩm ra tờ giấy toki - Giáo viên: Quan sát, lắng nghe học sinh trình bày</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Nghệ thuật</p> <p>- Bài văn vừa có những chứng cứ cụ thể và những nhận xét sâu sắc, vừa thấm đượm những tình cảm chân thành của chính tác giả với Bác.</p> <p>Nội dung</p> <p>- Giản dị là đức tính nổi bật của Bác Hồ: Giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong lời nói và bài viết.</p> <p>- ở Bác sự giản dị hòa hợp với đời sống tinh thần phong phú với tư tưởng và tình cảm cao đẹp.</p> <p>3. Báo cáo kết quả:</p> <p>- Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình -Mời các nhóm còn lại nhận xét phần trình bày của 2 nhóm.</p> <p>4. Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung - Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	<p>a. <u>Giản dị trong lối sống:</u> -> Tác phong gọn gàng, ngăn nắp -> Lối sống thanh bạch tao nhã</p> <p>b. <u>Giản dị trong quan hệ với mọi người:</u> -> Gần gũi quan tâm tới mọi</p>
--	---

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hs tự ghi vở

- HS đọc ghi nhớ SGK

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:

1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức vừa học

2. Phương thức thực hiện: Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của hs

4. Phương án kiểm tra, đánh giá: Giáo viên đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

***Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ**

Bản thân em học được điều gì quan những đức tính giản dị của Bác Hồ?

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Trình bày trên giấy nháp

- Giáo viên: Giáo viên quan sát, động viên học sinh

Dự kiến sản phẩm:

- Ăn mặc giản dị phù hợp hoàn cảnh

- Luôn gần gũi, cởi mở, chân thành với mọi người

- Học tập, rèn luyện, noi theo tấm gương Bác Hồ

***Báo cáo kết quả**

Giáo viên gọi 2 đến 3 học sinh trình bày trước lớp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, nhấn mạnh

người

c. Giản dị trong lời nói và bài viết:

-> Bác dùng những câu nói nổi tiếng về ý nghĩa và ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thuộc, mọi người làm được

→ Dẫn chứng chọn lọc, tiêu biểu, rất đời thường, gần gũi với mọi người nên dễ hiểu, dễ thuyết phục.

Đưa ra dẫn chứng cụ thể, những câu nói nổi tiếng khẳng định lời nói bài viết của Bác thường ngắn gọn, dễ hiểu

-> Có sức tập hợp, lôi cuốn, cảm hoá lòng người.

yêu cầu

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Giúp học sinh biết vận dụng linh hoạt kiến thức vừa học vào thực tế đời sống

2. Phương thức thực hiện: Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá: Học sinh đánh giá Hs, Gv đánh giá Hs

5. Tiến trình hoạt động:

GV giao nv: Em học tập được gì từ cách nghị luận của tác giả trong văn bản này?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Trình bày trên giấy nháp

- Giáo viên: Giáo viên quan sát, động viên học sinh

Dự kiến sản phẩm:

- Tạo văn bản nghị luận cần kết hợp chứng minh, giải thích, bình luận- Cách chọn dẫn chứng tiêu biểu

- Người viết có thể bày tỏ cảm xúc

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

5. Tiến trình hoạt động:

- Suy tầm một số tác phẩm, bài viết hay một đoạn thơ hay, một mẫu chuyện kể về Bác để chứng minh đức tính giản dị của Bác Hồ?

*** Nhắc nhở:**

- Học thuộc lòng những câu văn hay trong văn bản.

- Chuẩn bị bài “Chuyển đổi câu.....”

IV. Rút kinh nghiệm:

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

- Nghệ thuật:

+ Có dẫn chứng cụ thể , lí lẽ bình luận sâu sắc,có sức thuyết phục.

+ Lập luận theo trình tự hợp lí.

2. Nội dung:

- Chứng minh đức tính giản dị của Bác hòa hợp với đời sống tinh thần phong phú, tư tưởng tình cảm cao đẹp

3. Ghi nhớ : (sgk trang 55)

IV. Luyện tập, củng cố:

.....
.....
.....

Tuần 24. Bài 23 – Tiết : Tiếng Việt

CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Khái niệm câu chủ động và câu bị động.
- Mục đích chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động và ngược lại.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết câu chủ động và câu bị động.
- Giải thích lí do lựa chọn.
- Biết đặt câu chủ động và câu bị động.

3. Phẩm chất:

- Chăm học, hoàn thành các bài tập được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: Bảng phụ, SGK, giáo án, SGV.

Những điều cần lưu ý: Tham gia cấu tạo câu bị động trong TV thường có các từ được, bị. Tuy nhiên cần phân biệt câu bị động với câu bình thường chứa các từ bị, được (câu bị động: Nó bị thầy phạt. Nó bị phạt. Nó được khen; câu bình thường: Cơm bị thiu. Nó được đi bơi.)

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HOC:

***HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm
- Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng

- Phương án kiểm tra, đánh giá:

+ Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi

+ Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Nhiệm vụ:

Xác định chủ thể, hành động, đối thể trong mỗi câu sau và cho biết hành động tác động lên chủ thể hay đối thể?

VD: (1) Tôi sút quả bóng.

(2) Ngôi chùa được nhân dân xây dựng từ thế kỉ XVII.

(3) Sân cỏ bị người ta dẫm nát.

- Phương án thực hiện:

+ Thực hiện: **Hoạt động nhóm**

- Thời gian: 2 phút

2. Thực hiện nhiệm vụ:

* Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

* Giáo viên:

- Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh

- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu hs hoạt động theo nhóm bàn để trả lời câu hỏi trong khoảng 2 phút

Dự kiến sản phẩm:

Câu	Chủ thể	Hành động	Đối thể
(1)	tôi	sút	quả bóng
(2)	nhân dân	xây dựng	ngôi chùa
(3)	người ta	dẫm nát	sân cỏ

-> Hành động tác động lên đối thể.

3. Báo cáo kết quả:

- Học sinh báo cáo

4. Nhận xét, đánh giá:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá:

+ tinh thần, ý thức hoạt động học tập

+ kết quả làm việc

+ bổ sung thêm nội dung

=> Để người đọc (nghe) hiểu được mục đích của nội dung câu nói – Trong Tiếng Việt có sử dụng 2 kiểu câu : câu chủ động và câu bị động, cùng với mục đích chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động. Câu chủ động là gì và câu bị động là gì ? Mục đích chuyển đổi kiểu câu ? Chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>Hoạt động 1.</p> <p>1.Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nắm được khái niệm câu chủ động, câu bị động . <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cá nhân - Hoạt động nhóm - Hoạt động chung cả lớp <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu học tập cá nhân - Phiếu học tập của nhóm <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên treo bảng phụ chứa ví dụ sgk <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> <p>Câu hỏi 1: Xác định CN của các câu trên?</p> </div> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu: hs thảo luận nhóm bàn *. VD: Yêu cầu hs làm việc theo nhóm: <p><i>Xác định CN của các câu trên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tiếp nhận yêu cầu: quan sát, lắng nghe <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: + Làm hoạt động cặp đôi 	<p><u>I. Câu chủ động và câu bị động:</u></p> <p>1.Ví dụ:</p> <p>2. Nhận xét:</p> <p>a. <u>Mọi người</u> / yêu mến em. CN VN</p> <p>b. <u>Em</u> / được mọi người yêu mến. CN VN</p> <p>c. <u>Con mèo</u>/ vỗ con chuột. CN / VN</p> <p>d. <u>Con chuột</u>/ bị con mèo vỗ. CN VN</p> <p>- a. Mọi người yêu mến em. c. Con mèo vỗ con chuột. ⇒Hai câu chủ động.</p>

- Giáo viên: Quan sát, đôn đốc, nhắc nhở, động viên và hỗ trợ hs khi cần

- Dự kiến sản phẩm:

Mọi người / yêu mến em.

CN VN

b. **Em** / được mọi người yêu mến.

CN VN

c. **Con mèo** / vô con chuột.

CN / VN

d. **Con chuột** / bị con mèo vô.

CN VN

***Báo cáo kết quả:**

- Giáo viên gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả

- Nhóm khác bổ sung

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Chuyển giao nhiệm vụ:

Nhóm 1,2: Câu hỏi 2

Nhóm 3,4: câu hỏi 3

Câu hỏi 2:

Trong 4 ví dụ trên hãy tìm những câu có chủ ngữ trực tiếp thực hiện hành động tác động lên vị ngữ?

Chủ ngữ câu trên thực hiện hành động gì? Làm chủ hoạt động gì? Hoạt động đó hướng vào ai?

Câu hỏi 3

Ở câu b và d ch ngữ có thực hiện hoạt động hướng vào người, vật khác không? Vì sao?

b. Em được mọi người yêu mến

d. Con chuột bị con mèo vô.

⇒ Hai câu bị động.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: **Hoạt động nhóm**

- Giáo viên: Quan sát, đôn đốc, nhắc nhở, động viên và hỗ trợ hs khi cần

** Dự kiến sản phẩm:*

Câu 2

- a. Mọi người yêu mến em.

c. Con mèo vỗ con chuột.

- Câu a: hành động "yêu mến" của chủ thể "mọi người" hướng vào đối tượng "em";

- Câu c: hành động "vỗ" của chủ thể "mèo" hướng vào đối tượng "con chuột".

- Chủ ngữ làm chủ hoạt động => hướng vào VN

Câu 3:

** Dự kiến sản phẩm:*

Không thực hiện hành động hướng vào người, vật khác.

- CN được (bị) hoạt động của người, vật khác hướng vào.

⇒ Chủ ngữ là đối tượng của hoạt động.

Qua phân tích các ví dụ 1 em hãy cho cô biết em hiểu thế nào là câu chủ động, thế nào là câu bị động?

***Báo cáo kết quả:**

- Giáo viên gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả

- Nhóm khác bổ sung

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Bài tập nhanh: Hoàn thành vào phiếu học tập xác

***Câu chủ động:**

- có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác.

*** Câu bị động:**

- có chủ ngữ chỉ người, vật được hoạt động của người, vật khác hướng vào.

3. Ghi nhớ (SGK)

định câu chủ động và câu bị động trong những câu sau:

Xác định câu chủ động, câu bị động.

a. Người lái đò đẩy thuyền ra xa

b. Bác được nhiều người tin yêu.

c. Đá được chuyển lên xe.

d. Mẹ rửa chân cho em bé.

e. Tàu hỏa bị bọn xấu ném đá lên.

f. Em bé được mẹ rửa chân cho.

Lưu ý: Tham gia cấu tạo câu bị động trong TV thường có các từ được, bị. Tuy nhiên cần phân biệt câu bị động với câu bình thường chứa các từ bị, được (câu bị động: Nó bị thầy phạt. Nó bị phạt. Nó được khen; câu bình thường: Com bị thiu. Nó được đi bơi.)

Hoạt động 2:

1. Mục tiêu:

- HS nắm được mục đích chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động .

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động

- Phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên treo bảng phụ chứa ví dụ sgk

GV treo bảng phụ ghi ví dụ:

- Thủy phải xa lớp ta, theo mẹ về quê ngoại.

Một tiếng ồ nổi lên kinh ngạc. Cả lớp sững sờ.

II. Mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động:

1. Ví dụ:

2. Nhận xét:

Em tôi là chi đội trưởng, là "Vua toán" của lớp từ mấy năm nay...,tin này chắc làm cho bạn bè xao xuyến.

a, Mọi người yêu mến em.

b, Em được mọi người yêu mến?

Hãy chọn một trong hai câu sau để điền vào dấu ... Giải thích cho sự lựa chọn của mình?

Theo em mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động là gì?

- Nêu yêu cầu: hs thảo luận nhóm

*. VD: Yêu cầu hs làm việc theo nhóm:

Xác định CN của các câu trên

- Học sinh tiếp nhận yêu cầu: quan sát, lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: hoạt động nhóm

- Giáo viên: Quan sát, hỗ trợ hs

- Dự kiến sản phẩm:

- Chọn câu b

- Vì câu b điền vào dấu ... cho phù hợp và tạo được tính liên kết: *Em tôi là chi đội trưởng, là "vua toán" từ mấy năm nay, em được mọi người yêu mến.*

- Biến đổi từ câu chủ động sang câu bị động là để thay đổi cách diễn đạt tránh lặp mô hình cấu trúc câu.

- Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động hay ngược lại là nhằm mục đích liên kết các câu trong đoạn văn.

- Tránh lặp mô hình câu

***Báo cáo kết quả:**

- Giáo viên gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả

- Nhóm khác bổ sung

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Chọn câu b: *Em được mọi người yêu mến.*

-> Vì :

-Tạo liên kết câu, câu văn có sự mạch lạc, thông nhất.

-Thay đổi cách diễn đạt

<p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>Bài tập bổ trợ:</p> <p>Câu 1:</p> <p>* <i>Xác định kiểu câu sau, chuyển sang kiểu câu khác với câu đã cho?</i></p> <p>- Bỏ tôi cho tôi cây bút.</p> <p>HS xác định:</p> <p>- Câu chủ động. - Chuyển sang câu bị động: + Tôi được bỏ cho cây bút. + Cây bút được bỏ cho tôi.</p> <p>=> Trong tiếng Việt, không ai nói : Học sinh bị phạt bởi thầy; em được mền bởi anh,... Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, đã bắt đầu xuất hiện một số lỗi nói theo khuôn mẫu này .VD: Chương trình này được tài trợ bởi LG.</p> <p>Câu 2:</p> <p>* <i>Xác định nội dung biểu thị của cặp câu sau?</i></p> <p>a. Sông ngòi bị cát bồi làm cho khô cạn dần. b. Cát bồi làm cho sông ngòi khô cạn dần.</p> <p>- Nội dung biểu thị: “ sông ngòi khô cạn dần”.</p> <p><i>-Việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động và ngược lại, nhằm mục đích gì ?</i></p> <p>Câu 3:</p> <p><i>- Cách diễn đạt của câu nào ở 2 đoạn văn trên đạt hiệu quả? Nêu ý nghĩa?</i></p> <p>(1) Nhà máy đã sản xuất được một số sản phẩm có giá trị. Khách hàng ở Châu Âu rất ưa chuộng các sản phẩm này.</p> <p>(2) Nhà máy đã sản xuất được một số sản phẩm có giá trị. <i>Các sản phẩm này được khách hàng Châu Âu rất ưa chuộng.</i></p>	<p>tránh lặp cấu trúc câu.</p> <p>3. Ghi nhớ 2: sgk (58).</p> <p>III. Luyện tập:</p> <p>Bài tập sgk: Tìm câu bị động trong các đoạn trích giải thích vì sao tác giả chọn cách viết như vậy?</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:

1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức vừa học
2. Phương thức thực hiện: Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.
3. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời của hs
4. Phương án kiểm tra, đánh giá: Giáo viên đánh giá học sinh
5. Tiến trình hoạt động

****Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ***

Làm bài tập phân luyện tập trong sgk

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

****Thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh: Trình bày trên giấy nháp
- Giáo viên: Giáo viên quan sát, động viên học sinh

Dự kiến sản phẩm: Các câu bị động:

(1) - Có khi (các thứ của quý) được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê...thấy;

- Nhưng cũng.....trong hòm.

(2) -Tác giả “Mấy vần thơ ” liền được tôn làm đương thời đệ nhất thi sĩ.

-> Trong các VD trên đây, tác giả chọn câu bị động nhằm tránh lặp lại kiểu câu đã dùng trước đó, đồng thời tạo liên kết tốt hơn giữa các câu trong đoạn

Giáo viên gọi 1 học sinh trình bày trước lớp

****Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá, nhấn mạnh yêu cầu

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Giúp học sinh biết vận dụng linh hoạt kiến thức vừa học vào thực tế đời sống
2. Phương thức thực hiện: Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.
3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày của học sinh

****Các câu bị động:***

(1) - Có khi (các thứ của quý) được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê...thấy;

- Nhưng cũng.....trong hòm.

(2) -Tác giả “Mấy vần thơ ” liền được tôn làm đương thời đệ nhất thi sĩ.

-> Trong các VD trên đây, tác giả chọn câu bị động nhằm tránh lặp lại kiểu câu đã dùng trước đó, đồng thời tạo liên kết tốt hơn giữa các câu trong đoạn.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá: Học sinh đánh giá Hs,
Gv đánh giá Hs

5. Tiến trình hoạt động:

GV giao nv:

Câu 1: Trong các câu sau, câu nào là câu bị động ?

A. Mẹ đang nấu cơm

B. Lan được thầy giáo khen

C. Trời mưa to

D.

Trăng tròn.

Câu 2: Cho học sinh sắp xếp các cụm từ thành câu chủ động hoặc câu bị động rồi chuyển sang câu bị động hoặc câu chủ động.

- Cây bằng lăng

- Trồng

- Lớp em

- Được (bị)

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: 2 hs lên bảng trình bày

- Giáo viên: Giáo viên quan sát

Dự kiến sản phẩm

- Câu chủ động: Lớp em trồng cây bằng lăng.

- Câu bị động: Cây bằng lăng được lớp em trồng.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

5. Tiến trình hoạt động:

Tìm câu chủ động và câu bị động trong các văn bản đã học?

***Dặn dò:**

- Chuẩn bị viết bài tập làm văn số 5

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

LUYỆN VIẾT BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH

(Thay cho Viết bài Tập làm văn số 5

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận thức của HS về kiểu bài nghị luận chứng minh. Xác định luận điểm, triển khai luận cứ. Tìm và sắp xếp lí lẽ và dẫn chứng. Trình bày lời văn của mình qua bài viết cụ thể.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Tự đánh giá chính xác hơn trình độ TLV của bản thân để có phương hướng phấn đấu phát huy ưu điểm và sửa chữa nhược điểm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: ra đề, biểu điểm, nhắc học sinh chuẩn bị chu đáo....

2. Chuẩn bị của học sinh: chuẩn bị các đề SGK, giấy, bút,...

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

* Ma trận đề

Mức độ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng số
Tạo lập văn bản nghị luận				Viết bài văn nghị luận chứng minh rằng bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.	
Số câu				1	1
Số điểm				10	10

* **Đề bài:** *Hãy chứng minh rằng bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.*

*** Đáp án - Biểu điểm:**

*** Về nội dung:**

- HS viết được một bài văn lập luận chứng minh được luận điểm(tư tưởng) vấn đề : Bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta. Chứng minh được giá trị, lợi ích to lớn mà rừng đem lại cho cuộc sống con người. Từ đó xác định ý thức bảo vệ rừng của con người.

*** Về hình thức:**

- Phương thức lập luận chủ yếu: Nghị luận chứng minh, văn phong sáng sủa, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, mạch lạc, dẫn chứng phong phú giàu sức thuyết phục.

*** Về kiểu bài:**

- HS nắm vững kiểu bài lập luận chứng minh, các thao tác khi làm bài văn lập luận chứng minh để vận dụng vào bài làm của mình.

*** Dàn bài:**

Bài viết phải trình bày được những nội dung cơ bản theo bố cục sau:

A) Mở bài:

- Rừng là tài nguyên vô giá, đem lại lợi ích to lớn cho cuộc sống của con người. Bảo vệ rừng là bảo vệ chính cuộc sống của chúng ta.

B) Thân bài:

Chứng minh;

- Rừng đem đến cho con người nhiều lợi ích:

+ Rừng gắn bó chặt chẽ với lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam.

+ Rừng cung cấp cho con người nhiều lâm sản quý giá.

+ Rừng có tác dụng ngăn nước lũ, điều hoà khí hậu.

+ Rừng là kho tàng thiên nhiên, phong phú vô tận.

+ Rừng với những cảnh quan đẹp đẽ là nơi để cho con người thư giãn tinh thần, bồi bổ tâm hồn.

- Bảo vệ rừng chính là bảo vệ cuộc sống của con người:

+ ý thức bảo vệ rừng kém sẽ gây hậu quả xấu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống con người.

Ví dụ: Chặt phá rừng đầu nguồn dẫn đến hiện tượng sạt lở núi, lũ quét... tàn phá nhà cửa, mùa màng. cướp đi sinh mạng của con người.

+ Đốt nương làm rẫy. Sơ ý làm cháy rừng phá vỡ cân bằng sinh thái, gây thiệt hại không thể bù đắp được.

- + Bảo vệ rừng tức là bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống của con người.
- + Mỗi người phải có ý thức tự giác bảo vệ, gìn giữ và phát triển rừng.

C) Kết bài:

- Ngày nay, bảo vệ môi trường là vấn đề quan trọng được thế giới đặt lên hàng đầu, trong đó có việc bảo vệ rừng.
- Mỗi chúng ta hãy tích cực góp phần vào phong trào trồng cây gây rừng để đất nước ngày càng tươi đẹp.

b. Biểu điểm:

* Điểm tổng hợp là 10

- Điểm giỏi: (9,10) Đúng kiểu bài, nội dung đảm bảo. Bố cục chặt chẽ, cân đối. Lập luận chứng minh theo một lo gic chặt chẽ, hợp lí. Bài viết mạch lạc văn phong sáng sủa. Dẫn chứng phong phú, cụ thể. Có thể mắc một vài lỗi nhỏ.

- Điểm khá: (7,8) Đúng kiểu bài, nội dung cơ bản đầy đủ phong phú. Bố cục rõ ràng mạch lạc, lập luận tương đối chặt chẽ. Đôi chỗ còn rời rạc, chưa nhuần nhuyễn.

- Điểm trung bình: (5,6) Đúng kiểu bài, đủ nội dung, trình bày còn rời rạc. Sử dụng từ ngữ đôi chỗ chưa hợp lí. Dẫn chứng còn nghèo nàn, còn mắc lỗi diễn đạt

- Điểm yếu: (3,4) Bài viết còn thiếu nội dung, mắc nhiều lỗi diễn đạt, dùng từ.

- Điểm kém:

+ Điểm 1,2: Sai kiểu bài, bài làm quá yếu.

+ Điểm 0: Không viết bài.

* Sau 90': GV thu bài về nhà chấm. Nhận xét giờ làm bài của HS.

***Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:**

- Ôn tập các bước làm văn lập luận chứng minh.

- Chuẩn bị: Luyện tập viết đoạn văn lập luận chứng minh.

IV. Rút kinh nghiệm:

.....

Tiết 97: Đọc- Hiểu văn bản: Ý NGHĨA VĂN CHƯƠNG

-Hoài Thanh-

I- MỤC TIÊU:

1.Kiến thức

-Hiểu được quan niệm của Hoài Thanh về nguồn gốc cốt yếu, nhiệm vụ và công dụng của văn chương trong lịch sử loài người.

-Hiểu được phần nào trong cách nghị luận văn chương của Hoài Thanh.

-Đây là văn bản nghị luận văn chương cụ thể là bình luận các v.đề về văn chương nói chung.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, cảm thụ văn học

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học

- Học liệu: tranh ảnh của tác giả Hoài Thanh(nếu có)
, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về nội dung bài học.

2. Phương thức thực hiện:

HĐ cá nhân, HĐ nhóm.

3. Sản phẩm hoạt động

HS suy nghĩ trả lời.

Những ý nghĩa của văn chương.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu

Chúng ta đã được học những áng văn chương như: c.tích, ca dao, thơ, truyện,... Chúng ta đến với văn chương một cách hồn nhiên, theo sự rung động của tình cảm. Nhưng mấy ai đã suy ngẫm về ý nghĩa của văn chương đối với bản thân ta cũng như với mọi người. Vậy văn chương có ý nghĩa gì ? Đọc văn chương chúng ta thu lượm được những gì ?

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh suy nghĩ trả lời

- Giáo viên gợi ý cho học sinh

- Dự kiến sản phẩm...

-Dự kiến TL: =>V.chg làm giàu tư tưởng, tình cảm con người

***Báo cáo kết quả**

Đại diện một nhóm trình bày trước lớp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: Giới thiệu vào bài học

Chúng ta đã được học những áng văn chương như: c.tích, ca dao, thơ, truyện,... Chúng ta đến với văn chương một cách hồn nhiên, theo sự rung động của tình cảm. Nhưng mấy ai đã suy ngẫm về ý nghĩa của văn chương đối với bản thân ta cũng như với mọi người. Vậy văn chương có ý nghĩa gì ? Đọc văn chương chúng ta thu lượm được những gì ? Muốn giải đáp những câu hỏi mang tính lí luận sâu rộng rất thú vị ấy, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu bài ý nghĩa văn chương của Hoài Thanh-một nhà phê bình văn học có tiếng.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
Hoạt động 1 : I. Tìm hiểu chung 1. Mục tiêu:.... Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân, hoạt động cả lớp	I-Giới thiệu chung: 1-Tác giả: Hoài Thanh (1909-1982). -Là nhà phê bình văn học xuất sắc. 2-Tác phẩm:

<p>3. Sản phẩm hoạt động Kết quả: câu trả lời của HS.</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá.</p> <p>5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu... Em hãy nêu hiểu biết của mình về tác giả Hoài Thanh ? -Em hãy nêu xuất xứ của văn bản ? Văn bản được viết theo thể loại gì? -Ta có thể chia bài văn thành mấy phần, ý của từng phần là gì ? - Học sinh tiếp nhận... *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh hoạt động cá nhân - Giáo viên kiểm sản phẩm của học sinh - Dự kiến sản phẩm... 1-Tác giả: Hoài Thanh (1909-1982). -Là nhà phê bình văn học xuất sắc. 2-Tác phẩm: <i>a, Xuất xứ:</i> Viết 1936, in trong sách "Văn chương và hoạt động". <i>b,-Đọc –Chú thích- Bố cục</i> -Bố cục: 2 phần. +Đ1,2,: Nguồn gốc của văn chương. +Đ3,4,5,6,7,8:Ý nghĩa và công dụng của văn chương. *Báo cáo kết quả Đại diện 1 hs lên trình bày. *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	<p><i>a, Xuất xứ:</i> Viết 1936, in trong sách "Văn chương và hoạt động". <i>b,-Đọc –Chú thích- Bố cục</i> -Bố cục: 2 phần. +Đ1,2,: Nguồn gốc của văn chương. +Đ3,4,5,6,7,8:Ý nghĩa và công dụng của văn chương.</p>
--	--

+GV: Bài Tinh thần yêu nước của n.dân ta là văn chính luận bàn về v.đề c.trị XH. Còn bài ý nghĩa văn chương là thuộc thể nghị luận văn chương, bàn về v.đề thuộc văn chương. Vì là đ.trích trong 1 bài nghị luận dài nên văn bản chúng ta học không đầy đủ 3 phần hoàn chỉnh.

-> *Giáo viên chốt kiến thức và ghi bản*

Hoạt động **1-Nguồn gốc của văn chương:**

1. Mục tiêu:

Giúp HS nắm được nguồn gốc cốt yếu của văn chương

2. Phương thức thực hiện:

hoạt động nhóm.

3. Sản phẩm hoạt động:

Kết quả của nhóm phiếu học tập, câu trả lời của HS.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

-*Học sinh đánh giá lẫn nhau.*

- *Giáo viên đánh giá.*

5. Tiến trình hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên...*

HĐ NHÓM

Tác giả giải thích văn chương bắt nguồn từ đâu?

Nhận xét cách lập luận của tác giả?

- *Học sinh tiếp nhận...*

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh...*

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS hoạt động cá nhân.

+ HS thảo luận.

- *Giáo viên: Quan sát hỗ trợ học sinh*

II-Tìm hiểu văn bản:

1-Nguồn gốc của văn chương:

-Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.

->Luận điểm ở cuối đoạn-Thể hiện cách trình bày theo lối qui nạp từ cụ thể đến k.quát.

<p>- Dự kiến sản phẩm...</p> <p>-Chuyện con chim bị thg-Tiếng khóc của thi sĩ .</p> <p>->D.c thực tế</p> <p>=>V.chương x.hiện khi con người có cảm xúc mãnh liệt.</p> <p>-Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.</p> <p>->Luận điểm ở cuối đoạn-Thể hiện cách trình bày theo lối qui nạp từ cụ thể đến k.quát.</p> <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>Đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả trên phiếu học tập</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>Hoạt động 2-Ý nghĩa và công dụng của văn chương</p> <p>1. Mục tiêu:Giúp học sinh tìm hiểu về công dụng và ý nghĩa của văn chương</p> <p>2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi.</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - HS phản biện. - GV đánh giá quá trình thảo luận của HS.</p> <p>5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên...</p> <p><i>Văn chương có những ý nghĩa và công dụng như thế nào?</i></p>	<p>2-Ý nghĩa và công dụng của văn chương</p> <p>-Ý nghĩa:V.chg sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế v.chg còn s.tạo ra sự sống.</p> <p>=>V.chg phản ánh và sáng tạo ra đời sống, làm cho đ.s trở nên tốt đẹp hơn.</p> <p>=>V.chg làm giàu tình cảm con người.</p> <p>->Nghệ thuật nghị luận giàu cảm xúc nên có sức lôi cuốn người đọc.</p>
---	---

Nhận xét về nghệ thuật lập luận của tác giả

- Học sinh tiếp nhận...

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh...

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS hoạt động cá nhân.

+ HS hoạt động cặp đôi.

- Giáo viên gợi mở cho học sinh

- Dự kiến sản phẩm...

Ý nghĩa: V.chg sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế v.chg còn s.tạo ra sự sống.

=>V.chg phản ánh và sáng tạo ra đời sống, làm cho đ.s trở nên tốt đẹp hơn.

=>V.chg làm giàu tình cảm con người.

*** Báo cáo kết quả**

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Tổng kết(5 phút)

1. Mục tiêu: Khái quát lại kiến thức bài học

2. Phương thức thực hiện:

Hoạt động cặp đôi.

3. Sản phẩm hoạt động:

Phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- HS phản biện.

- GV đánh giá quá trình thảo luận của HS.

5. Tiến trình hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên...

Khái quát lại giá trị nội dung, nghệ thuật của

III-Tổng kết:

*Ghi nhớ: sgk (63).

-Hoài Thanh là người am hiểu v.chg, có q.điểm rõ ràng, xác đáng về v.chg, trân trọng đề cao v.chg.

văn bản

- *Học sinh tiếp nhận...*

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh...*

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS hoạt động cá nhân.

+ HS hoạt động cặp đôi.

- *Giáo viên gợi mở cho học sinh*

- *Dự kiến sản phẩm...*

Hoài Thanh là người am hiểu v.chg, có q.điểm rõ ràng, xác đáng về v.chg, trân trọng đề cao v.chg.

*** Báo cáo kết quả**

*** Đánh giá kết quả**

- *Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá*

Khái quát nội dung, nghệ thuật của văn bản

+Gv: Rõ ràng v.chg đã bồi đắp cho chúng ta biết bao tình cảm trong sáng, hướng ta tới những điều đúng, những điều tốt và những cái đẹp.

V.chg góp phần tôn vinh c.s của con người. Có nhà lí luận nói: chức năng của v.chg là hướng con người tới những điều chân, thiện, mỹ. Hoài Thanh tuy không dùng những từ mang tính k.q như thế, nhưng qua lí lẽ giản dị, kết hợp với cảm xúc nhẹ nhàng và lời văn giàu hình ảnh, cũng đã nói được khá đầy đủ công dụng, hiệu quả, t.dụng của v.chg. Nói khác đi bài viết của Hoài Thanh là những lời đẹp, những ý hay ca ngợi v.chg, tôn vinh tài hoa và công lao của các vn nghệ sĩ.

-> *Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn chương

C.Luyện tập:

<p>để làm bài tập.</p> <p>2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của HS; vở ghi.</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá: Lớp đánh giá, giáo viên đánh giá.</p> <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS viết đoạn văn - Đại diện trình bày trước lớp <p>Bước vào đời không phải chúng ta đã sẵn có tất cả những k.thức, những tình cảm của người đời, nhất là cuộc sống con người ở các thời đại xa xưa. Nhưng nhờ có học truyện c.tích, ca dao. tục ngữ mà ta hình dung được cuộc đời đầy vất vả gian truân của người xưa. Từ đó chúng ta được tiếp nhận những tư tưởng, tình cảm mới :thg yêu những người l.động có những thân phận đầy đắng cay". Vì vậy có thể nói xoá bỏ v.chg đi thì cũng xoá bỏ hết những dấu vết lịch sử, loài người sẽ nghèo nàn về tâm linh đến mức nào.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp nhận xét rút kinh nghiệm 	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4. TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

1. Mục tiêu:Nêu công dụng của vc qua một văn bản em đã học
2. Phương thức thực hiện:
Hoạt động nhóm.
3. Sản phẩm hoạt động:
Phiếu học tập
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - HS phản biện.
 - GV đánh giá quá trình thảo luận của HS.
5. Tiến trình hoạt động:
 - * ***Chuyển giao nhiệm vụ***
 - *Giáo viên...*
 - Nêu công dụng của vc qua một văn bản em đã học

- Học sinh tiếp nhận và hoàn thành trên phiếu học tập

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Tiết : CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG (Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Quy tắc chuyển câu chủ động thành mỗi kiểu câu bị động.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động và ngược lại.

- Đặt câu (chủ động hay bị động) phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Chăm học, có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào bài làm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về nội dung bài học.

2. Phương thức thực hiện:

HĐ cá nhân, HĐ nhóm.

3. Sản phẩm hoạt động

HS suy nghĩ trả lời.- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về các cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu

Cho câu chủ động: Năm ngoái tôi xây dựng công trình này.

Hãy diễn đạt nội dung trên bằng các câu bị động.

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh suy nghĩ trả lời

- Giáo viên gợi ý cho học sinh

- Dự kiến sản phẩm...

-Dự kiến TL:Công trình này đã được tôi xây dựng vào năm ngoái.

Công trình này xây dựng từ năm ngoái.

***Báo cáo kết quả**

Đại diện một nhóm trình bày trước lớp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: Giới thiệu vào bài học

các nhóm đã chuyển đổi câu chủ động thành các câu bị động khác nhau. Vậy có mấy cách chuyển đổi, chúng ta cùng tìm hiểu bài học.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
Hoạt động 1-Nguồn gốc của văn chương: 1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được các cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động 2. Phương thức thực hiện:	<u>I-Cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động:</u> 1.Ví dụ: 2.Nhận xét a. VD1 <i>Giống nhau về ND, vì cùng miêu tả</i>

<p>hoạt động nhóm.</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động: Kết quả của nhóm phiếu học tập, câu trả lời của HS.</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá.</p> <p>5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên...</p> <p>HĐ NHÓM - Hai câu a, b có gì giống nhau và khác nhau ? - Từ đó rút ra được có mấy cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động. * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh... + HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân. + HS thảo luận. - Giáo viên: <i>Quan sát hỗ trợ học sinh</i> - Dự kiến sản phẩm...</p> <p><i>Giống nhau về ND, vì cùng miêu tả 1 sự việc, cùng chuyển đổi tượng của hoạt động lên đầu câu làm chủ ngữ.</i></p> <p>- <i>Khác nhau về hình thức 2 câu này khác nhau: câu a có dùng từ "được", câu b không dùng từ "được".</i></p> <p>* Báo cáo kết quả Đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả trên phiếu học tập * Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p>	<p><i>1 sự việc, cùng chuyển đổi tượng của hoạt động lên đầu câu làm chủ ngữ.</i></p> <p>- <i>Khác nhau về hình thức 2 câu này khác nhau: câu a có dùng từ "được", câu b không dùng từ "được".</i></p> <p>=> <i>Có 2 cách chuyển đổi</i></p> <p>b. Ví dụ 2: # Lưu ý a- Bạn em được giải nhất trong kì thi hs giỏi. b- Tay em bị đau. -> không phải câu bị động</p>
--	--

<p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>-Hs đọc ví dụ 2.</p> <p>Hoạt động 1 : I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Mục tiêu:....</p> <p>Giúp HS nắm được không phải lúc nào câu có chứa từ bị, được cũng là câu bị động</p> <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <p>- Hoạt động cá nhân, hoạt động cả lớp</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <p>Kết quả: câu trả lời của HS.</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <p>- Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá.</p> <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p>*Chuyên giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên yêu cầu...</p> <p>Em hãy cho biết các câu trong VD có phải là câu bị động không ?Vì sao ? Về hình thức nó giống câu bị động ở chỗ nào ?</p> <p>- Học sinh tiếp nhận...</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh hoạt động cá nhân - Giáo viên kiểm sản phẩm của học sinh - Dự kiến sản phẩm...</p> <p>- 2 câu này tuy có dùng từ bị và được nhưng không phải là câu bị động. Vì ta không thể chuyển đổi thành: Giải nhất được bạn em trong kì thi hs giỏi. Đau bị tay.</p> <p>*Báo cáo kết quả</p>	<p>3,Ghi nhớ : SGK (64).</p>
--	-------------------------------

<p><i>Đại diện 1 hs lên trình bày.</i></p> <p><i>*Đánh giá kết quả</i></p> <p>2 câu này tuy có dùng từ bị và được nhưng không phải là câu bị động. Vì ta không thể chuyển đổi thành: Giải nhất được bạn em trong kì thi hs giỏi. Đau bị tay.</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p><u>Tổng kết</u> (5 phút)</p> <p>-Nêu các cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động?</p> <p>-Hs đọc ghi nhớ</p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.
2. Phương thức thực hiện:
HĐ cá nhóm
3. Sản phẩm hoạt động:
Câu trả lời của HS; vở ghi.
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
Lớp đánh giá, giáo viên đánh giá.
5. Tiến trình hoạt động (lần lượt thực hiện các bài tập 1. 2. 3...)

-Bài 1 (65):

- a-Một nhà sư vô danh đã xây ngôi chùa ấy từ TK XIII.
-Ngôi chùa ấy được (một nhà sư vô danh) xây từ TK XIII.
-Ngôi chùa ấy xây từ TK XIII.
- b-Người ta làm tất cả cánh cửa chùa bằng gỗ lim.
-Tất cả các cánh cửa chùa được (người ta) làm bằng gỗ lim.
-Tất cả các cánh cửa chùa làm bằng gỗ lim.
- c-Chàng kỵ sĩ buộc con ngựa bạch bên gốc đào.
-Con ngựa bạch được (chàng kỵ sĩ) buộc bên gốc đào.
-Con ngựa bạch buộc bên gốc đào.
- d-Người ta dựng một lá cờ đại ở giữa sân.
-Một lá cờ đại được (người ta) dựng ở giữa sân.
-Một lá cờ đại dựng ở giữa sân.

-Bài 2 (65):

a-Thầy giáo phê bình em. -Em bị thầy giáo phê bình. -Em được thầy giáo phê bình.

b-Người ta đã phá ngôi nhà ấy đi. -Ngôi nhà ấy bị người ta phá đi.

-Ngôi nhà ấy được người ta phá đi.

c-Trào lưu đô thị hoá đã thu hẹp sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn.

-Sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn đã bị trào lưu đô thị hoá.

-Sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn đã được trào lưu đô thị hoá.

-Câu bị động dùng từ được có hàm ý đánh giá tích cực về sự việc được nói đến trong câu.

-Câu bị động dùng từ bị có hàm ý đánh giá tiêu cực về sự việc được nói đến trong câu.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu:Có thể sử dụng câu chủ động, câu bị động trong giao tiếp.

2. Phương thức thực hiện:

Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động:

Phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- HS phản biện.

- GV đánh giá quá trình thảo luận của HS.

5. Tiến trình hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên...

Em hãy đặt 1 câu chủ động sau đó chuyển thành câu bị động theo 2 cách

Em hãy đặt 1 câu chủ động sau đó chuyển thành câu bị động theo 2 cách

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu:Rèn kỹ năng viết đoạn văn theo yêu cầu.

2. Phương thức thực hiện:

Hoạt động nhóm.

3. Sản phẩm hoạt động:

Phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- HS phản biện.

- GV đánh giá quá trình thảo luận của HS.

5. Tiến trình hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên...

Viết đoạn văn cóa câu chủ động chỉ ra và chuyển đổi thành câu bị động

Sưu tầm đoạn văn cóa sử dụng câu chủ động, chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.

- Học sinh tiếp nhận và hoàn thành trên phiếu học tập

Viết đoạn văn cóa câu chủ động chỉ ra và chuyển đổi thành câu bị động

- Học thuộc ghi nhớ, làm bài tập 3 (65).

- Soạn bài “Luyện tập viết đoạn văn” . phần chuẩn bị ở nhà

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Tiết :LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN CHỨNG MINH

I. MỤC TIÊU

1.Kiến thức :

-Củng cố chắc chắn hơn những hiểu biết về cách làm bài văn lập luận chứng minh.

-Biết vận dụng những hiểu biết đó vào việc viết một đoạn văn chứng minh cụ thể.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: Một đoạn văn mẫu

2. Chuẩn bị của học sinh: : Mỗi hs viết 1 đoạn văn chứng minh ngắn theo các đề bài trong sgk

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về nội dung bài học.

2. Phương thức thực hiện:

HĐ cá nhân, HĐ nhóm.

3. Sản phẩm hoạt động

HS suy nghĩ trả lời

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu

Theo em quy trình xây dựng một đoạn văn cần thực hiện những bước nào?

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh suy nghĩ trả lời
- Giáo viên gợi ý cho học sinh
- Dự kiến sản phẩm...

+Xác định luận điểm

+ Chọn luận cứ

***Báo cáo kết quả**

Đại diện một nhóm trình bày trước lớp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: Giới thiệu vào bài học

Để tìm hiểu về quy trình xây dựng một đoạn văn chứng minh cô trò cùng đi tìm hiểu nội dung bài học.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p><i>Hoạt động 1-Quy trình xây dựng một đoạn văn chứng minh:</i></p> <p>1. Mục tiêu: Giúp HS nắm được quy trình xây dựng một đoạn văn chứng minh</p> <p>2. Phương thức thực hiện: hoạt động nhóm.</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động: Kết quả của nhóm phiếu học tập, câu trả lời của HS.</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá: -Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá.</p> <p>5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên...</p> <p>HĐ NHÓM <i>Trình bày quy trình xây dựng một đoạn văn chứng minh</i> * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh... + HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân. + HS thảo luận.</p> <p>- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ học sinh - Dự kiến sản phẩm...</p> <p><i>Xác định luận điểm cho đ.v chứng.</i> -Chọn lựa cách triển khai (qui nạp hay diễn dịch). -Dự định số luận cứ triển khai:</p>	<p>1-Quy trình xây dựng một đoạn văn chứng minh:</p> <p>-Xác định luận điểm cho đ.v chứng. -Chọn lựa cách triển khai (qui nạp hay diễn dịch). -Dự định số luận cứ triển khai: + Bao nhiêu luận cứ giải thích. + Bao nhiêu luận cứ thực tế. -Triển khai đv thành bài văn. -Chú ý LK về ND và hình thức.</p> <p>2-Luyện tập cách viết một đv với một</p>

<p>+ Bao nhiêu luận cứ giải thích. + Bao nhiêu luận cứ thực tế. - Triển khai đv thành bài văn. - Chú ý LK về ND và hình thức</p> <p>* Báo cáo kết quả</p> <p>Đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả trên phiếu học tập</p> <p>* Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>C. Hoạt động luyện tập cách viết một đv với một chủ đề đã cho:</p> <p>Mục tiêu: HS thực hành các bước xây dựng một đoạn văn.</p> <p>2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân, hoạt động cả lớp</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động Kết quả: câu trả lời của HS.</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá.</p> <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên yêu cầu...</p> <p>Em hãy tiến hành các bước xây dựng đoạn văn trên.</p> <p>Gv hướng dẫn hs cách viết một đoạn văn với một đề tài đã cho</p> <p>- Để viết được đoạn văn này, điều đầu tiên chúng ta phải làm gì? (Xđ luận điểm cho đv).</p> <p>- Vậy luận điểm của đv này là gì?</p>	<p>đề bài đã cho:</p> <p>* Đề 3: Chứng minh rằng "văn chương luyện những tình cảm ta sẵn có".</p> <p>- Luận điểm: Văn chương luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có. + Luận cứ giải thích: Văn chương có nội dung tình cảm. Văn chương có tác dụng truyền cảm. + Luận cứ thực tế: Ta tìm được tình cảm thực tế qua các bài văn đã học: Cổng trường mở ra: Nhớ lại tình cảm ngày đầu tiên đi học. Mẹ tôi: Nhớ lại những lỗi lầm với mẹ. MTQCLN: Cốm: Nhớ lại một lần ăn cốm. MXCTôi: Nhớ lại một ngày tế cờ q.hg.</p> <p>* Viết đoạn văn:</p> <p>Nói đến ý nghĩa văn chương, người ta hay nói đến: "Văn chương luyện những t.c ta sẵn có". ND của v.chg bao giờ cũng là t.c của nhà văn đối với cuộc sống. Khi đã thành văn, t.c nhà văn truyền đến người đọc, tạo nên sự đồng cảm và làm phong phú thêm các t.c ta đã có. Qua bài CTMRa, em thấy y.thg hơn những ngôi trường đã học, thấy mình cần phải có trách nhiệm hơn trong h.tập và càng biết ơn các thầy cô giáo đã không quản ngày đêm dạy dỗ chúng em nên người. Em đã có lần phạm lỗi</p>
---	--

<p>-Em dự định sẽ triển khai đv theo cách nào ? (Triển khai theo cách diễn dịch).</p> <p>-Thế nào là diễn dịch ? (Nêu luận điểm trước rồi mới dùng d.c và lí lẽ để chứng minh)</p> <p>-Để chứng minh cho luận điểm trên, em cần bao nhiêu luận cứ giải thích, bao nhiêu luận cứ thực tế ? (Cần 2 luận cứ giải thích và 4 luận cứ thực tế).</p> <p>-Đó là những luận cứ nào ?</p> <p>- Học sinh tiếp nhận...</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh hoạt động cá nhân</p> <p>- Giáo viên kiểm sản phẩm của học sinh</p> <p>- Dự kiến sản phẩm...</p> <p>Hệ thống luận điểm, luận cứ bên ndkt</p> <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>Đại diện 1 hs lên trình bày.</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-Gv: cho hs nhắc lại qui trình xây dựng một đv.</p> <p>- HS đọc đoạn văn đã viết trên lớp</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	<p>với mẹ. Bức thư của người bố gửi cho E RC trong bài Mẹ tôi đã làm cho em nhớ lại các lần phạm lỗi với mẹ mà em không biết xin lỗi mẹ. Em đã có lần được ăn cơm, nhưng sau khi học bài MTQCLN:Cơm, em mới cảm thấy lần ấy, em thực sự chưa biết thương thức cơm. Ai cũng đã sống qua những ngày tết trong khung cảnh t.c g.đình, nhưng sao bài MXCTôi làm em ước ao trở lại HN một cách xốn xang, khi em nghĩ rằng từ lâu em đã không có 1 t.c q.hg sâu nặng như trong bài văn dù em là người HN. Tóm lại v.chg có t.động rất lớn đến t.c con người, nó làm cho c.s của con người trở nên tốt đẹp hơn.</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn hoàn chỉnh

2. Phương thức thực hiện:

Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động:

Phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- HS phản biện.
- GV đánh giá quá trình thảo luận của HS.

5. Tiến trình hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên...

Phát triển chủ đề 4 thành một đoạn văn hoàn chỉnh

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Tuần 26

Bài 25 – Tiết 1: Tập làm văn

ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hệ thống các văn bản nghị luận đã học, nội dung cơ bản, đặc trưng thể loại, hiểu được giá trị tư tưởng và nghệ thuật của từng văn bản.
- Một số kiến thức liên quan đến đọc, hiểu văn bản như nghị luận văn học, nghị luận xã hội.
- Sự khác nhau căn bản giữa kiểu văn bản nghị luận và kiểu văn bản tự sự, trữ tình.

1. Kiến thức:

- Hệ thống các văn bản nghị luận đã học, nội dung cơ bản, đặc trưng thể loại, hiểu được giá trị tư tưởng và nghệ thuật của từng văn bản.
- Một số kiến thức liên quan đến đọc - hiểu văn bản như nghị luận văn học, nghị luận xã hội.
- Sự khác nhau căn bản giữa kiểu văn bản nghị luận và kiểu văn bản tự sự, trữ tình.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Khái quát, hệ thống hóa, so sánh, đối chiếu và nhận xét về tác phẩm nghị luận văn học và nghị luận xã hội.
- Nhận diện và phân tích được luận điểm, phương pháp lập luận trong các văn bản đã học.
- Trình bày, lập luận có lí, có tình.

3. Phẩm chất:

Chăm học, vận dụng vào thực tế bài làm tập làm văn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về nội dung bài học.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng của Hs trước lớp

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá Học sinh
- Giáo viên đánh giá học sinh.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu: *Những văn bản nghị luận em đã học có điểm gì giống và khác nhau?*

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh suy nghĩ trả lời
- Giáo viên gợi ý cho học sinh

- Dự kiến sản phẩm:

+ Giống: Sử dụng phép lập luận chứng minh

+ Khác: Đề tài, nội dung, cách lập luận

***Báo cáo kết quả**

Gọi Hs trình bày trước lớp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV giới thiệu vào bài học: Để so sánh các văn bản nghị luận chúng ta cùng đi ôn tập lại các văn bản đó.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

HD1: Hệ thống các văn bản nghị luận đã học ở lớp 7 (câu 1,2):

1. Mục tiêu: Hệ thống các văn bản nghị luận đã học, nội dung cơ bản, đặc trưng thể loại, hiểu được giá trị tư tưởng và nghệ thuật của từng văn bản.
2. Phương thức thực hiện: Phương pháp dự án
3. Sản phẩm hoạt động: Phân trình bày của nhóm học sinh trên giấy khổ lớn
4. Phương án kiểm tra, đánh giá
 - Học sinh đánh giá Học sinh
 - Giáo viên đánh giá học sinh.
5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu: *Hệ thống các văn bản nghị luận đã học theo bảng hệ thống sgk?*
- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh thực hiện hoạt động nhóm ở nhà hoàn thiện sản phẩm
- Giáo viên gợi ý cho học sinh cách làm, nhắc nhở học sinh hoàn thiện sản phẩm trước tiết học
- Dự kiến sản phẩm: Hệ thống các văn bản nghị luận đã học, nội dung cơ bản, đặc trưng thể loại, hiểu được giá trị tư tưởng và nghệ thuật của từng văn bản

***Báo cáo kết quả**

Gọi 2 nhóm Hs trình bày trước lớp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, đưa sản phẩm hoàn chỉnh:

<i>Stt</i>	<i>Tên bài</i>	<i>Tác giả</i>	<i>Đề tài nghị luận</i>	<i>Luận điểm</i>	<i>Phương pháp lập luận</i>	<i>Nghệ thuật</i>
------------	----------------	----------------	-------------------------	------------------	-----------------------------	-------------------

<i>Stt</i>	<i>Tên bài</i>	<i>Tác giả</i>	<i>Đề tài nghị luận</i>	<i>Luận điểm</i>	<i>Phương pháp lập luận</i>	<i>Nghệ thuật</i>
1	Tinh thần yêu nước của nhân dân ta	Hồ Chí Minh	Tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam	Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta.	Chứng minh	Bố cục chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, toàn diện, hình ảnh so sánh đặc sắc.
2	Sự giàu đẹp của tiếng Việt	Đặng Thai Mai	Sự giàu đẹp của tiếng Việt	Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.	Chứng minh (kết hợp giải thích).	Bố cục mạch lạc, luận cứ xác đáng, toàn diện, chặt chẽ.
3	Đức tính giản dị của Bác Hồ	Phạm Văn Đồng	Đức tính giản dị của Bác Hồ	Bác giản dị trong mọi phương diện: bữa cơm (ăn), cái nhà (ở), lối sống, nói và viết. Sự giản dị ấy đi liền với sự phong phú, rộng lớn về đời sống tinh thần ở Bác.	Chứng minh (kết hợp giải thích và bình luận)	Dẫn chứng cụ thể, xác thực, toàn diện, lời văn giản dị, giàu cảm xúc.
4	Ý nghĩa văn chương	Hoài Thanh	Văn chương và ý nghĩa của nó đối với con người	Nguồn gốc của văn chương là ở tình thương người, thương muôn loài, thương muôn vật. Văn chương hình dung và sáng tạo ra sự sống, nuôi dưỡng và làm giàu cho tình cảm của con người.	Giải thích (kết hợp bình luận)	Trình bày những vấn đề phức tạp một cách ngắn gọn, giản dị, sáng sủa, kết hợp với cảm xúc, văn giàu hình ảnh.

2. Các yếu tố cơ bản của thể loại :

Thể loại	Yếu tố
Truyện	Cốt truyện, nhân vật, nhân vật kể chuyện
Kí	Nhân vật, nhân vật kể chuyện
Thơ tự sự	Cốt truyện, nhân vật, nhân vật kể chuyện, vần, nhịp
Thơ trữ tình	Vần, nhịp
Tùy bút	(Nhân vật), nhân vật kể chuyện
Nghị luận	Luận đề, luận điểm, luận cứ

Những yếu tố nêu trong câu hỏi này chỉ là 1 phần trong những yếu tố đặc trưng của mỗi thể loại. Mặt khác, trong thực tế, mỗi văn bản có thể không chứa đựng đầy đủ các yếu tố chung của thể loại. Các thể loại cũng có sự thâm nhập lẫn nhau, thậm chí có những thể loại ranh giới giữa 2 thể loại. Sự phân biệt các loại hình tự sự, trữ tình, nghị luận cũng không thể là tuyệt đối. Trong các thể tự sự cũng không hiếm các yếu tố trữ tình và cả nghị luận nữa. Ngược lại, trong văn nghị luận cũng thường thấy có sử dụng phương thức biểu cảm và có khi cả miêu tả, kể chuyện. Xác định 1 văn bản thuộc loại hình nào là dựa vào phương thức được sử dụng trong đó.

HD2: So sánh, nhận xét các thể loại văn bản

1. Mục tiêu: Sự khác nhau căn bản giữa kiểu văn bản nghị luận và kiểu văn bản tự sự, trữ tình.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi

3. Sản phẩm hoạt động: Phân trình bày của cặp học sinh trước lớp

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá học sinh
- Giáo viên đánh giá học sinh.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo cặp trả lời các câu hỏi:

(a) Phân biệt sự khác nhau giữa văn nghị luận và các thể loại tự sự, trữ tình?

(b) Tại sao tục ngữ có thể coi là 1 văn bản nghị luận đặc biệt?

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh thực hiện hoạt động cặp đôi trao đổi thống nhất nội dung, trình bày trên giấy nháp

- Giáo viên gợi ý cho học sinh cách làm, nhắc nhở, gợi ý để học sinh hoàn thiện yêu cầu

- Dự kiến sản phẩm: Sự khác nhau căn bản giữa kiểu văn bản nghị luận và kiểu văn bản tự sự, trữ tình.

*** Báo cáo kết quả**

Gọi một số cặp Hs trình bày trước lớp

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, đưa sản phẩm hoàn chỉnh

3. So sánh, nhận xét các thể loại văn bản:

a. Phân biệt sự khác nhau giữa văn nghị luận và các thể loại tự sự, trữ tình :

- Các thể loại tự sự như truyện, kí chủ yếu dùng phương thức miêu tả và kể, nhằm tái hiện sự vật, hiện tượng, con người, câu chuyện.

- Các thể loại trữ tình như thơ trữ tình, tùy bút chủ yếu dùng phương thức biểu cảm để biểu hiện tình cảm, cảm xúc qua các hình ảnh, nhịp điệu, vần. Các thể tự sự và trữ tình đều tập trung xây dựng các hình tượng NT với nhiều dạng thức khác nhau như nhân vật, hiện tượng thiên nhiên, đồ vật,...

- Khác với các thể loại tự sự, trữ tình, văn nghị luận chủ yếu dùng phương thức lập luận bằng lí lẽ, dẫn chứng để trình bày ý kiến tư tưởng nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về mặt nhận thức. Văn nghị luận cũng có hình ảnh, cảm xúc, nhưng điều cốt yếu là lập luận với hệ thống các luận điểm, luận cứ, xác đáng.

b. Tục ngữ có thể coi là 1 văn bản nghị luận đặc biệt.

- Tục ngữ có thể coi là 1 văn bản nghị luận đặc biệt. Là văn bản nghị luận vì nó là một luận đề đã được chứng minh (khái quát những nhận xét, kinh nghiệm, bài học của dân gian về tự nhiên, xã hội, con người.)

Ví dụ: Đường đi hay tối, nói dối hay cùng, đã hàm chứa :

- luận đề: hậu quả của nói dối.

- luận đề trên bao gồm hai luận điểm chính:

+ Đường đi hay tối;

+ Nói dối hay cùng.

Cấu trúc câu C1,V1;C2,V2, đã bao chứa sự lập luận, tranh biện giữa nguyên nhân và kết quả, giữa hành động, hoạt động, việc làm, thực tiễn và lời nói, ngôn ngữ, ứng xử.

*** Ghi nhớ (sgk)**

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng, thể nghiệm giá trị đã được học vào trong cuộc sống thực tiễn ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

Đánh dấu X vào câu trả lời em cho là chính xác

1. Một bài thơ trữ tình

A. Không có cốt truyện và nhân vật (X)

B. Không có cốt truyện nhưng có thể có nhân vật

C. Chỉ biểu hiện trực tiếp của nhân vật, tác giả

D. Có thể biểu hiện gián tiếp tình cảm, cảm xúc qua hình ảnh thiên nhiên, con người hoặc sự việc. (X)

2. Trong văn bản nghị luận

A. Không có cốt truyện và nhân vật (X)

B. Không có yếu tố miêu tả, tự sự

C. Có thể biểu hiện tình cảm, cảm xúc (X)

D. Không sử dụng phương thức biểu cảm

***Báo cáo kết quả**

Gọi một số cặp Hs trình bày trước lớp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung

HOẠT ĐỘNG 4: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

- Xác định hệ thống luận điểm, tìm các dẫn chứng, lập dàn ý dựa trên một đề bài văn nghị luận, viết thành bài văn hoàn chỉnh.

- Chuẩn bị bài: Dùng cụm chủ vị để....”

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

DÙNG CỤM CHỦ – VỊ ĐỂ MỞ RỘNG CÂU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm được cách dùng cụm chủ-vị để mở rộng câu.
- Tác dụng của việc dùng cụm chủ-vị để mở rộng câu.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết các cụm chủ - vị làm thành phần câu.
- Nhận biết các cụm chủ - vị làm thành phần của cụm từ.
- Mở rộng câu bằng cụm chủ - vị.
- Phân tích tác dụng của việc dùng cụm chủ - vị để
- Trong từng văn cảnh dùng cụm C-V để mở rộng câu (tức dùng cụm C-V để làm thành phần câu hoặc thành phần của cụm từ để bài văn thêm phong phú, đa dạng, hấp dẫn hơn..)

3. Phẩm chất:

- Có thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: sgk, phiếu học tập, bảng phụ
- Giao nhiệm vụ chuẩn bị bài cụ thể cho học sinh

2. Chuẩn bị của học sinh: Nghiên cứu trả lời các câu hỏi sgk

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh, giúp học sinh kết nối kiến thức đã có và kiến thức mới nảy sinh nhu cầu tìm hiểu kiến thức
2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động: Học sinh trình bày miệng - Gv ghi lên bảng phụ
4. Phương án kiểm tra, đánh giá
 - Học sinh đánh giá học sinh

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***.Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên yêu cầu:

(a) *Hãy phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu sau đây:*

Mùa xuân tươi đẹp đã về.

(b) *Em hãy phân tích cấu tạo của CN và nhận xét cấu tạo của CN có gì đặc biệt?*

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

***. Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh làm việc cá nhân trên giấy nháp, phân tích cấu trúc câu

- Giáo viên quan sát, nhắc nhở học sinh làm việc

- Dự kiến sản phẩm:

+ *Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu:*

Mùa xuân tươi đẹp // đã về.

CN

VN

+ *Nhận xét cấu tạo của CN:*

Mùa xuân/ tươi đẹp

c

v

=> CN được cấu tạo bởi một cụm từ có cấu tạo giống như một câu đơn, gọi là cụm chủ-vị

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh lần lượt trình bày các câu đã phân tích ngữ pháp

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: người ta có thể dùng cụm từ có cấu tạo giống câu đơn để mở rộng câu

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của GV và GV	Nội dung
HD 1: Tìm hiểu thế nào là dùng cụm c-v để mở rộng câu 1. Mục tiêu: Mục đích của việc dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân	<u>I. Thế nào là dùng cụm C-V để mở rộng câu:</u> 1. Ví dụ:

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng của HS trước lớp

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Gọi HS đọc ví dụ (bảng phụ).

Gv lần lượt nêu các câu hỏi yêu cầu HS trả lời:

(a) *Tìm các cụm danh từ có trong câu trên ?*

(b) *Phân tích cấu tạo của các cụm danh từ vừa tìm được và cấu tạo của phụ ngữ trong mỗi cụm danh từ ?*

(c) *Thế nào là dùng cụm C-V để mở rộng câu ?*

Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

***. Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh suy nghĩ lần lượt trả lời các câu hỏi của giáo viên
- Gv nêu câu hỏi và gợi ý để học sinh trả lời
- Dự kiến sản phẩm:

Văn chương / gây cho ta

những tình cảm ta / không có

PT DT PS (cụm C-V),

luyện **những tình cảm ta /sẵn có.**

PT DT PS (Cụm C-V)

***. Báo cáo kết quả:**

- Học sinh lần lượt trình bày phần trả lời các câu hỏi

***. Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung chốt kiến thức

Vậy các em thấy ta có thể dùng những cụm từ

2. Nhận xét:

Văn chương / gây cho ta

những tình cảm ta không có

PT DT PS (cụm C-V),

luyện **những tình cảm ta /sẵn có.**

PT DT PS (Cụm C-V)

*. *Kết luận:* Khi nói hoặc viết, có thể

có hình thức giống câu đơn bình thường (được gọi là cụm chủ-vị) làm thành phần câu, thành phần của cụm từ, để mở rộng câu.

- HS đọc ghi nhớ.

HD 2: Tìm hiểu các trường hợp dùng cụm c-v để mở rộng câu

1. Mục tiêu: Giúp học sinh thấy được các trường hợp dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình của các nhóm trên phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Gọi HS đọc ví dụ (bảng phụ).

Giáo viên yêu cầu học sinh nghiên cứu ví dụ, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau vào phiếu học tập:

(1) Tìm cụm C-V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ trong các câu trên ?

(2) Cho biết trong mỗi câu, cụm C-V làm thành phần gì ? Qua Phân tích các VD trên, em rút ra bài học gì ?

Gợi ý:

- *Điều gì khiến tôi rất vui và vũng tâm?*

- *Khi bắt đầu kháng chiến, nhân dân ta thế nào?*

- *Chúng ta có thể nói gì?*

dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm chủ - vị, làm thành phần của câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.

3. Ghi nhớ : sgk (68)

II. Các trường hợp dùng cụm C-V để mở rộng câu:

1. Ví dụ :

- Nói cho đúng thì phẩm giá của tiếng Việt chỉ mới thực sự được xác định và đảm bảo từ ngày nào?

***. Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh làm việc cá nhân -> thảo luận trong nhóm => thống nhất ý kiến vào phiếu học tập

- Gv quan sát, động viên và gợi ý để Hs hoàn thành nhiệm vụ

- Dự kiến sản phẩm:

a. **Chi Ba /đến** // khiến **tôi /rất vui và vững tâm.**

=> Chủ ngữ là một cụm c-v

b. Khi bắt đầu KC, nhân dân ta // **tin thần /rất hăng hái.**

=> Vị ngữ là một cụm c-v

c. Chúng ta // có thể nói rằng **trời /sinh lá sen để bao bọc cỏm, cũng như trời sinh cỏm nằm ủ trong lá sen.**

=> Phụ ngữ của cụm động từ là một cụm c-v

d. Nói cho đúng thì phẩm giá của TV// chỉ mới thật sự được xác định và đảm bảo từ ngày **CMT8 /thành công.**

=> Phụ ngữ của cụm DT là một cụm c-v

***. Báo cáo kết quả:**

- Mỗi nhóm trình bày một câu trước lớp

***. Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung chốt kiến thức

2. Nhận xét:

a. **Chi Ba đến** / khiến **tôi rất vui và vững tâm.**

=> Chủ ngữ là một cụm c-v

b. Khi bắt đầu KC, nhân dân ta / **tin thần rất hăng hái.**

=> Vị ngữ là một cụm c-v

c. Chúng ta // có thể nói rằng **trời /sinh lá sen để bao bọc cỏm, cũng như trời sinh cỏm nằm ủ trong lá**

-HS đọc ghi nhớ

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng những kiến thức vừa tiếp thu về dùng cụm c- v để mở rộng câu để giải quyết các dạng bài tập liên quan

2. Phương thức thực hiện: Kết hợp hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi.

3. Sản phẩm hoạt động:

+ Phân trình bày miệng

+ Trình bày trên bảng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động (lần lượt thực hiện các bài tập

Đọc và nêu yêu cầu của bài?

- Tìm cụm C-V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ trong các câu dưới đây?

- Cho biết trong mỗi cụm, cụm C-V làm thành phần gì ?

- Hs lên bảng làm

b. Trung đội trưởng Bính // khuôn mặt /đầy đăn.

d. Bỗng một bàn tay /đập vào vai // khiến hắn/

sen.

=> Phụ ngữ của cụm động từ là một cụm c-v

d. Nói cho đúng thì phẩm giá của TV// chỉ mới thật sự được xác định và đảm bảo từ ngày CMT8 /thành công.

=>Phụ ngữ của cụm DT là một cụm c-v

3. Ghi nhớ : sgk (69)

III. Luyện tập:

a. Đợi đến lúc vừa nhất, mà **chỉ riêng những người chuyên môn/ mới định được**, người ta// gặt mang về.->Làm

giật mình.

->Làm CN, làm PN của ĐT.

PN trong cụm DT

->Làm VN.

c. **Khi các cô gái Vòng đổ gánh, giờ từng lớp lá sen, chúng ta // thấy *hiện ra từng lá cốm/, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may một chút bụi nào.***

->Làm PN trong cụm DT, PN trong cụm ĐT

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã được học vào trong cuộc sống thực tiễn ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

+ Đặt một câu có CN là một cụm c-v

+ Đặt một câu có VN là một cụm c-v

- Hs tìm và đặt câu theo từng trường hợp cụ thể

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu: khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân ở nhà

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày trên giấy của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

Tìm các câu dùng cụm chủ vị để mở rộng câu trong văn bản "Đức tính giản dị của Bác Hồ"?

*. **Dặn dò:** . Hướng dẫn tự học:

- Xác định chức năng ngữ pháp của cụm chủ - vị trong câu văn.
- Chuẩn bị bài “ dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu: luyện tập”

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Bài 25 – Tiết 104: Tập làm văn

TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đặc điểm của một bài văn nghị luận giải thích và yêu cầu cơ bản của phép lập luận giải thích.
- Các bước làm bài văn lập luận giải thích.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận diện và phân tích một văn bản nghị luận giải thích để hiểu đặc điểm của kiểu văn bản này.
- Biết so sánh để phân biệt lập luận giải thích với lập luận chứng minh.
- Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn giải thích.

3. Phẩm chất:

Tự giác trong học tập, chăm học, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU(5 phút)

1. Mục tiêu:

- + Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.

- + Kích thích tư duy, gây tâm lí mong muốn tìm hiểu kiến thức mới của Hs
- 2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân
- 3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng giải quyết tình huống của học sinh
- 4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- 5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Giáo viên giao nhiệm vụ: Hãy giải thích

(1) Tại sao khi làm bài em cần đọc kĩ đề bài?

(2) Tại sao lại có mưa?

Tình huống: Hãy chứng minh em rất yêu thể thao?

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ: Nghe, hiểu yêu cầu, chuẩn bị thực hiện yêu cầu

***. Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh suy nghĩ tìm lí lẽ để giải thích cho từng trường hợp

- Giáo viên: quan sát, gợi ý cách làm cho hs

- Dự kiến sản phẩm:

(1) Tại sao khi làm bài em cần đọc kĩ đề bài?

Vì đọc kĩ đề đề :

+ Xác định đúng yêu cầu của đề bài

+ Định hướng cách làm bài

+ lựa chọn phương pháp làm bài thích hợp

(2) Tại sao lại có mưa?

Nước trong hồ, sông, biển,... bốc hơi đi vào không khí. Bay vào khí quyển, gặp lạnh và hình thành các đám mây thông qua một quá trình gọi là sự ngưng tụ. Hơi nước ngưng tụ và không khí không còn có thể giữ được nữa. Đám mây trở nên nặng hơn và cuối cùng nước rơi trở lại mặt đất dưới dạng mưa. Tùy thuộc vào điều kiện khí quyển và nhiệt độ, có thể là mưa thông thường, mưa đá, mưa đá, mưa lạnh, hoặc tuyết .

***. Báo cáo kết quả:**

Giáo viên yêu cầu một số Hs trình bày ý kiến

***. Nhận xét, đánh giá:**

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

-> Vào bài: Giải thích là một nhu cầu rất phổ biến trong đời sống XH. Trong nhà trường, giải thích là một kiểu bài nghị luận quan trọng. Vậy nghị luận giải thích là gì ? Nó liên quan gì đến kiểu bài nghị luận chứng minh ? Chúng ta đi tìm hiểu ND bài hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>HD 1: Tìm hiểu mục đích của phép lập luận giải thích</p> <p>1. Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu được mục đích của phép lập luận giải thích</p> <p>2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động chung cả lớp</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng của Hs trước lớp</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá học sinh. <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p>*. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu học sinh suy nghĩ và trả lời các câu hỏi: <p>a) Trong cuộc sống, khi nào thì người ta cần giải thích ? Hãy nêu một số câu hỏi về nhu cầu giải thích hằng ngày?</p> <p>b) Có các câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vì sao có lụt ? + Vì sao lại có nguyệt thực ? + Vì sao nước biển mặn ? <p>Muốn giải thích các vấn đề nêu trên thì phải làm thế nào?</p> <p>c) Em hiểu thế nào là giải thích trong đời</p>	<p><u>I/ Mục đích và phương pháp giải thích:</u></p> <p>1. Giải thích trong đời sống:</p>

sống ?

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ: Lắng nghe, nắm vững yêu cầu

***. Thực hiện nhiệm vụ:**

- Giáo viên lần lượt nêu các câu hỏi, gọi Hs trả lời, hs khác nhận xét, bổ sung, gv chốt ý kiến chuẩn xác

- Học sinh lắng nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời, nhận xét câu trả lời của bạn

- Dự kiến sản phẩm:

a) Trong cuộc sống người ta cần giải thích khi gặp 1 hiện tượng mới lạ, khó hiểu, con người cần có 1 lời giải đáp. Nói đơn giản hơn: khi nào không hiểu thì người ta cần giải thích rõ.

b) Vì sao có lụt ?

- Lụt là do mưa nhiều, ngập úng tạo nên.

Vì sao lại có nguyệt thực ?

- Mặt trăng không tự phát ra ánh sáng mà chỉ phản quang lại ánh sáng nhận từ mặt trời. Trong quá trình vận hành, trái đất-mặt trăng-mặt trời có lúc cùng đứng trên một đường thẳng. Trái đất ở giữa che mất nguồn ánh sáng của mặt trời và làm cho mặt trăng bị tối.

Vì sao nước biển mặn ?

- Nước sông, nước suối có hoà tan nhiều loại muối lấy từ các lớp đất đá trong lục địa. Khi ra đến biển, mặt biển có độ thoáng rộng nên nước thường bốc hơi, còn các muối ở lại. Lâu ngày muối tích tụ lại làm cho nước biển mặn.

***. Báo cáo kết quả:**

Giáo viên yêu cầu một số Hs trình bày ý kiến

***. Nhận xét, đánh giá:**

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- GV nhận xét, bổ sung,

- Trong đời sống có rất nhiều vấn đề, hiện tượng cần giải thích

- Muốn giải thích được sự vật thì phải hiểu, phải học hỏi, phải có kiến thức

Gv chuyển ý: Trong văn nghị luận, người ta thường yêu cầu giải thích các vấn đề tư tưởng, đạo lí lớn nhỏ, các chuẩn mực hành vi của con người. Ví dụ như: Thế nào là hạnh phúc? Trung thực là gì? Để hiểu rõ hơn pp giải thích trong văn nghị luận chúng ta cùng tìm hiểu

HĐ 2: Tìm hiểu phương pháp của phép lập luận giải thích trong văn nghị luận

1. Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu được phương pháp của phép lập luận giải thích và sự khác nhau giữa lập luận giải thích trong văn nghị luận và giải thích trong đời sống

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày của mỗi nhóm trong phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- Giáo viên đánh giá học sinh.

5. Tiến trình hoạt động

***. Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv yêu cầu HS đọc bài văn.

Thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau, trình bày vào phiếu học tập:

1. Bài văn giải thích vấn đề gì? Lòng khiêm tốn đã được giải thích bằng cách nào?

2. Hãy chọn và ghi ra vở những câu định nghĩa như: Lòng khiêm tốn có thể coi là một bản tính,...?

3. Theo em cách liệt kê các biểu hiện của khiêm tốn, cách đối lập người khiêm tốn và kẻ không khiêm tốn có phải là cách giải thích không?

về nhiều mặt.

=> **Mục đích của giải thích:** là làm cho ta hiểu những điều chưa biết.

2. Giải thích trong văn nghị luận:

a. Ví dụ:

Bài văn: “Lòng khiêm tốn”

4. Việc chỉ ra cái lợi của khiêm tốn, cái hại của không khiêm tốn có phải là nội dung của giải thích không ?

5. Từ việc tìm hiểu văn bản trên hãy cho biết:

Mục đích của giải thích trong văn nghị luận là gì? Trong văn nghị luận người ta thường giải thích bằng những cách nào? Lí lẽ trong văn giải thích cần phải như thế nào? Muốn làm được bài văn giải thích cần phải làm gì ?

***. Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh làm việc cá nhân -> thảo luận trong nhóm => thống nhất ý kiến trên phiếu học tập

- Giáo viên quan sát, gợi ý và hỗ trợ Hs hoàn thành nhiệm vụ

- Dự kiến sản phẩm:

+ Vấn đề cần giải thích: Giải thích về lòng khiêm tốn; Giải thích bằng lí lẽ.

+ Khiêm tốn có thể coi là 1 bản tính căn bản. Khiêm tốn là chính nó tự nâng cao giá trị cá nhân của con người. Khiêm tốn là biểu hiện của con người đứng đắn, khiêm tốn là tính nhã nhặn,...

+ Cách liệt kê các biểu hiện của khiêm tốn, cách đối lập người khiêm tốn và kẻ không khiêm tốn là 1 cách giải thích bằng hiện tượng.

+ Việc chỉ ra cái lợi của khiêm tốn, cái hại của không khiêm tốn cũng là cách giải thích về lòng khiêm tốn.

***. Báo cáo kết quả:**

Giáo viên yêu cầu đại diện các nhóm lần lượt trình bày các câu hỏi

***. Nhận xét, đánh giá:**

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- GV nhận xét, bổ sung, chốt ý kiến đúng

b. Nhận xét:

- Vấn đề cần giải thích: Giải thích về lòng khiêm tốn.

- Những câu văn giải thích có tính chất định nghĩa: Khiêm tốn có thể coi là 1 bản tính căn bản. Khiêm tốn là chính nó tự nâng cao giá trị cá nhân của con người. Khiêm tốn là biểu hiện của con người đứng đắn, khiêm tốn là tính nhã nhặn,...

- Cách liệt kê các biểu hiện của khiêm tốn, cách đối lập người khiêm tốn và kẻ không khiêm tốn là 1 cách giải thích bằng hiện tượng.

- Việc chỉ ra cái lợi của khiêm tốn, cái hại của không khiêm tốn cũng là cách giải thích về lòng khiêm tốn.

***. Kết luận:**

- Mục đích: Phép lập luận giải thích là làm cho người đọc hiểu rõ các tư tưởng, đạo lí, phẩm chất,... cần được giải thích nhằm nâng cao nhận thức, trí tuệ, bồi dưỡng tình cảm.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:

*. Mục tiêu: Học sinh biết thực hành những kiến thức vừa học để giải quyết bài tập liên quan

*. Phương thức thực hiện: Kết hợp hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi

*. Sản phẩm hoạt động:

+ Phần trình bày miệng

+ Trình bày trên phiếu học tập

*. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

*. Tiến trình hoạt động

1. Chuyển giao nhiệm vụ: Bài tập 1

Gv yêu cầu Hs đọc bài văn.

- *Bài văn giải thích vấn đề gì ?*

- *Bài văn được giải thích theo phương pháp nào ? Chỉ rõ trình tự giải thích?*

Học sinh làm việc cá nhân trình bày ý kiến trước lớp

- Gv gọi Hs khác nhận xét, bổ sung và chốt

- Các phương pháp giải thích: nêu định nghĩa, kể ra các biểu hiện, so sánh đối chiếu với những hiện tượng khác,....

- Yêu cầu chung đối với phương pháp giải thích: Phải có mạch lạc, lớp lang, ngôn từ trong sáng, dễ hiểu.

- Để làm tốt bài văn lập luận giải thích cần: Phải học nhiều, đọc nhiều, vận dụng tổng hợp các thao tác giải thích phù hợp.

3. Ghi nhớ: sgk (71).

II. Luyện tập:

1. Bài văn: Lòng nhân đạo

kiến thức cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> - Bài văn giải thích vấn đề về lòng nhân đạo. - Phương pháp giải thích: <ul style="list-style-type: none"> + Nêu câu hỏi : thế nào là biết thương người và thế nào là lòng nhân đạo? + Sau đó đưa ra một bằng chứng trong cuộc sống và từ bằng chứng này đi đến kết luận : “những hình ảnh ấy và thảm trạng ấy khiến mọi người xót thương và tìm cách giúp đỡ. Đó chính là lòng nhân đạo” . + Phần cuối của đoạn văn tác giả lại dẫn lời của thánh Găng-đi nhằm nhấn mạnh vào ý : Phải phát huy lòng nhân đạo đến cùng và tốt độ để đạt được tình thương, lòng nhân đạo, sự thông cảm giữa con người với con người. Đó chính là nêu tác dụng tốt đẹp của lòng nhân đạo.
------------------	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: vận dụng kiến thức đã học vào lập dàn ý cho 1 bài văn giải thích

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi

3. Sản phẩm hoạt động: Dàn ý mỗi cặp Hs trình bày trên giấy nháp

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

***.Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu: *Hãy lập dàn ý cho đề văn*
- Học sinh tiếp nhận: lập cặp trao đổi

***.Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm việc cá nhân, trao đổi với bạn cùng cặp, ghi dàn ý ra giấy nháp
- Giáo viên quan sát, động viên, hỗ trợ Hs kịp thời
- Dự kiến sản phẩm:

Dàn ý câu tục ngữ : “Có chí thì nên”.

**** Mở bài:*** Đi từ chung đến riêng hoặc đi từ khái quát đến cụ thể.

**** Thân bài:***

a/ Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ:

- "Chí" là gì? Là hoài bão, lí tưởng tốt đẹp, ý chí, nghị lực, sự kiên trì. Chí là điều cần thiết để con người vượt qua trở ngại.

- "Nên" là thế nào? Là sự thành công, thành đạt trong mọi việc.

- "Có chí thì nên" nghĩa là thế nào? Câu tục ngữ nhằm khẳng định vai trò, ý nghĩa to lớn của ý chí trong cuộc sống. Khi ta làm bất cứ một việc gì, nếu chúng ta có ý chí, nghị lực và sự kiên trì thì nhất định chúng ta sẽ vượt qua được mọi khó khăn, trở ngại để đi đến thành công.

b/ Giải thích cơ sở của chân lí: Tại sao người có ý chí nghị lực thì dẫn đến thành công?

- Bởi vì đây là một đức tính không thể thiếu được trong cuộc sống khi ta làm bất cứ việc gì, muốn thành công đều phải trở thành một quá trình, một thời gian rèn luyện lâu dài. Có khi thành công đó lại được đúc rút kinh nghiệm từ thất bại này đến thất bại khác. Không chỉ qua một lần làm việc mà thành công, mà chính ý chí, nghị lực, lòng kiên trì mới là sức mạnh giúp ta đi đến thành công. Càng gian nan chịu đựng thử thách trong công việc thì sự thành công càng vinh quang, càng đáng tự hào.

- Nếu chỉ một lần thất bại mà vội nản lòng, nhụt chí thì khó đạt được mục đích.

- Anh Nguyễn Ngọc Ký bị liệt cả hai tay, phải tập viết bằng chân và đã tốt nghiệp trường đại học và đã trở thành một nhà giáo mẫu mực được mọi người kính trọng.

- Các vận động viên khuyết tật điều khiển xe lăn bằng tay mà đạt huy chương vàng.

*. Để rèn luyện ý chí nghị lực, lòng kiên trì cần phải làm gì?

**** Kết bài:***

Khẳng định giá trị kinh nghiệm của câu tục ngữ đối với đời sống thực tiễn, khẳng định giá trị bền vững của câu tục ngữ đối với mọi người.

***. Báo cáo kết quả:** đại diện một số cặp Hs trình bày

***.Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu: Hs sưu tầm mở rộng kiến thức đã học

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập cá nhân

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

*. Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu: Sưu tầm văn bản giải thích để làm tư liệu học tập.

- Học sinh tiếp nhận: về nhà sưu tầm

*. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: về nhà làm ra vở hoặc in văn bản

- Giáo viên: kiểm tra

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs

*. Báo cáo kết quả: Hs báo cáo vào tiết học sau

* **Nhắc nhở:**

- Nắm được đặc điểm kiểu bài nghị luận giải thích.

- Chuẩn bị bài “ Cách làm bài văn lập luận giải thích”

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Bài 26-Tiết 105- Đọc - Hiểu văn bản

Sống chết mặc bay

(Phạm Duy Tốn)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Sơ giản về tác giả Phạm Duy Tốn.

- Hiện thực về tình cảm khốn khổ của nhân dân trước thiên tai và sự vô trách nhiệm của bọn quan lại dưới chế độ cũ.

- Những thành công nghệ thuật của truyện ngắn *Sống chết mặc bay* - một trong những tác phẩm được coi là mở đầu cho thể loại truyện ngắn Việt Nam hiện đại.
- Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện nghịch lí.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Đọc – hiểu một truyện ngắn hiện đại đầu thế kỷ XX
- Kể tóm tắt truyện.
- Phân tích nhân vật, tình huống truyện qua các cảnh đối lập – tương phản và tăng cấp.

3. Phẩm chất:

- Biết yêu thương, đồng cảm với những người dân cùng khổ.
- Biết căm ghét, phê phán cái xấu, cái ác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm
- Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:
 1. Chuyển giao nhiệm vụ
 - Nhiệm vụ: **Giải thích ý nghĩa của câu thành ngữ sau “ Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi”**
 - Phương án thực hiện:
 - + Thực hiện: **Hoạt động nhóm**

- Thời gian: 2 phút

2. Thực hiện nhiệm vụ:

*. Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

*. Giáo viên:

- Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh

- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu hs hoạt động theo nhóm bàn để trả lời câu hỏi trong khoảng 2 phút

- **Dự kiến sản phẩm:** Thành ngữ có câu “sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi”, câu Thành ngữ nói về thái độ vô trách nhiệm 1 cách trổng trợn của 1 viên quan phụ mẫu, trong một lần hộ đê. Câu chuyện đặc sắc đã đọc ngòi bút hiện thực và nhân đạo của Phạm Duy Tồn kể lại nh một màn kịch bi- hài rất hấp dẫn.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p>HD 1: Giới thiệu tác giả ,văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được những nét chính về tác giả và văn bản.- Phương pháp: Dạy học dự án- Phương thức thực hiện: Hs chuẩn bị ở nhà theo nhóm và trình bày- Sản phẩm hoạt động:<ul style="list-style-type: none">+ phiếu học tập của nhóm- Phương án kiểm tra, đánh giá<ul style="list-style-type: none">+ Học sinh tự đánh giá.+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.+ Giáo viên đánh giá.- Tiến trình hoạt động: 1. Chuyển giao nhiệm vụ:<ul style="list-style-type: none">-Gv gọi 1 hs đọc các câu hỏi gv giao về nhà c bị? Em hãy g.thiệu 1 vài nét về tác giả Phạm Duy Tồn và tác phẩm.2. Thực hiện nhiệm vụ<ul style="list-style-type: none">-Hs về nhà chuẩn bị theo nhóm đã được	<p>I- Giới thiệu chung:</p> <p>I- Tác giả:</p> <p>Phạm Duy Tồn (1883-1924), quê Thường Tín, Hà Tây.</p> <ul style="list-style-type: none">- Ông là 1 cây bút tiên phong và xuất sắc của khuynh hướng hiện thực ở những năm đầu TK XX.- Truyện ngắn của ông chuyên về phản ánh hiện thực XH. <p>2- Văn bản:</p> <p>a. Thể loại, xuất xứ: Sáng tác 7.1918.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thể loại: truyện ngắn hiện đại.

<p>phân công ra phiếu học tập.</p> <p>3. Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs báo cáo dựa trên phiếu học tập đã chuẩn bị. - Ảnh Phạm Duy Tốn - Phạm Duy Tốn (1883-1924), quê Thường Tín, Hà Tây. - Một trong những nhà văn mở đường cho nền văn xuôi Quốc ngữ hiện đại VN. - Cây bút truyện ngắn hiện đại đầu tiên trong VH hiện thực đầu tk XX. - Viết bằng chữ quốc ngữ in trên tạp chí Nam Phong (1918). Là truyện ngắn thành công nhất của Phạm Duy Tốn <p>4. Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng <p>Hs tự ghi vở</p> <p><i>*GV giới thiệu h/c ra đời VB: Đầu tk XX nhân dân VN chịu sự đàn áp bóc lột của 2 tầng lớp :</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Bọn Pháp tăng cường vơ vét thuộc địa. + Bọn quan lại PK đc sự đỡ đầu của P cấu kết bóc lột vơ vét, đàn áp, sách nhiễu, hách dịch với dân. Người dân VN chưa bao giờ phải chịu nhiều nỗi cơ cực như thời gian này... <p>HD 2: Đọc, tìm hiểu chú thích, bố cục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Giúp học sinh rèn kỹ năng đọc, hiểu được nghĩa của một số từ khó, chia được bố cục của văn bản. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động cặp đôi 	<p>b. Đọc, chú thích, bố cục</p> <p>*Tóm tắt:</p> <p>* Bố cục: 3 phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh đê sắp vỡ (Đ1). - Cảnh hộ đê (tiếp-> ấy là hạnh phúc). - Cảnh đê vỡ (phần còn lại).
---	--

- *Cách tiến hành:*

Bước 1: Hướng dẫn đọc: Chú ý phân biệt giọng người kể: mỉa mai, lạnh lùng; giọng quan phụ mẫu hống hách, nạt nộ; giọng thầy đê và dân phu: khúm núm, sợ sệt.

-GV đọc

-Hs đọc

+Giải thích từ khó: núng thê, thâm lậu, dân phu, bảo thủ

? Em hãy kể tóm tắt truyện bằng lời của em?

-HS : tóm tắt

-GV : N/x, tóm tắt lại.

? Truyện kể theo ngôi thứ mấy? Theo trình tự nào?

- Truyện kể theo ngôi thứ 3, theo trình tự thời gian và sự việc: Đê sắp vỡ, đê vỡ.

?Chuyện kể về sự kiện gì ? (vỡ đê). Nhân vật chính là ai ? (quan phụ mẫu).

Bước 2: chia bố cục

- *Phương pháp: Thảo luận*

- *Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi*

- *Sản phẩm: Chia bố cục văn bản trên phiếu học tập*

- *Tiến trình:*

1. Chuyển giao nhiệm vụ:

? *Bố cục của truyện có thể chia thành mấy phần ?*

2. Thực hiện nhiệm vụ

- *Học sinh: Hoạt động cặp đôi*

- *Giáo viên: Quan sát*

- *Dự kiến sản phẩm*

- Từ đầu -> khúc đê này hỏng mất: Nguy

II. Tìm hiểu văn bản

1- Cảnh đê sắp vỡ:

- Thời gian: Gần 1 giờ đêm.

- Không gian: Trời mưa tầm tã, nước sông Nhị Hà lên to.

<p>cơ vỡ đê và sự chống đỡ của người dân(Cảnh đê sắp vỡ).</p> <p>- Tiếp theo -> điều mày: Cảnh quan phủ cùng nha lại đánh tổ tôm trong khi đi hộ đê (Cảnh hộ đê)</p> <p>- Còn lại: Cảnh đê vỡ, nhân dân lâm vào tình trạng thảm sầu.</p> <p>3. Báo cáo kết quả</p> <p>- <i>tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo kết quả</i></p> <p>- <i>Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu hs lên trình bày kết quả</i></p> <p>- <i>Hs các hs khác bổ sung</i></p> <p>4. Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh đánh giá, nhận xét, bổ sung</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức ghi bảng</p> <p>Hoạt động: Đọc, hiểu văn bản</p> <p>HD 1: Cảnh đê sắp vỡ</p> <p>Mục tiêu :</p> <p>Học sinh nắm được cảnh đê sắp vỡ với tình huống gấp gáp, căng thẳng, nguy kịch</p> <p>- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình kết hợp trao đổi cặp đôi</p> <p>- Phương thức thực hiện:</p> <p>+ Hoạt động cá nhân</p> <p>+ Hoạt động cặp đôi</p> <p>+ Hoạt động chung cả lớp</p> <p>- Sản phẩm hoạt động:</p> <p>+ nội dung hs trình bày miệng</p> <p>Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <p>+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.</p> <p>+ Giáo viên đánh giá.</p>	<p>- Địa điểm: Khúc sông làng X, thuộc phủ X, hai ba đoạn đã thâm lậu.</p> <p>- Gợi cảnh tượng nhón nháo, hồi hả, chen chúc, căng thẳng, cơ cực và hiểm nguy.</p> <p>=>Tạo tình huống có vấn đề (đê sắp vỡ) để từ đó các sự việc kế tiếp sẽ xảy ra.</p>
--	--

<p>- Tiến trình hoạt động:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>NVI: Hoạt động cá nhân</p> <p>HS đọc đoạn 1</p> <p>? <i>Cảnh đê sắp vỡ được gọi tả bằng các chi tiết nào về không gian, thời gian, địa điểm?</i></p> <p>? <i>Các chi tiết đó gọi ra cảnh tượng như thế nào?</i></p> <p>- Trong truyện này, phân mở đầu có vai trò thắt nút. Vậy ý nghĩa thắt nút ở đây là gì ?</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: Trình bày ý kiến cá nhân</p> <p>- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>+ Nêu được cảnh đê sắp vỡ</p> <p>+ Nêu được hình thức nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn</p> <p>3. Báo cáo kết quả:</p> <p>Học sinh báo cáo kết quả làm việc nhiệm vụ được giao</p> <p>? <i>Cảnh đê sắp vỡ được gọi tả bằng các chi tiết nào về không gian, thời gian, địa điểm?</i></p> <p>- Thời gian: Gần 1 giờ đêm.</p> <p>- Không gian: Trời mưa tầm tã, nước sông Nhị Hà lên to.</p> <p>- Địa điểm: Khúc sông làng X, thuộc phủ X, hai ba đoạn đã thâm lậu.</p> <p>? <i>Các chi tiết đó gọi ra tình huống như</i></p>	<p>2- Cảnh hộ đê:</p> <p>a- Cảnh trên đê:</p> <p>- Hình ảnh: Kẻ thì thuồng, người thì cuốc,... bì bõm dới bùn lầy... người nào người nấy ướt lướt thướt như chuột lột.</p> <p>- Âm thanh: Trống đánh liên thanh. ộc thổi vô hồi, tiếng người xao xác gọi nhau..</p> <p>-> Sử dụng nhiều từ láy tượng hình kết hợp ngôn ngữ biểu cảm (than ôi, lo thay, nguy thay).</p> <p>=> Gọi cảnh tượng nhốn nháo, hối hả, chen chúc, căng thẳng, cơ cực và hiểm nguy.</p>
--	--

thế nào? Trong truyện này, phần mở đầu có vai trò thắt nút. Vậy ý nghĩa thắt nút ở đây là gì ?

- Tình huống gấp gáp, căng thẳng, nguy kịch.

=> Tạo tình huống có vấn đề (đề sắp vỡ) để từ đó các sự việc kế tiếp sẽ xảy ra.

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hs tự ghi vở

HĐ 2: Cảnh hộ đê

Mục tiêu :

Học sinh nắm được cảnh con dân hộ đê với tình huống gấp gáp, căng thẳng, nguy kịch

- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình kết hợp trao đổi cặp đôi

- Phương thức thực hiện:

+ Hoạt động cá nhân

+ Hoạt động cặp đôi

+ Hoạt động chung cả lớp

- Sản phẩm hoạt động:

+ nội dung hs trình bày miệng

Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.

+ Giáo viên đánh giá.

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

NV: Hoạt động cặp đôi

- HS đọc Đ2,3. Hai đoạn em vừa đọc tả cảnh gì, ở đâu ?

- Cảnh được tả bằng những chi tiết hình

ảnh và âm thanh điển hình nào ?

- *Ngôn ngữ miêu tả có gì đặc sắc ?*
- *Cách miêu tả đó, gợi lên một cảnh tượng như thế nào ?*
- *Tác giả đặt đoạn tả cảnh trên đề trước khi đề vờ có ý nghĩa gì ?*

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Trình bày ý kiến theo cặp nhóm
- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày
- Dự kiến sản phẩm:
 - + Nêu được cảnh trên đề
 - + Nêu được hình thức nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn

3. Báo cáo kết quả:

Học sinh báo cáo kết quả làm việc nhiệm vụ được giao

- *Cảnh được tả bằng những chi tiết hình ảnh và âm thanh điển hình nào ?*
- Hình ảnh: Kẻ thì thương, người thì cuốc,... bì bõm dới bùn lầy... người nào người nấy ướt lướt thướt như chuột lột.
- Âm thanh: Trống đánh liên thanh. ốc thối vô hồi, tiếng người xao xác gọi nhau..
- *Ngôn ngữ miêu tả có gì đặc sắc ?*
- > Sử dụng nhiều từ láy tượng hình kết hợp ngôn ngữ biểu cảm (than ôi, lo thay, nguy thay).
- *Cách miêu tả đó, gợi lên một cảnh tượng như thế nào ? => Gợi cảnh tượng*

nhón nháo, hời hả, chen chúc, căng thẳng, cơ cực và hiểm nguy. 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng Hs tự ghi vở	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động các nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Bài viết của học sinh trên giấy

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh
- Giáo viên đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

*Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ:

* Cho đoạn văn “ Dân phu...Khúc đê này hỏng mất”.

Viết đv trình bày cảm nhận của em về cảnh dân chúng khi đi hộ đê.

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu

*Học sinh thực hiện nhiệm vụ: Viết đoạn văn theo yêu cầu

- Dự kiến sản phẩm: là một đoạn văn đảm bảo cả hình thức và nội dung

- Hình ảnh: Kẻ thuồng, người cuốc, đội đất, vác tre, đắp, cừ, bì bõm, ướm lướm thướt như chuột lộn.

- Âm thanh: Trống đánh liên thanh. ộc thổi vô hồi, tiếng người xao xác gọi nhau..

-Sử dụng nhiều từ láy tượng hình (bì bõm, lướm thướt, xao xác, tầm tã, cuộn cuộn) kết hợp ngôn ngữ biểu cảm (than ôi, lo thay, nguy thay).

=>Gợi cảnh tượng nhón nháo, hời hả, chen chúc, vất vả và hiểm nguy.

-Cảm xúc: Xót thương trc nỗi khổ của nd.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng, thể nghiệm giá trị đã được học vào trong cuộc sống thực tiễn ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ: GV: Tăng cấp có nghĩa là lần lượt đưa thêm các chi tiết và chi tiết sau phải cao hơn chi tiết trước. Qua đó làm rõ thêm bản chất một sự việc, một hiện tượng.

Hãy tìm phép tăng cấp trong việc miêu tả mức độ của trời mưa, của độ nước sông, của nguy cơ vỡ đê, cảnh hộ đê trong đoạn 1

- Hs tìm và nêu biểu hiện cụ thể

- Các nhóm trình bày – các nhóm khác bổ sung - Gv bổ sung thêm

a, Sự tăng cấp trong việc miêu tả mưa gió, nước sông ngày càng dâng cao, nguy cơ vỡ đê ngày càng lớn, cảnh hộ đê ngày càng vất vả, căng thẳng

- Trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị Hà lên to quá...thì vỡ mất

- Trên trời mưa vẫn tầm tã trút xuống...Khúc đê này hỏng mất

b, Sự tăng cấp trong cảnh tình dân phu vật lộn với nước mỗi lúc thêm cực nhọc, thê thảm

- Dân phu hàng trăm nghìn người...Tình cảnh trông thật là thảm

- Tuy trống đánh liên thanh...ai cũng mệt lử cả rồi

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu:

- khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá

- Giúp hs hiểu được nghệ thuật tương phản trong văn bản

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân ở nhà

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày trên giấy của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

-Sưu tầm 1 số câu ca dao, tục ngữ có nội dung phê phán, phản kháng xã hội PKVN.

*. học sinh thực hiện ở nhà nộp kết quả vào tiết sau

Phép tương phản trong nghệ thuật và việc tạo ra những cảnh tượng, hành động, tính cách trái ngược nhau để làm nổi bật tư tưởng của tác giả. Dựa vào định nghĩa trên, em hãy tìm những chi tiết trong tác phẩm để hoàn thành bảng sau.

Dân	<- Tương phản ->	Quan
	Cảnh hộ đê	
	Cảnh đê vỡ	

Rút kinh nghiệm

.....

Bài 26-Tiết 106- Đọc - Hiểu văn bản
Sống chết mặc bay (tiếp)

I. MỤC TIÊU: Tiết trước

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
GV: - Tác giả đặt đoạn tả cảnh trên đê trước khi đê vỡ có ý nghĩa gì ? (Dựng cảnh dân đang lo chống chọi với nước đê để cứu đê. Chuẩn bị cho sự xuất hiện cảnh tượng trái ngược khác sẽ diễn ra ở trong đình). HĐ 1: Cảnh trong đình 1. Mục tiêu : Học sinh nắm được chân dung tên quan phủ, cuộc sống xa hoa và thấy được sự thờ ơ vô trách nhiệm của hắn 2. Phương thức thực hiện: + Hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân + Hoạt động chung cả lớp	I- Giới thiệu chung: 1- Tác giả: 2- Tác phẩm: II. Tìm hiểu văn bản 1- Cảnh đê sắp vỡ: 2- Cảnh hộ đê: a- Cảnh trên đê: b- Cảnh trong đình:

<p>3- Sản phẩm hoạt động: Phiếu học của nhóm được chuẩn bị trước ở nhà</p> <p>4- Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh tự đánh giá. + Học sinh đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên đánh giá. <p>5- Tiến trình hoạt động</p> <p>* Chuyên giao nhiệm vụ</p> <p>NV: Tìm hiểu chuyện quan phủ được hầu hạ</p> <p>- Theo dõi đoạn kể chuyện trong đình, hãy cho biết chuyện gì đang xảy ra ở đây ? (Chuyện quan phủ được hầu hạ, chuyện quan phủ chơi tổ tôm, chuyện quan phủ nghe tin đê vỡ).</p> <p>- Để miêu tả đồ vật và chân dung quan phủ tác giả đã sử dụng nghệ thuật nào? Tác dụng?</p> <p>Qua các chi tiết miêu tả trên, ta thấy hiện lên hình ảnh một viên quan như thế nào ?</p> <p>- Hình ảnh quan phủ mẫu nhân nhả hưởng lạc trong đình trái ngược với hình ảnh nào ngoài đê?</p> <p>- Trong NT viết văn đặt 2 cảnh trái ngược nhau như thế gọi là sử dụng biện pháp tương phản. Theo em phép tương phản trên có tác dụng gì ?</p> <p>NV 2: Cảnh quan phủ đánh tổ tôm.</p> <p>- Hình ảnh quan phủ nổi lên qua những chi tiết điển hình nào về cử chỉ và lời nói ?</p> <p>? Để miêu tả cảnh quan phủ chơi tổ tôm tác giả đã sử dụng nghệ thuật nào? Tìm những hình ảnh tương phản?</p> <p>(Tương phản giữa lời nói khẽ của ngài hầu: Bẩm có khi đê vỡ với lời gắt của quan: Mặc kệ !; tương phản giữa tiếng kêu vang trời dậy</p>	<p><i>*Chuyện quan phủ được hầu hạ:</i></p> <p>- Đồ vật: Bát yến hấp đường phèn, tráp đòi mồi, trong ngăn bạc đầy những trâu vàng,... nào ông thuộc bạc, nào đồng hồ vàng...</p> <p>=> Liệt kê -> đ ô dùng quý hiếm của nhà quyền quý</p> <p>- Chân dung quan phủ mẫu: Uy nghi chễm chện ngồi, tay trái tựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho tên người nhà quì ở dưới đất mà gãi.</p> <p>- Liệt kê => Hiện lên hình ảnh 1 viên quan uy nghi, chễm chệ béo tốt, nhân nhả, thích hưởng lạc và rất hách dịch.</p> <p>- Mưa gió âm âm ngoài đê, dân phu rôi rít... trăm họ đang vất vả lấm láp, gội gió tắm mưa, như đàn sâu lũ kiến ở trên đê...</p> <p>- Sử dụng hình ảnh tương phản => Làm nổi rõ tính cách hưởng lạc của quan phủ và thảm cảnh của người dân. Góp phần thể hiện ý nghĩa phê phán của truyện.</p>
--	--

đất ngoài đê, với thái độ điềm nhiên hưởng lạc ăn chơi của quan).

- Trong khi miêu tả và kể chuyện, tác giả đã xen những lời bình luận và biểu cảm, đó là những lời nào ? (Ngài mà còn dở ván bài, hoặc chưa hết hội thì dầu trời long đất lở, đê vỡ dân trôi, ngài cũng thây kệ. Ôi ! Trăm hai mươi lá bài đen đỏ, có cái ma lực gì...không bằng nước bài cao thấp. Than ôi !...)

- Kết hợp miêu tả, kể chuyện bằng NT tương phản với những lời bình luận biểu cảm đã mang lại hiệu quả gì cho đoạn truyện này ?

NV: Chuyện quan phủ nghe tin đê vỡ

- Theo dõi đoạn văn kể chuyện quan phủ, khi nghe tin đê vỡ.

- Ở đoạn này hình thức ngôn ngữ nổi bật là gì ? (Ngôn ngữ đối thoại).

- Hình ảnh và những câu đối thoại nào của quan phụ mẫu đáng giá nhất ?

- Hình ảnh của quan phụ mẫu tương phản với hình ảnh nào ?

- Cách dùng ngôn ngữ đối thoại và hình ảnh tương phản ở đây có tác dụng gì ?

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Trình bày ý kiến theo cặp nhóm

- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày

- Dự kiến sản phẩm:

+ Nêu được cảnh trên đê

+ Nêu được hình thức nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn

3. Báo cáo kết quả:

Học sinh báo cáo kết quả làm việc nhiệm vụ được giao

NV: Tìm hiểu chuyện quan phủ được hầu hạ

- Theo dõi đoạn kể chuyện trong đình, hãy cho biết chuyện gì đang xảy ra ở đây ? (Chuyện quan phủ được hầu hạ, chuyện quan phủ chơi tổ tôm, chuyện quan phủ nghe tin đê vỡ).

- Trong đoạn văn kể chuyện quan phủ được hầu hạ, tác giả đã dùng những chi tiết nào để tả về đồ vật và chân dung quan phủ ?

- Đồ vật: Bát yến hấp đường phèn, tráp đòi mời, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng,... nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng...

=>Đồ dùng:quý hiếm của nhà quyền quý

- Chân dung quan phụ mẫu: Uy nghi chễm chện ngồi, tay trái tựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho tên người nhà quì ở dưới đất mà gãi.

- Để miêu tả đồ vật và chân dung quan phủ tác giả đã sử dụng nghệ thuật nào? Tác dụng?

=> Liệt kê -> đồ dùng quý hiếm của nhà quyền quý

Qua các chi tiết miêu tả trên, ta thấy hiện lên hình ảnh một viên quan như thế nào ?

- Liệt kê => Hiện lên hình ảnh 1 viên quan uy nghi, chễm chệ béo tốt, nhàn nhã, thích hưởng lạc và rất hách dịch.

- Hình ảnh quan phụ mẫu nhàn nhã hưởng lạc trong đình trái ngược với hình ảnh nào ngoài đê?

<p>- Trong NT viết văn đặt 2 cảnh trái ngược nhau như thế gọi là sử dụng biện pháp tương phản. Theo em phép tương phản trên có tác dụng gì ?</p> <p>- Mưa gió âm ảm ngoài đê, dân phu rớt rít... trăm họ đang vất vả lấm láp, gọi gió tắm mưa, như đàn sâu lũ kiến ở trên đê...</p> <p>- Sử dụng hình ảnh tương phản =>Làm nổi rõ tính cách hừng lạc của quan phủ và thảm cảnh của người dân. Góp phần thể hiện ý nghĩa phê phán của truyện.</p> <p>NV 2: Cảnh quan phủ đánh tổ tôm.</p> <p>- Hình ảnh quan phủ nổi lên qua những chi tiết điển hình nào về cử chỉ và lời nói ?</p> <p>- Cử chỉ: Khi đó, ván bài quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mãi trông đĩa nọc,...</p> <p>- Lời nói: Tiếng thầy đề hỏi: Bẩm bóc, tiếng quan lớn truyền: ừ. Có người khể nói: Bẩm để có khi đề vỡ ! Ngài cau mặt, gắt rằng: Mặc kệ !</p> <p>?Để miêu tả cảnh quan phủ chơi tổ tôm tác giả đã sử dụng nghệ thuật nào? Tìm những hình ảnh tương phản?</p> <p>(Tương phản giữa lời nói khể của ngài hầu: Bẩm có khi đề vỡ với lời gắt của quan: Mặc kệ !; tương phản giữa tiếng kêu vang trời dậy đất ngoài đê, với thái độ điềm nhiên hừng lạc ăn chơi của quan).</p> <p>- Trong khi miêu tả và kể chuyện, tác giả đã xen những lời bình luận và biểu cảm, đó là những lời nào ? (Ngài mà còn dở ván bài, hoặc chưa hết hội thì dầu trời long đất lở, đề vỡ dân trôi, ngài cũng thây kệ. Ôi ! Trăm hai</p>	<p>*Chuyện quan phủ đánh tổ tôm:</p> <p>- Cử chỉ: Khi đó, ván bài quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mãi trông đĩa nọc,...</p> <p>- Lời nói: Tiếng thầy đề hỏi: Bẩm bóc, tiếng quan lớn truyền: ừ. Có người khể nói: Bẩm để có khi đề vỡ ! Ngài cau mặt, gắt rằng: Mặc kệ !</p> <p>-> Kết hợp miêu tả, kể chuyện bằng NT tương phản với những lời bình luận biểu cảm-> Làm nổi rõ tính cách bất nhân của nhân vật quan phủ, gián tiếp phản ánh tình cảnh thê thảm của dân và bộc lộ thái độ mỉa mai phê phán của tác giả.</p>
---	---

mười lá bài đen đỏ, có cái ma lực gì...không bằng nước bài cao thấp. Than ôi !...)

- Kết hợp miêu tả, kể chuyện bằng NT tương phản với những lời bình luận biểu cảm đã mang lại hiệu quả gì cho đoạn truyện này ?

-> Kết hợp miêu tả, kể chuyện bằng NT tương phản với những lời bình luận biểu cảm-> Làm nổi rõ tính cách bất nhân của nhân vật quan phủ, gián tiếp phản ánh tình cảnh thê thảm của dân và bộc lộ thái độ mỉa mai phê phán của tác giả.

NV: Chuyện quan phủ nghe tin đê vỡ

- Theo dõi đoạn văn kể chuyện quan phủ, khi nghe tin đê vỡ.

- Ở đoạn này hình thức ngôn ngữ nổi bật là gì ? (Ngôn ngữ đối thoại).

- Hình ảnh và những câu đối thoại nào của quan phụ mẫu đáng giá nhất ?

- Quan lớn mặt đỏ tía tai quay ra quát rằng: Đê vỡ rồi !... Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày ! Có biết không ?

- Hình ảnh của quan phụ mẫu tương phản với hình ảnh nào ?

- Một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào thở không ra lời: Bẩm...quan lớn ... đê vỡ mất rồi !

- Cách dùng ngôn ngữ đối thoại và hình ảnh tương phản ở đây có tác dụng gì ?

-> Sd ngôn ngữ đối thoại và hình ảnh tương phản-> Khắc họa tính cách tàn nhẫn, vô lương tâm của quan phụ mẫu và tố cáo quan lại thờ ơ vô trách nhiệm đối với tính mạng của người dân.

**Chuyện quan phủ nghe tin đê vỡ:*

- Quan lớn mặt đỏ tía tai quay ra quát rằng: Đê vỡ rồi !... Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày ! Có biết không ?

- Một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào thở không ra lời: Bẩm...quan lớn ... đê vỡ mất rồi !

-> Sd ngôn ngữ đối thoại và hình ảnh tương phản-> Khắc họa tính cách tàn nhẫn, vô lương tâm của quan phụ mẫu và tố cáo quan lại thờ ơ vô trách nhiệm đối với tính mạng của người dân.

3- Cảnh đê vỡ:

- Khắp mọi nơi miền đó, nước tràn

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá
 - > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng
- Hs tự ghi vở

Hoạt động 2: Cảnh đê vỡ

1. Mục tiêu : Học sinh nắm được cảnh đê vỡ và thấy được sự thờ ơ vô trách nhiệm của hần

2. Phương thức thực hiện:

- + Hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân
- + Hoạt động chung cả lớp

3- Sản phẩm hoạt động: Phiếu học của nhóm được chuẩn bị trước ở nhà

4- Phương án kiểm tra, đánh giá

- + Học sinh tự đánh giá.
- + Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- + Giáo viên đánh giá.

5- Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Tác giả đã miêu tả cảnh đê vỡ như thế nào?
- Ngoài miêu tả , tác giả còn biểu cảm gì ?
- Cách miêu tả và biểu cảm trên có tác dụng gì ?
- Đoạn truyện này có vai trò và ý nghĩa gì ?

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Trình bày ý kiến theo cặp nhóm
- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày
- Dự kiến sản phẩm:

lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết.

- Kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sầu, kẻ sao cho xiết !

->Miêu tả kết hợp với biểu cảm-> Vừa gợi cảnh tượng lộn lộn do đê vỡ, vừa tỏ lòng thương cảm xót xa cho tình cảnh khốn cùng của người dân.

->Vai trò mở nút- kết thúc truyện.

Ý nghĩa: Thể hiện tình cảm nhân đạo của tác giả.

<p>+ Nêu được cảnh trên đề</p> <p>+ Nêu được hình thức nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn</p> <p>3. Báo cáo kết quả:</p> <p>Học sinh báo cáo kết quả làm việc nhiệm vụ được giao</p> <p>- Cảnh được tả bằng những chi tiết hình ảnh và âm thanh điển hình nào ?</p> <p>- Hình ảnh: Kẻ thì thuồng, người thì cuốc,... bị bõm dối bùn lầy... người nào người nấy ướt lướt thướt như chuột lột.</p> <p>- Âm thanh: Trống đánh liên thanh. Ớc thối vô hồi, tiếng người xao xác gọi nhau..</p> <p>- Ngôn ngữ miêu tả có gì đặc sắc ?</p> <p>-> Sử dụng nhiều từ láy tượng hình kết hợp ngôn ngữ biểu cảm (than ôi, lo thay, nguy thay).</p> <p>- Cách miêu tả đó, gọi lên một cảnh tượng như thế nào ? => Gọi cảnh tượng nhốn nháo, hối hả, chen chúc, căng thẳng, cơ cực và hiểm nguy.</p> <p>4. Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>Hs tự ghi vở</p> <p>HĐ3: Tổng kết</p> <p>1. Mục tiêu : Học sinh nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản</p> <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <p>+ Hoạt động nhóm</p> <p>3- Sản phẩm hoạt động: Phiếu học của nhóm được chuẩn bị trước ở nhà</p> <p>4- Phương án kiểm tra, đánh giá</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. - Nghệ thuật:</p> <p>- Dùng biện pháp tương phản để khắc họa nhân vật làm nổi bật tư tưởng của tác phẩm.</p> <p>- Ngôn ngữ tự sự, miêu tả, biểu cảm, người dẫn truyện, nhân vật, đối thoại.</p> <p>2. Nội dung:</p> <p>+ Giá trị hiện thực: Phản ánh cuộc sống ăn chơi hưởng lạc vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền và cảnh sống thê thảm của người dân trong XH cũ.</p> <p>+ Giá trị nhân đạo: Lên án kẻ cầm quyền thờ ơ vô trách nhiệm với tính mạng người dân.</p> <p>- Phạm Duy Tốn: Là người am hiểu đời sống hiện thực, có tình cảm yêu ghét rõ ràng, biết dùng ngòi bút làm vũ khí chiến đấu vạch mặt bọn quan lại vô lương tâm, biết thông cảm với nỗi khổ của người nông dân.</p> <p>* Ghi nhớ: sgk (83).</p>
---	--

<p>+ Học sinh tự đánh giá. + Các nhóm đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên đánh giá.</p> <p>5- Tiến trình hoạt động</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? Nêu những nét chính về nghệ thuật của văn bản. (Ngôn ngữ sử dụng)</p> <p>Nêu các giá trị về hiện thực, nhân đạo của văn bản</p> <p>- Qua truyện, em hiểu thêm gì về nhà văn Phạm Duy Tốn ?</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: Trình bày ý kiến phiếu học tập - Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ - Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày - Dự kiến sản phẩm:</p> <p>+ Nêu được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm</p> <p>3. Báo cáo kết quả:</p> <p>Học sinh báo cáo kết quả làm việc mà nhóm được giao</p> <p>1. - Nghệ thuật:</p> <p>- Dùng biện pháp tương phản để khắc họa nhân vật làm nổi bật tư tưởng của tác phẩm. - Ngôn ngữ tự sự, miêu tả, biểu cảm, người dẫn truyện, nhân vật, đối thoại.</p> <p>2. Nội dung:</p> <p>+ Giá trị hiện thực: Phản ánh cuộc sống ăn chơi hưởng lạc vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền và cảnh sống thê thảm của người dân trong XH cũ. + Giá trị nhân đạo: Lên án kẻ cầm quyền thờ ơ</p>	
---	--

<p>vô trách nhiệm với tính mạng người dân.</p> <p>- Phạm Duy Tôn: Là người am hiểu đời sống hiện thực, có tình cảm yêu ghét rõ ràng, biết dùng ngòi bút làm vũ khí chiến đấu vạch mặt bọn quan lại vô lương tâm, biết thông cảm với nỗi khổ của người nông dân.</p> <p>4. Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>Hs tự ghi vở</p>	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể
2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm
3. Sản phẩm hoạt động: Bài viết của học sinh trên giấy
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - Học sinh đánh giá học sinh
 - Giáo viên đánh giá học sinh
5. Tiến trình hoạt động
 - *Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ:

Phép tương phản trong nghệ thuật và việc tạo ra những cảnh tượng, hành động, tính cách trái ngược nhau để làm nổi bật tư tưởng của tác giả. Dựa vào định nghĩa trên, em hãy tìm những chi tiết trong tác phẩm để hoàn thành bảng sau.

Dân	<- Tương phản ->	Quan
	Cảnh hộ đê	
	Cảnh đê vỡ	

Trong nghệ thuật văn chương còn có phép tăng cấp (lần lượt đưa thêm chi tiết và chi tiết sau phải cao hơn về mức độ (hoặc tính chất...) so với các chi tiết trước), qua đó làm rõ thêm bản chất của sự việc, hiện tượng được nói tới. trong bìa sống chế mặc bay, tác giả sử dụng phép tăng cấp để bộc lộ nét bối cảnh và

tính cách của nhân vật. Em hãy phân tích chứng minh ý kiến trên bằng cách hoàn thành bảng sau:

<i>Đối tượng miêu tả</i>	<i>Tăng cấp</i>	<i>Nhãn xét</i>
<i>Cảnh thiên nhiên và nguy cơ vỡ đê</i>		
<i>Sự căng thẳng vất vả của người dân hộ đê</i>		
<i>Mức độ đam mê cờ bạc của quan phụ mẫu</i>		

*** 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Các nhóm trình bày ý kiến phiếu học tập
 - Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ
 - Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày
 - Dự kiến sản phẩm:
- + Nêu được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm

3. Báo cáo kết quả:

Học sinh báo cáo kết quả làm việc mà nhóm được giao

Phép tương phản trong nghệ thuật và việc tạo ra những cảnh tượng, hành động, tính cách trái ngược nhau để làm nổi bật tư tưởng của tác giả. Dựa vào định nghĩa trên, em hãy tìm những chi tiết trong tác phẩm để hoàn thành bảng sau.

<i>Dân</i>	<i><- Tương phản -></i>	<i>Quan</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Cảnh đêm mưa tầm tã, nước sông dâng to... - Hàng trăm dân phu lăn lộn trong bùn nước, gọi gió tắt mưa - Cảnh dân phu như đàn sâu lũ kiến.. 	<i>Cảnh hộ đê</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong đình đèn thấp sáng trưng... - Quan thì ngồi chễm chệ trên sập ... - Cảnh quan chơi bài nhàn nhã, đường bê, nguy nga...
<ul style="list-style-type: none"> - cảnh đê vỡ, nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu...kể sao cho xiết 	<i>Cảnh đê vỡ</i>	<i>Cảnh quan lớn thẳng ván bài to</i>

Trong nghệ thuật văn chương còn có phép tăng cấp (lần lượt đưa thêm chi tiết và chi tiết sau phải cao hơn về mức độ (hoặc tính chất...) so với các chi tiết trước), qua đó làm rõ thêm bản chất của sự việc, hiện tượng được nói tới. trong bìa sông chế mặc bay, tác giả sử dụng phép tăng cấp để bộc lộ nét bối cảnh và tính cách của nhân vật. Em hãy phân tích chứng minh ý kiến trên bằng cách hoàn thành bảng sau:

<i>Đối tượng miêu tả</i>	<i>Tăng cấp</i>	<i>Nhãn xét</i>
<i>Cảnh thiên nhiên và nguy cơ vỡ đê</i>	<p>a, Sự tăng cấp trong việc miêu tả mưa gió, nước sông ngày càng dâng cao, nguy cơ vỡ đê ngày càng lớn, cảnh hộ đê ngày càng vất vả, căng thẳng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị Hà lên to quá...thì vỡ mất - Trên trời mưa vẫn tầm tã trút xuống...Khúc đê này hỏng mất 	<i>Nguy cơ ngập lụt ngày một tăng</i>
<i>Sự căng thẳng vất vả của người dân hộ đê</i>	<p>Sự tăng cấp trong cảnh tình dân phu vật lộn với nước mỗi lúc thêm cực nhọc, thâm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân phu hàng trăm nghìn người...Tình cảnh trông thật là thảm - Tuy trống đánh liên thanh...ai cũng mệt lử cả rồi 	<i>Cảnh tình của dân phu vật lộn với nước mỗi lúc thêm cực nhọc, thâm</i>
<i>Mức độ ham mê cờ bạc của quan phụ mẫu</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong đình quan ngồi chồm chệ trên sập, xung quanh có thầy đê, thầy đội nhất...như thần như thánh - Ngài còn dờ ván bài...ngài cũng kệ thầy - Đê vỡ mặc đê, nước sông dù nguy không bằng nước bài cao thấp...thú vị - Mặc! Dân chẳng dân thời 	<i>Mức độ ham mê cờ bạc của tên quan phủ, rất hống hách, cực kỳ nhẫn tâm và vô trách nhiệm</i>

	<p><i>chờ...ruộng ngập</i></p> <p>- <i>Nghe ngoài xa, tiếng kêu vang trời...mình chờ màn hạ.</i></p> <p>- <i>Khi có người xông vào...cười nói hả hê</i></p>	
--	---	--

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hs tự ghi vở

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng, thể nghiệm giá trị đã được học vào trong cuộc sống thực tiễn ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng của học sinh
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - Học sinh đánh giá học sinh
 - Gv đánh giá học sinh
5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ: Viết đv trình bày cảm nhận của em về h/a viên quan phụ mẫu.

- Đồ vật: Bát yến hấp đường phèn, tráp đòi mối, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng,... nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng...

=> Liệt kê -> đồ dùng quý hiếm của nhà quyền quý

- Chân dung quan phụ mẫu: Uy nghi chễm chệng ngai, tay trái tựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho tên người nhà quì ở dưới đất mà gãi.

- Liệt kê => Hiện lên hình ảnh 1 viên quan uy nghi, chễm chệ béo tốt, nhàn nhã, thích hưởng lạc và rất hách dịch.

- Sử dụng hình ảnh tương phản => Làm nổi rõ tính cách hưởng lạc của quan phủ và thảm cảnh của người dân. Góp phần thể hiện ý nghĩa phê phán của truyện.

**Chuyện quan phủ đánh tổ tôm:*

-> Kết hợp miêu tả, kể chuyện bằng NT tương phản với những lời bình luận biểu cảm-> Làm nổi rõ tính cách bất nhân của nhân vật quan phủ, gián tiếp phản ánh tình cảnh thê thảm của dân và bộc lộ thái độ mỉa mai phê phán của tác giả

**Chuyện quan phủ nghe tin đê vỡ:*

-> Sd ngôn ngữ đối thoại và hình ảnh tương phản-> Khắc họa tính cách tàn nhẫn, vô lương tâm của quan phụ mẫu và tô cáo quan lại thờ ơ vô trách nhiệm đối với tính mạng của người dân.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu:

- khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá

- Giúp hs hiểu được nghệ thuật tương phản trong văn bản

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân ở nhà

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày trên giấy của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

-Sưu tầm 1 số câu ca dao, tục ngữ có nội dung phê phán, phản kháng xã hội PKVN.

*. học sinh thực hiện ở nhà nộp kết quả vào tiết sau

-Sưu tầm 1 số câu ca dao, tục ngữ có nội dung phê phán, phản kháng xã hội PKVN.

- Kể tóm tắt truyện, học thuộc ghi nhớ.

- Soạn bài: Những trò lố hay là Va ren và Phan Bội Châu.

Rút kinh nghiệm

.....
.....
.....

Bài 26-Tiết 107: Cách làm bài văn lập luận giải thích

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đặc điểm của một bài văn nghị luận giải thích và yêu cầu cơ bản của phép lập luận giải thích.
- Các bước làm bài văn lập luận giải thích.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận diện và phân tích một văn bản nghị luận giải thích để hiểu đặc điểm của kiểu văn bản này.
- Biết so sánh để phân biệt lập luận giải thích với lập luận chứng minh.
- Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn giải thích.

3. Phẩm chất:

Tự giác trong học tập, chăm học, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU(5 phút)

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương pháp: Dạy học dự án
- Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm
- Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của học sinh
- + Học sinh đánh giá và học tập nhau
- + GV đánh giá HS thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:
 1. Chuyển giao nhiệm vụ
 - Trong thời gian 5 phút mỗi nhóm hãy giải thích ý nghĩa của 2 cụm từ sau: Sống chết mặc bay
 - Học sinh mang sản phẩm của mình đã làm

-GV giới thiệu bài

2. HS thực hiện:

- Nhiệm vụ: Qua xem tình huống, HS xác định vai trò của LD, LC, LL cũng như các bước tạo lập văn bản. Chứ chưa nắm được các bước làm bài văn nghị luận chứng minh. Nhờ cô giáo giải đáp.

- + Tìm hiểu đề.
- + Tìm ý, lập dàn ý.
- + Viết bài.
- + Kiểm tra lại.

Quy trình làm một bài văn nghị luận giải thích, về cơ bản cũng tương tự như qui trình làm 1 bài văn nghị luận chứng minh mà chúng ta đã học. Tuy nhiên ở kiểu bài này vẫn có những đặc thù riêng, thể hiện ngay trong từng bước, từng khâu.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p>Hoạt động 1: Các bước làm bài văn lập luận giải thích.</p> <p>1. Mục tiêu : - Mục tiêu: Học sinh nắm được các bước làm bài văn lập luận giải thích. Thực hành các bước làm bài văn lập luận giải thích.</p> <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <p>+Hoạt động cá nhân</p> <p>+ Hoạt động nhóm</p> <p>3- Sản phẩm hoạt động: Phiếu học của nhóm được chuẩn bị trước ở nhà</p> <p>4- Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <p>+ Học sinh tự đánh giá.</p> <p>+ Các nhóm đánh giá lẫn nhau.</p> <p>+ Giáo viên đánh giá.</p> <p>5- Tiến trình hoạt động</p> <p>* Chuyên giao nhiệm vụ</p> <p>-GV chép đề lên bảng</p> <p>+ HS đọc đề bài.</p> <p>? Nhắc lại các bước làm một bài văn?</p>	<p><u>I- Các bước làm một bài văn lập luận giải thích:</u></p> <p>* Đề bài: Nhân dân ta có câu tục ngữ: "Đi một ngày đàng học một sàng khôn". Hãy giải thích nội dung câu tục ngữ đó.</p> <p><i>1-Tìm hiểu đề và tìm ý:</i></p> <p>- Thể loại: Nghị luận giải thích.</p> <p>- Vấn đề nghị luận: Đi ra ngoài, đi đây đi đó sẽ học được nhiều điều hay, mở rộng tầm hiểu biết, khôn ngoan từng trải.</p> <p>- Các ý:</p> <p>+Giải thích nghĩa đen</p> <p>+Giải thích nghĩa bóng</p> <p>+Ý nghĩa sâu xa</p> <p>+Giải thích nguyên nhân, những mặt lợi khi đi ra ngoài.</p>

<p>+ Tìm hiểu đề. + Tìm ý, lập dàn ý. + Viết bài. + Đọc và sửa chữa.</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- <i>Nhóm 1: Tìm hiểu đề, tìm ý cho bài văn nghị luận giải thích cần thực hiện những bước nào? Dựa vào đâu em thực hiện được các yêu cầu đó?</i></p> <p>- <i>Nhóm 2: Trình bày dàn ý của bài văn Nghị luận giải thích</i></p> <p>- <i>Nhóm 3: Có mấy cách viết mở bài? Là những cách nào? Lưu ý gì khi viết các đoạn văn trong bài nghị luận giải thích?</i></p> <p><i>Nhóm 4? Muốn làm một bài văn lập luận giải thích thì phải thực hiện những bước nào ?</i></p> <p><i>?Em hãy nêu dàn ý chung của bài văn lập luận giải thích?</i></p> <p><i>? Khi viết văn giải thích cần chú ý gì ?</i></p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: + Các nhóm đọc nội dung thảo luận của nhóm mình trong sách giáo khoa, thảo luận trả lời câu hỏi vào phiếu học tập. + Các nhóm lần lượt trao đổi phiếu học tập cho nhau và bổ sung ý kiến bằng bút màu khác. + HS dán kết quả lên bảng + Trình bày ý kiến phiếu học tập</p> <p>- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>a. N1:</p>	<p>2- Lập dàn ý:</p> <p>a.MB:</p> <p>- Giới thiệu câu tục ngữ: Đúc kết kinh nghiệm nên đi đây đi đó để mở rộng tầm hiểu biết và khát vọng được đi nhiều nơi.</p> <p>-Trích dẫn câu TN</p> <p>b.TB:</p> <p>b1.Giải thích nghĩa:</p> <p>- Giải thích nghĩa đen. - Giải thích nghĩa bóng. - Giải thích ý nghĩa sâu xa.</p> <p>b2.Giải thích nguyên nhân vì sao cần đi ra ngoài để học hỏi.</p> <p>b3.Giải thích bằng cách thực hiện được lời khuyên đó.</p> <p>c.KB:</p> <p>- Khái quát lại vấn đề cần giải thích. - Nêu suy nghĩ, nhận thức hành động hoặc rút ra bài học cho bản thân.</p> <p>3- Viết bài:</p> <p>4- Đọc và sửa lại bài:</p>
--	---

* Tìm hiểu đề

- Đọc đề, xác định từ quan trọng.
- Xác định thể loại, yêu cầu của đề

+ Thể loại: Nghị luận giải thích.

- Vấn đề nghị luận: Đi ra ngoài, đi đây đi đó sẽ học được nhiều điều hay, mở rộng tầm hiểu biết, khôn ngoan từng trải.

- Các bước làm:

+ Đọc đề và gạch chân những từ quan trọng:

Đi một ngày đàng, học một sàng khôn

+ Chỉ ra nội dung, thể loại, yêu cầu của đề.

* Tìm ý:

- Các ý:

+Giải thích nghĩa đen

+Giải thích nghĩa bóng

+Ý nghĩa sâu xa

+Giải thích nguyên nhân, những mặt lợi khi đi ra ngoài.

b. Nhóm 2:

a.MB:

- Giới thiệu câu tục ngữ: Đúc kết kinh nghiệm nên đi đây đi đó để mở rộng tầm hiểu biết và khát vọng được đi nhiều nơi.

-Trích dẫn câu TN

b.TB:

b1.Giải thích nghĩa:

- Giải thích nghĩa đen.

- Giải thích nghĩa bóng.

- Giải thích ý nghĩa sâu xa.

b2.Giải thích nguyên nhân vì sao cần đi ra ngoài để học hỏi.

b3.Giải thích bằng cách thực hiện được lời khuyên đó.

*Ghi nhớ: sgk (86)

c.KB:

- Khái quát lại vấn đề cần giải thích.
- Nêu suy nghĩ, nhận thức hành động hoặc rút ra bài học cho bản thân.

c. Nhóm 3:

- Có 3 cách viết mở bài: Đi thẳng vào vấn đề, suy từ chung đến riêng, suy từ tâm lí con người

- Viết đoạn thân bài cần lưu ý:

+ Viết đoạn có sự liên kết: Dùng các từ liên kết:
Như vậy, thật vậy, như đã nói ở trên.

+ Giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ (nghĩa đen, nghĩa bóng)

+ Viết đoạn phân tích lí lẽ: Nêu lí lẽ trước rồi mới phân tích lí lẽ.

+ Viết đoạn CM:

- . Chọn dẫn chứng tiêu biểu.
- . Sắp xếp dẫn chứng theo 1 trật tự hợp lí.
- . Dẫn chứng người trong nước.
- . Người ngoài nước.

+ cách thực hiện ời khuyên đó

c. Viết đoạn kết bài:

Hô ứng với luận điểm CM

Nhóm 4? Muốn làm một bài văn lập luận giải thích thì phải thực hiện những bước nào ?

Tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn ý, viết bài, đọc và sửa lại

?Em hãy nêu dàn ý chung của bài văn lập luận giải thích?

Mb: Giới thiệu điều cần giải thích và gợi ra phương hướng giải thích

Tb: Lần lượt trình bày các nội dung cần giải thích

Cần sử dụng các cách lập luận giải thích cho

phù hợp

Kb: Nêu ý nghĩa của điều được giải thích

? Khi viết văn giải thích cần chú ý gì ?

Lời văn cần sáng sủa, dễ hiểu

Giữa các phần, các đoạn cần có liên kết

3. Báo cáo kết quả:

Học sinh báo cáo kết quả làm việc mà nhóm được giao

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hs tự ghi vở

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu :

- củng cố kiến thức đã học trong bài

- Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

2. Phương thức thực hiện:

+Hoạt động cá nhân

+ Hoạt động nhóm

3- Sản phẩm hoạt động:

Kết quả các bài tập đã hoàn thành.

4- Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh tự đánh giá.

+ Các nhóm đánh giá lẫn nhau.

+ Giáo viên đánh giá. Bảng chấm điểm theo nhóm và cá nhân.

5- Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

Gv chia 2 nhóm: Hãy viết các cách KB cho đề văn trên

***.Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ Các nhóm đọc nội dung thảo luận của nhóm mình trong sách giáo khoa, thảo luận trả lời câu hỏi vào phiếu học tập.

+ Các nhóm lần lượt trao đổi phiếu học tập cho nhau và bổ sung ý kiến bằng bút màu khác.

- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày
- Dự kiến sản phẩm:
- * Báo cáo kết quả:
- + HS dán kết quả lên bảng
- + Trình bày ý kiến phiếu học tập

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- 1- Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm các bt
2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân
- 3 Sản phẩm hoạt động : nội dung HS trình bày, phiếu học tập .
- 4- Phương án kiểm tra, đánh giá
- + Học sinh tự đánh giá.
- + GV đánh giá

5- Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ:

-Gv chia lớp làm 4 nhóm:

+N1 viết MB,TB

+N2: Giải thích

+N3: Tại sao?

+N4: Hiểu vấn đề cần làm gì?

- HS thực hiện nhiệm vụ hđ cá nhân

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm bài, trình bày, nhận xét lẫn nhau
- Giáo viên quan sát, động viên, hỗ trợ khi học sinh cần.

*** Báo cáo kết quả:** Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- 1- Mục tiêu: HS mở rộng kiến thức đã học
2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, hđ chung cả lớp.

-3- Sản phẩm hoạt động : - Phiếu học tập cá nhân

4- Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh tự đánh giá.

+ GV đánh giá

5- Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu:

? Viết hai đề trên thành bài văn hoàn thiện?

- Học sinh tiếp nhận: về nhà làm bài ra vở

- HS thực hiện nhiệm vụ hđ cá nhân

* **Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: về nhà làm bài ra vở

- Giáo viên: kiểm tra

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs.

* **Báo cáo kết quả:** Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

* **Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Bài 26-Tiết108: Luyện tập lập luận giải thích

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn giải thích.

2.Năng lực:

a. Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn giải thích.

- Viết được đoạn văn giải thích.

3.Phẩm chất:

- Chăm học, biết vận dụng kiến thức vào bài làm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi

3. Sản phẩm hoạt động: HS đưa ra các câu trả lời.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

+ Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày

+ Giáo viên đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đưa ra câu hỏi: “Khi làm bài văn nghị luận giải thích, thực tế khi làm bài em thường thực hiện những bước nào? Bỏ những bước nào? Khi bỏ như vậy em có gặp khó khăn gì ko?”

GV nêu câu hỏi, HS trao đổi với bạn trong bàn cặp đôi để trả lời câu hỏi sau đó trình bày trước lớp

2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau

Học sinh: làm việc cá nhân -> trao đổi với bạn cặp đôi

- Giáo viên quan sát, động viên, hỗ trợ khi học sinh cần.

3. Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

Cách thực hiện: GV yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm, 2 cặp nhận xét, bổ sung.

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học: Tiết trước các em đã biết cách làm bài văn lập luận giải thích. Tiết này chúng ta sẽ cùng thực hành cách làm đó

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p>HD: Đề bài: Một nhà văn có nói: "Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người". Hãy giải thích nội dung câu nói đó.</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - củng cố kiến thức đã học tiết trước - rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> + HD cá nhân, hoạt động nhóm. <p>-3- Sản phẩm hoạt động : Kết quả các bài tập đã hoàn thành.</p> <p>4- Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh tự đánh giá. + GV đánh giá bằng chấm điểm theo nhóm và cá nhân <p>5- Tiến trình hoạt động</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy nhắc lại các bước làm một bài văn giải thích ? - Đề trên thuộc kiểu bài nào ? - Đề bài yêu cầu giải thích vấn đề gì ? - Làm thế nào để nhận ra yêu cầu đó ? <p><i>(Căn cứ vào mệnh đề và căn cứ vào các từ ngữ trong đề).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Để đạt được yêu cầu giải thích đã nêu, bài làm cần có những ý gì ? - MB cần nêu những gì ? <p>Ta có thể sắp xếp các ý của phần TB như thế nào ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích sách là gì ?ngọn đèn sáng bất diệt là gì? 	<p>A.Đề bài: Một nhà văn có nói: "Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người". Hãy giải thích nội dung câu nói đó.</p> <p>I- Tìm hiểu đề và tìm ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu bài: Giải thích. - ND: giải thích vai trò của sách đối với trí tuệ con người. <p>II- Lập dàn bài:</p> <p>1- Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tầm quan trọng của sách đối với sự phát triển trí tuệ con người. - Dẫn câu nói "Sách là ..." - Cần hiểu câu nói đó ntn? <p>2-Thân bài:</p> <p>a. Câu nói có ý nghĩa ntn?</p> <p>* Giải thích khái niệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sách là kho tàng tri thức, là sản phẩm tinh thần, là người bạn tâm tình gần gũi. - "Ngọn đèn sáng"- Nguồn sáng, chiếu rọi, soi đường, đưa con người ra khỏi chốn tối tăm để nhìn rõ mọi vật. - "bất diệt": không bao giờ tắt. - "Trí tuệ" : là tinh hoa của sự hiểu biết. <p>* Hình ảnh so sánh "Sách là ..." nghĩa là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sách là nguồn sáng bất diệt soi tỏ cho trí tuệ con người, giúp con người hiểu biết.

<p>- Giải thích tại sao sách là ngọn đèn bắt diết của trí tuệ ?</p> <p>?Tại sao sách lại là ngọn đèn sáng bắt diết?</p> <p>- Thái độ của em đối với việc đọc sách như thế nào?</p> <p>- Tạo thói quen đọc sách.</p> <p>- Cần chọn sách để đọc.</p> <p>- Phê phán và lên án những sách có ND xấu.</p> <p>- KB cần phải nêu gì ?</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS làm bài, trình bày, nhận xét lẫn nhau</p> <p>- Giáo viên quan sát, động viên, hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>* Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.</p> <p>* Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá</p> <p>+ Hs viết đoạn MB và KB.</p> <p>+Hs đọc đoạn văn cho các bạn trong lớp đánh giá, góp ý.</p> <p>+Gv nhận xét - sửa chữa và tổng kết rút kinh nghiệm.</p>	<p>- Sách là kho trí tuệ vô tận.</p> <p>- Sách có giá trị vĩnh cửu.</p> <p>b. Tại sao có thể nói như vậy?</p> <p>- Không phải mọi cuốn sách đều là ngọn đèn sáng.</p> <p>- Chỉ đúng với những quyển sách có giá trị vì:</p> <p>+Sách giúp ta hiểu về mọi lĩnh vực, sách giúp ta vượt mọi khoảng cách về thời gian, không gian.</p> <p>+ Sách ghi lại những hiểu biết quý giá nhất mà con người thu được trong lao động, sản xuất, xây dựng ..., quan hệ xã hội. (dẫn chứng : Sách lịch sử, khoa học)</p> <p>+ Những hiểu biết đó không chỉ có ích cho một thời mà còn có ích cho mọi thời.</p> <p>c. Làm thế nào để sách mãi là ngọn đèn sáng?</p> <p>- Đối với người viết sách: cần lao động nghiêm túc có trách nhiệm cho ra đời những cuốn sách có ích.</p> <p>- Đối với người đọc sách cần:</p> <p>Biết chọn sách tốt, hay để đọc.</p> <p>Biết cách đọc sách đúng đắn, khoa học.</p> <p>3-KB:</p> <p>- Khẳng định lại tác dụng to lớn của sách.</p> <p>- Nêu phương hướng hành động của cá nhân.</p> <p>III-Viết bài văn:</p>
--	--

***HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

1. Mục tiêu :

- Củng cố kiến thức đã học trong bài
- Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

2. Phương thức thực hiện:

+Hoạt động cá nhân

+ Hoạt động nhóm

3- Sản phẩm hoạt động:

Kết quả các bài tập đã hoàn thành.

4- Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh tự đánh giá.

+ Các nhóm đánh giá lẫn nhau.

+ Giáo viên đánh giá. Bằng chấm điểm theo nhóm và cá nhân.

5- Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

Gv chia 4 nhóm:

N1: Viết MB, KB cho đề bài trên

N2: Giải thích câu nói

N3: Tại sao sách là ngọn đèn sáng bất diệt

N4: *Làm thế nào để sách mãi là ngọn đèn sáng?*

***.Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ Các nhóm đọc nội dung thảo luận của nhóm mình, thảo luận trả lời câu hỏi vào phiếu học tập.

+ Các nhóm lần lượt trao đổi phiếu học tập cho nhau và bổ sung ý kiến bằng bút màu khác.

- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày

- Dự kiến sản phẩm:

* Báo cáo kết quả:

+ HS dán kết quả lên bảng

+ Trình bày ý kiến phiếu học tập

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1- Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm các bt

- 2. Phương thức thực hiện:

+ HĐ cá nhân

-3- Sản phẩm hoạt động : nội dung HS trình bày, vở của mình

4- Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh tự đánh giá.

+ GV đánh giá

5- Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

Hs viết thành bài hoàn chỉnh

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm bài, trình bày, nhận xét lẫn nhau

- Giáo viên quan sát, động viên, hỗ trợ khi học sinh cần.

*** Báo cáo kết quả:** Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1- Mục tiêu: HS mở rộng kiến thức đã học

- 2. Phương thức thực hiện:

+ HĐ cá nhân, hđ chung cả lớp.

-3- Sản phẩm hoạt động : - Phiếu học tập cá nhân

4- Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh tự đánh giá.

+ GV đánh giá

5- Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu:

? Viết đề trên thành bài văn hoàn thiện?

- Học sinh tiếp nhận: về nhà làm bài ra vở

- HS thực hiện nhiệm vụ hđ cá nhân

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: về nhà làm bài ra vở
- Giáo viên: kiểm tra
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs.
- * **Báo cáo kết quả:** Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

* **Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

Tiết Tiếng Việt

DÙNG CỤM CHỦ- VỊ ĐỂ MỞ RỘNG CÂU : LUYỆN TẬP (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm được cách dùng cụm chủ-vị để mở rộng câu.
- Tác dụng của việc dùng cụm chủ-vị để mở rộng câu.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết các cụm chủ - vị làm thành phần câu.
- Nhận biết các cụm chủ - vị làm thành phần của cụm từ.
- Mở rộng câu bằng cụm chủ - vị.
- Phân tích tác dụng của việc dùng cụm chủ - vị để
- Trong từng văn cảnh dùng cụm C-V để mở rộng câu (tức dùng cụm C-V để làm thành phần câu hoặc thành phần của cụm từ để bài văn thêm phong phú, đa dạng, hấp dẫn hơn..)

3. Phẩm chất:

- Có thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
 - Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.
- 2. Chuẩn bị của học sinh:** Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

*** Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu các bài tập về dùng cụm C-V để mở rộng câu.

*** Nhiệm vụ:** HS quan sát, theo dõi và thực hiện nhiệm vụ.

*** Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, HĐ nhóm.

*** Yêu cầu sản phẩm:** HS suy nghĩ trả lời.

*** Cách tiến hành:**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

Thế nào là dùng cụm chủ- vị để mở rộng câu ? Cho ví dụ ?

- Dự kiến TL: Khi nói hoặc viết ta có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm chủ vị, làm thành câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.

GV dẫn dắt vào bài:

Tiết học trước ta đã biết được thế nào là dùng cụm C-V để mở rộng câu và các trường hợp dùng cụm C-V để mở rộng câu. Tiết này chúng ta vận dụng kiến thức đó để làm bài tập.

-HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p>HĐ 1: ôn lý thuyết:</p> <p>* Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về dùng cụm chủ-vị để mở rộng câu, và các trường hợp dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu.</p> <p>* Nhiệm vụ: HS ôn tập ở nhà.</p> <p>* Phương thức thực hiện: Đàm thoại, vấn đáp.</p> <p>* Yêu cầu sản phẩm: câu trả lời của</p>	<p>I. Ôn tập lý thuyết:</p> <p>1- Dùng cụm chủ- vị để mở rộng câu:</p> <p>2- Các trường hợp dùng cụm chủ- vị để</p>

<p>?- Mỗi câu trong từng cặp câu dưới đây trình bày một ý riêng. Hãy gộp các câu cùng cặp thành một câu có cụm C-V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ mà không thay đổi nghĩa chính của chúng ?</p> <p>?- Gộp mỗi cặp câu hoặc vế câu (in đậm) dưới đây thành một câu có cụm C-V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ. (khi gộp có thể thêm hoặc bớt những từ cần thiết nhng không làm thay đổi nghĩa chính của các câu và vế câu ấy).</p> <p>- Dự kiến TL:</p> <p>+BT 1: Đại diện các nhóm mang phiếu học tập lên trình bày.</p> <p>+BT 2 GV gọi hs lên bảng chữa.</p> <p>+BT 3 GV thu phiếu học tập theo nhóm cặp đôi và chữa.</p> <p>2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: trình bày theo nhóm.</p> <p>+ Một nhóm trình bày.</p> <p>+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV chốt kiến thức:</p>	<p style="text-align: center;">v</p> <p>c- Thật đáng tiếc khi chúng ta / thấy <u>những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần</u>, và <u>những thức quý của</u></p> <p style="text-align: center;">c v c</p> <p><u>đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng và thô kệch bắt chước người ngoài.</u></p> <p style="text-align: center;">v</p> <p>2- Bài 2 (97):</p> <p>a- Chúng em học giỏi / làm cho <u>cha mẹ và thầy cô vui lòng.</u></p> <p>b- Nhà văn Hoài Thanh / <u>khẳng định rằng cái đẹp là cái có ích.</u></p> <p>c- TV giàu thanh điệu / <u>khiến lời nói của người VN ta du dương, trầm bổng như một bản nhạc.</u></p> <p>d- Cách mạng tháng Tám thành công / đã <u>khiến cho TV có một bước phát triển mới, một số phận mới.</u></p> <p>3- Bài 3 (97):</p> <p>a- Anh em <u>hòa thuận</u> / khiến <u>hai thân vui vầy.</u></p> <p>b- Đây / là <u>cảnh rừng thông ngày ngày biết bao người qua lại.</u></p> <p>c- <u>Hàng loạt vở kịch như "Tay người đàn bà", "Giác ngộ", "Bên kia sông Đuống" ra đời</u> / đã <u>sưởi ấm cho ánh đèn sân khấu ở khắp mọi miền đất nước.</u></p>
--	--

Hoạt động 3: Vận dụng:

- * **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
- * **Nhiệm vụ:** HS vận dụng kiến thức đã học về mở rộng câu để trả lời câu hỏi của GV.
- * **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

* **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:

?Viết một đoạn văn chủ đề học tập, trong đoạn văn có dùng cụm chủ vị để mở rộng câu.

2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Nghe và về nhà làm.

- GV hướng dẫn HS về nhà làm.

? Câu sau đây có phải là câu mở rộng thành phần CN, VN không? vì sao?

Em học toán, bạn Lan học văn.

- HS trả lời.

2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.

+ Nghe yêu cầu.

+ Trình bày cá nhân.

- GV chốt: Câu trên không phải là câu mở rộng CN, VN mà là câu ghép.

Hoạt động 4 : Tìm tòi, mở rộng :

* **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

* **Nhiệm vụ:** Về nhà tìm hiểu, liên hệ.

* **Phương thức hoạt động:** cá nhân

* **Yêu cầu sản phẩm:** câu trả lời của HS vào trong vở.

1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:

-Ôn tập lí thuyết

-Hoàn thành các bài tập SGK Chuẩn bị bài: Luyện nói. Phần chuẩn bị ở nhà

2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu.

+ Về nhà suy nghĩ trả lời.

IV,Rút kinh nghiệm :

.....
.....

Tiết: : Tập làm văn

LUYỆN TẬP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn giải thích.

2.Năng lực:

a. Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn giải thích.
- Viết được đoạn văn giải thích.

3.Phẩm chất:

- Chăm học, biết vận dụng kiến thức vào bài làm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Kế hoạch bài học
- Học liệu:phiếu học tập,một số văn bản nghị luận ,đề văn nghị luận.
- Một số đề văn nghị luận

2. Chuẩn bị của học sinh: _ Đọc trước bài

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU(5 phút)

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện:hoạt động nhóm
- Sản phẩm hoạt động: các nhóm tìm được các đề văn thuộc văn nghị luận.
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Nhiệm vụ: tìm và ghi ra giấy các đề văn nghị luận

2. Thực hiện nhiệm vụ:

- * Học sinh :tìm nhanh trong vòng 2 phút .(chia lớp làm 4 đội)
- * Giáo viên:tổ chức cho các nhóm chơi.

- Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh

3. Báo cáo kết quả:phiếu học tập

4. Nhận xét, đánh giá:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

GV dẫn vào bài: Trong văn nghị luận thì có 2 kiểu bài đó là bài Chứng minh và bài giải thích. Bài chứng minh thì chúng ta thấy yếu tố quan trọng cần có là dẫn

chúng, còn với kiểu bài giải thích thì chủ yếu ta dùng lời văn để phân tích thuyết phục mọi người. Trong giờ học hôm nay thầy trò ta cùng đi luyện tập làm một số bài văn lập luận giải thích !

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

-Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức vào luyện tập.

-Phương pháp: hoạt động cá nhân

-Sản phẩm hoạt động: HS tìm được các ý của đề văn nghị luận.

- Phương án kiểm tra, đánh giá:

+ Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi

+ Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Tiến trình hoạt động:

-GV giao nhiệm vụ: hoàn thành vào vở bài tập Ngữ văn, sau đó gọi 2 em trình bày bảng phân vừa làm.

-HS trình bày vào vở

-GV chốt kiến thức...

Hoạt động của GV-HS	Nội dung kiến thức
<p>Hoạt động 1: HD dàn bài</p> <p>- HS đọc đề bài.</p> <p>- Em hãy nhắc lại các bước làm một bài văn giải thích ?</p> <p>- Đề trên thuộc kiểu bài nào ?</p> <p>- Đề bài yêu cầu giải thích vấn đề gì ?</p> <p>- Làm thế nào để nhận ra yêu cầu</p>	<p>*Đề bài: Một nhà văn có nói: "Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người". Hãy giải thích nội dung câu nói đó.</p> <p><i>I- Tìm hiểu đề và tìm ý:</i></p> <p>- Kiểu bài: Giải thích.</p> <p>- ND: giải thích vai trò của sách đối với trí tuệ con người.</p> <p><i>II- Lập dàn bài:</i></p> <p>1- MB:</p> <p>- Nhận xét khái quát về vai trò của câu dẫn trong đời sống con người.</p> <p>- Trích dẫn câu nói.</p> <p>2-TB:</p> <p>a- G.thích ý nghĩa câu nói:</p> <p>- Sách là gì: là kho tàng tri thức, là sản phẩm tinh thần, là người bạn tâm tình</p>

<p>đó ? (Căn cứ vào mệnh đề và căn cứ vào các từ ngữ trong đề).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để đạt được yêu cầu giải thích đã nêu, bài làm cần có những ý gì ? - MB cần nêu những gì ? - Ta có thể sắp xếp các ý của phần TB như thế nào ? - Giải thích sách là gì ? - Giải thích tại sao sách là ngọn đèn bất diệt của trí tuệ ? - Thái độ của em đối với việc đọc sách như thế nào ? 	<p>gần gũi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại sao sách là ngọn đèn bất diệt của con người: Sách giúp ta hiểu về mọi lĩnh vực, sách giúp ta vượt mọi khoảng cách về thời gian, không gian. b- Thái độ đối với việc đọc sách: <ul style="list-style-type: none"> - Tạo thói quen đọc sách. - Cần chọn sách để đọc. - Phê phán và lên án những sách có ND xấu. 3-KB: <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại tác dụng to lớn của sách. - Nêu phương hướng hành động của cá nhân.
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG:

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm các bt
- Phương pháp: hoạt động cá nhân, phương thức thực hiện :
- +HD cá nhân,hđ chung cả lớp.
- Sản phẩm hoạt động: bài làm trong vở của HS
- Phương án đánh giá:hs tự đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ: HS viết dàn ý trên thành bài văn hoàn chỉnh vào vở
- HS thực hiện nhiệm vụ hđ cá nhân

2.Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm bài, trình bày, nhận xét lẫn nhau

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức cho học sinh trình bày bài viết của mình.

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.
- GV nhận xét,đánh giá

HOẠT ĐỘNG 4: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức sưu tầm bài văn giải thích mà em biết: có thể từ sách báo hoặc qua mạng Internet

- Phương pháp: hoạt động cá nhân, HĐ nhóm
- Sản phẩm hoạt động: bài tập sưu tầm rồi viết ra vở

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- * Hình thức hoạt động: GV giao nhiệm vụ HS thực hiện ở nhà
- Đọc bài tham khảo qua sách báo hoặc các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện

3. Báo cáo kết quả : HS báo cáo kết quả vào tiết học hôm sau

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.
- GV nhận xét,đánh giá vào h học hôm sau

Rút kinh nghiệm:

.....

Tiết : Tập làm văn:

Luyện nói: Bài văn giải thích một vấn đề

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Các cách biểu cảm trực tiếp và gián tiếp trong việc trình bày văn nói giải thích một vấn đề.
- Những yêu cầu khi trình bày văn nói giải thích một vấn đề.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Tìm ý, dàn ý bài văn giải thích một vấn đề.
- Biết cách giải thích một vấn đề trước tập thể.
- Diễn đạt mạch lạc, rõ ràng một vấn đề mà người nghe chưa biết bằng ngôn ngữ nói.
- Lắng nghe và nhận xét những ưu, nhược điểm về bài trình bày của người khác.

3. Phẩm chất:

- Mạnh dạn, tự nhiên khi trình bày một vấn đề trước tập thể.
- Có ý thức tự thu thập thông tin, hoàn thành bài tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Kế hoạch bài học

- Học liệu: một số văn bản nghị luận ,đề văn nghị luận.

2. Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị ở nhà: Làm bài theo yêu cầu của thầy.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU(5 phút)

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.

- Phương thức thực hiện: hoạt động nhóm

- Sản phẩm hoạt động- Phương án kiểm tra, đánh giá:

+ Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi.

+ Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Nhiệm vụ: : Thi trình bày về một vấn đề tự chọn xem ai nói rõ và nhanh, lưu loát hơn.

2. Thực hiện nhiệm vụ:

* Học sinh : tìm nhanh trong vòng 2 phút .(chia lớp làm 4 đội)

* Giáo viên:tổ chức cho các nhóm chơi.

- Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh

3. Báo cáo kết quả:phiếu học tập

4. Nhận xét, đánh giá:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

GV dẫn vào bài: Nói sẽ là một trong những kỹ năng vô cùng cần thiết của một người thành công. Để nói được lưu loát, không ngại giữa đám đông đòi hỏi chúng ta phải có sự chuẩn bị và rèn luyện. Giờ học hôm nay thầy sẽ giúp các em rèn kỹ năng trình bày, thuyết trình về một vấn đề !

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

-Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức đã học vào luyện nói.

-Phương pháp: hoạt động cá nhân, tập thể

-Sản phẩm hoạt động: HS trình bày bài nói trước lớp.

- Phương án kiểm tra, đánh giá:

+ Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi

+ Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Tiến trình hoạt động:
- GV giao nhiệm vụ: HS chuẩn bị tự nói trước nhóm của mình
- HS trình bày trước lớp
- GV và HS cùng trao đổi đánh giá bài nói của bạn...

Hoạt động của GV-HS	Nội dung kiến thức
<p>Hoạt động 1: Chuẩn bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài và chuẩn bị trước ở nhà - Em hãy nêu các bước làm một bài văn giải thích ? -Tìm hiểu đề là tìm hiểu những gì ? - Em hãy nêu dàn ý chung của bài văn giải thích ? (a-MB: Nêu v.đề g.thích- hướng g.thích. b- TB: Triển khai việc giải thích. - Giải thích nghĩa đen. - Giải thích nghĩa bóng. - Giải thích nghĩa sâu. c- KB: Nêu ý nghĩa vấn đề giải thích đối với mọi người). - Dựa vào dàn bài chung, em hãy lập dàn bài cho đề văn trên ? 	<p>A. Chuẩn bị</p> <p>*Đề bài: Vì sao những tán trò mà Va ren bày ra với Phan Bội Châu lại được Nguyễn Ái Quốc gọi là những trò lố ?</p> <p>I- Tìm hiểu đề và tìm ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu bài: Giải thích. - ND: Những trò lố của Va ren. <p>II- Lập dàn bài:</p> <p>a- MB: Những hành vi và lời nói của Va-ren khi sang làm toàn quyền Đông Dương được tác giả chỉ ra là những trò lố bịp bợm của một tên thực dân xảo trá mà thôi!</p> <p>b-TB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thật thế những trò lố của Va ren chính là bản chất lừa bịp, gian manh, xảo quyết, lố bịch... của một tên thực dân sắp nhận chức toàn quyền ở Đông Dơng. - Cái trò lố lảng đó thể hiện qua hành động và lời nói của Va ren : <ul style="list-style-type: none"> + Những trò lố bịch đó hoàn toàn tương phản với việc làm cụ thể của viên toàn quyền. + Làm cho cụ Phan đứng đưng, lạnh nhạt, chẳng quan tâm. - Hai nhân vật thể hiện hai tính cách đối lập nhau: <ul style="list-style-type: none"> + Va ren đại diện cho phe phản động, gian trá, lố bịch...

<p>Hoạt động 2: Luyện nói trên lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận theo bàn khi làm dàn bài. - Sau đó các bàn cử đại diện lên trình bày. - HS trong lớp nhận xét, bổ sung. - Gv: khái quát lại dàn bài và nhận xét tư thế tác phong, lời nói của HS khi trình bày. 	<ul style="list-style-type: none"> + Phan Bội Châu là chiến sĩ CM kiên cường, bất khuất, là bậc anh hùng xả thân vì nước... - Những trò lô bịch đó thật trơ trẽn vì nó đã tố cáo bản chất xảo quyệt của lũ cướp nước. c- KB: Nói chung khi xác định những trò lô bịch của Va ren, Nguyễn Ái Quốc muốn đưa ra trước công luận bản chất gian trá của bọn thực dân. <p>B. Luyện nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày ở nhóm riêng sau đó trình bày trước lớp
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG:

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm các bt
- Phương pháp: hoạt động cá nhân, nhóm phương thức thực hiện :
- +HD cá nhân,hđ chung cả lớp.
- Sản phẩm hoạt động: Suu tầm các bài văn giải thích khác rồi tự trình bày
- Phương án đánh giá:hs tự đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ: Suu tầm các bài văn giải thích khác rồi tự trình bày có thể có trong SGK hoặc ngoài cũng được
- HS thực hiện nhiệm vụ hđ cá nhóm

2.Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm bài, trình bày, nhận xét lẫn nhau

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức cho học sinh trình bày bài viết của mình.

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.
- GV nhận xét,đánh giá

HOẠT ĐỘNG 4: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức sưu tầm bài văn giải thích mà em biết: có thể từ sách báo hoặc qua mạng Internet
- Phương pháp: hoạt động cá nhân, HĐ nhóm
- Sản phẩm hoạt động: bài tập sưu tầm rồi viết ra vở

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- * Hình thức hoạt động: GV giao nhiệm vụ HS thực hiện ở nhà
- Đọc bài tham khảo qua sách báo hoặc các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện

3. Báo cáo kết quả : HS báo cáo kết quả vào tiết học hôm sau

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.
- GV nhận xét,đánh giá vào h học hôm sau.

Rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

Bài: 28

Tiết Văn bản:

CA HUẾ TRÊN SÔNG HƯƠNG

-Hà Ánh Minh-

I- Mục tiêu bài học:Giúp HS:

1. Kiến thức:

- Nắm được khái niệm thể loại bút kí.
- Giá trị văn hoá, nghệ thuật của ca Huế, vẻ đẹp của con người xứ Huế.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Đọc – hiểu văn bản nhật dụng viết về di sản văn hóa dân tộc.
- Phân tích văn bản nhật dụng (kiểu loại thuyết minh)
- Tích hợp kiến thức tập làm văn để viết bài văn thuyết minh.

3. Phẩm chất:

- Hiểu vẻ đẹp và ý nghĩa văn hóa, xã hội của ca Huế, yêu quê hương, đất nước.

- Có thái độ và hành động tích cực góp phần bảo tồn, phát triển di sản văn hóa dân tộc đặc sắc và độc đáo này.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU 5p

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu VB.

2. Phương thức thực hiện:

- *Hoạt động cặp đôi*
- *thuyết trình*
- *Thời gian: 5 phút*

3. Sản phẩm hoạt động

- *Trình bày miệng*

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- *Học sinh đánh giá.*
- *Giáo viên đánh giá.*

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao -Thực hiện nhiệm vụ**

- *Giáo viên yêu cầu*

Em đã biết những danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử nào của nước ta qua những văn bản đọc – hiểu ở lớp 6 ? Hãy kể tên những VB đó? Những vb này thuộc kiểu vb gì?

- *Học sinh tiếp nhận*

Hs TL nhóm cặp đôi

- *Dự kiến sản phẩm*

- + VB: Động Phong Nha, Cầu Long Biên- Chứng nhân lịch sử
- + những văn bản nhật dụng

***Báo cáo kết quả**

- HS TL miệng

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...

Nếu như những văn bản nhật dụng ở lớp 6 như Động Phong Nha, Cầu Long Biên- Chứng nhân lịch sử chủ yếu muốn giới thiệu những danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử thì Ca Huế trên sông Hương lại giúp người đọc hình dung một cách cụ thể một sinh hoạt văn hóa rất đặc trưng, nổi bật ở xứ Huế mộng mơ. Cô cùng các em đi tìm hiểu bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p>* Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Hà Ánh Minh và văn bản Ca Huế trên sông Hương.</p> <p>* Nhiệm vụ: HS tìm hiểu ở nhà.</p> <p>* Phương thức thực hiện: trình bày dự án, hoạt động chung, hoạt động nhóm, vấn đáp, nêu vấn đề, thuyết trình</p> <p>- Kỹ thuật: động não, hoạt động nhóm</p> <p>- Thời gian: 10 phút</p> <p>* Yêu cầu sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS.</p> <p>* Cách tiến hành:</p> <p>1. GV chuyển giao nhiệm vụ: trình bày dự án tác giả HAM và VB: xuất xứ, thể loại, kiểu vb</p> <p>Dự kiến TL:</p> <p>+ T/g: là nhà báo, có nhiều bài tùy bút đặc sắc</p> <p>+Văn bản Ca Huế trên sông Hương của tác giả Hà Ánh Minh, in trên báo Người HN</p> <p>- thể loại: Bút kí</p> <p>- Kiểu văn bản : Nhật dụng</p> <p>2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: trình bày theo nhóm.</p> <p>+ Một nhóm trình bày.</p>	<p>I-Giới thiệu</p> <p>1. Tác giả: là nhà báo, có nhiều bài tùy bút đặc sắc</p> <p>2.VB:</p> <p>a. Xuất xứ: in trên báo Người HN</p> <p>- thể loại: Bút kí</p> <p>- Kiểu vb : Nhật dụng</p>

+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

GV bổ xung về thể loại bút kí : Tùy bút và bút kí đều có tính chất giống nhau. Đây đều là thể loại kí : ghi chép lại con người và sự việc mà nhà văn đã tìm hiểu, nghiên cứu cùng với những cảm nghĩ của mình nhằm thể hiện một tư tưởng nào đó. Nó có tính chất phóng khoáng tự do trong nội dung và rất giàu cảm xúc.

GV chốt kiến thức ->

+Hướng dẫn đọc:Giọng chậm rãi, rõ ràng, mạch lạc, lưu ý những câu đặc biệt, những câu rút gọn.

- Giải thích từ khó.

? Dựa vào chú thích (*) hãy trình bày hiểu biết của em về ca Huế ?

? Em hãy giải thích cho cô giáo các chú thích 3,16?

Các chú thích còn lại các em tìm hiểu SGK

- Ta có thể chia văn bản thành mấy phần ?

+ Phần 1: từ đầu -> “Hoài Nam”: giới thiệu về các làn điệu ca Huế + đoạn 6 của văn bản giới thiệu về nguồn gốc của ca Huế

+ Phần 2: Những đặc sắc của cảnh ca Huế trên sông Hương

GV chốt : Tuy nhiên bố cục mà các em vừa tìm cũng chỉ có tính chất tương đối. Về hình thức các đoạn văn không liền mạch với nhau. Nó bị chi phối bởi nội dung cảm xúc. Đây cũng là đặc trưng riêng của thể loại bút kí. Đây là văn bản nhật dụng kết hợp nhiều phương thức như: thuyết minh, nghị luận, miêu tả, biểu cảm: Phần 1 dùng phương thức nghị luận chứng minh, phần 2 kết hợp miêu tả với biểu cảm. Cô và các em sẽ cùng nhau tìm hiểu văn

b.Đọc- Chú thích-Bố cục

Bố cục: 2 phần.

- Đ1: G.thiệu về các làn điệu ca Huế

-Đ2: Những đặc sắc của cảnh ca Huế trên sông Hương.

<p>bản theo những nội dung trên.</p> <p>* Mục tiêu: Giúp học sinh tìm hiểu về các làn điệu ca Huế và đặc điểm của những làn điệu này, nguồn gốc ca Huế</p> <p>* Nhiệm vụ: HS thực hiện yêu cầu của GV.</p> <p>* Phương thức thực hiện: HĐ chung, Thảo luận nhóm, Hoạt động cặp đôi. Đọc diễn cảm, đọc sáng tạo, vấn đáp, thuyết trình – TG : 7 p</p> <p>* Yêu cầu sản phẩm: phiếu học tập.</p> <p>* Cách tiến hành:</p> <p>1. GV chuyển giao nhiệm vụ: Huế là một trong những cái nôi dân ca nổi tiếng ở nước ta. Dân ca Huế mang đậm bản sắc tâm hồn và tài hoa của vùng đất Huế. Rất nhiều điệu hò trong lao động sản xuất: Hò trên sông, lúc cấy cày, chẵn tằm, trồng cây,</p> <p>- HS đọc d/c Đ1 và Đ6 -> gái lịch</p> <p>- Thảo luận nhóm bằng kỹ thuật khăn trải bàn theo câu hỏi: (5p)</p> <p>a. Kể tên các loại làn điệu ca Huế?</p> <p>b. Đặc điểm các loại làn điệu ca Huế?</p> <p>c. Chỉ ra những đặc sắc nghệ thuật có trong đoạn truyện?</p> <p>d. Như vậy em có nhận xét gì về hình thức và nội dung của các làn điệu ca Huế?</p> <p>2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS đọc yêu cầu.</p> <p>+ HS hoạt động cá nhân.</p> <p>+ HS thảo luận.</p> <p>- Đại diện trình bày.</p> <p>- Dự kiến TL:</p>	<p>II/ Đọc - Hiểu văn bản</p> <p>1.G.thiệu về các làn điệu ca Huế</p> <p>a. Các làn điệu ca Huế:</p> <p>- Các điệu hò:</p> <p>- Các điệu nam:</p> <p>- Các điệu lí:</p> <p>=> Biện pháp liệt kê kết hợp với những lời giải thích bình luận.</p> <p>=> Ca Huế phong phú về làn</p>
<p>Các làn điệu ca Huế</p>	<p>Đặc điểm nổi bật</p>

<p>Các điệu hò :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chèo cạn, bài thai, hò đưa linh - Hò giã gạo, ru em, giã vôi, giã điệp, bài chòi, bài tiệm, nằng vung. - Hò lơ, hò ô, xay lúa, hò nện. 	<ul style="list-style-type: none"> - buồn bã - náo nức, nồng h - gần gũi với c Tĩnh, thể hiện lòng nỗi mong chờ, h tha của tâm hồn H 	<p>điệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sâu sắc thấm thía về nội dung , tình cảm, mang những nét đặc trưng của miền đất và tâm hồn Huế.
<p>Các điệu nam :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các điệu Nam: Nam ai , nam bình, quả phụ , nam xuân, tương tư khúc, hành vân - Tứ đại cảnh: 	<ul style="list-style-type: none"> -buồn man mác, bi ai, vương vấn. - mang âm hưởng phách điệu Nam không buồn. 	
<p>- Các điệu lí: Lí con sáo, lí hoài nam , lí hoài xuân</p>		
<p>- GV đánh giá quá trình thảo luận nhóm, đánh giá sản phẩm của HS.</p> <p style="text-align: center;">GV</p> <p>chốt kiến thức -></p> <p>-GV bình: Các thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, băng khuâng, có tiếc thương ai oán, lời ca thông thả, trang trọng, trong sáng gợi lên tình người, tình đất nước, trai hiền, gái lịch..</p> <p>? Sự phong phú về làn điệu và sâu sắc thấm thía về nội dung của ca Huế có liên hệ như thế nào đến điều kiện tự nhiên, lịch sử và con người xứ Huế?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm địa hình của Huế rất đa dạng, có 		

đồng bằng, núi, sông, rừng biển. Chính vì vậy nghề nghiệp của người dân xứ Huế rất đa dạng. Các câu hò cất lên từ đời sống lao động của con người vì thế cũng đa dạng và phong phú.

GV bổ sung thêm:

- Thời tiết ở Huế chỉ có hai mùa, mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa kéo dài, cô đơ như được choàng lên mình một màu bàng bạc, buồn man mác. Điều đó làm lên mảnh đất con người Huế có vẻ thâm trầm, sâu lắng.

- Không chỉ có vậy, Huế nằm giữa hai miền Bắc và Nam, văn hóa và dân ca Huế cũng có sự giao lưu của nền văn hóa hai miền Bắc Nam. Chính vì vậy nhiều làn điệu ca Huế mang âm hưởng điệu Bắc pha phách điệu Nam không vui, không buồn như tứ đại cảnh.

- Huế là kinh đô cổ xưa của nước ta, cho nên con người Huế chịu ảnh hưởng không nhỏ của lễ giáo phong kiến tạo nên con người Huế: với nét thâm trầm, với đời sống nội tâm phong phú: vui nhưng không ồn ào, rất cảm xúc nhưng không quá đà

=> Các làn điệu dân ca phản ánh tâm hồn con người cũng rất phong phú, đa dạng. Có thể nói Huế chính là một cái nôi của dân ca.

- Ngoài ca Huế, em còn biết những vùng dân ca nổi tiếng nào của nước ta ? (*Dân ca quan họ Bắc Ninh, dân ca đồng bằng Bắc Bộ, dân ca các dân tộc miền núi phía Bắc và Tây nguyên*).

GV dẫn dắt: Như vậy dọc theo dải đất hình chữ S của chúng ta có rất nhiều vùng dân ca khác nhau mà Huế là một trong những cái nôi của dân ca. Nó mang nét đặc trưng riêng,

b- Nguồn gốc của ca Huế:

Kết hợp giữa:

+ dòng nhạc dân gian.

+ Dòng nhạc cung đình

=> vừa sôi nổi, lạc quan, tươi vui, vừa có sắc thái uy nghi, trang trọng

2. Những đặc sắc của cảnh ca Huế trên sông Hương.

a. Cách biểu diễn.

không thể trộn lẫn với một vùng miền nào khác. Vậy các làn điệu ca Huế này có nguồn gốc từ đâu. Để trả lời câu hỏi này, chúng ta tìm hiểu phần b.

? Qua Đ6 mà bạn vừa đọc, em cho biết nguồn gốc ca Huế ?

- Ca Huế được hình thành từ dòng ca nhạc dân gian và ca nhạc cung đình, nhã nhạc trang trọng, uy nghi nên có thần thái của ca nhạc thánh phòng.

? Em hiểu gì về hai dòng nhạc này?

- Nhạc dân gian là các làn điệu dân ca, những điệu hò, điệu lí, bắt nguồn từ cuộc sống lao động hàng ngày, trong lao động sản xuất nên thường sôi nổi, lạc quan, tươi vui.

- Nhạc cung đình là nhạc dùng trong các buổi lễ tôn nghiêm trong cung đình của vua chúa, nơi tôn miếu của triều đình phong kiến, thường có sắc thái uy nghi, trang trọng. (Mở rộng: 11/2003 Nhã nhạc cung đình Huế được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đầu tiên tại Việt Nam và đến năm 2008 được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.)

? Sự kết hợp của hai dòng nhạc này mang lại đặc điểm nổi bật gì cho ca Huế?

=> **GV chốt chuyên ý**: Hai dòng nhạc tưởng chừng như đối lập nhau, nhưng nó lại kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn với nhau. Bởi sự kết hợp của hai dòng nhạc này mà ca Huế là sự hòa quyện, giao lưu giữa chất dân gian mộc mạc, và chất bác học trau chuốt, đạt tới độ hoàn thiện, hoàn mỹ. Cũng bởi vậy mà cách biểu diễn và thưởng thức ca Huế cũng mang phong

- Thời gian: đêm

- Không gian: Trên thuyền rồng, giữa s.Hương

-> Khung cảnh: sông nước hữu tình, đẹp huyền ảo, thơ mộng.

- Nhạc cụ: phong phú, nhiều loại đàn nhạc cụ dân tộc

- Ca công nhạc công: trang

<p>cách riêng. Vậy ca Huế có những nét riêng, đặc sắc gì trong cách biểu diễn và thưởng thức chúng ta cùng tìm hiểu phần 2.</p> <p>* Mục tiêu: Giúp học sinh tìm hiểu về những đặc sắc của cảnh ca Huế trên sông Hương.</p> <p>* Nhiệm vụ: HS làm việc ở nhà</p> <p>* Phương thức thực hiện: Dự án, đàm thoại – TG : 10p</p> <p>* Yêu cầu sản phẩm: phiếu học tập, vở ghi HS</p> <p>* Cách tiến hành:</p> <p>1. GV chuyển giao nhiệm vụ: HĐ nhóm ? Qua tìm hiểu ở nhà, em hãy tìm và chỉ ra nét đặc sắc trong cách biểu diễn ca Huế trên các phương diện về thời gian. Địa điểm, không gian, nhạc cụ, nhạc công và ca công? Để trả lời câu hỏi này cô chia lớp thành 4 nhóm.</p> <p>Nhóm 1: Tìm và chỉ ra nét độc đáo về thời gian. Phát hiện các biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng.</p> <p>Nhóm 2: Tìm và chỉ ra nét độc đáo về địa điểm, không gian. Phát hiện các biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng.</p> <p>Nhóm 3: Tìm và chỉ ra nét độc đáo về nhạc cụ, nhạc công và ca công. Phát hiện các biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng.</p> <p>Nhóm 4: Cách thưởng thức ca Huế có gì đặc biệt.</p> <p>2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân. + HS thảo luận nhóm: Thời gian 3 phút 	<p>phục truyền thống, thanh lịch, trang nhã</p> <p>- Nhạc công: ngón đàn trau chuốt điêu luyện.</p> <p>=> Nghệ thuật liệt kê, so sánh kết hợp với ngôn ngữ miêu tả chọn lọc.</p> <p>=> Cách biểu diễn ca Huế thật độc đáo, thanh lịch, tinh tế, có tính dân tộc cao.</p> <p>b. Cách thưởng thức ca Huế:</p> <p>- trên thuyền, giữa sông Hương, vào đêm trăng gió mát.</p> <p>=> Cách thưởng thức vừa dân dã, vừa trang trọng, tao nhã.</p> <p>=> Ca Huế làm giàu tâm hồn con người, hướng tâm hồn đến những vẻ đẹp của tình người xứ Huế.</p>
--	--

- Đại diện nhóm trình bày.

- Dự kiến trả lời:

Nhóm 1: Thời gian biểu diễn ca Huế

- Đêm. Khi thành phố lên đèn như sao xa, màn sương dày dần lên, cảnh vật mờ đi trong một màu trắng đục -> là **thời điểm bắt đầu** cho đêm ca Huế

- Trăng lên. Gió mơn man dịu dịu. Dòng sông trắng gợn sóng. Con thuyền bồng bênh. Không gian yên tĩnh bỗng bừng lên những âm thanh của dàn hòa tấu, bởi bốn khúc lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hổ du dương trầm bổng, réo rắt **mở đầu đêm ca Huế.**

+ Đêm đã về khuya. Đây là lúc các ca công cất lên những khúc điệu Nam nghe buồn man mác., thương cảm, bi, vắn vưng **chuẩn bị kết thúc đêm ca Huế.**

+ Có khi đến tận sáng, nghe tiếng gà gáy bên làng Thọ Cương , cùng tiếng chuông chùa Thiên Mụ gọi năm canh, mà trong khoang thuyền vẫn đầy ắp lời ca tiếng hát.

-> Nghệ thuật: câu đặc biệt và câu văn rất ngắn để nhận mạnh và gây ấn tượng với người đọc về thời gian biểu diễn ca Huế.

vào ban đêm độc đáo ở đây là nó có thể kéo dài suốt đêm:

***Nhóm 2: Địa điểm và không gian biểu diễn**

- Trên con thuyền rồng xưa kia chỉ dành riêng cho vua chúa. Trước mũi thuyền là không gian rộng thoáng, sàn gỗ bào nhẵn có mui vòm được trang trí lộng lẫy, xung quanh thuyền có hình rồng và trước mũi thuyền là một đầu rồng như muốn bay lên. => địa điểm biểu diễn rất sang trọng và lịch sự.

- Trên dòng sông Hương Giang:

+ Đêm. Thành phố lên đèn như sao xa, màn sương dày dần lên, cảnh vật mờ đi trong một màu trắng đục

- Trăng lên. Gió mỏng man dịu dịu. Dòng sông trắng gợn sóng. Con thuyền bông bênh.

- Đêm về khuya, xa xa bờ bên kia Thiên Mụ hiện ra mờ ảo, ngọn tháp Phước Duyên dát ánh trăng vàng. Sóng vỗ ru mạn thuyền rồi gợn sóng vô hồi xa mãi cùng với tiếng đàn réo rắt, du dương.

-> Nghệ thuật: Tác giả sử dụng từ ngữ miêu tả chọn lọc, nhiều tính từ miêu tả, từ láy, biện pháp nghệ thuật so sánh.

+ Góp phần tạo nên chất trữ tình cho thiên bút kí.

+ Mở ra trước mắt người đọc một không gian rộng lớn, thoáng đãng, thơ mộng, huyền ảo làm say đắm du khách khi thưởng thức ca Huế trên s.Hương. Người nghe có thể hòa mình vào thiên nhiên thơ mộng của s.Hương, núi Ngự của xứ Huế mộng mơ và thưởng thức những làn điệu ca Huế réo rắt du dương.

GV: Nhóm hai đã phát hiện rất tốt về không gian biểu diễn ca Huế. Các em có thể hình dung vào ban đêm thuyền rồng trôi trên dòng sông Hương tạo ra những đợt sóng vỗ ru mạn thuyền rồi gợn vô hồi ra xa mãi, dòng sông được ánh trăng, ánh điện chiếu vào trở thành dòng sông trắng trên đó chở thuyền rồng, chở những du khách yêu âm nhạc, thích ca Huế. Trong không gian như vậy mà được nghe ca Huế thì đó là một trải nghiệm vô cùng độc đáo và thú vị.

GV giới thiệu ảnh sgk: Thuyền rồng trên sông Hương.

***Nhóm 3: ca công, nhạc công và nhạc cụ**

- Nhạc cụ: Các làn điệu ca Huế được biểu diễn trên một dàn nhạc gồm đủ loại: đàn tranh, đàn nguyệt, tì bà, nhị, đàn tam. Ngoài ra còn có đàn bầu, sáo và cặp sanh để gõ nhịp.

- Ca công: Họ đều còn rất trẻ. Nam mặc áo dài the, quần thụng, đầu đội khăn xếp. Nữ mặc áo dài, khăn đóng duyên dáng.=> Ca công ăn mặc và trang điểm rất lịch sự, tao nhã.

- Nhạc công: dùng các ngón đàn trau chuốt như ngón nhấn, mổ, vỗ, vả, ngón day, chớp, búng, ngón phi, ngón rãi.

-> Nghệ thuật: liệt kê hàng loạt các nhạc cụ, các ngón đàn của các nhạc công -> phong phú với rất nhiều loại đàn và đều là các nhạc cụ của dân tộc chúng ta. Các nhạc công rất tài ba và điêu luyện trong việc sử dụng các ngón đàn.

- ca công: trang phục lịch sự, tao nhã, mang đậm tính dân tộc.

***Nhóm 4: Cách thưởng thức ca Huế**

-Tôi như một lữ khách bước xuống con thuyền rồng để chuẩn bị cho đêm ca Huế.

- trên thuyền, giữa sông Hương, vào đêm trăng gió mát.

=>Cách thưởng thức vừa dân dã, vừa trang trọng.

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá:

Như vậy địa điểm biểu diễn và thưởng thức ca Huế trong khoang thuyền, trôi trên dòng sông Hương vậy nó khác với các sân khấu truyền thống mà các em vẫn xem trong các nhà hát

hay rạp chiếu phim. Nó là một sân khấu chuyển động.

Trong khoang thuyền không gian không lớn xét vị trí giữa người biểu diễn và người thưởng thức thật độc đáo. Trong không gian nhỏ bé, âm cúng, chúng ta có cảm giác giữa người biểu diễn và người thưởng thức không còn khoảng cách. Chính vì vậy giữa họ có sự đồng điệu, đồng cảm, chia sẻ về cảm xúc. Người ta sẽ dễ dàng cảm thấy đúng là những tiết tấu ấy xao động tận đáy hồn người như Hà Ánh Minh từng cảm nhận. Thậm chí người thưởng thức có thể lên biểu diễn chung với ca công các làn điệu ca Huế. Đây là nét độc đáo đặc biệt của ca Huế.

? Qua biện pháp liệt kê, so sánh, kết hợp ngôn ngữ miêu tả chọn lọc tác giả đã giới thiệu với chúng ta về thời gian, không gian, địa điểm và nhạc cụ cũng như những người biểu diễn ca Huế, em có nhận xét gì về cách biểu diễn và thưởng thức ca Huế?

GV chốt->

? Qua các trang phục của các ca công, qua các ngón đàn trau chuốt của các nhạc công, và nghe các làn điệu ca Huế thì em có cảm nhận điều gì về con người Huế?

- Tâm hồn người Huế qua các làn điệu dân ca, qua trang phục biểu diễn: Thanh cao, lịch sự, tao nhã, kín đáo và giàu tình cảm, tâm hồn phong phú. Đúng như Hà Ánh Minh có cảm nhận: “Con gái Huế nội tâm thật phong phú và âm thầm, kín đáo, sâu thẳm.

? Để giới thiệu về sự phong phú trong các làn

điệu ca Huế, sự độc đáo trong cách biểu diễn ca Huế đến với người đọc như vậy, theo em tác giả Hà Ánh Minh phải là người như thế nào?

GV chốt: Tác giả Hà Ánh Minh phải là một con người rất yêu xứ Huế, yêu thiên nhiên thơ mộng hữu tình của Huế và đặc biệt rất yêu và am hiểu về các làn điệu dân ca xứ Huế. Bằng tình yêu của mình HAM muốn giới thiệu với chúng ta một nét đẹp văn hóa của cố đô Huế, để chúng ta thêm yêu và tự hào hơn về mảnh đất cố đô. Văn bản như mời gọi chúng ta hãy một lần đến Huế và bước xuống thuyền rồng để thưởng thức ca Huế trên sông Hương.

GV chốt: Ca Huế là di sản văn hoá hết sức đa dạng phong phú, độc đáo từ làn điệu cho đến thời gian không gian, địa điểm biểu diễn, đến các ca công, nhạc công trong trang phục, trang điểm và các ngón đàn điêu luyện. Tất cả đều làm say đắm lòng du khách mỗi lần đến với Huế, nghe ca Huế. Có thể nói ca Huế là di sản văn hóa tinh thần quý giá của dân tộc cần được bảo tồn và phát huy. Và không chỉ có ca Huế mà các làn điệu dân ca ở tất cả các vùng miền đều là sản phẩm tinh thần vô giá cần được bảo tồn và phát triển các em ạ.

* **Mục tiêu:** Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.

* **Nhiệm vụ:** HS thực hiện yêu cầu của GV

* **Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, cặp đôi

-TG: 3p

* **Yêu cầu sản phẩm:** câu trả lời của HS

III-Tổng kết:

*Ghi nhớ: sgk (104).

<p>* Cách tiến hành:</p> <p>1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS: Hoạt động cá nhân (2 phút) Hoàn thành trắc nghiệm khuyết sau: 1.NT: -Thể loại: - Phương thức biểu đạt: -Biện pháp tu từ: -Từ ngữ: 2. ND: Ca Huế là ...</p> <p>2.HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: + HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân. thảo luận cặp đôi. - Đại diện nhóm trình bày. - Dự kiến trả lời: Hoàn thành trắc nghiệm khuyết sau: 1.NT: -Thể loại: bút kí - Phương thức biểu đạt: B/C , MT, TM, Bình luận sâu sắc -Biện pháp tu từ: liệt kê. so sánh -Từ ngữ. hình ảnh: vừa chân thực, vừa gợi cảm 2. ND: Ca Huế là 1 hình thức sinh hoạt văn hóa lịch sử, tao nhã một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng cần được bảo tồn và phát triển. GV chốt-> Hs đọc ghi nhớ sgk</p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:

* **Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để làm bài

* **Nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trình bày

* **Phương thức thực hiện:** HĐ cặp đôi

* **Yêu cầu sản phẩm:** Câu trả lời của HS

* **Cách tiến hành:**

1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS: Trao đổi cặp đôi (1phút)

- Địa phương em đang sống có những làn điệu dân ca nào ? Hãy kể tên các làn điệu ấy?

- Tại sao lại nói nghe ca Huế là 1 thú vui tao nhã?

- Dự kiến TL:

Các làn điệu dân ca Hà nam:

+Hát Lãi Lê-Bắc Lí -Lí Nhân

+Hát Dậm Quyển Sơn

+Hát giao duyên vùng Ngã ba sông Móng

Nghe ca Huế là 1 thú vui tao nhã vì: Ca Huế vốn hay và đẹp, nhã nhận từ nội dung đến hình thức, biểu diễn trong 1 ko gian có tính nghệ thuật, người biểu diễn người nghe đều trang trọng, lịch sự. Độc đáo, tính nghệ thuật cao.Nên ca Huế thực sự là thú tao nhã. Tao nhã là thanh cao lịch sự.

2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu.

+ Trao đổi cặp đôi

trả lời

+ Hs bổ sung

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: 3p

* **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

* **Nhiệm vụ:** HS suy nghĩ , trình bày

* **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân

* **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

* **Cách tiến hành:**

1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:

?Sau khi cùng tác giả thưởng thức đêm ca Huế trên sông Hương em suy nghĩ gì về trách nhiệm của bản thân với ca Huế nói riêng với những giá trị văn hóa của dân tộc nói chung?

2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu.

+ Suy nghĩ trả lời.

+ 2 HS trả lời.

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- GV khái quát

Các em ạ! Nghe ca Huế trên sông Hương quả là 1 thú chơi tao nhã từ xa xưa. Một thứ âm nhạc mà ở một thời điểm lịch sử nhất định được coi là quốc nhạc và chỉ vua chúa trong triều mới được nghe. Ngày nay chúng ta thật may mắn hạnh

phúc khi được thưởng thức . Vậy chúng ta cần trân trọng và giữ gìn phát huy sản phẩm văn hóa tuyệt vời này của dân tộc cũng như bao làn điệu dân ca khác trên mọi miền đất nước.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

* **Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học.

* **Nhiệm vụ:** Về nhà tìm hiểu, liên hệ.

* **Phương thức hoạt động:** cá nhân.

* **Yêu cầu sản phẩm:** Kể tên các làn điệu dân ca khác, sưu tầm một số bài hát cụ thể, hát đúng lời và nhạc

* **Cách tiến hành:**

1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho Hs:

Kể tên các làn điệu dân ca khác, sưu tầm một số bài hát cụ thể, hát đúng lời và nhạc

2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu.

+ Về nhà sưu tầm.

Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Tiết . Tiếng việt: LIỆT KÊ

I. MỤC TIÊU Giúp HS:

1. Kiến thức:

- Khái niệm liệt kê.

- Các kiểu liệt kê

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết phép liệt kê, các kiểu liệt kê.

- Phân tích giá trị của phép liệt kê.

- Sử dụng phép liệt kê trong nói và viết.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bài tập ra kỳ trước

2. Chuẩn bị của học sinh: Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.

III- Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu k/n và tác dụng của phép liệt kê. Phân loại LK

2. Phương thức thực hiện: HĐ nhóm.

3. Yêu cầu sản phẩm: trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

- **GV chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm- TL theo câu hỏi:
Xác định các biện pháp NT trong các VD sau? Vì sao em lại xác định như vậy?

a. Tiếng suối trong **như tiếng hát xa**

Trăng **lòng** cỏ thụ bóng **lòng** hoa

b. **Thuyền** về có nhớ **bến** chăng

Bến thì một dạ **khăng khăng** đợi **thuyền**

c. Tỉnh lại em ơi, qua rồi cơn ác mộng

Em đã sống lại rồi, em đã sống!

Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung

Không giết được em, ngời con gái anh hùng!

- **Học sinh tiếp nhận - Thực hiện nhiệm vụ**

+HS hoạt động nhóm:– đại diện trả lời- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

+**Dự kiến sản phẩm:**

a. SS: *gợi tiếng suối trong trẻo*

Điệp ngữ: gợi sự quán quít, hòa quyện của....

b. *ÂD: chỉ sự gắn bó khăng khít , thủy chung của...*

c. *LK: (hs có thể không trả lời được hoặc TL ko đầy đủ)*

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

Câu thơ: **Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung** sử dụng biện pháp nghệ thuật liệt kê. Tại sao lại gọi là liệt kê và biện pháp này có t/d gì chúng ta cùng đi vào tiết dạy hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p>HD1 : I. Thế nào là phép liệt kê: 10p</p> <p>1. Mục tiêu: HS Hiểu được thế nào là phép liệt kê, tác dụng của phép liệt kê.</p> <p>2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân, nhóm, chung cả lớp</p> <p>3. Sản phẩm hđ: Vở ghi HS</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá.</p> <p>5. Tiến trình hoạt động *GV chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên yêu cầu HS đọc và thảo luận nhóm y/c C1-2 SGK ? Nhận xét cấu tạo của các bộ phận in đậm trong câu ? Các cụm từ có cùng nội dung ý nghĩa gì ? ? Việc miêu tả hàng loạt đồ vật linh kinh tương tự và bằng những kết cấu tương tự như vậy có t/d gì? * Học sinh tiếp nhận- Thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm: - Kết cấu cú pháp, cụm danh từ, danh từ tương tự được sắp xếp nối tiếp nhau liên tiếp: + Bát yến hấp đường phèn + Tráp đôi môi hình CN để mở + Nào ống thuốc bạc, nào dao chuôi ngà, ...chạm + Trầu vàng, cau đậu rễ tía</p>	<p>I- Thế nào là phép liệt kê:</p> <p>1. Ví dụ; SGK</p>

<p>+Ngóáy tai, ví thuốc,bông</p> <p>-Về ý nghĩa: Chúng cùng nói về các đồ vật được bày biện chung quanh quan lớn.</p> <p>-T/d: <i>Làm nổi bật sự xa hoa của viên quan đối lập với tình cảnh của dân phu đang lam lũ ngoài mưa gió.</i></p> <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>- Đd nhóm trình bày</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>?Việc sử dụng hàng loạt các cụm từ có kết cấu và ý nghĩa tương tự như vậy gọi là phép liệt kê. Em hiểu thế nào là phép liệt kê?</p> <p>->Gv chốt ghi nhớ</p> <p>Hs đọc lại</p> <p>BT nhanh: Xác định phép liệt kê trong các câu văn sau:</p> <p>Thẻ điều ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, băng khuâng, có tiếc thương ai oán ... Lời ca thông thả, trang trọng, trong sáng gợi lên tình người, tình đất nước, trai hiền, gái lịch..</p> <p>HS thảo luận cặp đôi và trả lời</p> <p>HD II. II- Các kiểu liệt kê: 13p</p> <p>1. Mục tiêu: HS phân biệt được các kiểu liệt kê.</p> <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <p>- Hoạt động cá nhân, nhóm</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <p>- Vở ghi HS và HS trình bày miệng</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <p>- Học sinh đánh giá.</p> <p>- Giáo viên đánh giá.</p> <p>5. Tiến trình hoạt động:</p>	<p>2.Nhận xét:</p> <p>+Về cấu tạo: Các bộ phận in đậm đều có kết cấu tương tự nhau.</p> <p>+Về ý nghĩa: Chúng cùng nói về các đồ vật được bày biện chung quanh quan lớn.</p> <p>-><i>Làm nổi bật sự xa hoa của viên quan đối lập với tình cảnh của dân phu đang lam lũ ngoài mưa gió.</i></p> <p>3.Ghi nhớ1: sgk (105).</p> <p>II- Các kiểu liệt kê:</p> <p>1.Ví dụ:SGK</p> <p>2.Nhận xét</p>
---	--

***GV chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu HS đọc ví dụ và thảo luận nhóm theo bàn theo câu hỏi sgk

?Nhận xét về cấu tạo các phép liệt kê ở VD 1a, 1b?

?Vì sao câu a có thể thay đổi vị trí các từ liệt kê mà câu b không thay đổi được

***Học sinh tiếp nhận - Thực hiện nhiệm vụ- Báo cáo kết quả- Nhận xét, bổ sung, đánh giá kết quả**

- Dự kiến sản phẩm:

*VD1:

-a.... **tinh thần, lực lượng, tính mệnh, của cải** -> **phép liệt kê không theo từng cặp**

b-... **tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải**

-> **Sử dụng liệt kê theo từng cặp(với quan hệ từ và)**

*VD2:

a-Tre, nứa, trúc, mai vầu

➔ Với câu a có thể thay đổi thứ tự các bộ phận liệt kê.vì chúng có ý nghĩa ngang bằng nhau

b-... **hình thành và trưởng thành...gia đình ,họ hàng, làng xóm...**

➔ Với câu b, không thể dễ dàng thay đổi các bộ phận liệt kê, bởi các hiện tượng liệt kê được sắp xếp theo mức độ tăng tiến.

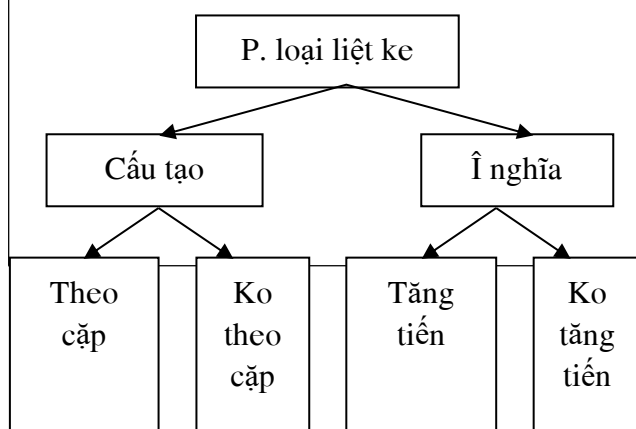
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Có mấy căn cứ để phân loại LK? Có mấy kiểu LK?

->Giáo viên ->Gv chốt ghi nhớ

Hs đọc

? Qua hai bài tập em hãy vẽ sơ đồ phân loại các kiểu liệt kê



- Xét theo cấu tạo:

+ kiểu liệt kê theo từng cặp

+ kiểu liệt kê không theo từng cặp

- Xét theo ý nghĩa:

+ kiểu liệt kê tăng tiến

+kiểu liệt kê không tăng tiến

*Ghi nhớ 1,2 sgk/tr105

C-HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: 15p

1. Mục tiêu:

- Củng cố k/n, t/d của phép LK
- Rèn k/n nhận biết và sử dụng LK

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân, nhóm

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày vào vở BT

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***GV chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu HS TL nhóm BT1,2

?Tìm phép liệt kê trong bài **Tinh thần yêu nước...**

- tổ 1 đoạn 1,2 - tổ 3: đoạn 4
- tổ 2 đoạn 3 - tổ 4: BT 2

***Học sinh tiếp nhận - Thực hiện nhiệm vụ- Báo cáo kết quả- Nhận xét, bổ sung, đánh giá kết quả**

- Dự kiến sản phẩm:

-Bài 1 (106): Các phép liệt kê:

+Đ1: nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước.-> diễn tả đầy đủ, sâu sắc: Sức mạnh của tinh thần yêu nước.

+Đ2: Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... -> Lòng tự hào về những trang sử vẻ vang qua tấm gương những vị anh hùng dân tộc.

- Đ3: Từ các cụ già tóc bạc... đến..., từ nhân dân miền ngược... đến... Từ những c.sĩ... đến..., từ

III-Luyện tập:

1-Bài 1 (106):

2- Bài 2 (106):

những phụ nữ... đến...-> Sự đồng tâm nhất trí của mọi tầng lớp nhân dân đứng lên chống Pháp.
 +Đ4: giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo-> diễn tả cụ thể những việc phải làm.
- Bài 2 (106): Các phép LK:
 a - *dưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm.*
 - *Những cu li xe; Những quả dưa hấu...; những xôi lạp sườn...; cái rôn một chú khách...; một viên quan...*
 b- **Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung**
 - *Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận*

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: 3p

1. Mục tiêu: vận dụng phép LK khi nói hoặc viết

2. Phương thức thực hiện:

- *Hoạt động cặp đôi*

3. Sản phẩm hoạt động

- *Trình bày vào vở BT*

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- *Học sinh đánh giá.*

- *Giáo viên đánh giá.*

5. Tiến trình hoạt động:

***GV chuyển giao nhiệm vụ**

- Viết ĐV tả giờ ra chơi có sử dụng 2 phép liệt kê đã học

***Học sinh tiếp nhận - Thực hiện nhiệm vụ- Báo cáo kết quả- Nhận xét, bổ sung, đánh giá kết quả**

- *Dự kiến sản phẩm:*

VD : + LK về Kg sân: dưới gốc bàng..., bên trái sân ..., bên phải sân ..., ở giữa sân ...

+LK về các trò chơi: nhảy dây, đá cầu, đuổi bắt

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

1p

1. Mục tiêu: HS mở rộng vốn kiến thức đã học.

2. Phương thức thực hiện:

- *Hoạt động cá nhân*

3. Sản phẩm hoạt động

- *Trình bày vào vở*

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- *Học sinh tự đánh giá.*

- *Giáo viên đánh giá vào tiết sau.*

5. Tiến trình hoạt động:

***GV chuyển giao nhiệm vụ**

- *Tìm những câu văn, câu thơ có phép LK*

***Học sinh tiếp nhận - Thực hiện nhiệm vụ- Báo cáo kết quả- Nhận xét, bổ sung, đánh giá kết quả**

+ *Đọc yêu cầu.*

+ *Về nhà sưu tầm.*

- *Học thuộc hai ghi nhớ*

- *làm bài tập 3*

- *Soạn: Tìm hiểu chung về văn bản hành chính*

Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Tiết 115: TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Đặc điểm của văn bản hành chính: hoàn cảnh, mục đích, nội dung, yêu cầu và các loại văn bản hành chính thường gặp trong cuộc sống.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết được các loại văn bản hành chính thường gặp trong đời sống.
- Viết được văn bản hành chính đúng quy cách.
- Phân biệt văn bản hành chính và các văn bản khác.

3. Phẩm chất:

Chăm học, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bài tập ra kỳ trước

2. Chuẩn bị của học sinh: Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: 5p

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu chung về văn bản hành chính: Mục đích, nội dung, yêu cầu và các loại văn bản hành chính thường gặp.

2. Phương thức thực hiện:

- *Hoạt động cặp đôi*

3. Sản phẩm hoạt động

- *Trình bày miệng*

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- *Học sinh đánh giá.*

- *Giáo viên đánh giá.*

5. Tiến trình hoạt động:

***GV chuyển giao nhiệm vụ:** *Hoạt động cặp đôi*

Căn cứ vào phương thức biểu đạt của các vb, em hãy xác định các vb sau thuộc kiểu văn bản nào trong những kiểu vb bản mà các em đã được học từ lớp 6 đến nay?

- Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương
- Cuộc chia tay của những con búp bê – Khánh Hoài
- Đơn xin nghỉ học - Bình 7A
- Bài văn tả cảnh bình minh trên biển
- Báo cáo kết quả kiểm tra học kì I - lớp 7A

***Học sinh tiếp nhận - Thực hiện nhiệm vụ- Báo cáo kết quả- Nhận xét, bổ sung, đánh giá kết quả**

- Dự kiến sản phẩm:

- a. Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương - B/c
- b. Cuộc chia tay của những con búp bê – Khánh Hoài - TS
- c. Đơn xin nghỉ học - Bình 7A - H/c
- d. Bài văn tả cảnh bình minh trên biển - MT
- e. Báo cáo kết quả kiểm tra học kì I - lớp 7A - H/c

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-GV kết luận rồi dẫn vào bài: Căn cứ vào phương thức biểu đạt của các vb, các em đã được học kiểu vb TS, MT– L6, B/c – L7. Chúng ta cũng được học về cách làm đơn từ ở L6. Đó là một kiểu VBHC. Một bản B?C về một vấn đề nào đó cũng là VBHC? Vì sao các VB này lại gọi là VB h/c? Tiết học hôm nay cô cùng các em đi tìm hiểu xem thế nào là vb hành chính ? Những loại vb nào thì ta gọi là vb hành chính ?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p><u>I- Thế nào là vb hành chính: 15p</u></p> <p>1. Mục tiêu: Giúp HS có được hiểu biết chung về văn bản hành chính: Mục đích, nội dung, yêu cầu và các loại văn bản hành chính thường gặp.</p> <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cá nhân, nhóm - Thuyết trình, vấn đáp. <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phiếu học tập <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. <p>5. Tiến trình hoạt động:</p> <p>*GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+Gv chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu 1 vb.</p> <p>+Hs đọc các văn bản trong sgk – TL nhóm theo các câu hỏi sau:</p> <p>?VB đó là vb gì?</p>	<p><u>I- Thế nào là vb hành chính:</u></p> <p>1.Ví dụ:SGK</p>

<p>?Của ai gửi cho ai? ? Nhằm mục đích gì? ?Hình thức trình bày như thế nào? ?Ba VB này có gì giống và khác nhau? Hình thức trình bày của 3 vb có gì khác với các vb thơ, truyện mà em đã học? *Học sinh tiếp nhận - Thực hiện nhiệm vụ- Báo cáo kết quả- Nhận xét, bổ sung, đánh giá kết quả <i>- Dự kiến sản phẩm:</i> -VB 1: văn bản thông báo. của BGH trường gửi các lớp về k/h trồng cây -VB 2: giấy đề nghị của tập thể lớp gửi cô giáo CN lớp đề đạt nguyện vọng -Vb 3: B/c của lớp gửi BGH trường về kết quả hoạt động ... - Hình thức trình bày theo các mục qui định sẵn sau: -> Cả 3 vb này giống về hình thức trình bày đều theo một số mục nhất định (theo mẫu), nhưng chúng khác nhau về mđ và những ND cụ thể được tr.bày trong mỗi văn bản. - Các loại VB trên khác các TP thơ văn: Thơ văn dùng hư cấu tưởng tượng, còn các văn bản hành chính không phải hư cấu tưởng tượng. Ngôn ngữ thơ văn được viết theo phong cách NT, còn ngôn ngữ các văn bản trên là ngôn ngữ hành chính, đơn nghĩa, chính xác, rõ ràng. <i>- Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt KT</i> ?Khi nào thì người ta viết văn bản thông báo, đề nghị và báo cáo ? ?Mỗi văn bản nhằm mục đích gì ? +Gv: Cấp trên không bao giờ dùng báo cáo với cấp dưới và ngược lại cấp dưới không dùng thông báo với cấp trên. Đề nghị cũng chỉ dùng trong</p>	<p>2.Nhận xét: -Vb thông báo: truyền đạt 1 v.đề gì đó xuống cấp thấp hơn hoặc muốn cho nhiều người biết. - Vb đề nghị (kiến nghị): đề đạt 1 nguyện vọng chính đáng nào đó của cá nhân hay tập thể đối với cơ quan hoặc cá nhân có thẩm quyền giải quyết -Vb báo cáo: tổng kết, nêu lên những gì đã làm để cấp trên được biết.</p>
--	---

<p>trường hợp cấp dưới đề nghị lên cấp trên, cấp thấp đề nghị lên cấp cao.</p> <p>+Gv: Ba văn bản trên được gọi là văn bản hành chính hoặc văn bản hành chính công vụ.</p> <p>- Vậy em hiểu thế nào là văn bản hành chính? văn bản hành chính được trình bày như thế nào?</p> <p>Gv chốt KT ghi bảng-></p> <p>Hs đọc ghi nhớ</p> <p>?Em còn thấy loại văn bản nào tương tự như 3 văn bản trên ?</p> <p>- GV chia lớp thành 2 nhóm tổ chức cho HS chơi trò chơi tiếp sức</p> <p>- <i>Dự kiến sản phẩm:</i></p> <p>Biên bản, sơ yếu lí lịch, giấy khai sinh, hợp đồng, giấy chứng nhận, Quyết định, nghị quyết, đơn từ,...</p> <p>HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP: 15</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>-Củng cố các KT về văn bản hành chính: Mục đích, nội dung, yêu cầu và các loại văn bản hành chính thường gặp.</p> <p>-Rèn k/n nhận biết và tạo lập vb h/c</p> <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <p>- <i>Hoạt động cặp đôi, cá nhân</i></p> <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <p>- <i>Trình bày miệng , phiếu học tập</i></p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <p>- <i>Học sinh đánh giá.</i></p> <p>- <i>Giáo viên đánh giá.</i></p> <p>5. Tiến trình hoạt động:</p> <p>*GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>-Hs đọc y/c BT SGK và thảo luận cặp đôi các tình huống</p> <p>-Chia lớp thành 2 nhóm:</p>	<p>-Hình thức trình bày đều theo một số mục nhất định (theo mẫu),</p> <p>*Ghi nhớ: sgk (110).</p> <p>II- <u>Luyện tập:</u></p> <p>1. Dùng văn bản thông báo.</p> <p>2. Dùng văn bản báo cáo.</p> <p>4. Phải viết đơn xin học.</p> <p>5. Dùng văn bản đề nghị.</p>
---	---

<p>+Nhóm 1: Tạo lập vb tình huống 2 +Nhóm 2: Tạo lập vb tình huống 5 *Học sinh tiếp nhận - Thực hiện nhiệm vụ- Báo cáo kết quả- Nhận xét, bổ sung, đánh giá kết quả - Dự kiến sản phẩm: 1. Dùng văn bản thông báo. 2. Dùng văn bản báo cáo.- Nhóm 1 viết 4. Phải viết đơn xin học. 5. Dùng văn bản đề nghị. – Nhóm 2 viết - Giáo viên nhận xét, đánh giá bài viết của HS mỗi nhóm. Chú ý cách trình bày vb</p>	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: 5p

1. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học về VBHC áp dụng vào cuộc sống thực tiễn tạo lập những VBHC thường gặp.

2. Phương thức thực hiện: *Hoạt động cá nhân*

3. Sản phẩm hoạt động: *Trình bày vào vở ghi*

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- *Học sinh đánh giá.*

- *Giáo viên đánh giá.*

5. Tiến trình hoạt động:

***GV chuyển giao nhiệm vụ:** Viết báo cáo về tình hình làm kế hoạch nhỏ của lớp mình cho cô giáo chủ nhiệm được biết

***Học sinh tiếp nhận - Thực hiện nhiệm vụ- Báo cáo kết quả- Nhận xét, bổ sung, đánh giá kết quả**

- *Dự kiến sản phẩm:*

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá*

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu: HS mở rộng vốn kiến thức đã học.

2. Phương thức thực hiện:

- *Hoạt động cá nhân*

3. Sản phẩm hoạt động

- *Trình bày vào vở BT*

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- *Học sinh tự đánh giá.*

- *Giáo viên đánh giá.*

5. Tiến trình hoạt động:

***GV chuyển giao nhiệm vụ:** Suu tầm 1 số vb h/c mà em thường gặp.

***Học sinh tiếp nhận - Thực hiện nhiệm vụ**

-Suu tầm 1 số VB h/c khác mà em biết

- Học thuộc lòng ghi nhớ.

***Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Tiết . LUYỆN TẬP VĂN GIẢI THÍCH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn giải thích.

2.Năng lực:

a. Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn giải thích.

- Viết được đoạn văn giải thích.

3.Phẩm chất:

- Chăm học, biết vận dụng kiến thức vào bài làm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học

- Học liệu: Dàn ý, đoạn văn

2. Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài, viết đoạn

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU(5 phút)

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.

- Phương thức thực hiện:hoạt động nhóm

- Sản phẩm hoạt động: các nhóm tìm được các đề văn thuộc văn nghị luận.

- Phương án kiểm tra, đánh giá:

- + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
- + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:
 1. Chuyển giao nhiệm vụ
 - Nhiệm vụ: Nêu cách làm bài văn lập luận giải thích
 2. Thực hiện nhiệm vụ:
 - * Học sinh:
 - * Giáo viên: Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh
 3. Báo cáo kết quả: phiếu học tập
 4. Nhận xét, đánh giá:
 - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

GV dẫn vào bài: Trong văn nghị luận thì có 2 kiểu bài đó là bài Chứng minh và bài giải thích. Bài chứng minh thì chúng ta thấy yếu tố quan trọng cần có là dẫn chứng, còn với kiểu bài giải thích thì chủ yếu ta dùng lời văn để phân tích thuyết phục mọi người. Trong giờ học hôm nay thầy trò ta cùng đi luyện tập làm một số bài văn lập luận giải thích !

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

- Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức vào luyện tập.
- Phương pháp: hoạt động cá nhân
- Sản phẩm hoạt động: HS tìm được các ý của đề văn nghị luận.
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
 - Tiến trình hoạt động:
 - GV giao nhiệm vụ: hoàn thành vào vở bài tập Ngữ văn, sau đó gọi 2 em trình bày bảng phần vừa làm.
 - HS trình bày vào vở
 - GV chốt kiến thức...

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
1. Mục tiêu: - Củng cố kiến thức đã học tiết trước	I. Đề bài: Tục ngữ có câu: <i>Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng</i> Em hãy giải thích nội dung câu tục ngữ trên.

- Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

2. Phương thức thực hiện:

+ HĐ cá nhân, hoạt động nhóm.

-3- Sản phẩm hoạt động : Kết quả các bài tập đã hoàn thành.

4- Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh tự đánh giá.

+ GV đánh giá bằng chấm điểm theo nhóm và cá nhân

5- Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Em hãy nhắc lại các bước làm một bài văn giải thích ?

- Đề trên thuộc kiểu bài nào ?

- Đề bài yêu cầu giải thích vấn đề gì ?

- Làm thế nào để nhận ra yêu cầu đó ? (*Căn cứ vào mệnh đề và căn cứ vào các từ ngữ trong đề*).

- Để đạt được yêu cầu giải thích đã nêu, bài làm cần có những ý gì ?

- MB cần nêu những gì ?

Ta có thể sắp xếp các ý của phần TB như thế nào?

- Giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng của câu tục ngữ

.- Vì sao lại nói đi một ngày đàng học một sàng khôn

- KB cần phải nêu gì ?

* **Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm bài, trình bày, nhận xét lẫn nhau

1. Tìm hiểu đề, tìm ý

- Thể loại: lập luận giải thích

<p>- Giáo viên quan sát, động viên, hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>* Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.</p> <p>* Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá</p>	<p>- Nội dung: Giải thích câu tục ngữ Gàn mực ... sáng</p> <p>2.Lập dàn ý</p> <p>a.Mở bài</p> <p>- Dẫn dắt</p> <p>- Nêu câu tục ngữ</p> <p>b.Thân bài:</p> <p>1. Giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ.</p> <p>a. Nghĩa đen</p> <p>b. Nghĩa bóng</p> <p>2. Tại sao Gàn mực thì đen, gàn đèn thì sáng</p> <p>- trẻ em chưa có khi chưa nhận ra đúng sai tốt xấu hoặc có nhận ra nhưng không đủ bản lĩnh để tránh xa cái xấu...>để bị hoàn cảnh chi phối</p> <p>- D/C:gia đình hòa thuận, cha mẹ là tấm gương sáng về học tập, về đạo đức thì gia đình đó sẽ có những đứa con ngoan. ..</p> <p>Ngược lại, trong gia đình, nếu cha mẹ chỉ biết lo làm ăn không quan tâm đến con cái, vợ chồng luôn luôn bất hòa thì chắc chắn những đứa trẻ lớn lên trong môi trường đó sẽ nhanh chóng trở thành đứa con hư. Ngoài xã hội, khi tiếp xúc gần gũi với môi trường không tốt đẹp, con người dễ dàng tập nhiễm những thói hư tật xấu và dần dần đánh mất bản chất lương thiện của mình. Cụ thể ở môi trường học tập, quanh ta có biết bao nhiêu bạn xấu thường xuyên trốn học, quậy phá, học yếu làm phiền lòng thầy cô. Nếu ta cứ lân la gần bó với những bạn ấu ăy thì sớm muộn gì ta cũng bị ảnh hưởng lây.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định sự đúng đắn của câu tục ngữ</p>
---	---

<p>+ Hs viết đoạn văn: N1,2: Viết đoạn mở bài và giải thích câu TN N3,4: Viết đoạn bình luận về câu TN và kết bài. +Hs thảo luận nhóm thống nhất các đoạn văn hoàn chỉnh.</p> <p>HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP Đại diện các nhóm trình bày Nhóm nhận xét. Gv quan sát chung và nhắc nhở các nhóm thực hiện Gv sửa chữa, bổ sung</p>	<p>- Bài học cần chọn bạn mà chơi.</p> <p>3. Viết bài 1.Mở bài: 2.Thân bài 3 Kết bài Câu tục ngữ là lời khuyên sâu sắc là bài học bổ ích cho chúng em những học sinh đang ở lứa tuổi dần hình thành nhân cách . Nó giúp em xác lập được một thế đứng vững chắc trước những tiêu cực ngoài xã hội</p> <p>2. Luyện tập: HS trình bày trước lớp</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

1- Mục tiêu: vận dụng kiến thức làm bt

-2. Phương thức thực hiện:

+ HĐ cá nhân

3- Sản phẩm hoạt động : nội dung HS trình bày, vở của mình

4- Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh tự đánh giá.

+ GV đánh giá

5- Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

Hs viết thành bài hoàn chỉnh

* **Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm bài, trình bày, nhận xét lẫn nhau

- Giáo viên quan sát, động viên, hỗ trợ khi học sinh cần.

* **Báo cáo kết quả:** Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

* **Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1- Mục tiêu: HS mở rộng kiến thức đã học

- 2. Phương thức thực hiện:

+ HĐ cá nhân, hđ chung cả lớp.

-3- Sản phẩm hoạt động : - Phiếu học tập cá nhân

4- Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh tự đánh giá.

+ GV đánh giá

5- Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu:

? Viết đề trên thành bài văn hoàn thiện?

- Học sinh tiếp nhận: về nhà làm bài ra vở

- HS thực hiện nhiệm vụ hđ cá nhân

* **Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: về nhà làm bài ra vở

- Giáo viên: kiểm tra

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs.

* **Báo cáo kết quả:** Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

* **Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Rút kinh nghiệm

.....
.....
.....

Tiết :**DẤU CHẤM LŨNG VÀ DẤU CHẤM PHẪY**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu được công dụng của dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy.

- Biết sử dụng dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy để phục vụ yêu cầu biểu đạt.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Sử dụng dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy trong tạo lập văn bản.

- Đặt câu có dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, có ý thức trách nhiệm học hỏi, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học

- Học liệu: sgk, phiếu học tập, bảng phụ

- Giao nhiệm vụ chuẩn bị bài cụ thể cho học sinh

2. Chuẩn bị của học sinh: Soạn bài: Nghiên cứu trả lời các câu hỏi sgk

III. Hoạt động dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh, giúp học sinh kết nối kiến thức đã có và kiến thức mới nảy sinh nhu cầu tìm hiểu kiến thức

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Học sinh trình bày miệng - Gv ghi lên bảng phụ

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá học sinh

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***. Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv đưa ví dụ:

1. Mẹ em đi chợ mua cá, rau, trứng...

2. Hôm nay em đi học; mẹ đi chợ

Ở câu 1 dấu ... báo hiệu điều gì?

Câu 2 có mấy vế câu? Vì sao em biết

- Học sinh tiếp nhận: Quan sát các câu Vd trên bảng phụ

***. Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: Phân tích cấu trúc câu trên giấy nháp theo yêu cầu

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

- Dự kiến sản phẩm:

1. Mẹ còn mua thứ khác nữa

2. Có hai vé, nhờ có dấu chấm phẩy

*. **Báo cáo kết quả:**Học sinh lần lượt trình bày các câu đã phân tích ngữ pháp

*Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> GV: để hiểu công dụng, đặc điểm của hai loại dấu này, chúng ta cùng tìm hiểu

HOẠT ĐỘNG2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của Gv và Hs	Nội dung
<p>HD 1: Công dụng của dấu chấm lửng</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hiểu được tác dụng của dấu chấm lửng. <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hoạt động cá nhân- Hoạt động nhóm- Hoạt động chung cả lớp <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none">- Phiếu học tập cá nhân- Phiếu học tập của nhóm <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh tự đánh giá.- Học sinh đánh giá lẫn nhau.- Giáo viên đánh giá. <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none">- Giáo viên treo bảng phụ chứa ví dụ sgk- Phát phiếu học tập- Nêu yêu cầu: hs thảo luận nhóm bàn. <p>Học sinh nghiên cứu ví dụ sgk 121</p> <p><i>?Cho biết trong các câu đó dấu chấm lửng được dùng để làm gì</i></p> <p><i>?Qua bài tập trên em rút ra điều gì về công dụng của dấu chấm lửng?</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh tiếp nhận yêu cầu: quan sát, lắng nghe	<p>I. Dấu chấm lửng</p> <p>1. Ví dụ</p>

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: + Làm việc cá nhân
- + trao đổi trong nhóm, thống nhất ý kiến vào phiếu học tập...
- Giáo viên: Quan sát, đôn đốc, nhắc nhở, động viên và hỗ trợ hs khi cần
- Dự kiến sản phẩm: - Rút gọn phần liệt kê, nhấn mạnh tâm trạng của người nói, giãn nhịp điệu câu văn, tạo sắc thái hài hước, dí dỏm

***Báo cáo kết quả:**

- Giáo viên gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả

- Nhóm khác bổ sung

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Học sinh đọc ghi nhớ

Gv chuyển ý sang nội dung tiếp theo của bài học

HD 2: Công dụng của dấu chấm phẩy

1. Mục tiêu:

- Hiểu được tác dụng của dấu chấm phẩy.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân
- Hoạt động nhóm
- Hoạt động chung cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động

- Phiếu học tập cá nhân
- Phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

2. Nhận xét

- a. Biểu thị các phần liệt kê tương tự không viết ra
- b. Tâm trạng lo lắng, hoảng sợ của người nói
- c. Bất ngờ của thông báo

3. Ghi nhớ 1 (sgk)

II. Dấu chấm phẩy

1. Ví dụ

<p>- Học sinh tự đánh giá.</p> <p>- Học sinh đánh giá lẫn nhau.</p> <p>- Giáo viên đánh giá.</p> <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên treo bảng phụ chứa ví dụ sgk</p> <p>- Phát phiếu học tập</p> <p>- Nêu yêu cầu: hs thảo luận nhóm</p> <p>Học sinh đọc nghiên cứu ví dụ sgk 122</p> <p><i>?Trong các câu trên, dấu chấm phẩy được dùng để làm gì</i></p> <p><i>?Có phải thế thay thế các dấu đó bằng các dấu phẩy được không?</i></p> <p>- Không vì nếu thay -> nhầm lẫn, hiểu lầm</p> <p><i>?Từ bài tập em hãy cho biết công dụng của dấu chấm phẩy</i></p> <p>- Học sinh tiếp nhận yêu cầu: quan sát, lắng nghe</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: + Làm việc cá nhân</p> <p>+ trao đổi trong nhóm, thống nhất ý kiến vào phiếu học tập...</p> <p>- Giáo viên: Quan sát, đôn đốc, nhắc nhở, động viên và hỗ trợ hs khi cần</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>vda. Đánh dấu ranh giới hai vế câu ghép có cấu tạo phức tạp</p> <p>vdb. Ngăn cách các bộ phận liệt kê có nhiều tầng ý nghĩa phức tạp</p> <p>- Không thể thay bằng dấu phẩy vì nếu thay -> nhầm lẫn, hiểu lầm</p> <p>*Báo cáo kết quả:</p> <p>- Giáo viên gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả</p> <p>- Nhóm khác bổ sung</p>	
---	--

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Học sinh đọc ghi nhớ

Lấy ví dụ một câu có dùng dấu chấm phẩy

HS lấy ví dụ

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(10P)

1. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng những kiến thức vừa tiếp thu để giải quyết các dạng bài tập liên quan

2. Phương thức thực hiện: Kết hợp hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi, hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động:

- + Phần trình bày miệng
- + Trình bày trên bảng
- + Trình bày trên phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động (lần lượt thực hiện các bài tập

Bài 1:

- HS đọc bài 1, nêu yêu cầu của bài tập

Cách thực hiện: Học sinh làm việc cá nhân - trình bày miệng trước lớp

Trong mỗi câu có chấm lửng dưới đây, dấu chấm lửng được dùng để làm gì ?

- HS trả lời
- Học sinh khác nhận xét, bổ sung
- Gv chốt phương án đúng

2.Nhận xét

a. Đánh dấu ranh giới hai vế câu ghép có cấu tạo phức tạp

b. Ngăn cách các bộ phận liệt kê có nhiều tầng ý nghĩa phức tạp

3.Ghi nhớ 2 (sgk 122)

III. Luyện tập

1.Bài 1(123)

a. Biểu thị lời nói ngập ngừng, đứt quãng do lúng túng , sợ hãi

b. Biểu thị câu nói bị bỏ dở

<p>Bài 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài 2, nêu yêu cầu của bài tập - Yêu cầu hoạt động nhóm trên phiếu học tập: <i>? Nêu rõ công dụng của dấu chấm phẩy trong mỗi câu dưới đây.</i> - Cách thực hiện: Cho H phân tích cấu tạo câu (câu ghép phức tạp, trong nội bộ mỗi vế có dấu phẩy từ đó rút ra công dụng) <p>Đại diện trình bày trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung - Gv chốt phương án đúng <p>Bài 3</p> <p>GV cho Hs viết đoạn văn có sử dụng dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: + Làm việc cá nhân - Giáo viên: Quan sát, đôn đốc, nhắc nhở, động viên và hỗ trợ hs khi cần - Dự kiến sản phẩm: <p>Thực hiện nhiệm vụ- Báo cáo kết quả- Nhận xét, bổ sung, đánh giá kết quả</p>	<p>c. Biểu thị sự liệt kê chưa đầy đủ</p> <p>2. Bài 2</p> <p>Nêu công dụng của dấu chấm phẩy</p> <ul style="list-style-type: none"> - a,b,c: dấu chấm phẩy đều dùng để ngăn cách vế của câu ghép có cấu tạo phức tạp <p>3. Bài 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đêm trăng trên dòng sông Hương Giang. Trong tiếng sóng vỗ ru mạn thuyền, trong tiếng đàn du dương réo rắt, các ca nhi cất lên những khúc Nam ai Nam bình buồn man mác; người nghe thấy lòng mình băng khuâng...
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(8p)

1. Mục tiêu: vận dụng dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy khi nói hoặc viết
2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động
4. Phương án kiểm tra, đánh giá
 - Học sinh đánh giá.
 - Giáo viên đánh giá.
5. Tiến trình hoạt động:
 - *GV chuyển giao nhiệm vụ

Cho HS chơi trò chơi

Có 5 ngôi sao, trong đó có 4 ngôi sao ẩn chứa 4 câu hỏi tương ứng với một ngôi sao may mắn. Mỗi nhóm lần lượt chọn một ngôi sao. Nếu nhóm chọn ngôi sao tương ứng với một trong bốn câu hỏi, trả lời đúng sẽ được 10 điểm, trả lời sai thì không được điểm và sẽ nhường cơ hội cho 3 nhóm còn lại (bằng cách giơ tay) trả lời đúng được 5 điểm, sai thì không được điểm, thời gian suy nghĩ là 10s sau khi GV đưa bảng phụ tương ứng với câu hỏi. Nếu nhóm nào chọn ngôi sao có ngôi sao may mắn sẽ được cộng 10 điểm mà không cần trả lời câu hỏi và được chọn ngôi sao tiếp theo để tham gia trả lời câu hỏi.

+ Xác định công dụng của dấu chấm lửng trong câu sau:

Câu 1: Thê điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, bang khuâng, có tiếc thương ai oán..(Hà Ánh Minh)

Câu 2:

-Lính đâu? Sao bây dám để nó chạy xông xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắt gì nữa à?

-Dạ, bẩm...

-Đuổi cô nó ra!

+Xác định công dụng dấu chấm phẩy:

Câu 3: Có kẻ nói từ khi các thi sĩ ca tụng cảnh núi non, hoa cỏ, núi non, hoa cỏ trông mới đẹp; từ khi có người lấy tiếng chim kêu, tiếng suối chảy làm đề ngâm vịnh, tiếng chim, tiếng suối nghe mới hay (Hoài Thanh)

Câu 4: Dưới ánh trăng này, dòng thác nước sẽ đổ xuống làm chạy máy phát điện; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn. (Thép Mới)

*Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: + Làm việc nhóm

+ trao đổi trong nhóm, thống nhất ý kiến

- Giáo viên: Quan sát, đôn đốc, nhắc nhở, động viên và hỗ trợ hs khi cần

- Dự kiến sản phẩm:

Câu 1-Biểu thị phần liệt kê tương tự không viết ra

Câu 2-biểu thị lời nói bị đứt quãng do sợ hãi và lúng túng

Câu 3-Biểu thị sự ngăn cách các vế của những câu ghép có cấu tạo phức tạp

Câu 4-Biểu thị sự ngăn cách các vế của những câu ghép có cấu tạo phức tạp

Thực hiện nhiệm vụ- Báo cáo kết quả- Nhận xét, bổ sung, đánh giá kết quả

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG (2P)

1. Mục tiêu: khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân ở nhà

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày trên giấy của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

-Đặt câu có sử dụng dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy.

*. học sinh thực hiện ở nhà nộp kết quả vào tiết sau

Gv nhắc học sinh: Chuẩn bị bài *Văn bản đề nghị*

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Tiết 119: VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đặc điểm của văn bản đề nghị: hoàn cảnh, mục đích, yêu cầu, nội dung và cách làm loại văn bản này.

- Đặc điểm của văn bản báo cáo: hoàn cảnh, mục đích, yêu cầu, nội dung và cách làm loại văn bản này.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết văn bản đề nghị, văn bản báo cáo.

- Viết văn bản đề nghị, văn bản báo cáo đúng cách.

- Nhận ra được những sai sót thường gặp khi viết văn bản đề nghị, báo cáo.

- Giao tiếp hiệu quả bằng văn bản báo cáo phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức trách nhiệm học hỏi, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: Một số bài nghị luận mẫu, SGK, giáo án

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh, giúp học sinh kết nối kiến thức đã có và kiến thức mới nảy sinh nhu cầu tìm hiểu kiến thức

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Học sinh trình bày miệng - Gv ghi lên bảng phụ

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá học sinh

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

*.Chuyên giao nhiệm vụ

1. Thế nào là văn bản hành chính? Mục đích của Văn bản TB,BC,ĐN?

2. Cách trình bày một văn bản hành chính

*. Thực hiện nhiệm vụ:

*. Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

- Giáo viên quan sát, động viên ghi nhận kết quả của học sinh

3. Báo cáo kết quả:

4. Nhận xét, đánh giá:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá:

1. ĐN: Văn bản hành chính.....

MĐ : - Thông báo nhằm phổ biến một nội dung

- Đề nghị nhằm đề xuất một nguyện vọng ý kiến

- Báo cáo : Nhằm tổng kết, nêu lên những gì đã làm được để cấp trên biết

2. - Quốc hiệu và tiêu ngữ

- Địa điểm làm vb và ngày tháng

- Tên văn bản

- Họ tên, chức vụ của người nhận hay cơ quan nhận vb

- Họ tên, chức vụ của người gửi hay tên cơ quan, tập thể gửi vb

- Nd thông báo, đề nghị, báo cáo

- Kí tên người gửi vb

Vào bài: Giờ trước chúng ta đã tìm hiểu văn bản hành chính. Văn bản đề nghị là một loại văn bản hành chính, để hiểu rõ hơn về loại văn bản này chúng ta sẽ học bài hôm nay

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của Gv và Hs	Nội dung
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm của văn bản đề nghị</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hiểu được đặc điểm của văn bản đề nghị. <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hoạt động cá nhân- Hoạt động nhóm- Hoạt động chung cả lớp <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none">- Phiếu học tập cá nhân- Phiếu học tập của nhóm <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh tự đánh giá.- Học sinh đánh giá lẫn nhau.- Giáo viên đánh giá. <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Đọc văn bản sgk</p> <ul style="list-style-type: none">- Phát phiếu học tập- Nêu yêu cầu: hs thảo luận nhóm <p><i>?Viết giấy đề nghị nhằm mục đích gì</i></p> <p><i>?Giấy đề nghị cần chú ý những yêu cầu gì về nội dung và hình thức trình bày</i></p> <p><i>?Văn bản đề nghị là gì? Văn bản đề nghị có nội dung và cách trình bày như thế nào?</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh tiếp nhận yêu cầu: quan sát, lắng nghe	<p>I. Đặc điểm của văn bản đề nghị</p> <p>1. Ví dụ (sgk 124+125)</p>

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: + Làm việc cá nhân
+ trao đổi trong nhóm, thống nhất ý kiến vào phiếu học tập...

- Giáo viên: Quan sát, đôn đốc, nhắc nhở, động viên và hỗ trợ hs khi cần

- Dự kiến sản phẩm:

+Đề nghị các cấp , những người có thẩm quyền giải quyết vấn đề mà người viết không tự giải quyết được

+ Cần trình bày trang trọng, ngắn gọn, sáng sủa

+Nội dung:

. Ai đề nghị

. Đề nghị của ai

. Đề nghị ở đâu

***Báo cáo kết quả:**

- Giáo viên gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả

- Nhóm khác bổ sung

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hoạt động 2: Tìm hiểu cách làm văn bản đề nghị

1. Mục tiêu:

2.Nhận xét

- Đề nghị các cấp , những người có thẩm quyền giải quyết vấn đề mà người viết không tự giải quyết được

- Cần trình bày trang trọng, ngắn gọn, sáng sủa

- Nội dung:

+ Ai đề nghị

+ Đề nghị của ai

+ Đề nghị ở đâu

II. Cách làm văn bản đề nghị

1.Tìm hiểu cách làm văn bản đề nghị

<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cách làm văn bản đề nghị. - Dàn mục một văn bản đề nghị <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cá nhân - Hoạt động nhóm - Hoạt động chung cả lớp <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu học tập cá nhân - Phiếu học tập của nhóm <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Đọc văn bản sgk</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát phiếu học tập - Nêu yêu cầu: hs thảo luận nhóm <p><i>? Các mục trong văn bản đề nghị được trình bày theo trình tự nào</i></p> <p><i>? So sánh sự giống và khác giữa hai văn bản trên</i></p> <p><i>? Những phần nào quan trọng trong cả hai văn bản</i></p> <p><i>? Từ hai văn bản trên hãy rút ra cách làm một văn bản đề nghị</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tiếp nhận yêu cầu: quan sát, lắng nghe <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: + Làm việc cá nhân + trao đổi trong nhóm, thống nhất ý kiến vào phiếu học tập... - Giáo viên: Quan sát, đôn đốc, nhắc nhở, động viên và hỗ trợ hs khi cần 	<p>a. Ví dụ</p>
--	-----------------

<p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>* Trình tự:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quốc hiệu nước + Địa điểm viết đơn, ngày + Tên văn bản + Nơi gửi đến + Nêu sự việc, lí do, ý kiến đề nghị + Người viết kí tên ghi tên <p>*Nội dung đề nghị</p> <p>HS đọc phần (2) shk 126</p> <p>? Trình bày dàn mục của văn bản đề nghị.</p> <p>Đọc lưu ý (sgk) – Gv khắc sâu lưu ý</p>	<p>b. Nhận xét</p> <p>.- Trình tự:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quốc hiệu nước + Địa điểm viết đơn, ngày + Tên văn bản + Nơi gửi đến + Nêu sự việc, lí do, ý kiến đề nghị + Người viết kí tên ghi tên <p>2. Dàn mục một văn bản đề nghị</p> <p>Sgk</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quốc hiệu và tiêu ngữ. - Địa điểm làm giấy đề nghị và ngày tháng. - Tên văn bản - Nơi nhận đề nghị. - Người (tổ chức) đề nghị. - Nêu sự việc, lí do, ý kiến cần đề nghị với nơi nhận. - Kí tên <p>* Lưu ý:</p> <p>Tên văn bản viết in hoa, khổ chữ to.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các mục trong văn bản : + Khoảng cách các phần 2-3 dòng. + Không viết sát lề giấy. + Không để những khoảng
--	--

Hoạt động Luyện tập(10P)

1. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng những kiến thức vừa tiếp thu để giải quyết các dạng bài tập liên quan

2. Phương thức thực hiện: Kết hợp hoạt động các nhân, hoạt động cặp đôi, hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động:

- + Phần trình bày miệng
- + Trình bày trên bảng
- + Trình bày trên phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động (lần lượt thực hiện các bài tập

Bài 1:

- HS đọc bài 1, nêu yêu cầu của bài tập

Cách thực hiện: Học sinh làm việc cá nhân - trình bày miệng trước lớp

- HS trả lời
- Học sinh khác nhận xét, bổ sung
- Gv chốt phương án đúng

Bài 2:

- HS đọc bài 2, nêu yêu cầu của bài tập

- Yêu cầu hoạt động nhóm trên phiếu học tập:

? Trao đổi với các bạn trong tổ, nhóm để rút kinh nghiệm về các lỗi thường mắc ở văn bản

trông quá lớn.

- Đầy đủ, rõ ràng.

3. Ghi nhớ sgk

III. Luyện tập

1. Bài tập 1: (127)

- Lí do viết đơn và lí do đề nghị khác nhau

+ Tình huống a là nhu cầu cá nhân tình huống b là nhu cầu của một tập thể

+ Giống nhau: đều đề đạt nhu cầu và nguyện vọng chính đáng

2. Bài 2:

<p>đề nghị.</p> <p>Cách thực hiện: Học sinh làm việc cá nhân, nhóm 5^{phút}</p> <ul style="list-style-type: none"> - trình bày miệng trước lớp - Học sinh khác nhận xét, bổ sung - Gv chốt phương án đúng 	<ul style="list-style-type: none"> - Các lỗi thường mắc trong văn bản đề nghị + Thiếu một hoặc vài mục + Đủ mục quy định nhưng sai trình tự + Vấn đề đề nghị không được chính đáng + Tên văn bản không phù hợp nội dung
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng, thể nghiệm giá trị đã được học vào trong cuộc sống thực tiễn ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ: GV cho Hs viết đơn xin nhập đội tntp HCM, yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn và trình bày tại lớp

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu: khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân ở nhà

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày trên giấy của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

-Sưu tầm một số mẫu đơn.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà học bài, sưu tầm
- Dự kiến sản phẩm: Các câu đơn học sinh sưu tầm được
- Báo cáo sản phẩm
- GV yêu cầu HS trình bày vào tiết học sau
- HS về nhà sưu tầm
- Đánh giá kết quả: Giáo viên nhắc nhở, hướng dẫn các nguồn sưu tầm

IV. Rút kinh nghiệm:

.....

Tiết 120: ÔN TẬP VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Một số khái niệm thể loại liên quan đến đọc- hiểu văn bản như ca dao, tục ngữ, thơ trữ tình, thơ Đường luật, thơ lục bát, thơ song thất lục bát;
- Sơ giản về thể loại thơ Đường luật.
- Phép tương phản và phép tăng cấp trong nghệ thuật.
- Hệ thống văn bản đã học, nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại ở từng văn bản.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Hệ thống hóa, khái quát hóa kiến thức về các văn bản đã học.
- So sánh, ghi nhớ, học thuộc lòng các văn bản tiêu biểu.
- Đọc- hiểu văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận ngắn.

3. Phẩm chất:

- Tự giác trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về nội dung bài học.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng của Hs trước lớp

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá Học sinh
- Giáo viên đánh giá học sinh.

5. Tiến trình hoạt động:

*Chuyển giao nhiệm vụ

Điền nội dung thích hợp vào các ô còn trống trong bảng sau:

Thể loại	Định nghĩa
	Là thể thơ Đường luật có 4 câu, mỗi câu 7 chữ, hiệp vần ở tiếng cuối câu 1, 2, 4 hoặc câu 2, 4.
	Là thể thơ có một câu 6 chữ, câu sau 8 chữ, không hạn định số câu.
	Là thể thơ Đường luật có 8 câu, mỗi câu 7 chữ, hiệp vần ở tiếng cuối câu 1, 2, 4, 6, 8 . Phép đối giữa câu 3 với 4, câu 5 với 6

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh suy nghĩ trả lời
- Giáo viên gợi ý cho học sinh
- Dự kiến sản phẩm:

Thể loại	Định nghĩa
Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	Là thể thơ Đường luật có 4 câu, mỗi câu 7 chữ, hiệp vần ở tiếng cuối câu 1, 2, 4 hoặc câu 2, 4.
Lục bát	Là thể thơ có một câu 6 chữ, câu sau 8 chữ, không hạn định số câu.
Thất ngôn bát cú Đường	Là thể thơ Đường luật có 8 câu, mỗi câu 7 chữ, hiệp vần ở tiếng cuối câu 1, 2, 4, 6, 8 . Phép đối giữa câu 3 với 4, câu

luật	5 với 6
-------------	---------

***Báo cáo kết quả**

Gọi Hs trình bày trước lớp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV giới thiệu vào bài học: Trong năm học qua chúng ta đã được học rất nhiều tác phẩm văn học, hôm nay chúng ta sẽ hệ thống lại toàn bộ những kiến thức đã học

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

HD1: Hệ thống các văn bản đã học ở lớp 7.

1. Mục tiêu: Hệ thống các văn bản đã học
2. Phương thức thực hiện: Phương pháp dự án
3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày của nhóm học sinh trên giấy
4. Phương án kiểm tra, đánh giá
 - Học sinh đánh giá Học sinh
 - Giáo viên đánh giá học sinh.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu: *Hệ thống các văn bản đã học theo bảng hệ thống sgk?*
- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh thực hiện hoạt động nhóm ở nhà hoàn thiện sản phẩm
- Giáo viên gợi ý cho học sinh cách làm, nhắc nhở học sinh hoàn thiện sản phẩm trước tiết học
- Dự kiến sản phẩm: Hệ thống các văn bản đã học.

***Báo cáo kết quả**

Gọi 2 nhóm Hs trình bày trước lớp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, đưa sản phẩm hoàn chỉnh:

HD1: Lập bảng thống kê các tác phẩm văn học đã học trong cả năm học

TT	Học kì I	TT	Học kì II
1	Công trường mở ra	25	Tục ngữ về TN và LĐSX

2	Mẹ tôi	26	Tục ngữ về con người và xã hội
3	Cuộc chia tay của ... con búp bê	27	Tinh thần yêu nước của nhân dân ta
4	Những câu hát .. tình cảm gia đình	28	Sự giàu đẹp của tiếng Việt(đọc thêm)
5	Những câu hát về ty qh, đn, cn	29	Đức tính giản dị của Bác Hồ
6	Những câu hát than thân	30	ý nghĩa văn chương
7	Những câu hát châm biếm	31	Sống chết mặc bay
8	Nam quốc sơn hà	32	Những trò lố hay là Va-ren và PBC(đọc thêm)
9	Tụng giá hoàn kinh sư	33	Ca Huế trên sông Hương
10	Thiên Trường vãn vọng		
11	Côn Sơn ca		
12	Bánh trôi nước		
13	Qua Đèo Ngang		
14	Bạn đến chơi nhà		
15	Vọng Lư sơn bộc bố (Xa ngắm...)		
16	Tĩnh dạ tứ (Cảm nghĩ trong đêm..)		
17	Bài ca nhà tranh bị gió thu phá		
18	Cảnh khuya		
19	Rằm tháng giêng		
20	Tiếng gà trưa		
21	Một thứ quà của lúa non: Cốm		
22	Sài Gòn tôi yêu		
23	Mùa xuân của tôi		

Hoạt động của Gv và Hs	Nội dung
<p><i>HD 2. Định nghĩa về các thể loại</i></p> <p>1. Mục tiêu: HS nắm được hái niệ m ca dao – dân ca. Phân biệt ca dao, dân ca</p> <p>2. Phương thức thực hiện: Phương pháp dự án</p>	<p><i>2. Định nghĩa về các thể loại</i></p> <p>a.Ca dao dân ca</p> <p>- Thơ ca dân gian: là những bài thơ bài hát trữ tình dân gian do quần chúng nhân dân sáng tác, biểu diễn và truyền miệng từ đời này sang đời khác</p> <p>b.Tục ngữ</p> <p>- Là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định , có</p>

<p>3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày của nhóm học sinh trên giấy</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đánh giá Học sinh - Giáo viên đánh giá học sinh. <p>5. Tiến trình hoạt động:</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại các chú thích* ở bài 3,5,7,8; làm thơ lục bát ở bài 13; ghi nhớ ở bài 16 (Ôn tập tác phẩm trữ tình); chú thích * ở bài 18, câu 2 ở bài 26 (phần Đọc- Hiểu văn bản) để nắm chắc các định nghĩa. <p>Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện hoạt động nhóm ở nhà hoàn thiện sản phẩm <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>Gọi 2 nhóm Hs trình bày trước lớp</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, đưa sản phẩm hoàn chỉnh <p>HD 3. Những tình cảm, thái</p>	<p>nhip điệu, hình ảnh thể hiện những k/v của nhân dân về mọi mặt cuộc sống</p> <p>c. Thơ trữ tình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một thể loại văn học phản ánh cuộc sống bằng cảm xúc trực tiếp của người sáng tác - Thường có vần điệu, nhịp điệu, ngôn ngữ cô đọng, mang tính cách điệu cao <p>* thơ trữ tình trung đại VN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường luật: Thất ngôn, ngũ ngôn, bát cú, tứ tuyệt - VN: lục bát, song thất lục bát, 4 tiếng học tập từ ca dao dân ca <p>d. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật</p> <p>4 câu, mỗi câu 7 tiếng. Kết cấu: khai, thừa, chuyển, hợp. Nhịp: 4/3; 2/2/3. Vần chân</p> <p>đ. Ngũ ngôn tứ tuyệt đường luật</p> <p>4 câu, mỗi câu 5 tiếng. Vần bằng, trắc. Nhịp 3/2 hoặc 2/3</p> <p>e. Thất ngôn bát cú</p> <ul style="list-style-type: none"> - 8 câu mỗi câu 7 tiếng. Vần bằng trắc, chân - Kết cấu: đề, thực, luận, kết. Luật: nhất tam tứ bát luận, nhị tứ lục phân minh. Câu 3-4, 5-6 đối <p>g. Thơ lục bát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ dân tộc kết cấu cặp, 1 câu 6, một câu 8 - Vần bằng, vần lưng <p>h. Song thất lục bát</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 câu 7, 1 câu 6, 1 câu 8 -> một khổ <p>i. Phép tương phản và phép tăng cấp trong NT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là sự đối lập các hình ảnh, chi tiết, nhân vật, ... trái ngược nhau, để tô đậm, nhấn mạnh một đối tượng hoặc cả hai. <p>Tăng cấp: thường đi cùng tương phản tăng dần về cường độ, chất lượng, tốc độ, số lượng, màu sắc, âm thanh</p> <p>3. Những tình cảm, thái độ trong các bài ca dao –</p>
---	--

<p>độ trong các bài ca dao – dân ca</p> <p>1. Mục tiêu: Nắm được tình cảm thái độ của nhân dân qua từng văn bản ca dao đã học</p> <p>2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động: Phân trình bày của cặp học sinh trước lớp</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đánh giá học sinh - Giáo viên đánh giá học sinh. <p>5. Tiến trình hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển giao nhiệm vụ <p>? Những tình cảm, thái độ thể hiện trong các bài ca dao - dân ca đã học là gì.</p> <p>Đọc thuộc lòng một số bà ca dao đã học</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện hoạt động <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>Gọi 2 nhóm Hs trình bày trước lớp</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, đưa sản phẩm hoàn chỉnh 	<p>dân ca</p> <p>* Tình cảm gia đình: Nhắc nhở về công ơn sinh thành, tình mẫu tử và tình anh em ruột thịt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình yêu quê hương đất nước, con người: Tình yêu, lòng tự hào đối với con người, quê hương, đất nước. - Những câu hát than thân: Đồng cảm với số phận khổ đau, đắng cay của người lao động, tố cáo chế độ phong kiến - Những câu hát châm biếm: Phê phán và chế giễu những thói hư, tật xấu trong đời sống gia đình và
---	--

<p>HD 4. Những câu tục ngữ</p> <p>1. Mục tiêu: ý nghĩa triết lí được đúc rút qua kinh nghiệm của ông cha ta xưa</p> <p>2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày của học sinh trước lớp</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đánh giá học sinh - Giáo viên đánh giá học sinh. <p>5. Tiến trình hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển giao nhiệm vụ <p>? Những tình cảm, thái độ thể hiện trong các bài ca dao - dân ca đã học là gì.</p> <p>Đọc thuộc lòng một số bài ca dao đã học</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện hoạt động <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>Gọi Hs trình bày trước lớp</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, đưa sản phẩm hoàn chỉnh 	<p>cộng đồng.</p> <p>4. Những kinh nghiệm của nhân dân được thể hiện trong tục ngữ</p> <p>Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất: Những kinh nghiệm quý báu của nhân dân trong việc quan sát các hiện tượng tự nhiên và trong lao động sản xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tục ngữ về con người và XH: Luôn tôn vinh giá trị con người, đưa ra nhận xét, lời khuyên về những
--	--

<p>HD5. Giá trị tư tưởng, tình cảm trong các bài thơ đoạn thơ VN và TQ</p> <p>1. Mục tiêu: Giá trị tư tưởng, tình cảm trong các bài thơ đoạn thơ VN và TQ</p> <p>2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động: Phân trình bày của nhóm</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đánh giá học sinh - Giáo viên đánh giá học sinh. <p>5. Tiến trình hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển giao nhiệm vụ <p>Những giá trị lớn về tư tưởng, tình cảm thể hiện trong các bài thơ, đoạn thơ trữ tình của Việt Nam và Trung Quốc (thơ Đường) đã học.</p> <p>? Đọc thuộc lòng một số bài thơ trung đại của VN</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện hoạt động <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>Gọi Hs trình bày trước lớp</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, đưa sản phẩm 	<p>phẩm chất và lối sống mà con người cần phải có.</p> <p>5. Giá trị tư tưởng, tình cảm trong các bài thơ đoạn thơ VN và TQ</p>
---	--

hoàn chỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Lòng yêu nước và tự hào dân tộc; - ý chí bất khuất, kiên quyết đánh bại mọi quân xâm lược; - Thương dân - yêu dân, mong dân được khỏi khổ, no ấm, nhớ quê, mong về quê, ngõ ngàng khi trở về, nhớ mẹ, nhớ thương bà, ... - Ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên: Đêm trăng xuân, cảnh khuya, thác hùng vĩ, đèo vắng, ... - Ca ngợi tình bạn chân thành, tình vợ chồng thủy chung chờ đợi, vời vợi nhớ thương, ...
------------	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng, thể nghiệm giá trị đã được học vào trong cuộc sống thực tiễn ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày miệng của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

? Viết một đoạn văn ngắn từ 5-7 câu nêu cảm nhận của em về một văn bản mà em thích nhất trong chương trình Ngữ văn 7 đã học

***Báo cáo kết quả**

Gọi một Hs trình bày trước lớp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

1. Mục tiêu: khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân ở nhà

3. Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày trên giấy của học sinh

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

5. Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

? Tìm và đọc những tác phẩm trữ tình.

- Học thuộc các nội dung ôn tập, trả lời câu hỏi sgk

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Tiết 121: ÔN TẬP VĂN HỌC (Tiếp)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Một số khái niệm thể loại liên quan đến đọc- hiểu văn bản như ca dao, tục ngữ, thơ trữ tình, thơ Đường luật, thơ lục bát, thơ song thất lục bát;

- Sơ giản về thể loại thơ Đường luật.

- Phép tương phản và phép tăng cấp trong nghệ thuật.

- Hệ thống văn bản đã học, nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại ở từng văn bản.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Hệ thống hóa, khái quát hóa kiến thức về các văn bản đã học.

- So sánh, ghi nhớ, học thuộc lòng các văn bản tiêu biểu.

- Đọc- hiểu văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận ngắn.

3. Phẩm chất:

- Tự giác trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học

- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, một số câu tục ngữ cùng chủ đề nhắc học sinh soạn bài

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Soạn bài

- Suu tầm các câu tục ngữ cùng chủ đề

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm
- Sản phẩm hoạt động: kể tên được các tp thơ và văn xuôi đã học theo đúng yêu cầu
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:
 1. Chuyển giao nhiệm vụ
 - Nhiệm vụ: Kể tên các tp thơ và văn xuôi đã học?
 - Phương án thực hiện:
 - + Thực hiện trò chơi; Ai nhanh hơn ai
 - + Luật chơi: Mỗi đội có 5 hs tham gia trong vòng 2 phút 2 đội lần lượt lên bảng thực hiện theo yêu cầu.
 - Thời gian: 2 phút
 - Sản phẩm: Kể tên các tp thơ và văn xuôi đã học
 2. Thực hiện nhiệm vụ:
 - *. Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:
 - + lập đội chơi
 - + chuẩn bị tinh thần thi đấu
 - + thực hiện trò chơi theo đúng luật
 - *. Giáo viên:
 - Tổ chức cho hs chơi trò chơi
 - Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh
 - Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu 2 đội lần lượt trình bày các tp thơ và văn xuôi đã học
 3. Báo cáo kết quả:
 - Học sinh mỗi đội thống kê và báo cáo số lượng các tp thơ và văn xuôi đã học trong thời gian quy định
 4. Nhận xét, đánh giá:
 - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá:
 - + tinh thần, ý thức hoạt động học tập
 - + kết quả làm việc
 - + bổ sung thêm nội dung (nếu cần)
- => Vào bài và chuyển sang hđ 2

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p>HD 1: Hệ thống kiến thức về thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Giúp học sinh + Thuộc những bài thơ, đoạn thơ thuộc phần VHTĐ của VN và hai bài thơ Đường của chủ tịch HCM + Nắm được những giá trị tư tưởng, tình cảm thể hiện trong các bài thơ, đoạn thơ trữ tình VN và Trung Quốc đã được học - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm - Phương thức thực hiện: + Hoạt động cá nhân + Hoạt động nhóm + Hoạt động chung cả lớp - Sản phẩm hoạt động: + nội dung hs trình bày + phiếu học tập của nhóm - Phương án kiểm tra, đánh giá + Học sinh tự đánh giá. + Học sinh đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên đánh giá. - Tiến trình hoạt động: 1. Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu: ? Nhắc lại tên các bài thơ trữ tình đã được học? 	<p>V- Thơ:</p>

<p>?Những giá trị lớn về tư tưởng, tình cảm thể hiện trong các bài thơ, đoạn thơ trữ tình của VN và TQuốc (thơ Đường) đã được học là gì ?</p> <p>?Đọc thuộc lòng các bài thơ, đoạn thơ thuộc phân văn học trung đại của VN, hai bài thơ Đường (thơ dịch, tự chọn), hai bài thơ của C.tịch HCM ?</p> <p>- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: nhớ lại kiến thức đã học và trình bày</p> <p>- Giáo viên: Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>+Các bài thơ đã học:</p> <p>Sông núi nước Nam- Lý Thường Kiệt Phò giá về kinh- Trần Quang Khải Bánh trôi nước- HXH Qua Đèo Ngang- Bà HTQ Bạn đến chơi nhà- Nguyễn Khuyến Cảnh khuya- HCM Rằm tháng giêng- HCM...</p> <p>+ ND tư tưởng:</p> <p>- Lòng yêu nước và tự hào dân tộc. - Ý chí bất khuất, kiên quyết đánh bại mọi quân xâm lược. - Ca ngợi cảnh đẹp th/nh: đêm trăng, cảnh khuya, đèo vắng, thác - Ca ngợi tình bạn chân thành</p> <p>3. Báo cáo kết quả:</p> <p>- Học sinh trình bày miệng ý kiến của</p>	<p>- Các bài thơ trữ tình VN tập trung vào 2 chủ đề là tình thân y.n và tình cảm nhân đạo:</p> <p>+ Nội dung là tình y.nước chống xâm lược, lòng tự hào DT và yêu chuộng cuộc sông thanh bình được thể hiện trong các bài thơ Sông núi nước Nam, Phò giá về Kinh, Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra,...</p> <p>+ Tình cảm nhân đạo còn thể hiện ở tiếng lòng xót xa cho thân phận "bầy nổi ba chìm" mà vẫn giữ vẹn "tấm lòng</p>
---	--

<p>- Giáo viên yêu cầu: - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện</p> <p>?Cả 2 kì các em đc học những tp văn xuôi nào?</p> <p>?Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật chính của các văn bản văn xuôi (trừ văn nghị luận) ?</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: Làm việc cá nhân -> Thảo luận nhóm -> thống nhất ý kiến</p> <p>- Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh khi cần thiết</p> <p>- Dự kiến sản phẩm</p> <p>*Các TP văn xuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổng trường mở ra (Lí Lan) - Mẹ tôi (E. A - mi - xi) - Cuộc chia tay ... (Khánh Hoài) - Một thứ quà của lúa non (Thạch Lam) - Sài gòn tôi yêu (Minh Hương) - Mùa xuân của tôi (Vũ Bằng) - Ca Huế trên sông Hương (Hà Ánh Minh) - Sống chết mặc bay (Phạm Duy Tồn) - Những trò lố... (Nguyễn Ái Quốc) <p>* ND- NT:/sgk</p> <p>3. Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo kết quả - Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu 1 hoặc 2 nhóm lên trình bày kết quả - Học sinh nhóm khác bổ sung <p>4. Đánh giá kết quả:</p>	<p>trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn biểu cảm tâm tình, nhỏ nhẹ và sâu lắng. <p>c- Cuộc chia tay của những con búp bê (Khánh Hoài):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình cảm gia đình là quý báu và quan trọng, hãy cố gắng giữ gìn và bảo vệ hạnh phúc ấy. - Văn tự sự có bố cục rành mạch và hợp lí. <p>e-Sài gòn tôi yêu(Minh Hương):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nét đẹp riêng của người Sài gòn và phong cách cởi mở, bộc trực, chân tình và sống tình nghĩa của người Sài gòn - NT biểu hiện cảm xúc của tác giả qua thể văn tùy bút. <p>h-Ca Huế trên sông Hương (Hà ánh Minh):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp của ca Huế, một hình thức sinh hoạt văn hóa- âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng quý. <p>k-Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (Nguyễn ái Quốc):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vạch trần bộ mặt giả dối và t cách hèn hạ của bọn Thực Dân Pháp, đồng thời ca ngợi nhân cách cao thượng và tấm lòng hi sinh vì dân, vì nước của ngài chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu. - Truyện ngắn được hư cấu tưởng
--	---

<p>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>HD 3: Văn nghị luận</p> <p>-Mục tiêu: Giúp hs nhớ tên các TP văn NL đã học, nắm chắc nội dung nghệ thuật của từng tác phẩm .</p> <p>-Phương pháp: Thuyết trình, thảo luận nhóm</p> <p>Phương pháp: Thảo luận nhóm</p> <p>- Phương thức thực hiện:</p> <p>+ Hoạt động cá nhân</p> <p>+ Hoạt động nhóm</p> <p>+ Hoạt động chung cả lớp</p> <p>- Sản phẩm hoạt động: kể tên các TP văn xuôi đã học và nội dung, nghệ thuật từng TP</p> <p>- Tiến trình:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên yêu cầu: - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện</p> <p>?Cả 2 kì các em đc học những tp văn NL nào?</p> <p>? Dựa vào bà 21(<i>Sự giàu đẹp của Tv</i>), kết hợp với việc học tập TP văn học đã có hãy phát biểu ý kiến về sự giàu đẹp của TV?</p> <p>? ? Dựa vào bài 24 (<i>ý nghĩa văn chương</i>), kết hợp với việc học tập TP văn học đã có, hãy phát biểu những điểm chính về ý nghĩa văn chương (có dẫn chứng kèm theo) ?</p> <p>2.Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>tượng qua giọng văn châm biếm, hóm hỉnh.</p> <p>VII- Văn nghị luận</p>
---	--

<p>- Học sinh: Làm việc cá nhân -> Thảo luận nhóm -> thống nhất ý kiến</p> <p>- Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh khi cần thiết</p> <p>- Dự kiến sản phẩm</p> <p>*Các TP văn NL:</p> <p>Sự giàu đẹp của TV(Đặng Thai Mai)</p> <p>Ý nghĩa văn chương(Hoài Thanh)</p> <p>Đức tính giản dị của BH(PVD)</p> <p>* ND- NT:</p> <p>a - Cái đẹp của Tiếng Việt là sự cân đối, hài hòa về nhịp điệu, về âm hưởng, về thanh điệu</p> <p>- Cái hay của Tiếng Việt được thể hiện ở sự uyển chuyển tế nhị trong cách dùng từ, đặt câu, biểu thị được sự phong phú, sâu sắc t.cảm của con người</p> <p>b - Văn chương gây những t/cảm ta có, luyện những t/cảm ta sẵn có.</p> <p>- Văn chương góp phần thoả mãn nhu cầu về cái đẹp của con người.</p> <p>- Văn chương góp phần giáo dục, tuyên truyền tư tưởng, đạo đức.</p> <p>- Văn chương mang lại những hiểu biết về hiện thực đời sống, con người</p> <p>3. Báo cáo kết quả:</p> <p>- Tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo kết quả</p> <p>- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu 1 hoặc 2 nhóm lên trình bày kết quả</p> <p>- Học sinh nhóm khác bổ sung</p> <p>4. Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung</p>	<p>a-Sự giàu đẹp của tiếng Việt (Đặng Thai Mai)</p> <p>Cái đẹp của Tiếng Việt là sự cân đối, hài hòa về nhịp điệu, về âm hưởng, về thanh điệu: "MN là máu của VN, thịt của VN. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí đó không bao giờ thay đổi" (HCM).</p> <p>Cái hay của Tiếng Việt được thể hiện ở sự uyển chuyển tế nhị trong cách dùng từ, đặt câu, biểu thị được sự phong phú, sâu sắc t.cảm của con người Tóm lại, cái hay và cái đẹp của Tiếng Việt là biểu thị sự hùng hồn sức sống mãnh liệt của DT VN.</p> <p>b-Ynghĩa văn chương (Hoài Thanh): ý nghĩa văn chương là "hình dung sự sống, hoặc sáng tạo ra sự sống". Nguồn gốc của văn chương "cũng là giúp cho t.cảm và gọi lên lòng vị tha". Nghĩa là văn học có chức năng phản ánh hiện thực, nâng cao nhận thức, giúp người đọc "hình dung sự sống muôn hình vạn trạng" đó là điều kì diệu của văn thơ.</p> <p>Văn chương "gây cho ta những tình cảm ta không có luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có ". Ví như thương người, yêu q.hg, say mê học tập, lao động, mơ ước vươn tới chân trời bao</p>
--	--

- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

HD 4: Tác dụng của việc học Ngữ văn

Mục tiêu: Giúp hs thấy được tác dụng của việc học môn Ngữ văn theo hướng tích hợp.

Phương pháp: Thuyết trình, thảo luận nhóm

Phương pháp: Thảo luận nhóm

- Phương thức thực hiện:

+ Hoạt động cá nhân

+ Hoạt động nhóm

+ Hoạt động chung cả lớp

- Sản phẩm hoạt động: tác dụng của việc học Ngữ văn theo hướng tích hợp

- Tiến trình:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu:

- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện

? Việc học phân tiếng Việt và TLV theo hướng tích hợp trong Chương

la... Những tình cảm ấy là do cuộc sống và văn chương bồi đắp cho tâm hồn.

Văn chương còn làm cho cuộc đời thêm đẹp, thêm phong phú hơn nh tác giả đã viết: "Cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn chương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến trăm nghìn lần". Ví dụ: "Tôi yêu non xanh, núi tím, tôi yêu đôi mày ai nh trắng mới in ngân và tôi cũng xây mộng ớc mơ, nhng tôi yêu nhất mùa xuân" (Vũ Bằng)

VIII- Tác dụng của việc học Ngữ văn 7 theo hướng tích hợp:

trình Ngữ văn lớp 7 đã có ích lợi gì cho việc học phần văn ?

?Yêu cầu hs lấy được dẫn chứng từ vb đã học để minh hoạ?

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Làm việc cá nhân -> Thảo luận nhóm -> thống nhất ý kiến

- Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh khi cần thiết

3. Báo cáo kết quả:

- Tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo kết quả

- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu 1 hoặc 2 nhóm lên trình bày kết quả

- Học sinh nhóm khác bổ sung

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

HĐ 5: Đọc bảng tra cứu các yếu tố

HV:

Mục tiêu: Giúp hs biết đọc bảng tra cứu các yếu tố Hán Việt. Từ đó biết đúng nghĩa của từ Hv vận dụng tạo lập văn bản.

Phương pháp: Thuyết trình, thảo luận nhóm

Phương pháp: Thảo luận nhóm

- Phương thức thực hiện:

+ Hoạt động cá nhân

+ Hoạt động nhóm

+ Hoạt động chung cả lớp

- Sản phẩm hoạt động: Đọc bảng tra cứu các yt HV

- Tích hợp là sát nhập 3 phân môn: Văn- tiếng Việt- TLV vào một chỉnh thể là Ngữ văn. Từ đó mỗi bài học được thực hiện gọn trong một tuần.

- Chương trình Ngữ văn 7 đã tạo ra sự thuận lợi cho việc học phần văn.

IX. Đọc bảng tra cứu các yếu tố HV:

<p>- Tiến trình:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên yêu cầu:</p> <p>- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện</p> <p>? Đọc kĩ nhiều lần bảng tra cứu các yếu tố HV ở cuối sách Ngữ văn 7, tập II.</p> <p>Ghi vào sổ tay những từ (mở rộng) khó hiểu và tập tra nghĩa trong từ điển ?</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: Làm việc cá nhân -> Thảo luận nhóm -> thống nhất ý kiến</p> <p>- Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh khi cần thiết</p> <p>3. Báo cáo kết quả:</p> <p>- Tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo kết quả</p> <p>- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu 1 hoặc 2 nhóm lên trình bày kết quả</p> <p>- Học sinh nhóm khác bổ sung</p> <p>4. Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức</p>	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã ôn tập ở phần bài học.
- Phương thức thực hiện: hđ cá nhân, hđ nhóm
- Sản phẩm hoạt động: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện hệ thống hóa các VB đã học.
- Tiến trình:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu:
- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện
- Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện hệ thống hóa các VB đã học.

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Làm việc cá nhân -> Thảo luận nhóm -> thống nhất ý kiến

- Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh khi cần thiết

3. Báo cáo kết quả:

- Tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo kết quả

- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu 1 hoặc 2 nhóm lên trình bày kết quả

- Học sinh nhóm khác bổ sung

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu: hs vận dụng kt đã học vận dụng vào thực tế cuộc sống để học tập và phát huy

- Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

- Sản phẩm hoạt động: Viết ra giấy rồi trình bày bằng miệng của học sinh

- Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

- Tiến trình hoạt động

+Gv nêu nhiệm vụ, HS tiếp nhận nv

1. Qua văn bản “Tinh thần...” em cần làm gì để giữ gìn và phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân ta?

2. Qua bài văn “Đức tính...” em hiểu gì về đức tính giản dị và ý nghĩa của nó trong đời sống? Qua VB, em đã và đang học tập điều gì ở Bác?

+Hs trình bày – hs khác bổ sung

+Gv bổ sung thêm

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Mục tiêu: khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá

- Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân ở nhà

- Sản phẩm hoạt động: Phân trình bày trên giấy của học sinh

- Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

- Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

- Kể tên một số văn bản nghị luận xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

HS tiếp nhận nhiệm vụ về nhà thực hiện

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....
.....

Bài 30-Tiết . DẤU GẠCH NGANG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Công dụng của dấu gạch ngang trong văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Phân biệt dấu gạch ngang với dấu gạch nối.
- Sử dụng dấu gạch ngang trong tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, một số câu tục ngữ cùng chủ đề nhắc học sinh soạn bài

2. Chuẩn bị của học sinh: Soạn bài

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi
- Sản phẩm hoạt động: Chỉ ra được dấu gạch ngang trong vd
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
+ Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi

- + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:
 1. Chuyển giao nhiệm vụ
 - GV nêu câu hỏi
 - ? Trong quá trình tạo lập văn bản em đã và đang sử dụng những dấu câu nào ?
 - Cho 2 câu sau, hãy chỉ ra sự khác nhau trong việc sử dụng dấu câu? Tác dụng?
 - + Lan học rất giỏi.
 - + Lan- học sinh lớp 7A học rất giỏi.
 - Phương án thực hiện: Thảo luận cặp đôi
 - Thời gian: 2 phút
 - Sản phẩm: Khác nhau ở việc sử dụng dấu gạch ngang ở câu 2
- 2. Thực hiện nhiệm vụ:
 - *. Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ
 - HD cá nhân sau đó hđ cặp đôi
 - *. Giáo viên:
 - Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh
 - Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu hs trao đổi thảo luận cặp đôi
- 3. Báo cáo kết quả: Đại diện báo cáo kq
- 4. Nhận xét, đánh giá:
 - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá:
 - + tinh thần, ý thức hoạt động học tập
 - + kết quả làm việc
 - + bổ sung thêm nội dung (nếu cần)

=> Vào bài và chuyển sang hđ 2

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
HD1: Tìm hiểu công dụng của dấu gạch ngang -Mục tiêu: HS nhận biết được dấu gạch ngang và công dụng của nó -Phương pháp: đọc, hoạt động nhóm, chung cả lớp -Phương thức thực hiện :	I. Công dụng của dấu gạch ngang: 1.Ví dụ 1:

+HD cá nhân, hđ nhóm ,hđ chung cả lớp.

- Sản phẩm hoạt động: nội dung hs trình bày ,phiếu học tập .

- Phương án đánh giá: hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,

- Tiến trình thực hiện:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv gọi Hs đọc VD Sgk, chú ý dấu gạch ngang ? Hãy thảo luận cặp đôi với bạn và lựa chọn câu trả lời đúng:

? Trong mỗi câu sau, dấu gạch ngang dùng để làm gì?

? - Qua các ví dụ trên, em thấy dấu gạch ngang có những công dụng gì ?

2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau

Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi

- Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.

3. Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

Cách thực hiện: giáo viên yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm ,2 cặp nhận xét , bổ sung.

- HS trả lời: Dấu gạch ngang dùng để:

a- Đánh dấu bộ phận giải thích.

b- Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

c- Được dùng để liệt kê.

d- Dùng để nối các bộ phận trong liên danh.

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá

- Gv chốt giảng

2. Nhận xét:

a- Đánh dấu bộ phận giải thích.

b- Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

c- Được dùng để liệt kê.

d- Dùng để nối các bộ phận trong liên danh.

<p>-HS trả lời -GV y/c các em đọc ghi nhớ Sgk, lấy ví dụ. HS đọc ghi nhớ (sgk 130)</p> <p>HD2.Phân biệt dấu gạch ngang với dấu gạch nối.</p> <p>-Mục tiêu: HS phân biệt được dấu gạch ngang và dấu gạch nối</p> <p>-Phương pháp: đọc, hoạt động nhóm, chung cả lớp</p> <p>-Phương thức thực hiện :</p> <p>+HD cá nhân,hđ nhóm ,hđ chung cả lớp.</p> <p>-Sản phẩm hoạt động:nội dung hs trình bày ,phiếu học tập .</p> <p>-Phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,</p> <p>-Tiến trình thực hiện:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-Gv gọi Hs đọc VD Sgk, chú ý dấu gạch nối trong từ Va- ren? ? Hãy thảo luận cặp đôi với bạn và lựa chọn câu trả lời đúng:</p> <p>- Trong ví dụ (d) ở mục I, dấu gạch nối giữa các tiếng trong từ Va-ren được dùng để làm gì ?</p> <p>- Cách viết dấu gạch nối có gì khác với dấu gạch ngang ?</p> <p>- Qua tìm hiểu ví dụ, em thấy dấu gạch nối khác với dấu gạch ngang ở chỗ nào?</p> <p>2.Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>-HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi</p>	<p>3.Ghi nhớ 1: sgk (130).</p> <p>II.Phân biệt dấu gạch ngang với dấu gạch nối</p> <p><i>1.VD</i></p>
--	---

<p>-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.</p> <p>Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm ,2 cặp nhận xét , bổ sung.</p> <p>-HS trả lời: Dấu gạch nối ngắn hơn dấu gạch ngang</p> <p>4.Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung. -GV nhận xét,đánh giá -Gv chốt giảng -HS trả lời -GV y/c các em đọc ghi nhớ Sgk, lấy ví dụ. <p>HS đọc ghi nhớ (sgk 130)</p>	<p>2. Nhận xét:</p> <p>d- Va-ren: Dấu gạch nối được dùng để nối các tiếng trong tên riêng nước ngoài.</p> <p>- Cách viết: Dấu gạch nối được viết ngắn hơn dấu gạch ngang.</p> <p>3. Ghi nhớ : sgk (130).</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

<p><u>HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP</u></p> <p>-Mục tiêu: vận dụng kiến thức về dấu gạch ngang để làm các bt</p> <p>-Phương pháp: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm phương thức thực hiện :</p> <p>+HD cá nhân,hđ nhóm ,hđ chung cả lớp.</p> <p>-Sản phẩm hoạt động:nội dung hs trình bày ,phiếu học tập .</p> <p>-Phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,</p> <p>-Tiến trình thực hiện:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hs đọc các đ.v. -Nêu rõ công dụng của dấu gạch ngang trong các câu vừa đọc? <p>(Mỗi nhóm 1 ý-chia lớp 4 nhóm)</p>	<p>III-Luyện tập:</p> <p>1.Bài 1/130</p>
--	---

<p>2.Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi -Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả. Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm ,2 nhóm khác nhận xét , bổ sung.</p> <p>4.Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung. -GV nhận xét,đánh giá -GV chốt</p> <p>Bài 2:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ -Hs đọc đv. -Nêu rõ công dụng của dấu gạch nối trong các câu vừa đọc?</p> <p>2.Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi -Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả. Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm ,2 nhóm khác nhận xét , bổ sung.</p> <p>4.Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.</p>	<p>a,b-Dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích c-Dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật và bộ phận chú thích, giải thích d,e - Dùng để nối các bộ phận trong một liên danh</p> <p><i>2.Bài 2/131</i></p> <p>-Dấu gạch nối dùng để nối các tiếng trong tên riêng của nước ngoài</p>
---	--

<p>-GV nhận xét,đánh giá -GV chốt</p> <p>Bài 3</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-Hs đọc xác định yêu cầu bt</p> <p>- Đặt câu có dùng dấu gạch ngang:</p> <p>a. Nói về một nhân vật trong vở chèo Quan âm Thị Kính ?</p> <p>b. Nói về cuộc gặp mặt của đại diện hs cả nước ? (Mỗi nhóm 1 câu-chia lớp 4 nhóm)</p> <p>2.Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau</p> <p>Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn trong nhóm</p> <p>-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.</p> <p>Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm ,2 nhóm khác nhận xét , bổ sung.</p> <p>4.Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.</p> <p>-GV nhận xét,đánh giá -GV chốt</p>	<p>3.Bài 3/131</p>
---	--------------------

D.Hoạt động vận dụng

- Mục tiêu:hs vận dụng kiến thức đã học về dấu gạch ngang để viết đoạn văn .
- Phương pháp: hoạt động cá nhân
- Sản phẩm: đoạn văn.
- phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,
- Tiến trình thực hiện:
- 1.GV giao nhiệm vụ:**

? Viết đ.v ngắn khoảng 5-7 câu với chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng dấu gạch ngang?

2.Thực hiện nhiệm vụ

-HS làm việc cá nhân (1 em viết vào bảng).... .

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.

-Hs nhận xét ,bổ sung

GV nhận xét ,đánh giá.

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.

-GV nhận xét,đánh giá,cho điểm.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

-Mục tiêu:hs vận dụng kiến thức đã học về dấu gạch ngang để tìm đoạn văn .

-Phương pháp: hoạt động: cá nhân

-Sản phẩm: đoạn văn.

-Phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,

-Tiến trình thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ :HS thực hiện ở nhà

-Tìm 1 số đoạn văn,có sử dụng dấu gạch ngang

2.Thực hiện nhiệm vụ

-HS làm việc cá nhân ở nhà.

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả vào tiết học hôm sau.

4.Đánh giá kết quả

D- RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....

Bài 30-Tiết

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1.Kiến thức:

- Các dấu câu.

- Các kiểu câu đơn.

- Các dấu câu.

- Các kiểu câu đơn.
- Các phép biến đổi câu.
- Các phép tu từ cú pháp.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Xác định được các loại dấu câu.
- Nắm được công dụng của từng loại dấu câu.
- Phân biệt được các kiểu câu đơn.
- Sử dụng đúng dấu câu và các kiểu câu đơn trong giao tiếp và tạo lập văn bản.
- Lập sơ đồ hệ thống hóa kiến thức.
- Lập sơ đồ hệ thống hóa kiến thức về các phép biến đổi câu và các phép tu từ cú pháp.

3. Phẩm chất:

- Có tinh thần trách nhiệm cao, ý thức trong việc tự ôn tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Soạn bài

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi
- Sản phẩm hoạt động:
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
- + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
- + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:
- 1. Chuyển giao nhiệm vụ
- GV cho hs chơi trò chơi:Đặt câu theo mục đích nói
- +Cách chơi: chia lớp thành 4 nhóm

+ Câu hỏi: Cho 2 từ: đến, bạn. Hãy thêm hoặc bớt từ để tạo thành 4 câu theo mục đích khác nhau: Câu nghi vấn, câu khiến, trần thuật, cảm thán.

- Ghi nhanh công dụng của các dấu câu đã học ở 17.

2. Thực hiện nhiệm vụ:

*. Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

 HĐ cá nhân sau đó hđ cặp đôi

*. Giáo viên:

- Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh

- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu hs trao đổi thảo luận cặp đôi

3. Báo cáo kết quả: Đại diện báo cáo kq

4. Nhận xét, đánh giá:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá:

+ tinh thần, ý thức hoạt động học tập

+ kết quả làm việc

+ bổ sung thêm nội dung (nếu cần)

 => Vào bài và chuyển sang hđ 2

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức
<p>HĐ1: Các kiểu câu đơn</p> <p>- Mục tiêu: Hệ thống hóa các kiểu câu đơn đã học.</p> <p>- Phương pháp: đọc, hoạt động nhóm, chung cả lớp</p> <p>- Phương thức thực hiện :</p> <p>+ HĐ cá nhân, hđ nhóm, hđ chung cả lớp.</p> <p>- Sản phẩm hoạt động: nội dung hs trình bày, phiếu học tập.</p> <p>- Phương án đánh giá: hs tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau, gv đánh giá,</p> <p>- Tiến trình thực hiện:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Dựa vào mô hình trong sgk, câu đơn</p>	<p>I- Các kiểu câu đơn: có 2 cách phân loại câu.</p>

<p>xúc</p> <p>VD: Ôi, bông hoa này đẹp quá !</p> <p>4.Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung. -GV nhận xét,đánh giá -Gvchốt giảng -HS trả lời <p>HĐ2:Phân loại câu chia theo cấu tạo ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> -Mục tiêu: Hệ thống hóa các kiểu câu chia theo cấu tạo ngữ pháp đã học. -Phương pháp: đọc, hoạt động nhóm, chung cả lớp -Phương thức thực hiện : +HĐ cá nhân,hđ nhóm ,hđ chung cả lớp. -Sản phẩm hoạt động:nội dung hs trình bày ,phiếu học tập . -Phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá , -Tiến trình thực hiện: <p>1. Chuyên giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào mô hình trong SGK, câu chia theo cấu tạo ngữ pháp được phân loại như thế nào ?Cho ví dụ ? <p>2.Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau <p>Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần. <p>3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh</p>	<p><i>2- Phân loại câu theo cấu tạo: có 2 loại.</i></p>
---	---

<p>trình bày, báo cáo kết quả.</p> <p>Cách thực hiện: giáo viên yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm, 2 cặp nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Dựa vào mô hình trong sgk, câu đơn được phân loại như thế nào ?</p> <p>- HS trả lời: ? Câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp gồm có những kiểu câu nào ? Cho ví dụ?</p> <p>→ Gồm 2 kiểu câu: Câu bình thường và câu đặc biệt</p> <p>? Nêu cấu tạo của từng kiểu câu?</p> <p>a- Câu bình thường: là câu có cấu tạo theo mô hình C-V.</p> <p>VD: Hôm qua lớp tôi đi lao động.</p> <p>b- Câu đặc biệt: là loại câu không có cấu tạo theo mô hình C-V.</p> <p>a- Câu bình thường: là câu có cấu tạo theo mô hình C-V.</p> <p>VD: Hôm qua lớp tôi đi lao động.</p> <p>b- Câu đặc biệt: là loại câu không có cấu tạo theo mô hình C-V.</p> <p>VD: Mưa.</p> <p>→ Câu nghi vấn là câu dùng để hỏi về người, về việc, về vật.</p> <p>HD3: Các dấu câu</p> <p>- Mục tiêu: Củng cố, hệ thống hóa các dấu câu đã học.</p> <p>- Phương pháp: đọc, hoạt động nhóm, chung cả lớp</p> <p>- Phương thức thực hiện :</p> <p>+ HĐ cá nhân, hđ nhóm, hđ chung cả lớp.</p>	<p>a- Câu bình thường: là câu có cấu tạo theo mô hình C-V.</p> <p>VD: Hôm qua lớp tôi đi lao động.</p> <p>b- Câu đặc biệt: là loại câu không có cấu tạo theo mô hình C-V.</p> <p>VD: Mưa.</p> <p>II- Các dấu câu :</p>
--	---

<p>- Sản phẩm hoạt động: nội dung hs trình bày, phiếu học tập.</p> <p>- Phương án đánh giá: hs tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau, gv đánh giá,</p> <p>- Tiến trình thực hiện:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ, yêu cầu HS thực hiện theo y/c</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau Học sinh : làm việc cá nhân -> trao đổi với bạn cặp đôi - Giáo viên quan sát, động viên, hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3. Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả. Cách thực hiện: giáo viên yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm, 2 cặp nhận xét, bổ sung. - HS trả lời: - Em đã được học những dấu câu nào? Nêu công dụng của từng dấu câu?</p> <p>1- Dấu chấm: - Dấu chấm thường đặt ở cuối câu trần thuật, dấu chấm hỏi đặt dưới câu nghi vấn, dấu chấm than đặt cuối câu cầu khiến và câu cảm thán.</p> <p>2- Dấu phẩy: dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của câu: - Giữa các thành phần phụ của câu với CN và VN. - Giữa các từ ngữ có chức vụ trong câu - Giữa 1 từ ngữ với bộ phận chú thích của câu. - Giữa các vế của một câu ghép.</p> <p>3- Dấu chấm phẩy: dùng để đánh dấu ranh giới giữa các vế của 1 câu ghép có</p>	<p>1- Dấu chấm: - Dấu chấm thường đặt ở cuối câu trần thuật, dấu chấm hỏi đặt dưới câu nghi vấn, dấu chấm than đặt cuối câu cầu khiến và câu cảm thán.</p> <p>2- Dấu phẩy: dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của câu: - Giữa các thành phần phụ của câu với CN và VN. - Giữa các từ ngữ có chức vụ trong câu - Giữa 1 từ ngữ với bộ phận chú thích của câu. - Giữa các vế của một câu ghép.</p> <p>3- Dấu chấm phẩy: dùng để đánh dấu ranh giới giữa các vế của 1 câu ghép có</p>
---	--

<p>CN và VN.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữa các từ ngữ có chức vụ trong câu - Giữa 1 từ ngữ với bộ phận chú thích của câu. - Giữa các vế của một câu ghép. <p>3- Dấu chấm phẩy: dùng để đánh dấu ranh giới giữa các vế của 1 câu ghép có cấu tạo phức tạp.</p> <p>4- Dấu chấm lửng: dùng để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự cha liệt kê hết. - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng. - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị xuất hiện của 1 từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm. <p>5- Dấu gạch ngang: dùng để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu. - Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê. - Nối các từ nằm trong 1 liên danh <p>- Gv lưu ý: Nhưng có lúc người ta dùng dấu chấm ở cuối câu cầu khiến, đặt các dấu chấm hỏi, dấu chấm than trong ngoặc đơn vào sau 1 ý hay 1 từ ngữ nhất định để biểu thị thái độ nghi ngờ hoặc châm biếm đối với ý đó hay nội dung của từ ngữ, cụm từ hoặc câu đó.</p>	<p>cấu tạo phức tạp.</p> <p>4- Dấu chấm lửng: dùng để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự cha liệt kê hết. - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng. - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị xuất hiện của 1 từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm. <p>5- Dấu gạch ngang: dùng để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu. - Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê. - Nối các từ nằm trong 1 liên danh.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Hoạt động luyện tập

-Mục tiêu: vận dụng kiến thức câu và dấu câu để vẽ sơ đồ hệ thống kiến thức về câu và dấu câu

-Phương pháp: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm phương thức thực hiện :

+HD cá nhân,hđ nhóm ,hđ chung cả lớp.

-Sản phẩm hoạt động:nội dung hs trình bày ,phiếu học tập .

-Phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,

-Tiến trình thực hiện:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu hs vẽ sơ đồ

2.Thực hiện nhiệm vụ

HS tiếp thu yêu cầu và thực hiện

HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau

Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn trong nhóm

-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.

Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm ,2 nhóm khác nhận xét , bổ sung.

? Vẽ sơ đồ tư duy cho các kiểu câu và dấu câu theo sơ đồ câm

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.

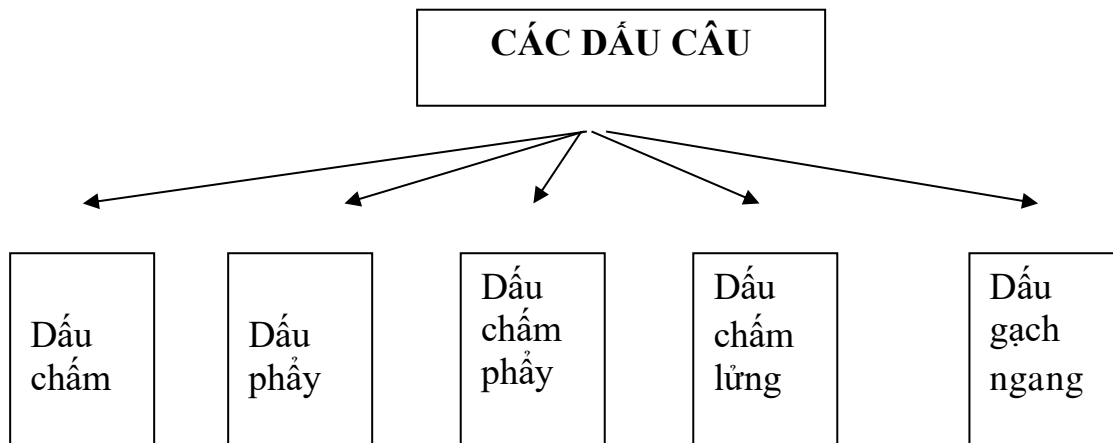
-GV nhận xét,đánh giá

-GV chốt

III-Luyện tập:

? Vẽ sơ đồ tư duy cho các kiểu câu đơn,các dấu câu

Vẽ sơ đồ tư duy cho các kiểu câu đơn,các dấu câu



HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức câu và dấu câu để vẽ sơ đồ hệ thống kiến thức về câu và dấu câu

--Phương pháp: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm phương thức thực hiện :

+HĐ cá nhân,hđ nhóm ,hđ chung cả lớp.

-Sản phẩm hoạt động:nội dung hs trình bày ,phiếu học tập .

-Phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,

-Tiến trình thực hiện:

1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết đv với chủ đề tự chọn, trong đó có câu dùng

a.Dấu gạch ngang

b.Dấu chấm lửng

c. Dấu chấm phẩy

2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau
- Học sinh : làm việc cá nhân -> trao đổi với bạn trong nhóm
- Giáo viên quan sát , động viên , hỗ trợ khi học sinh cần.

3. Báo cáo kết quả:

- Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.
- Cách thực hiện: giáo viên yêu cầu 2 đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm , 2 nhóm khác nhận xét , bổ sung.

4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét , đánh giá , bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá
- GV ct kt

IV. RÚT KINH NGHIỆM :

.....
.....
.....

Bài 30-Tiết 124. Văn bản báo cáo

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đặc điểm của văn bản báo cáo: hoàn cảnh, mục đích, yêu cầu, nội dung và cách làm loại văn bản này.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết văn bản đề nghị, văn bản báo cáo.
- Viết văn bản đề nghị, văn bản báo cáo đúng cách.
- Nhận ra được những sai sót thường gặp khi viết văn bản báo cáo.
- Giao tiếp hiệu quả bằng văn bản báo cáo phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức trách nhiệm học hỏi, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: ôn học và chuẩn bị bài.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi
- Sản phẩm hoạt động:
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:
 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV Đặt câu hỏi:

- Trong các trường hợp dưới đây, trường hợp nào cần phải viết VB báo cáo?
 1. Viết thư cho người thân báo cáo về tình hình học tập của em
 2. Thông báo với các bạn về tình hình của lớp
 3. Đề đạt nguyện vọng gửi thầy hiệu trưởng
 4. Viết VB gửi BGH về tình hình của lớp
- +GV: chia lớp thành 4 nhóm, tương ứng với 4 câu hỏi, mỗi nhóm trả lời 1 câu

2. Thực hiện nhiệm vụ:

- *. Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ
HD cá nhân sau đó hđ cặp đôi
- *. Giáo viên:
 - Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh
 - Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu hs trao đổi thảo luận cặp đôi
- 3. Báo cáo kết quả: Đại diện báo cáo kq
- 4. Nhận xét, đánh giá:
 - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá:
 - + tinh thần, ý thức hoạt động học tập
 - + kết quả làm việc
 - + bổ sung thêm nội dung (nếu cần)

<p>nhau</p> <p>Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi</p> <p>-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.</p> <p>Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm ,2 cặp nhận xét , bổ sung.</p> <p>- Về hình thức trình bày: Trang trọng, rõ ràng, và sáng sủa theo một số mục yêu cầu của báo cáo.</p> <p>- Về nội dung: Không nhất thiết phải trình bày đầy đủ, tất cả.</p> <p>Lưu ý :Chỉ cần nêu: Báo cáo của ai ? Báo cáo với ai ? Báo cáo về việc gì ? Kết quả như thế nào ?</p> <p>4.Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.</p> <p>-GV nhận xét,đánh giá</p> <p>-Gvchốt giảng</p> <p>-HS chú ý</p> <p>GV: Chốt ND để dẫn dắt HS tìm hiểu ghi nhớ *1 sgk/136</p> <p>HD2.Cách làm văn bản báo cáo.</p> <p>-Mục tiêu: HS nhận biết được cách làm văn bản báo cáo.</p> <p>-Phương pháp: đọc, hoạt động nhóm, chung cả lớp</p> <p>-Phương thức thực hiện :</p>	<p>- Về hình thức trình bày: Trang trọng, rõ ràng, và sáng sủa theo một số mục yêu cầu của báo cáo.</p> <p>- Về nội dung: Không nhất thiết phải trình bày đầy đủ, tất cả. Chỉ cần nêu: Báo cáo của ai ? Báo cáo với ai ? Báo cáo về việc gì ? Kết quả như thế nào ?</p> <p>II- Cách làm văn bản báo cáo:</p> <p>1- Tìm hiểu cách làm văn bản báo cáo:</p>
--	---

<p>+HD cá nhân, hđ nhóm ,hđ chung cả lớp.</p> <p>- Sản phẩm hoạt động: nội dung hs trình bày ,phiếu học tập .</p> <p>- Phương án đánh giá: hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,</p> <p>- Tiến trình thực hiện:</p> <p>1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: đưa ra 1 số trường hợp và yêu cầu HS phân biệt.</p> <p>- Em đã viết báo cáo lần nào chưa ? Hãy dẫn ra một số trường hợp cần viết báo cáo trong sinh hoạt và trong học tập ở trường, ở lớp em ? (Lớp trưởng viết báo cáo kết quả buổi lao động trồng cây sau tết của lớp cho thầy cô chủ nhiệm, báo cáo kết quả tham gia hoạt động chào mừng ngày 26.3 của lớp cho thầy cô chủ nhiệm).</p> <p>- Trong các tình huống (sgk), tình huống nào cần phải viết báo cáo ? (Tình huống a: Viết văn bản đề nghị, b: văn bản báo cáo, c: Viết đơn xin nhập học).</p> <p>- Các mục trong văn bản báo cáo được trình bày theo thứ tự nào ?</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận, trình bày, nhận xét lẫn nhau</p> <p>Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi</p> <p>-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3. Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh</p>	<p>*Thứ tự trình bày:</p> <p>- Quốc hiệu.</p> <p>- Địa điểm, ngày, tháng, năm viết báo cáo.</p> <p>- Tên văn bản: Báo cáo về...</p> <p>- Nơi nhận: Kính gửi, đồng kính gửi.</p> <p>- Lí do, diễn biến, kết quả.</p> <p>- Kí tên, ghi rõ họ tên, chức vụ.</p> <p>*So sánh 2 văn bản trên:</p> <p>- Giống: về cách trình bày các mục.</p>
--	---

<p>trình bày, báo cáo kết quả.</p> <p>Cách thực hiện: giáo viên yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm, 2 cặp nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Các mục trong văn bản báo cáo được trình bày theo thứ tự nào?</p> <p>GV: HD hs nghiên cứu SGK/135.</p> <p>HS hoạt động cá nhân sau đó trao đổi với bạn theo nội dung SGK.</p> <p>Khi viết VB báo cáo cần lưu ý điều gì?</p> <p>- Hai văn bản trên có những điểm gì giống nhau và khác nhau?</p> <p>- Từ 2 văn bản trên, em hãy rút ra cách làm một văn bản báo cáo?</p> <p>- Hs đọc sgk mục 2,3.</p> <p>- Gv: Báo cáo là loại văn bản khá thông dụng trong đời sống hằng ngày. Có các loại báo cáo định kì (tuần, tháng, quý, nửa năm, một năm,...) và báo cáo đột xuất về các vụ việc, sự kiện xảy ra ngoài ý muốn chủ quan của con người như bão, lụt, cháy, tai nạn giao thông,...</p> <p>HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết được dấu gạch ngang và công dụng của nó</p> <p>- Phương pháp: đọc, hoạt động nhóm, chung cả lớp</p> <p>- Phương thức thực hiện:</p> <p>+ HD cá nhân, hđ nhóm, hđ chung cả lớp.</p> <p>- Sản phẩm hoạt động: nội dung hs trình bày, phiếu học tập.</p>	<p>- Khác: ở nội dung cụ thể.</p> <p>* Ghi nhớ: sgk (136)</p> <p>2-Dàn mục văn bản <i>báo cáo</i>: sgk (135).</p> <p>3-Lưu ý: sgk (135).</p> <p>III-Luyện tập:</p> <p>1- Bài 1 (136):</p>
--	---

<p>-Phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,</p> <p>-Tiến trình thực hiện:</p> <p>1. Chuyên giao nhiệm vụ</p> <p>-Gv gọi Hs đọc yêu cầu BT 1,2 Sgk,</p> <p>2.Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>-HS thảo luận, tình bày, nhận xét lẫn nhau</p> <p>Học sinh :làm việc cá nhân ->trao đổi với bạn cặp đôi</p> <p>-Giáo viên quan sát ,động viên ,hỗ trợ khi học sinh cần.</p> <p>3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.</p> <p>Cách thực hiện:giáo viên yêu cầu 2 cặp đôi lên trình bày sản phẩm ,2 cặp nhận xét , bổ sung.</p> <p>4.Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.</p> <p>-GV nhận xét,đánh giá</p> <p>-Gvchốt giảng</p> <p>-HS trả lời</p> <p>- Suu tầm và giới thiệu trước lớp một văn bản báo cáo nào đó (chỉ ra các nội dung, hình thức, phần, mục) được trình bày trong đó ?</p> <p>- Nêu và phân tích những lỗi cần tránh khi viết văn bản ?</p>	<p>2- Bài 2 (sgk136):</p>
---	----------------------------------

D.Hoạt động vận dụng

- Mục tiêu:hs vận dụng kiến thức đã học về dấu gạch ngang để viết đoạn văn .
- Phương pháp: hoạt động cá nhân
- Sản phẩm: đoạn văn.
- phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,
- Tiến trình thực hiện:

-1.GV giao nhiệm vụ:

? Viết VB báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ trồng cây mùa xuân của lớp em (báo cáo với cô tổng phụ trách đội)?

2.Thực hiện nhiệm vụ

-HS làm việc cá nhân (1 em viết vào bảng).... .

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả.

-Hs nhận xét ,bổ sung

GV nhận xét ,đánh giá.

4.Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét ,đánh giá ,bổ sung.

-GV nhận xét,đánh giá,cho điểm.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

-Mục tiêu:hs vận dụng kiến thức đã học về văn bản báo cáo .

-Phương pháp: hoạt động: cá nhân

-Sản phẩm: đoạn văn.

-Phương án đánh giá:hs tự đánh giá ,đánh giá lẫn nhau ,gv đánh giá ,

-Tiến trình thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ :HS thực hiện ở nhà

-Viết 1 số văn bản báo cáo về việc kiểm tra sách vở và đồ dùng học tập của lớp em.(báo cáo với cô chủ nhiệm)

2.Thực hiện nhiệm vụ

-HS làm việc cá nhân ở nhà.

3.Báo cáo kết quả: Tổ chức học sinh trình bày,báo cáo kết quả vào tiết học hôm sau.

4.Đánh giá kết quả

D- RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....

Bài 31. Tiết :

LUYỆN TẬP VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ VÀ BÁO CÁO

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Tình huống viết văn bản đề nghị và văn bản báo cáo.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Viết một văn bản đề nghị và báo cáo đúng quy cách.
- Biết phân biệt văn bản đề nghị, báo cáo và các văn bản khác.
- Phân tích, bình luận và đưa ra ý kiến cá nhân về đặc điểm, tầm quan trọng của văn bản báo cáo. Giao tiếp, ứng xử với người khác hiệu quả bằng văn bản báo cáo, văn bản đề nghị.

3. Phẩm chất:

Chăm chỉ, có ý thức trách nhiệm trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
 - Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: 5p

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS luyện tập văn đề nghị và báo cáo.

2. Phương thức thực hiện:

- *Hoạt động cặp đôi*

3. Sản phẩm hoạt động

- *Trình bày miệng*

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- *Học sinh đánh giá.*

- *Giáo viên đánh giá.*

5. Tiến trình hoạt động:

**GV chuyển giao nhiệm vụ:*

- Trong các trường hợp dưới đây, trường hợp nào cần phải viết VB báo cáo, đề nghị?

1/ Thông báo với các bạn về tình hình của lớp

2/ Đề đạt nguyện vọng gửi thầy Hiệu trưởng

3/ Viết thư cho người thân báo cáo tình hình học tập của em

<p>?Nội dung văn bản đề nghị và văn bản báo cáo có gì khác nhau ?</p>	<p>trình bày những việc đã làm và chưa làm được của một cá nhân hay tập thể cho cấp trên biết. 2-Điểm khác nhau về nội dung văn bản đề nghị và văn bản báo cáo: - Văn bản đề nghị: nêu lên những dự tính, những nguyện vọng của cá nhân hay tập thể cần được cấp trên xem xét, giải quyết. Đây là những điều chưa thực hiện. - Văn bản báo cáo: nêu lên những sự kiện, sự việc đã xảy ra, có diễn biến từ mở đầu đến kết thúc hoặc chưa làm được cho cấp trên biết. Đây là những điều đã xảy ra.</p>
<p>? Hình thức trình bày của văn bản đề nghị và văn bản báo cáo có gì giống nhau và khác nhau ?</p>	<p>3- Điểm giống nhau và khác nhau về hình thức trình bày của văn bản đề nghị và văn bản báo cáo: - Giống: Trình bày trang trọng, rõ ràng, theo một số mục qui định sẵn. - Khác:</p>
<p>?Cả hai loại văn bản khi viết cần tránh những sai sót gì ? Những mục nào cần chú ý trong mỗi loại văn bản ?</p>	<p>+Văn bản đề nghị phải có các mục chủ yếu: Ai đề nghị ? Đề nghị ai ? Đề nghị điều gì ? + Văn bản báo cáo phải có các mục chủ yếu: Báo cáo của ai, báo cáo với ai, báo cáo về việc gì, kết quả như thế nào ? 4- Những sai sót cần tránh:</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu một trong những mục chủ yếu của mỗi loại văn bản. - Trình bày không rõ, thiếu sáng sủa. - Thiếu số liệu, chi tiết cụ thể.
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu : Áp dụng kiến thức làm các bài tập
2. Phương thức thực hiện:
 - + Hoạt động cá nhân ; Hoạt động nhóm,
 - + Hoạt động chung cả lớp
- 3- Sản phẩm hoạt động: Phiếu học của nhóm được chuẩn bị trước ở nhà
- 4- Phương án kiểm tra, đánh giá
 - + Học sinh tự đánh giá.
 - + Học sinh đánh giá lẫn nhau.
 - + Giáo viên đánh giá.
- 5- Tiến trình hoạt động
 - * Chuyển giao nhiệm vụ
 - Nêu và phân tích những lỗi cần tránh khi viết 2 văn bản ?
 - **Thực hiện nhiệm vụ*
 - Học sinh: Trình bày ý kiến theo nhóm bàn
 - Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ
 - Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày
 - Dự kiến sản phẩm:
 - **Báo cáo kết quả:*

Học sinh báo cáo kết quả làm việc nhiệm vụ được giao

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu : Áp dụng kiến thức làm các bài tập
2. Phương thức thực hiện:
 - + Hoạt động cá nhân ; Hoạt động nhóm,
 - + Hoạt động chung cả lớp
- 3- Sản phẩm hoạt động: Phiếu học của nhóm được chuẩn bị trước ở nhà
- 4- Phương án kiểm tra, đánh giá
 - + Học sinh tự đánh giá.
 - + Học sinh đánh giá lẫn nhau.
 - + Giáo viên đánh giá.

5- Tiến trình hoạt động

* Chuyên giao nhiệm vụ

-Viết 1 VB đề nghị cô giáo chủ nhiệm mời 1 bác cựu chiến binh đến nói chuyện giao lưu để hs hiểu rõ về ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12.

-Viết 1 VB báo cáo về tình hình học tập của lớp trong học kì I vừa qua

*Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Trình bày ý kiến theo nhóm bàn

- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày

- Dự kiến sản phẩm:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Cô giáo chủ nhiệm lớp 7...

Tập thể lớp 7... chúng em xin trình bày với cô giáo một việc như sau: Thứ 7, ngày 22/12, là ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam. Chúng em kính mong cô mời các bác cựu chiến binh của phường đến nói chuyện, giao lưu để chúng em hiểu rõ hơn về truyền thống của quân đội nhân dân ta.

Thay mặt lớp 7...

Lớp trưởng

(Kí và ghi rõ họ tên)

*Báo cáo kết quả:

Học sinh báo cáo kết quả làm việc nhiệm vụ được giao.HS khác nhận xét

GV nhận xét ->chốt KT

E/HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu : HS tiếp tục sưu tầm các văn bản đề nghị ,báo cáo

2. Phương thức thực hiện:HS về nhà sưu tầm

3. Sản phẩm hoạt động:

-Các VBBC,VBĐN

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

+ Học sinh trình bày vào tiết sau

5. Tiến trình hoạt động

* Chuyên giao nhiệm vụ

-Sưu tầm và giới thiệu trước lớp một văn bản đề nghị, báo cáo nào đó (chỉ ra các nội dung, hình thức, phần, mục) được trình bày trong đó ?

-Dự kiến sản phẩm

Các văn bản báo cáo ,đề nghị đã sưu tầm .

*Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh về nhà thực hiện

*Báo cáo kết quả:

-Học sinh báo cáo kết quả làm việc vào tiết học sau .

-GV nhận xét ,đánh giá .

IV.Rút kinh nghiệm

.....
.....
.....

Bài 31. Tiết 126:

LUYỆN TẬP VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ VÀ BÁO CÁO

(Tiếp)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Tình huống viết văn bản đề nghị và văn bản báo cáo.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Viết một văn bản đề nghị và báo cáo đúng quy cách.

- Biết phân biệt văn bản đề nghị, báo cáo và các văn bản khác.

- Phân tích, bình luận và đưa ra ý kiến cá nhân về đặc điểm , tầm quan trọng của văn bản báo cáo. Giao tiếp, ứng xử với người khác hiệu quả bằng văn bản báo cáo, văn bản đề nghị.

3.Phẩm chất:

Chăm chỉ, có ý thức trách nhiệm trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học

- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: 5p

1. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS luyện tập văn đề nghị và báo cáo .

2. Phương thức thực hiện:

- *Hoạt động cá nhân*

3. Sản phẩm hoạt động

- *Trình bày miệng*

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- *Học sinh đánh giá.*
- *Giáo viên đánh giá.*

5. Tiến trình hoạt động:

Trình bày trước lớp 1 văn bản đề nghị gửi thầy Hiệu trưởng ?

- *Dự kiến sản phẩm* : Câu trả lời của hs
- *Giáo viên nhận xét, đánh giá.*
- GV kết luận rồi dẫn vào bài

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung kiến thức
Hoạt động 1: Nắm chắc kiến thức về 2 loại văn bản . 1. Mục tiêu : : 2. Phương thức thực hiện: +Hoạt động cá nhân +Hoạt động chung cả lớp 3- Sản phẩm hoạt động: Phiếu học của nhóm được chuẩn bị trước ở nhà 4- Phương án kiểm tra, đánh giá + Học sinh tự đánh giá. + Học sinh đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên đánh giá.	<i>I.Lý thuyết:</i>

<p>5- Tiến trình hoạt động</p> <p>* Chuyên giao nhiệm vụ</p> <p>? Hãy so sánh 2 loại văn bản?</p> <p>? Những lỗi thường mắc trong văn bản hành chính?</p> <p><i>*Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: Trình bày ý kiến - Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ - Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày - Dự kiến sản phẩm: <p>1. <i>Giống nhau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đều là vb hành chính, có tính quy ước cao.(Viết theo mẫu) <p>2. <i>Khác nhau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Về mục đích: <ul style="list-style-type: none"> - VB đề nghị: Đề đạt nguyện vọng. - VB báo cáo: trình bày những kết quả đã làm được. + Về nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - VB đề nghị: Cần rõ các vđ: Ai đề nghị? Đề nghị ai? Đề nghị điều gì? - VB báo cáo: Cần rõ các vđ: Báo cáo của ai? Báo cáo với ai? Báo cáo về việc gì? Kết quả? <p><i>*Báo cáo kết quả:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> -Học sinh báo cáo kết quả làm việc nhiệm vụ được giao -HS nhận xét ,bổ sung ,đánh giá . -> GV chốt kiến thức. <p>*Chú ý viết đúng thứ tự các mục trong mỗi loại vb.</p> <p><i>*Hoạt động 2:Luyện tập</i></p>	<p><i>II.Luyện tập</i></p> <p><i>Bài 1 (138):</i></p>
---	--

<p>1. Mục tiêu: Làm bài tập về hai loại vb</p> <p>2. Phương thức thực hiện: + Hoạt động cá nhân ; Hoạt động nhóm + Hoạt động chung cả lớp</p> <p>3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học của nhóm được chuẩn bị trước ở nhà</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá + Học sinh tự đánh giá. + Học sinh đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên đánh giá.</p> <p>5- Tiến trình hoạt động * Chuyển giao nhiệm vụ -Gọi hs đọc bài tập 1, 2? ?Theo em tình huống nào viết VB đề nghị?Tình huống nào viết VB báo cáo? ?Chỉ ra những lỗi sai trong việc sử dụng các văn bản a, b, c ? <i>*Thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh: Trình bày ý kiến theo bàn, nhóm - Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ - Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày - Dự kiến sản phẩm: <i>1- Bài 1 (138):</i> - Tình huống phải làm văn bản đề nghị: Lớp trưởng viết đề nghị với cô giáo chủ nhiệm đề nghị cho lớp đi xem vở chèo Quan Âm Thị Kính để bổ trợ kiến thức cho văn bản Quan</p>	<p>- Tình huống phải làm văn bản đề nghị: Lớp trưởng viết đề nghị với cô giáo chủ nhiệm đề nghị cho lớp đi xem vở chèo Quan Âm Thị Kính để bổ trợ kiến thức</p> <p>- Tình huống phải viết báo cáo: Lớp trưởng thay mặt hs lớp 7, viết báo cáo về trường hợp hai học sinh có hành động quấy phá trong giờ học</p>
---	--

<p>Âm Thị Kính.</p> <p>- Tình huống phải viết báo cáo: Lớp trưởng thay mặt hs lớp 7, viết báo cáo về trường hợp hai hs có hành động quấy phá trong giờ học.</p> <p>2- Bài 3 (138):</p> <p>a- Viết báo cáo là sai, phải viết đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn của gia đình để xin nhà trường miễn học phí.</p> <p>b- Viết đề nghị là sai. Một hs có thể thay lớp viết một báo cáo với cô giáo chủ nhiệm về những công việc cần giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ và bà mẹ Việt Nam anh hùng.</p> <p>c- Viết đơn là không đúng. Lớp trưởng thay mặt lớp viết bản đề nghị BGH nhà trường biểu dương khen thưởng bạn H về tinh thần giúp đỡ các gia đình thương binh- liệt sĩ.</p> <p><i>*Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>- Học sinh: Trình bày ý kiến theo cặp bàn, nhóm</p> <p>- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh các nhóm trình bày</p> <p>->GV chốt KT .</p>	<p>2- Bài 3 (138):</p> <p>a- Viết báo cáo là sai, phải viết đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn của gia đình để xin nhà trường miễn học phí.</p> <p>b- Viết đề nghị là sai. Lớp trưởng có thể thay lớp viết một báo cáo với cô giáo chủ nhiệm về những công việc cần giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ và bà mẹ Việt Nam anh hùng.</p> <p>c- Viết đơn là không đúng. Lớp trưởng thay mặt lớp viết giấy đề nghị BGH nhà trường biểu dương khen thưởng bạn H về tinh thần giúp đỡ các gia đình thương binh- liệt sĩ.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu : Vận dụng các kiến thức đã học vào làm BT
2. Phương thức thực hiện:
 - + Hoạt động cá nhân ; Hoạt động nhóm,
 - + Hoạt động chung cả lớp
- 3- Sản phẩm hoạt động: Phiếu học của nhóm được chuẩn bị .
- 4- Phương án kiểm tra, đánh giá

- + Học sinh tự đánh giá.
- + Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- + Giáo viên đánh giá.

5- Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 2 nhóm:

- N1: Viết báo cáo hoạt động phong trào của lớp em trong năm học vừa qua
- N2: Viết đơn đề nghị nhà trường tổ chức cấp thẻ thư viện cho hs được tham gia

*Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Trình bày ý kiến theo nhóm
- HS nhận xét ,đánh giá ,bổ sung .
- >GV nhận xét ,đánh giá .

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

1. Mục tiêu : Vận dụng kiến thức sưu tầm các văn bản đề nghị, báo cáo mà em biết

2. Phương thức thực hiện:

+ Hoạt động cá nhân ; Hoạt động nhóm,

3- Sản phẩm hoạt động: Văn bản báo cáo, văn bản đề nghị đã sưu tầm viết ra vở .

4- Phương án kiểm tra, đánh giá:Cá nhân.

5- Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

Tiếp tục sưu tầm và giới thiệu trước lớp một văn bản đề nghị, báo cáo nào đó (chỉ ra các nội dung, hình thức, phần, mục) được trình bày trong đó ?

*Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Về nhà thực hiện
- HS báo cáo kết quả vào tiết học hôm sau .
- >GV nhận xét ,đánh giá .

IV.Rút kinh nghiệm

.....

Bài 31-Tiết:

ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hệ thống kiến thức về văn biểu cảm.
- Hệ thống kiến thức về văn nghị luận.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Khái quát, hệ thống các văn bản nghị luận đã học.
- Biết cảm nhận cái hay của văn bản cụ thể.
- Làm bài văn nghị luận, văn biểu cảm.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức trách nhiệm, chăm chỉ khi ôn tập, hệ thống kiến thức, vận dụng trong viết bài.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
 - Học liệu: phiếu học tập,

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn tập lại văn biểu cảm và văn nghị luận

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5 phút)

1. Mục tiêu: HS nắm được các văn bản biểu cảm văn xuôi đã học.

- Tạo tâm thế, hứng thú cho HS

2. Phương thức thực hiện:

- *Hoạt động cá nhân*

3. Sản phẩm hoạt động

- *Trình bày miệng*

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- *Học sinh đánh giá.*

- *Giáo viên đánh giá.*

5. Tiến trình hoạt động:

**Chuyển giao nhiệm vụ*

- Giáo viên yêu cầu: Em hãy ghi lại tên các bài văn biểu cảm được học và đọc trong Ngữ văn 7- tập I (chỉ ghi các bài văn xuôi) ?

- Học sinh tiếp nhận...

**Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh : Hoạt động cá nhân
- Giáo viên quan sát, hỗ trợ khi cần
- Dự kiến sản phẩm:
 1. Cổng trường mở ra (Lí Lan).
 2. Mẹ tôi (A-mi-xi)
 3. Một thứ quà của lúa non (Thạch Lam)
 4. Mùa xuân của tôi (Vũ Bằng).
 5. Sài Gòn tôi yêu (Minh Hương).

**Báo cáo kết quả*

**Đánh giá kết quả*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...
- >Giáo viên nêu mục tiêu bài học...

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung kiến thức
<p><u>Hoạt động 1</u> : Văn biểu cảm (10 phút)</p> <p>1. Mục tiêu: Nắm được văn biểu cảm, đặc điểm của văn biểu cảm</p> <ul style="list-style-type: none">- Thấy được vai trò của yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Hoạt động cá nhân</i>- <i>Hoạt động nhóm,</i>- <i>Hoạt động chung cả lớp</i> <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Phiếu học tập của nhóm</i> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Học sinh tự đánh giá.</i>- <i>Học sinh đánh giá lẫn nhau.</i>- <i>Giáo viên đánh giá.</i> <p>5. Tiến trình hoạt động</p>	<p>I. Văn biểu cảm (10 phút)</p>

**Chuyển giao nhiệm vụ*

- Giáo viên yêu cầu: Qua các văn bản biểu cảm văn xuôi đã học, em hiểu thế nào là văn biểu cảm, đặc điểm của văn biểu cảm?

- Yếu tố miêu tả, tự sự có vai trò, ý nghĩa gì trong văn biểu cảm ?

? Vậy khi muốn bộc lộ tình cảm, cảm xúc về sự vật, hiện tượng thì ta phải làm gì, và phải sử dụng các phương tiện liên kết nào?

- Học sinh tiếp nhận...

**Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

- Giáo viên quan sát, hỗ trợ HS khi cần

- Dự kiến sản phẩm...

+ Trong văn biểu cảm thì người ta không miêu tả cụ thể, hoàn chỉnh mà chỉ chọn những chi tiết, thuộc tính, sự việc nào có khả năng gợi cảm để biểu hiện cảm xúc tư tưởng.

+ Yếu tố tự sự có tác dụng khơi dậy nguồn cảm hứng đối với người đọc về những tình cảm, những hành động cao đẹp.

-> Người ta có thể chọn hình ảnh có ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng nổi bật để gửi gắm tình cảm, tư tưởng hoặc biểu đạt bằng những nỗi niềm, cảm xúc trong lòng. Nhưng sự bộc lộ thể hiện tình cảm trong bài phải rõ ràng, trong sáng, chân thực

Sử dụng các phương tiện: So sánh :

- Đối lập – tương phản

- Câu cảm, hô ngữ trực tiếp biểu hiện tâm

trạng

- Câu hỏi tu từ

- Điệp ngữ

**Báo cáo kết quả Đại diện nhóm trình bày*

**Đánh giá kết quả*

1. Đặc điểm của văn biểu cảm.

- Bộc lộ trực tiếp

- Bộc lộ gián tiếp

2. Vai trò của yếu tố miêu tả, tự sự trong văn biểu cảm:

- Yếu tố miêu tả: giúp làm rõ hơn cho tư tưởng, tình cảm

- Yếu tố tự sự có tác dụng khơi dậy nguồn cảm hứng đối với người đọc về những tình cảm, những hành động cao đẹp.

3. Phương tiện và ngôn ngữ biểu cảm

-Người ta có thể chọn hình ảnh có ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng nổi bật để gửi gắm tình cảm, tư tưởng hoặc biểu đạt bằng những nỗi niềm, cảm xúc trong lòng. Nhưng sự bộc lộ thể hiện tình cảm trong bài phải rõ ràng, trong sáng, chân thực

-Sử dụng các phương tiện:

So sánh :

- Đối lập – tương phản

+ Câu cảm, hô ngữ trực tiếp biểu hiện tâm trạng

<p><i>*Báo cáo kết quả Đại diện bàn trình bày kết quả qua phiếu học tập</i></p> <p><i>*Đánh giá kết quả</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng <p><i>Tìm hiểu bố cục bài văn biểu cảm</i></p> <p><i>*Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên: <i>Bố cục của bài văn biểu cảm gồm mấy phần? Nội dung chính từng phần?</i> - Học sinh tiếp nhận <i>*Học sinh thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh thảo luận theo cặp đôi - Giáo viên quan sát, hỗ trợ khi cần - Dự kiến sản phẩm: - Mở bài: Giới thiệu tư tưởng, tình cảm, cảm xúc về đối tượng. - Thân bài: Nêu những biểu hiện của tư tưởng, tình cảm. - Kết bài: Khẳng định tình cảm, cảm xúc. <p><i>*Báo cáo kết quả Đại diện bàn trình bày kết quả qua phiếu học tập</i></p> <p><i>*Đánh giá kết quả</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 	<p>b. Bố cục bài văn biểu cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài: +Giới thiệu đối tượng biểu cảm +Nêu tình cảm, cảm xúc ban đầu - Thân bài: Nêu những biểu hiện của tư tưởng, tình cảm. - Kết bài: Khẳng định tình cảm, cảm xúc.
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (3 PHÚT)

1. Mục tiêu: HS vận dụng lập ý một đề văn biểu cảm cụ thể
2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
HS đánh giá lẫn nhau
Gv đánh giá
5. Tiến trình hoạt động

**Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ:*

- *Hãy tìm hiểu đề và lập ý cho đề văn: Cảm nghĩ về loài cây!*

- *Học sinh tiếp nhận*

**Học sinh thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh hoạt động cá nhân

- Giáo viên quan sát, hỗ trợ khi cần

- Dự kiến sản phẩm:

a. Tìm hiểu đề, tìm ý

** Tìm hiểu đề:*

- Đối tượng: Loài cây

- Tình cảm: Yêu thích

**Tìm ý: - Đặc điểm nổi bật của cây đó*

- Nêu những lợi ích của cây trong đời sống của mọi người

- Nêu lợi ích của cây trong cuộc sống của em

**Báo cáo kết quả Cá nhân HS trình bày miệng*

**Đánh giá kết quả*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO(2 PHÚT)

1. Mục tiêu: HS biết sưu tầm những đoạn văn, bài văn biểu cảm

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

HS đánh giá lẫn nhau

Gv đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

**Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ*

- Giáo viên: Sưu tầm những đoạn văn, bài văn biểu cảm mà em biết. Chép đoạn văn đó vào vở?

- Học sinh tiếp nhận

**Học sinh thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh hoạt động cá nhân

- Giáo viên quan sát, hỗ trợ khi cần

- Dự kiến sản phẩm:

* *Báo cáo kết quả* Báo cáo vào tiết học sau

**Đánh giá kết quả:*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....

Bài 31-Tiết :

ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN(Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hệ thống kiến thức về văn biểu cảm.
- Hệ thống kiến thức về văn nghị luận.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Khái quát, hệ thống các văn bản nghị luận đã học.
- Biết cảm nhận cái hay của văn bản cụ thể.
- Làm bài văn nghị luận, văn biểu cảm.

3.Phẩm chất:

- Có ý thức trách nhiệm, chăm chỉ khi ôn tập, hệ thống kiến thức, vận dụng trong viết bài.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
 - Học liệu: phiếu học tập,

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn tập lại văn biểu cảm và văn nghị luận

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

2.Chuẩn bị của học sinh:Ôn tập lại văn biểu cảm và văn nghị luận

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5 phút)

1. Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm
3. Sản phẩm hoạt động: kể tên được các tp thơ và văn xuôi đã học theo đúng yêu cầu
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
5. Tiến trình hoạt động:
 - *. *Chuyển giao nhiệm vụ*
 - Nhiệm vụ: Ghi lại tên các bài văn nghị luận đã học và đọc trong Ngữ văn 7- tập II ?
 - Phương án thực hiện:
 - + Thực hiện trò chơi; Ai nhanh hơn ai
 - + Luật chơi: Mỗi đội có 5 hs tham gia trong vòng 2 phút 2 đội lần lượt lên bảng thực hiện theo yêu cầu.
 - Thời gian: 2 phút
 - Sản phẩm: Kể tên các văn bản nghị luận đã học
 - * *Thực hiện nhiệm vụ:*
 - Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:
 - + lập đội chơi
 - + chuẩn bị tinh thần thi đấu
 - + thực hiện trò chơi theo đúng luật
 - Giáo viên:
 - Tổ chức cho hs chơi trò chơi
 - Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh
 - Cách thực hiện: *Giáo viên yêu cầu 2 đội lần lượt trình bày: Ghi lại tên các bài văn nghị luận đã học và đọc trong Ngữ văn 7- tập II ?*
 - *. *Báo cáo kết quả:*
 - Học sinh mỗi đội thống kê và báo cáo số lượng các bài văn nghị luận đã học trong thời gian quy định
 - * *Đánh giá kết quả:*
 - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá:
 - + tinh thần, ý thức hoạt động học tập

- + kết quả làm việc
 - + bổ sung thêm nội dung (nếu cần)
- => Vào bài và chuyển sang hđ 2

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI(18p)

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
<p>Hoạt động 1 : Văn nghị luận</p> <p>1. Mục tiêu: Nắm được văn nghị luận xuất hiện trong những trường hợp và các dạng bài trong đời sống cũng như trong SGK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thấy được vai trò của yếu tố trong bài văn nghị luận <p>2. Phương thức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hoạt động cá nhân</i> - <i>Hoạt động nhóm</i> - <i>Hoạt động chung cả lớp</i> <p>3. Sản phẩm hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phiếu học tập của nhóm</i> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Học sinh tự đánh giá.</i> - <i>Học sinh đánh giá lẫn nhau.</i> - <i>Giáo viên đánh giá.</i> <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p><i>*Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Giáo viên yêu cầu: Trong đời sống, trên báo chí và trong sgk, em thấy văn bản nghị luận xuất hiện trong những trường hợp nào, dưới dạng những bài gì ? Nêu một số VD ?</i> - <i>Học sinh tiếp nhận...</i> <p><i>*Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Học sinh: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm</i> - <i>Giáo viên quan sát, hỗ trợ HS khi cần</i> - <i>Dự kiến sản phẩm...</i> <p>Nghị luận nói : ý kiến trao đổi , tranh luận , phát biểu trong các cuộc họp , hội thảo , sơ kết , tổng</p>	<p>II. Văn nghị luận</p> <p><i>1. Văn nghị luận trên báo chí và sgk:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên báo chí: Văn bản nghị luận xuất hiện dưới những dạng bài xã luận, diễn đàn, bàn về các vấn đề trong XH. VD: Chương trình bình luận thời sự, thể thao - Trong sgk: văn bản nghị luận xuất hiện dưới những dạng bài làm văn nghị luận, hội thảo, chuyên đề, ... VD: các văn bản nghị luận trong sgk.

kết , ý kiến trao đổi , phỏng vấn , chương trình thời sự , thể thao ...

Nghị luận viết

- Các bài xã luận , bình luận , đọc sách , phê bình văn học , nghiên cứu văn học , các luận văn , luận án

- Luận đề , luận điểm , luận cứ , luận chứng , lí lẽ , dẫn chứng , lập luận ...

**Báo cáo kết quả Đại diện nhóm trình bày*

**Đánh giá kết quả*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> *Giáo viên chốt kiến thức và ghi bản*

Hoạt động 2: yếu tố trong bài văn nghị luận

1. Mục tiêu:

- Thấy được vai trò của yếu tố trong bài văn nghị luận

2. Phương thức thực hiện:

- *Hoạt động cá nhân*

- *Hoạt động cặp đôi*

3. Sản phẩm hoạt động

- *Phiếu học tập của cặp đôi*

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- *Học sinh tự đánh giá.*

- *Học sinh đánh giá lẫn nhau.*

- *Giáo viên đánh giá.*

5. Tiến trình hoạt động

**Chuyển giao nhiệm vụ*

- *Giáo viên yêu cầu: ? Trong văn nghị luận, phải có các yếu tố nào? Yếu tố nào là chủ yếu?*

- *Học sinh tiếp nhận...*

**Thực hiện nhiệm vụ*

- *Học sinh: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm*

- *Giáo viên quan sát, hỗ trợ HS khi cần*

2- *Yếu tố chủ yếu trong văn nghị luận:*

- *Mỗi bài văn nghị luận đều có luận điểm, luận cứ và lập luận.*

- Dự kiến sản phẩm...

Mỗi bài văn nghị luận đều có luận điểm, luận cứ và lập luận.

- Luận điểm: Là những KL có tính khái quát, có ý nghĩa phổ biến đối với XH.

- Luận cứ: Là lí lẽ, dẫn chứng đem ra làm cơ sở cho luận điểm. Luận cứ phải chân thật, đúng đắn, tiêu biểu thì mới giúp cho luận điểm có sức thuyết phục.

- Lập luận: Là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm. Lập luận phải chặt chẽ, hợp lí thì bài văn mới có sức thuyết phục.

- > Trong đó lập luận là yếu tố chủ yếu

** Báo cáo kết quả Đại diện nhóm trình bày*

** Đánh giá kết quả*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

/ Luận điểm là gì ?

? Hãy cho biết những câu trong sgk đâu là luận điểm và giải thích vì sao ?

(câu a, d là luận điểm, câu b là câu cảm thán, câu c là một luận đề cha phải là luận điểm. Luận điểm thường có hình thức câu trần thuật với từ là hoặc có phẩm chất, tính chất nào đó).

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (15 PHÚT)

1. Mục tiêu: HS nắm được các phép lập luận trong văn nghị luận. Biết so sánh điểm giống và khác

nhau giữa các phép lập luận qua đề cụ thể

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động theo bàn

3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

HS đánh giá lẫn nhau

II. Luyện tập

- Hai đề bài này đều giống nhau là cùng chung một luận đề: ăn quả nhớ kẻ trồng cây - cùng phải sử dụng lí lẽ, dẫn chứng và lập luận.

<p>Gv đánh giá</p> <p>5. Tiến trình hoạt động</p> <p><i>*Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- Cho hai đề TLV sau:</p> <p>a. Giải thích câu tục ngữ: Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.</p> <p>b. Chứng minh rằng: Ăn quả nhớ kẻ trồng cây là một suy nghĩ đúng đắn. Hãy cho biết cách làm hai đề này có gì giống nhau và khác nhau. Từ đó suy ra nhiệm vụ giải thích và chứng minh khác nhau như thế nào ?</p> <p>- <i>Học sinh tiếp nhận</i></p> <p><i>*Học sinh thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>- <i>Học sinh thảo luận theo bàn</i></p> <p>- <i>Giáo viên quan sát, hỗ trợ khi cần</i></p> <p>- <i>Dự kiến sản phẩm:</i></p> <p>- Hai đề bài này đều giống nhau là cùng chung một luận đề: ăn quả nhớ kẻ trồng cây - cùng phải sử dụng lí lẽ, dẫn chứng và lập luận.</p> <p>- Hai đề này có cách làm khác nhau: Đề a giải thích, đề b chứng minh.</p> <p>- Nhiệm vụ giải thích và chứng minh khác nhau:</p> <p>+ Giải thích là làm cho người đọc, người nghe hiểu rõ những điều chưa biết theo đề bài đã nêu lên (dùng lí lẽ là chủ yếu).</p> <p>+ Chứng minh là phép lập luận dùng những lí lẽ, dẫn chứng chân thực đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm cần chứng minh là đáng tin cậy (dùng dẫn chứng là chủ yếu).</p> <p><i>*Báo cáo kết quả</i> Đại diện bàn trình bày kết quả qua phiếu học tập</p> <p><i>*Đánh giá kết quả</i></p> <p>- <i>Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</i></p> <p>- <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá</i></p> <p>-> <i>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</i></p>	<p>- Hai đề này có cách làm khác nhau: Đề a giải thích, đề b chứng minh.</p> <p>- Nhiệm vụ giải thích và chứng minh khác nhau:</p> <p>+ Giải thích là làm cho người đọc, người nghe hiểu rõ những điều chưa biết theo đề bài đã nêu lên (dùng lí lẽ là chủ yếu).</p> <p>+ Chứng minh là phép lập luận dùng những lí lẽ, dẫn chứng chân thực đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm cần chứng minh là đáng tin cậy (dùng dẫn chứng là chủ yếu).</p>
---	---

<p><i>Tìm hiểu bố cục bài văn biểu cảm</i></p> <p><i>*Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- <i>Giáo viên: Bố cục của bài văn biểu cảm gồm mấy phần? Nội dung chính từng phần?</i></p> <p>- <i>Học sinh tiếp nhận</i></p> <p><i>*Học sinh thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>- <i>Học sinh thảo luận theo cặp đôi</i></p> <p>- <i>Giáo viên quan sát, hỗ trợ khi cần</i></p> <p>- <i>Dự kiến sản phẩm:</i></p> <p>- <i>Mở bài: Giới thiệu tư tưởng, tình cảm, cảm xúc về đối tượng.</i></p> <p>- <i>Thân bài: Nêu những biểu hiện của tư tưởng, tình cảm.</i></p> <p>- <i>Kết bài: Khẳng định tình cảm, cảm xúc.</i></p> <p><i>*Báo cáo kết quả</i> Đại diện cặp đôi trình bày kết quả qua phiếu học tập</p> <p><i>*Đánh giá kết quả</i></p> <p>- <i>Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</i></p> <p>- <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá</i></p> <p>-> <i>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</i></p>	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 PHÚT)

1. Mục tiêu: HS vận dụng lập ý một đề văn nghị luận cụ thể

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

HS đánh giá lẫn nhau

Gv đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

**Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ*

- *Hãy tìm hiểu đề và lập ý cho đề văn chứng minh : Nhân dân ta từ xưa đến nay luôn sống theo đạo lý: “ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.*

- *Học sinh tiếp nhận*

**Học sinh thực hiện nhiệm vụ*

- *Học sinh hoạt động cá nhân*

- *Giáo viên quan sát, hỗ trợ khi cần*

- Dự kiến sản phẩm:

Tìm hiểu đề, tìm ý

+ *Tìm hiểu đề:*

- Vấn đề CM: Lòng biết ơn, nhớ ơn
- Phạm vi: Trong đời sống XH
- Tính chất: Khuyên nhủ

+ *Tìm ý:*

- Giải nghĩa một số từ khó
- Quả và kẻ trồng cây
- Nghĩa đen:
- Nghĩa bóng
- Dùng lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh cho luận điểm vừa tìm

+Xét về lí: Dùng lí lẽ

+Xét về thực tế: Dùng dẫn chứng để CM

**Báo cáo kết quả*: Cá nhân HS trình bày trên phiếu học tập cá nhân

**Đánh giá kết quả*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO(2 PHÚT)

1. Mục tiêu: HS biết sưu tầm những đoạn văn, bài văn biểu cảm

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

HS đánh giá lẫn nhau

Gv đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

**Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ*

- *Giáo viên: Sưu tầm những đoạn văn, bài văn nghị luận mà em biết. Chép đoạn văn đó vào vở?*

- *Học sinh tiếp nhận*

**Học sinh thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh hoạt động cá nhân
- Giáo viên quan sát, hỗ trợ khi cần
- Dự kiến sản phẩm:

* *Báo cáo kết quả* Báo cáo vào tiết học sau

* *Đánh giá kết quả:*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....

Tuần

Bài 31 - Tiết : **ÔN TẬP TIẾNG VIỆT (Tiếp theo)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Các dấu câu.
- Các kiểu câu đơn.
- Các dấu câu.
- Các kiểu câu đơn.
- Các phép biến đổi câu.
- Các phép tu từ cú pháp.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Xác định được các loại dấu câu.
- Nắm được công dụng của từng loại dấu câu.
- Phân biệt được các kiểu câu đơn.
- Sử dụng đúng dấu câu và các kiểu câu đơn trong giao tiếp và tạo lập văn bản.
- Lập sơ đồ hệ thống hóa kiến thức.
- Lập sơ đồ hệ thống hóa kiến thức về các phép biến đổi câu và các phép tu từ cú pháp.

3. Phẩm chất:

- Có tinh thần trách nhiệm cao, ý thức trong việc tự ôn tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi
- Sản phẩm hoạt động:
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:
 1. Chuyển giao nhiệm vụ
 - GV cho hsthảo luận cặp đôi: Đặt 2câu sau đó dùng cụm C-V mở rộng thành phần và cho biết mở rộng tp nào?

2. Thực hiện nhiệm vụ:

- *. Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

HD cá nhân sau đó hđ cặp đôi

- *. Giáo viên:

- Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh
- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu hs trao đổi thảo luận cặp đôi

3. Báo cáo kết quả:

Đại diện một số cặp đôi báo cáo kq

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá:
 - + tinh thần, ý thức hoạt động học tập
 - + kết quả làm việc
 - + bổ sung thêm nội dung (nếu cần)
- => Vào bài và chuyển sang hđ 2

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

<p>trong vườn. -> Cây nhãn được người ta trồng ở trong vườn. Mục đích của biến đổi câu Hs tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - H đọc yêu cầu - H hoạt động cá nhân - H thảo luận nhóm + Đại diện nhóm trình bày * Tác dụng: - Nội dung ý nghĩa của câu thêm cụ thể. - Tạo nhiều kiểu câu, linh hoạt trong khi nói, viết, tránh lặp từ, tăng hiệu quả diễn đạt. HS lập sơ đồ 3. Báo cáo kết quả: Đại diện một số nhóm báo cáo kq 4. Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung - Giáo viên nhận xét, đánh giá: Gv phân tích trên sơ đồ và đánh giá quá trình hoạt động nhóm, đánh giá sản phẩm của H.</p> <p>HD 2 : Các phép tu từ Mục tiêu : Giúp Hs nắm được các phép tu từ. + Điệp ngữ + Liệt kê Phương pháp thực hiện : Làm</p>	<p>hơn, ngụ ý hành động, đặc điểm nói trong câu là của chung mọi người (lược CN). - VD: - Bạn đi đâu đấy ? - Đi học!</p> <p>b. Mở rộng câu: có 2 cách. - Thêm trạng ngữ vào câu: để xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu. - Dùng cụm C-V để mở rộng câu: là dùng những cụm từ hình thức giống câu đơn có cụm C-V làm thành phần của câu hoặc làm phụ ngữ của cụm từ để mở rộng câu.</p> <p>2. Chuyển đổi kiểu câu: - Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động và ngược lại chuyển đổi câu bị động thành câu chủ động: - VD: Các bạn yêu mến tôi. - Câu chủ động: là câu có CN chỉ người, vật thực hiện một hành động hướng vào người, vật khác (chỉ chủ thể của hành động). - Câu bị động: là câu có CN chỉ người, vật được hành động của người khác, vật khác hướng vào (chỉ đối tượng của hành động). - VD: Tôi được các bạn yêu mến.</p> <p>IV. Các phép tu từ cú pháp:</p>
--	---

sản phẩm dự án ở nhà
Yêu cầu sản phẩm : Kết quả bằng phiếu học tập.

Cách tiến hành

1.Gv chuyển giao nhiệm vụ cho Hs :

Thảo luận ở nhà, trình bày sản phẩm trên giấy:

Các biện pháp tu từ đã học ở lớp 7?

Thế nào là liệt kê ? Các kiểu liệt kê ? Đặt 1 câu nói về hoạt động ở sân trường có sử dụng phép liệt kê?

Thế nào là điệp ngữ? Các kiểu điệp ngữ? Tìm ví dụ có sử dụng điệp ngữ? Tác dụng? Lấy ví dụ về điệp ngữ?

2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- H đọc yêu cầu
- H hoạt động cá nhân
- H thảo luận nhóm
- + Đại diện nhóm trình bày
- G đánh giá quá trình hoạt động nhóm, đánh giá sản phẩm của H.

3. Báo cáo kết quả:

Đại diện một số nhóm báo cáo kq

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

C/ Hoạt động luyện tập

1. Liệt kê

a. Liệt kê là gì ? Là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư tưởng, tình cảm.

Vd :

b. Các kiểu liệt kê

- Xét về cấu tạo :

+ Liệt kê theo từng cặp

+không theo từng cặp

- Xét về ý nghĩa:

+ Liệt kê tăng tiến

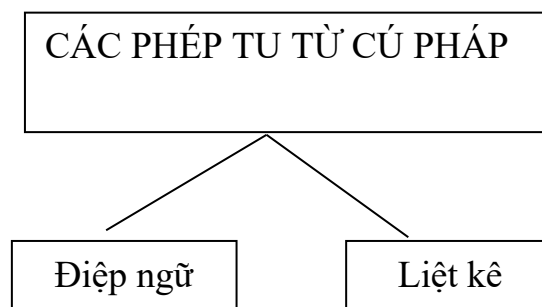
+không tăng tiến

2. Điệp ngữ.

a. Khái niệm : Khi nói hoặc viết người ta có thể dùng biện pháp lặp đi lặp lại từ ngữ (hoặc cả 1 câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại như vậy gọi là phép điệp ngữ ; từ ngữ được lặp lại gọi là điệp ngữ.

b. Các kiểu điệp ngữ

- Điệp ngữ cách quãng, điệp ngữ nối tiếp, điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)



II. LUYỆN TẬP

Bài 1.

<p>- Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết để làm bài tập</p> <p>- Nhiệm vụ: H suy nghĩ, trình bày</p> <p>- Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi</p> <p>- Yêu cầu sản phẩm: Câu trả lời</p> <p>1. G chuyển giao nhiệm vụ cho H.</p> <p>Trao đổi cặp đôi</p> <p>2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- H đọc yêu cầu</p> <p>- Trao đổi cặp đôi</p> <p>a, Cho ví dụ về câu đơn bình thường.</p> <p>Mở rộng câu (theo 2 cách).</p> <p>b, Cho ví dụ về câu chủ động (bị động).</p> <p>Biến đổi kiểu câu thành bị động (chủ động).</p> <p>Các nhóm trình bày...</p> <p>Thảo luận sửa lỗi</p> <p>- H. Trình bày, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Gv hướng dẫn cách viết: Hình thức, nội dung.</p> <p>- G. Chữa bài, nhận xét câu trả lời của H chốt.</p>	<p>a, Cho ví dụ về câu đơn bình thường.</p> <p>Mở rộng câu (theo 2 cách).</p> <p>b, Cho ví dụ về câu chủ động (bị động).</p> <p>Biến đổi kiểu câu thành bị động (chủ động).</p> <p>Bài 2: Cho ví dụ về các phép liệt kê khác nhau.</p> <p>Nêu tác dụng của phép liệt kê.</p> <p>Bài 3.</p> <p>Viết đoạn văn (3 - 5 câu) có sử dụng câu bị động.</p> <p>Bài 4 Viết đoạn văn (3 - 5 câu) có sử dụng câu mở rộng thành phần(trạng ngữ, dùng cụm C- V để mở rộng câu</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.
 - **Nhiệm vụ:** H suy nghĩ, trình bày
 - **Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân
 - **Yêu cầu sản phẩm:** Câu trả lời
- * Cách tiến hành
1. G chuyển giao nhiệm vụ cho H

Viết đoạn văn (3 - 5 câu) có sử dụng câu bị động.

2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

-Đọc yêu cầu

-Suy nghĩ trả lời

- G nhận xét bài làm của H

- G khái quát

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

- **Mục tiêu:** H mở rộng vốn kiến thức đã học

- **Nhiệm vụ:** H về nhà tìm hiểu, liên hệ

- **Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân

- **Yêu cầu sản phẩm:** Câu trả lời

* Cách tiến hành

1. G chuyển giao nhiệm vụ cho H

- Tìm những đoạn văn, thơ có sử dụng phép liệt kê, điệp ngữ.

2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 32 - Tiết 130: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT (Tiếp theo)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Các phép biến đổi câu.

- Các phép tu từ cú pháp.

- Hướng dẫn học sinh cách làm bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì II.

. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Xác định được các loại dấu câu.

- Nắm được công dụng của từng loại dấu câu.

- Phân biệt được các kiểu câu đơn.

- Sử dụng đúng dấu câu và các kiểu câu đơn trong giao tiếp và tạo lập văn bản.
- Lập sơ đồ hệ thống hóa kiến thức.
- Lập sơ đồ hệ thống hóa kiến thức về các phép biến đổi câu và các phép tu từ cú pháp.

3. Phẩm chất:

- Có tinh thần trách nhiệm cao, ý thức trong việc tự ôn tập.

*** Một số KNS cơ bản được giáo dục trong bài:**

- Kỹ năng giao tiếp suy nghĩ trao đổi về các phép biến đổi câu và tu từ cú pháp.

- Kỹ năng tư duy sáng tạo, biết lập sơ đồ hệ thống hoá kiến thức về các phép biến đổi câu về các phép tu từ cú pháp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>* Sử dụng kỹ thuật động não: <i>H: Thế nào là điệp ngữ? Có mấy kiểu điệp ngữ? Cho ví dụ?</i></p> <p>Bài tập nhanh:</p> <p>1. Gạch chân các điệp ngữ trong câu văn sau và cho biết đó là dạng điệp ngữ gì? "Nước văn bản là một dân tộc văn bản là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn</p>	<p><u>I. Điệp ngữ:</u></p> <p>1. Điệp ngữ: Là biện pháp lặp lại từ ngữ hoặc cả một câu để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh mẽ đối với người đọc. - VD: Học, học nữa, học mãi !</p> <p><u>2/ Các loại điệp ngữ.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điệp ngữ cách quãng. - Điệp ngữ nối tiếp. - Điệp ngữ chuyển tiếp (vòng) <p>* Bài tập 1: Điệp ngữ. - Việt Nam là một: Điệp ngữ cách quãng.</p>

song chân lý ấy không bao giờ thay đổi"
(Hồ Chí Minh)

2. Bài tập 2: Trắc nghiệm.

Kiểu điệp ngữ nào được dùng trong đoạn thơ sau:

" Hoa đãi nguyệt, nguyệt in một tấm
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng xiết
đâu"

(Chinh phụ Ngâm)

* Cách dùng điệp ngữ trong câu thơ sau có ý nghĩa gì?

" Một đèo... một đèo... lại một đèo
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo"

(Hồ Xuân Hương)

A. Nhấn mạnh sự trợ trợ của một con đèo.

(B). Nhấn mạnh sự trùng điệp của những con đèo nối tiếp nhau

Cho ví dụ về phép điệp ngữ? Phân tích tác dụng của phép điệp ngữ ấy?

Đọc một đoạn văn hay một số câu thơ có sử dụng điệp ngữ ?

H: Thế nào là liệt kê? Liệt kê có mấy loại?

Học sinh: Tự bộc lộ.

Bài tập: Câu văn sau dùng phép liệt kê gì?

* Bài tập 2: Trắc nghiệm.

A. Điệp ngữ cách cách quãng.

B. Điệp ngữ nối tiếp.

C. Điệp ngữ chuyển tiếp

D. Hai kiểu A và B.

2. Chơi chữ: là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước, ... làm cho câu văn hấp dẫn, thú vị.

- VD: Khi đi ca ngon, khi về cũng ca ngon.
(Con ngựa).

3. Liệt kê: là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư tưởng, tình

<p>"Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, băng khuâng, có tiếc thương ai oán"</p> <p>A. Liệt kê không tăng tiến. B. Liệt kê không theo từng cặp. C. Liệt kê tăng tiến. (D). Liệt kê theo từng cặp.</p> <p>Lấy ví dụ về phép liệt kê trong các văn bản đã học?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sông chết mặc bay - Ca Huế trên sông Hương - Tinh thần yêu nước của nhân dân ta <p>* Sử dụng kỹ thuật viết tích cực:</p> <p>Yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đoạn văn: Biểu cảm. - Đề tài: Về quê hương. - HT: Có sử dụng hai phép tu từ đã học. <p>Học sinh: Viết bài độc lập, trình bày, GV nhận xét, chữa bài.</p> <p>GV tổng kết bài ôn tập trong cả 2 tiết bằng sơ đồ: câu và các phép tu từ.(bảng phụ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát ,thuyết minh lại sơ đồ để củng cố kiến thức 	<p>cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - VD: Đồ dùng học tập gồm có: Thước kẻ, thước đo độ, ê ke, bút chì, bút mực. <p>III. Bài tập tổng hợp:</p> <p>Viết đoạn văn trong có sử dụng các biện pháp tu từ: liệt kê, điệp ngữ.</p> <p>Tôi yêu quê tôi, yêu những hàng tre đung đưa,yêu con sông hiền hoà,yêu cả những đêm trăng thanh bình... Mỗi khi nghĩ về quê hương lòng tôi lại rung rung xúc động.</p>
--	---

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP:

V. Hướng dẫn học sinh làm bài kiểm tra tổng hợp:

1-Về phần văn:

- Văn bản nghị luận: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta, Sự giàu đẹp của Tiếng Việt, Đức tính giản dị của Bác Hồ, ý nghĩa văn chương.

- Văn bản tự sự: Sông chết mặc bay, Những trò lố hay là Va ren và Phan Bội Châu.

- Văn bản nhật dụng: Ca Huế trên sông Hương (bút kí kết hợp nghị luận, miêu tả với biểu cảm).

*. Nắm nội dung cụ thể của các vb đã học.

a, Văn bản nghị luận: (4 vb).

- Nội dung của bài được thể hiện ở nhan đề.

b, Văn bản truyện:

- Sống chết mặc bay: Phản ánh cuộc sống lầm than của người dân, tố cáo quan lại thói nát, vô trách nhiệm.

- Những trò lố...: Phơi bày trò lố bịch của Va-ren trước người anh hùng đầy khí phách cao cả PBC.

* Tóm tắt 2 vb (khoảng 1/2 trang)

c, Văn bản nhật dụng:

- Ca Huế ...: Nét đẹp của 1 di sản văn hoá tinh thần.

2. Về phần tiếng Việt:

- Câu rút gọn, câu chủ động, câu bị động, câu đặc biệt.

- Phép tu từ liệt kê.

- Mở rộng câu bằng cụm C-V và trạng ngữ.

- Dấu câu: dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy, dấu gạch ngang.

3- Về tập làm văn:

- Văn nghị luận chứng minh.

- Văn nghị luận giải thích.

a, Nắm được 1 số vđ chung của văn NL: Đặc điểm, mđ, bố cục, thao tác lập luận.

b, Cách làm bài văn nghị luận.

* **Chú ý:**

- Nắm chắc (thuộc) vb.

- Ôn tập toàn diện, ko học lệch, học tủ.

- Vận dụng kiến thức, KN tổng hợp.

- Trình bày sạch, rõ ràng, viết câu đúng chính tả, đủ thành phần.

- Bài TLV cần đủ 3 phần...

- Cân đối thời gian.

- Khái niệm, phân loại, tác dụng các biện pháp tu từ đã học.

* HDVN: Làm lại các bài tập về liệt kê, điệp ngữ

*. **Củng cố:**

Gv đánh giá tiết học

4. Dặn dò: . Hướng dẫn tự học:

- Ôn lại các khái niệm liên quan đến chuyển đổi kiểu câu, tu từ cú pháp.

- Nhận biết các phép tu từ cú pháp được sử dụng trong văn bản cụ thể.

- Xác định được mục đích sử dụng các phép tu từ cú pháp.
- Xác định được mục đích của việc biến đổi câu trong đoạn văn nhất định.
- Phân tích tác dụng của các câu được biến đổi, các biện pháp tu từ cú pháp trong văn bản.
- Chuẩn bị bài “Kiểm tra tổng hợp học kì”

IV. Rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 33

Bài 32 - Tiết 131,132: KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhằm đánh giá kiến thức cơ bản của học sinh ở cả ba phần : Đọc -hiểu văn bản, Tiếng Việt và Tập làm văn đã học ở kì II lớp 7.
- Khả năng vận dụng những kiến thức và kĩ năng Ngữ văn đã học một cách tổng hợp, toàn diện.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực làm bài kiểm tra tổng hợp cuối năm.
- Năng lực trình bày, diễn đạt, thể hiện sự hiểu biết của mình.
- Thực hành tự luận.
- Đánh giá được chất lượng học tập của bản thân ở để có sự điều chỉnh phù hợp hơn.

3. Phẩm chất: Tự lập, trung thực làm bài.

II. Hình thức đề kiểm tra:

Hình thức :tự luận

Cách tổ chức kiểm tra:HS làm bài trong thời gian :90’

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học:

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số:.....

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

ĐỀ KIỂM TRA

I. VĂN - TIẾNG VIỆT: (5.0 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới :

“Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bốn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công cuộc yêu nước, công việc kháng chiến.”

1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Tác giả là ai? Đoạn văn sử dụng phương thức biểu đạt chính nào? (0.75 điểm)

2. Xác định các câu rút gọn có trong đoạn trích và cho biết rút gọn thành phần nào? (1.0 điểm)

3. Xác định phép liệt kê được sử dụng trong đoạn trích? (0.5 điểm)

4. Tìm cụm chủ - vị dùng để mở rộng câu và phân tích cụ thể mở rộng thành phần gì trong câu sau? (0.75 điểm)

“Bốn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày.”

5. Dựa vào nội dung cơ bản của đoạn văn hãy viết một đoạn văn từ 8 đến 10 câu trình bày suy nghĩ của em về lòng yêu nước của nhân dân ta hiện nay.

II. TẬP LÀM VĂN: (5.0 điểm)

Viết một bài văn nghị luận giải thích câu tục ngữ: *“Uống nước nhớ nguồn”*.

Đáp án đề kiểm tra

I. VĂN - TIẾNG VIỆT: (5.0 điểm)

1. (0,75 điểm)

- Xác định được đúng văn bản: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta. (0.25 điểm)

- Nêu đúng tác giả: Hồ Chí Minh (0.25 điểm)

- Xác định đúng phương thức biểu đạt chính: Nghị luận (0.25 điểm)

2. (1.25 điểm)

- Xác định đúng ba câu rút gọn. Mỗi câu đúng đạt 0.25 điểm

+ Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy.

+ Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm.

+ Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công cuộc yêu nước, công việc kháng chiến.

- Xác định đúng thành phần được rút gọn trong 3 câu là: Chủ ngữ (đạt 0.5 điểm)

c. Xác định đúng phép liệt kê trong câu: Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo... (0.5 điểm)

d. Xác định được cụm C - V dùng để mở rộng câu 0.5 điểm

Phân tích: 0.25 điểm

Bổn phận của chúng ta // là làm cho những của quý kín đáo ấy / đều được

CN

ĐT

C

V

đưa ra trung bày.

=> Mở rộng phần phụ sau cụm động từ.

5. (2 điểm)

- Đảm bảo về hình thức (0.5đ)

- Trình bày đúng nội dung (1.5đ)

+ Ngày nay, tinh thần yêu nước được kế thừa và được biểu hiện trên nhiều phương diện. Khác với thời cha ông, thời cả dân tộc đồng lòng quyết tâm chung 1 lý tưởng đánh giặc cứu nước, giữ nước, và bảo vệ đất nước thì yêu nước được thể hiện ở tinh thần chiến đấu, hi sinh bản thân để cống hiến cho nền hòa bình, độc lập của Tổ Quốc. Ngày nay, trong thời bình, quá trình hội nhập kinh tế, văn hóa, chính trị thì tinh thần yêu nước được thể hiện ở nhiều khía cạnh, lĩnh vực khác nhau. Mỗi người đều có một lý tưởng sống riêng, yêu nước trước hết là làm tròn nghĩa vụ của riêng bản thân, tôn trọng văn hóa, ngôn ngữ dân tộc. Mỗi người cũng lựa chọn riêng cho mình 1 cách riêng để thể hiện lòng yêu nước: có người đi nghĩa vụ canh giữ biên cương, có người lựa chọn cống hiến về tri thức (tham dự cuộc thi quốc tế, giới thiệu vẻ đẹp về quê hương, đất nước Việt Nam...)

+ Nêu 1 số phản biện : còn 1 số người đặc biệt là 1 bộ phận trong giới trẻ còn chưa có tinh thần yêu nước (biểu hiện : nói xấu, chưa có lối sống đúng đắn, tích cực, học hành chểnh mảng., tiếp thu văn hóa ngoại lai một cách thái quá mà đánh mất đi bản sắc dân tộc.....)

+ Bài học rút ra và liên hệ bản thân: Mỗi người cần rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nuôi dưỡng cho mình 1 ước mơ, lý tưởng sống đúng đắn. Bản thân là học sinh, cần thực hiện và hoàn thành tốt công việc học tập,

+ Tóm lại, tinh thần yêu nước vẫn được kế thừa và phát huy, được biểu hiện một cách đa dạng trên nhiều bình diện. Tất cả đều đang cố gắng tiếp nối bước cha anh, luôn nỗ lực cống hiến để đưa đất nước sánh ngang với các cường quốc năm châu. Thế hệ ngày nay vẫn đang làm tốt nhiệm vụ bảo vệ và phát triển đất nước một cách tận tụy và cống hiến nhất.

II. TẬP LÀM VĂN: (5.0 điểm)

A. Yêu cầu chung:

1. Phương pháp lập luận: Giải thích
2. Nội dung giải thích: Làm sáng tỏ vấn đề câu tục ngữ đưa ra: Thương yêu, đùm bọc giúp đỡ nhau trong khó khăn hoạn nạn.
3. Phạm vi giải thích: Vận dụng thực tế cuộc sống để tìm hiểu vấn đề.

B. Yêu cầu cụ thể: Bài viết cần trình bày được các vấn đề lớn sau:

I. Mở bài

Nhớ ơn những người đã giúp đỡ mình, hơn thế nữa, đã tạo nên thành quả cho mình được hưởng, xưa nay vốn là một truyền thống đạo lí tốt đẹp của nhân dân ta. Bởi vậy, tục ngữ có câu: "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây. 'Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng". Cũng cùng ý nghĩa trên, tục ngữ còn có câu "Uống nước nhớ nguồn".

Ngay trong cuộc sống hôm nay, lời dạy đạo lí làm người này càng trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết.

II. Thân bài

1. Giải thích: "Uống nước nhớ nguồn".

+ Uống nước: thừa hưởng hoặc sử dụng thành quả lao động, đấu tranh của các thế hệ trước.

+ Nguồn: chỗ xuất phát dòng nước. Nghĩa bóng: Nguyên nhân dẫn đến, con người hoặc tập thể làm ra thành quả đó.

+ Ý nghĩa: Lời nhắc nhở khuyên nhủ của ông cha ta đối với con cháu, những ai đã, đang và sẽ thừa hưởng thành quả công lao của người đi trước.

2. Tại sao uống nước phải nhớ nguồn?

- Trong thiên nhiên và xã hội, không có một sự vật, một thành quả nào mà không có nguồn gốc, không do công sức lao động tạo nên.

- Của cải vật chất các thứ do bàn tay người lao động làm ra. Đất nước giàu đẹp do cha ông gây dựng, gìn giữ tiếp truyền. Con cái là do các bậc cha mẹ sinh thành dưỡng dục. Vì thế, nhớ nguồn là đạo lí tất yếu.

- Lòng biết ơn là tình cảm đẹp xuất phát từ lòng trân trọng công lao những người “trồng cà” phục vụ cho biết bao người “ăn trái”.

Ai ơi bung bát cơm đầy Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Khi “bung bát cơm đầy”, ta phải biết trân trọng, nhớ ơn những ai đã “một nắng hai sương”, “muôn phần cay đắng” để làm nên “đẻo thơm một hạt”. Nói cách khác, được thừa hưởng cuộc sống tự do, thanh bình, no ấm ta phải khắc ghi công lao các anh hùng liệt sĩ.

... Uống nước nhớ nguồn là nền tảng vững chắc tạo nên một xã hội thân ái đoàn kết. Lòng vô ơn, bội bạc sẽ khiến con người ích kỉ, ăn bám gia đình, xã hội.

3. Phải làm gì để “nhớ nguồn”?

- Tự hào với lịch sử anh hùng và truyền thống văn hóa vẻ vang của dân tộc, ra sức bảo vệ và tích cực học tập, lao động góp phần xây dựng đất nước.

- Có ý thức gìn giữ bản sắc, tinh hoa của dân tộc Việt Nam mình, và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa nước ngoài.

- Có ý thức tiết kiệm, chống lãng phí khi sử dụng thành quả lao động của mọi người.

III. Kết bài

- Khẳng định giá trị của câu tục ngữ trong tình hình thực tế đời sống hiện nay.

- Nhớ nguồn trước hết là nhớ ơn cha mẹ, thầy cô những người đã sinh thành, dưỡng dục, dạy dỗ chúng ta thành người hữu dụng. Ngoài ra, còn phải nhớ ơn xã hội đã giúp đỡ ta.

- Phải sống sao xứng đáng trọn nghĩa trọn tình theo đúng truyền thống đạo lí tốt đẹp của cha ông.

2. Hình thức: (1.5 điểm)

Viết đúng bài nghị luận giải thích. (0.5 điểm)

Luận điểm rõ ràng, lí lẽ thuyết phục, lập luận chặt chẽ. (0.5 điểm)

Dùng từ, đặt câu chuẩn mực, chữ viết cẩn thận, không sai chính tả, trình bày sạch. (0.5 điểm)

3. Sáng tạo cá nhân: (0.5 điểm)

Thể hiện được sự sáng tạo của bản thân trong quá trình làm bài về nội dung hoặc hình thức.

(Giáo viên căn cứ vào cách diễn đạt của học sinh để chấm điểm phù hợp.

4. Dặn dò:

- làm lại bài kiểm tra

- Soạn bài "Chương trình địa phương"

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 33 - Tiết 133: Chương trình địa phương
(Phần Văn và Tập làm văn)

I. MỤC TIÊU

Bài 33 - Tiết 134: Chương trình địa phương
(Phần Văn và Tập làm văn)

Bài 33 - Tiết 135: HOẠT ĐỘNG NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm chắc yêu cầu đọc diễn cảm văn nghị luận.
- Biết cách đọc diễn cảm văn nghị luận.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Xác định được giọng văn nghị luận của toàn bộ văn bản.
- Xác định được ngữ điệu cần có ở những câu văn nghị luận cụ thể trong bài văn.

- Trình bày đọc diễn cảm trước lớp.
- Lắng nghe và nhận xét ưu, nhược điểm của bạn.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, ý thức trách nhiệm cao trong việc thực hiện yêu cầu của giáo viên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, một số câu tục ngữ cùng chủ đề nhắc học sinh soạn bài

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Soạn bài
- Suu tầm các câu tục ngữ cùng chủ đề

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
 - Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi
 - Sản phẩm hoạt động: Kể được các văn bản nghị luận đã học
 - Phương án kiểm tra, đánh giá:
- + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi

+ Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu câu hỏi: Kể tên các văn bản nghị luận mà em đã học và tác giả ?
- Phương án thực hiện: Thảo luận cặp đôi

- Thời gian: 2 phút

- Sản phẩm: tên các văn bản

2. Thực hiện nhiệm vụ:

*. Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

HD cá nhân sau đó hđ cặp đôi

*. Giáo viên:

- Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh
- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu hs trao đổi thảo luận cặp đôi

3. Báo cáo kết quả: Đại diện báo cáo kq

4. Nhận xét, đánh giá:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá:
 - + tinh thần, ý thức hoạt động học tập
 - + kết quả làm việc
 - + bổ sung thêm nội dung (nếu cần)
- => Vào bài và chuyển sang hđ 2

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HD 1: Đọc văn bản nghị luận

- Mục tiêu: Giúp học sinh
- Đọc đúng: phát âm đúng, ngắt câu đúng, mạch lạc, rõ ràng.
- Đọc diễn cảm: Thể hiện rõ từng luận điểm trong mỗi văn bản, giọng điệu riêng của từng văn bản.
- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình
- Phương thức thực hiện:
- + Hoạt động cá nhân
- + Hoạt động chung cả lớp
- Sản phẩm hoạt động:
- + nội dung hs trình bày
- + phiếu học tập của nhóm
- Phương án kiểm tra, đánh giá
- + Học sinh tự đánh giá.
- + Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- + Giáo viên đánh giá.
- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu: Đọc các văn bản nghị luận
- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Đọc
- Giáo viên: Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày
- Dự kiến sản phẩm: Đọc theo yêu cầu

3. Báo cáo kết quả:

- Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình
- Học sinh khác bổ sung

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- GV bổ sung, nhấn mạnh nd tư tưởng

II. Hướng dẫn tổ chức đọc:

1. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta:

Giọng chung toàn bài: hào hùng, phấn chấn, dứt khoát, rõ ràng.

*Đoạn mở đầu:

- Hai câu đầu: Nhấn mạnh các từ ngữ "nồng nàn" đó là giọng khẳng định chắc nịch.
- Câu 3: Ngắt đúng về câu trạng ngữ (1,2); Cụm chủ - vị chính, đọc mạnh dạn, nhanh dần, nhấn đúng mức các động từ và tính từ làm vị ngữ, định ngữ: sôi nổi, kết, mạnh mẽ, to lớn, lướt, nhấn chìm tất cả...
- Câu 4,5,6 ;
- +Nghỉ giữa câu 3 và 4.
- +Câu 4 : đọc chậm lại, rành mạch, nhấn mạnh từ *có, chứng tỏ*.
- +Câu 5 : giọng liệt kê.
- +Câu 6 : giảm cường độ giọng đọc nhỏ hơn, lưu ý các ngữ điệu, đảo : Dân tộc anh hùng và anh hùng dân tộc.

Gọi từ 2 - 3 học sinh đọc đoạn này. HS và GV nhận xét cách đọc.

* Đoạn thân bài:

- Giọng đọc cần liền mạch, tốc độ nhanh hơn một chút.
- +Câu : *Đồng bào ta ngày nay,...* cần đọc chậm, nhấn mạnh ngữ : *Cũng rất xứng đáng*, tỏ rõ ý liên kết với đoạn trên.
- +Câu : *Những cử chỉ cao quý đó,...* cần đọc nhấn mạnh các từ : *Giống nhau, khác nhau*, tỏ rõ ý sơ kết, khái quát.
- Chú ý các cặp quan hệ từ : Từ - đến, cho đến.

- Gọi từ 4 -5 hs đọc đoạn này. Nhận xét cách đọc.

*Đoạn kết:

- Giọng chậm và hơi nhỏ hơn .
- +3 câu trên : Đọc nhấn mạnh các từ : *Cũng như, nhưng*.
- +2 câu cuối : Đọc giọng giảng giải, chậm và khúc chiết, nhấn mạnh các ngữ : *Nghĩa là phải* và các động từ làm vị ngữ : *Giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho,...*

Gọi 3 -4 hs đọc đoạn này, GV nhận xét cách đọc.

- Nếu có thể :

+ Cho HS xem lại 2 bức ảnh Đoàn chủ tịch Đại hội Đảng Lao động Việt Nam lần thứ II ở Việt Bắc và ảnh chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Báo cáo chính trị tại Đại hội.

- GV hoặc 1 HS có khả năng đọc diễn cảm khá nhất lớp đọc lại toàn bài 1 lần.

2- Sự giàu đẹp của tiếng Việt

Nhìn chung, cách đọc văn bản nghị luận này là : giọng chậm rãi, trầm đằm, tình cảm tự hào.

* Đọc 2 câu đầu cần chậm và rõ hơn, nhấn mạnh các từ ngữ : tự hào , tin tưởng.

* Đoạn : *Tiếng Việt có những đặc sắc ... thời kì lịch sử :*

Chú ý từ điệp *Tiếng Việt* ; ngữ mang tính chất giảng giải : *Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng...*

* Đoạn : *Tiếng Việt... văn nghệ.* v.v..đọc rõ ràng, khúc chiết, lưu ý các từ in nghiêng : *chất nhạc, tiếng hay...*

* Câu cuối cùng của đoạn : Đọc giọng khẳng định vững chắc.

Trọng tâm của tiết học đặt vào bài trên nên bài này chỉ cần gọi từ 3 -4 hs đọc từng đoạn cho đến hết bài.

- GV nhận xét chung.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã ôn tập ở phần bài học.

- Phương thức thực hiện: hđ cá nhân, hđ nhóm

- Sản phẩm hoạt động: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện hệ thống hóa các VB đã học.

- Tiến trình:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu:

- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện hệ thống hóa các VB đã học.

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Làm việc cá nhân -> Thảo luận nhóm -> thống nhất ý kiến

- Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh khi cần thiết

3. Báo cáo kết quả:

- Tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo kết quả

- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu 1 hoặc 2 nhóm lên trình bày kết quả

- Học sinh nhóm khác bổ sung

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu: hs vận dụng kt đã học vận dụng vào thực tế cuộc sống để học tập và phát huy

- Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

- Sản phẩm hoạt động: Viết ra giấy rồi trình bày bằng miệng của học sinh

- Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

- Tiến trình hoạt động

+Gv nêu nhiệm vụ, HS tiếp nhận nv

Qua văn bản “Tinh thần...” em cần làm gì để giữ gìn và phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân ta?

+Hs trình bày – hs khác bổ sung

+Gv bổ sung thêm

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Mục tiêu:khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá

- Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân ở nhà

- Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày trên giấy của học sinh

- Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

- Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

- Kể tên một số văn bản nghị luận xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

HS tiếp nhận nhiệm vụ về nhà thực hiện

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm chắc yêu cầu đọc diễn cảm văn nghị luận.
- Biết cách đọc diễn cảm văn nghị luận.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Xác định được giọng văn nghị luận của toàn bộ văn bản.
- Xác định được ngữ điệu cần có ở những câu văn nghị luận cụ thể trong bài văn.
- Trình bày đọc diễn cảm trước lớp.
- Lắng nghe và nhận xét ưu, nhược điểm của bạn.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, ý thức trách nhiệm cao trong việc thực hiện yêu cầu của giáo viên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, một số câu tục ngữ cùng chủ đề nhắc học sinh soạn bài

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Soạn bài
- Suu tầm các câu tục ngữ cùng chủ đề

III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.
- Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi
- Sản phẩm hoạt động: Kể được các văn bản nghị luận đã học
- Phương án kiểm tra, đánh giá:
 - + Học sinh đánh giá và học tập nhau khi trình bày, báo cáo sản phẩm và nhận xét trao đổi
 - + Giáo viên đánh giá học sinh thông qua quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Tiến trình hoạt động:
 1. Chuyển giao nhiệm vụ
 - GV nêu câu hỏi: Kể tên các văn bản nghị luận mà em đã học và tác giả ?

- Phương án thực hiện: Thảo luận cặp đôi
 - Thời gian: 2 phút
 - Sản phẩm: tên các văn bản
 - 2. Thực hiện nhiệm vụ:
 - *. Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ
 HĐ cá nhân sau đó hđ cặp đôi
 - *. Giáo viên:
 - Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh
 - Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu hs trao đổi thảo luận cặp đôi
 - 3. Báo cáo kết quả: Đại diện báo cáo kq
 - 4. Nhận xét, đánh giá:
 - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá:
 - + tinh thần, ý thức hoạt động học tập
 - + kết quả làm việc
 - + bổ sung thêm nội dung (nếu cần)
- => Vào bài và chuyển sang hđ 2

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HĐ 1: Đọc văn bản nghị luận

- Mục tiêu: Giúp học sinh
 - Đọc đúng: phát âm đúng, ngắt câu đúng, mạch lạc, rõ ràng.
 - Đọc diễn cảm: Thể hiện rõ từng luận điểm trong mỗi văn bản, giọng điệu riêng của từng văn bản.
- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình
- Phương thức thực hiện:
 - + Hoạt động cá nhân
 - + Hoạt động chung cả lớp
- Sản phẩm hoạt động:
 - + nội dung hs trình bày
 - + phiếu học tập của nhóm
- Phương án kiểm tra, đánh giá
 - + Học sinh tự đánh giá.
 - + Học sinh đánh giá lẫn nhau.
 - + Giá viên đánh giá.
- Tiến trình hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu: Đọc các văn bản nghị luận
- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Đọc
- Giáo viên: Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày
- Dự kiến sản phẩm: Đọc theo yêu cầu

3. Báo cáo kết quả:

- Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình
- Học sinh khác bổ sung

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- GV bổ sung, nhấn mạnh nd tư tưởng

3/ Đức tính giản dị của Bác Hồ

* Giọng chung: Nhiệt tình, ngợi ca, giản dị mà trang trọng. Các câu văn trong bài, nhìn chung khá dài, nhiều vế, nhiều thành phần nhưng vẫn rất mạch lạc và nhất quán. Cần ngắt câu cho đúng. Lại cần chú ý các câu cảm có dấu (!)

* Câu 1 : Nhấn mạnh ngữ : *sự nhất quán, lay trời chuyển đất.*

* Câu 2 : Tăng cảm xúc ngợi ca vào các từ ngữ: *Rất lạ lùng, rất kì diệu;* nhịp điệu liệt kê ở các dòng trạng ngữ, đồng vị ngữ : *Trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp.*

* Đoạn 3 và 4 : *Con người của Bác ... thế giới ngày nay:* Đọc với giọng tình cảm ấm áp, gần với giọng kể chuyện. Chú ý nhấn giọng ở các từ ngữ *càng, thực sự văn minh...*

* Đoạn cuối :

- Cần phân biệt lời văn của tác giả và trích lời của Bác Hồ. Hai câu trích cần đọc giọng hùng tráng và thống thiết.

- Văn bản này cũng không phải là trọng tâm của tiết 128, nên sau khi hướng dẫn cách đọc chung, chỉ gọi 2- 3 HS đọc 1 lần.

4/ Ý nghĩa văn chương

Xác định giọng đọc chung của văn bản : giọng chậm, trữ tình giản dị, tình cảm sâu lắng, thấm thía.

* 2 câu đầu: giọng kể chuyện lâm li, buồn thương, câu thứ 3 giọng tình tào, khái quát.

* Đoạn : *Câu chuyện có lẽ chỉ là ... gọi lòng vị tha:*

- Giọng tâm tình thủ thỉ như lời trò chuyện.

* Đoạn : *Vậy thì ... hết* : Tiếp tục với giọng tâm tình, thủ thỉ như đoạn 2.

- Lu ý câu cuối cùng , giọng ngạc nhiên như không thể hình dung nổi được cảnh tượng nếu xảy ra.

- GV đọc trước 1 lần. HS khá đọc tiếp 1 lần, sau đó lần lượt gọi 4- 7 HS đọc từng đoạn cho hết.

III/ GV tổng kết chung hoạt động luyện đọc văn bản nghị luận:

- So HS được đọc trong 2 tiết, chất lượng đọc, kĩ năng đọc; những hiện tượng cần lưu ý khắc phục.

- Những điểm cần rút ra khi đọc văn bản nghị luận.

+ Sự khác nhau giữa đọc văn bản nghị luận và văn bản tự sự hoặc trữ tình.

Điều chủ yếu là văn nghị luận cần trước hết ở giọng đọc rõ ràng, mạch lạc, rõ luận điểm và lập luận. Tuy nhiên , vẫn rất cần giọng đọc có cảm xúc và truyền cảm.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã ôn tập ở phần bài học.

- Phương thức thực hiện: hđ cá nhân, hđ nhóm

- Sản phẩm hoạt động: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện hệ thống hóa các VB đã học.

- Tiến trình:

1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu:

- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện hệ thống hóa các VB đã học.

2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Làm việc cá nhân -> Thảo luận nhóm -> thống nhất ý kiến

- Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh khi cần thiết

3. Báo cáo kết quả:

- Tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo kết quả

- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu 1 hoặc 2 nhóm lên trình bày kết quả

- Học sinh nhóm khác bổ sung

4. Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu: hs vận dụng kt đã học vận dụng vào thực tế cuộc sống để học tập và phát huy

- Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

- Sản phẩm hoạt động: Viết ra giấy rồi trình bày bằng miệng của học sinh

- Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

- Tiến trình hoạt động

+Gv nêu nhiệm vụ, HS tiếp nhận nv

Qua tiết hoạt động ngữ văn này, em có nhận xét gì về vai trò của việc luyện đọc đối với việc cảm thụ các tác phẩm văn học nghị luận nói riêng và văn nghị luận nói chung ?

+Hs trình bày – hs khác bổ sung

+Gv bổ sung thêm

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Mục tiêu:khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá

- Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân ở nhà

- Sản phẩm hoạt động: Phần trình bày trên giấy của học sinh

- Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá học sinh

- Gv đánh giá học sinh

- Tiến trình hoạt động

Gv nêu nhiệm vụ:

- Kể tên một số văn bản nghị luận xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

HS tiếp nhận nhiệm vụ về nhà thực hiện

IV. Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Bài 33 - Tiết 137: CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Một số lỗi chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Khắc phục được một số lỗi chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.
- Tự làm các bài tập về từ ngữ, chính tả.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

1. Ôn định lớp
2. Kiểm tra bài cũ:
3. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
- GV nêu yêu cầu của tiết học.	<i>I- Nội dung luyện tập:</i> Viết đúng tiếng có phụ âm đầu dễ mắc lỗi như tr/ch, s/x, r/d/gi, l/n. <i>II- Một số hình thức luyện tập:</i> <i>1- Viết các dạng bài chứa các âm, dấu thanh dễ mắc lỗi:</i>

- GV đọc

Trước mũi thuyền là một không gian rộng thoáng để vua hóng mát ngắm trăng, giữa là một sàn gỗ bào nhẵn có mũi vòm được trang trí lộng lẫy, xung quanh thuyền có hình rồng và trước mũi là một đầu rồng như muốn bay lên. Trong khoang thuyền, dàn nhạc gồm đàn tranh, đàn nguyệt, tì bà, nhị, đàn tam. Ngoài ra còn có đàn bầu, sáo và cặp sanh để gõ nhịp.

- HS nhớ lại bài thơ và viết theo trí nhớ.

- Điền một chữ cái, một dấu thanh hoặc một vần vào chỗ trống:

+ Điền ch hoặc tr vào chỗ trống ?

+ Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã vào những tiếng in đậm ?

- Điền một tiếng hoặc một từ chứa âm, vần dễ mắc lỗi vào chỗ trống:

+ Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống (giành, danh) ?

+ Điền các tiếng sĩ hoặc sĩ vào chỗ thích hợp ?

- Tìm từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất:

+ Tìm từ chỉ hoạt động trạng thái bắt đầu bằng ch (chạy) hoặc bằng tr (trèo)?

+ Tìm các từ chỉ đặc điểm, tính chất có

a- Nghe viết một đoạn văn trong bài Ca Huế trên sông Hương- Hà ánh Minh:

Đêm. Thành phố lên đèn như sao sa. Màn sương dày dần lên, cảnh vật mờ đi trong một màu trắng đục. Tôi như một lữ khách thích giang hồ với hồn thơ lai láng, tình người nồng hậu bước xuống một con thuyền rồng, có lẽ con thuyền này xa kia chỉ dành cho vua chúa.

b- Nhớ- viết bài thơ Qua Đèo Ngang- Bà Huyện Thanh Quan:

2- Làm các bài tập chính tả:

a- Điền vào chỗ trống:

- Chân lí, chân châu, trân trọng, chân thành.

- Mâu chuyện, thân mẫu, tình mẫu tử, mâu bút chì.

- Dành dụm, để dành, tranh giành, giành độc lập.

- Liêm sĩ, dũng sĩ, sĩ khí, sĩ vả.

b- Tìm từ theo yêu cầu:

- Chơi bời, chuồn thẳng, chán nản, choáng váng, cheo leo.

<p>thanh hỏi (khỏe) hoặc thanh ngã (rõ) ?</p> <p>- Tìm từ hoặc cụm từ dựa theo nghĩa và đặc điểm ngữ âm đã cho sẵn, ví dụ tìm những từ chứa tiếng có thanh hỏi hoặc thanh ngã, có nghĩa như sau:</p> <p>+ Trái nghĩa với chân thật ?</p> <p>+ Đồng nghĩa với từ biệt ?</p> <p>+ Dùng chày với cối làm cho giập nát hoặc tróc lớp vỏ ngoài ?</p> <p>- Đặt câu với mỗi từ : lên, nên ?</p> <p>- Đặt câu để phân biệt các từ: vội, dội?</p>	<p>- Lẻo khỏe, dững mãnh.</p> <p>- Giả dối.</p> <p>- Từ giả.</p> <p>- Giã gạo.</p> <p><i>c- Đặt câu phân biệt các từ chứa những tiếng dễ lẫn:</i></p> <p>- Mẹ tôi lên nương trồng ngô. Con cái muốn nên người thì phải nghe lời cha mẹ.</p> <p>- Vì sợ muộn nên tôi phải vội vàng đi ngay. Nước mưa từ trên mái tôn dội xuống ầm ầm.</p>
--	---

4. Củng cố:

GV đánh giá tiết học

- Đọc lại các bài làm văn của chính mình, phát hiện và sửa lỗi chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

- Chuẩn bị bài “ Kiểm tra kì II”

IV. Rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 33-Tiết
ôn tập tiếng việt (tiếp)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống hoá kiến thức về các phép biến đổi kiểu câu.

- Hệ thống hoá kiến thức về các phép tu từ cú pháp.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Xác định được các loại dấu câu.
- Nắm được công dụng của từng loại dấu câu.
- Phân biệt được các kiểu câu đơn.
- Sử dụng đúng dấu câu và các kiểu câu đơn trong giao tiếp và tạo lập văn bản.
- Lập sơ đồ hệ thống hóa kiến thức.
- Lập sơ đồ hệ thống hóa kiến thức về các phép biến đổi câu và các phép tu từ cú pháp.

3. Phẩm chất:

- Có tinh thần trách nhiệm cao, ý thức trong việc tự ôn tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

• Mục tiêu

- Tạo tâm thế hứng thú cho H.
- Kích thích H tìm hiểu nội dung bài học

• Nhiệm vụ: H chuẩn bị ở nhà

• Phương pháp thực hiện: Hoạt động cặp đôi

• Yêu cầu sản phẩm: Câu trả lời

• Cách tiến hành

*** Công dụng của các dấu:**

- Dấu chấm.
- Dấu phẩy.
- Dấu chấm phẩy.
- Dấu chấm lửng.

- Dấu gạch ngang.

***Các kiểu câu đơn.**

1. Phân loại theo mục đích nói

+ Câu nghi vấn (?)

+ Câu trần thuật (.)

+ Câu cầu khiến (!)

+ Câu cảm thán (!)

Gv dẫn vào bài

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức
<p>HD 1 : Các phép biến đổi câu</p> <ul style="list-style-type: none">• Mục tiêu : Giúp H<ul style="list-style-type: none">- Nắm được các phép biến đổi câu : Thêm, bớt thành phần câu<ul style="list-style-type: none">+ Rút gọn câu+ Mở rộng câu- Chuyển đổi kiểu câu• Nhiệm vụ : H nghe câu hỏi• Phương pháp thực hiện : Thảo luận nhóm, đàm thoại.• Yêu cầu sản phẩm : Kết quả bằng phiếu học tập.• Cách tiến hành <p>1. G chuyển giao nhiệm vụ cho H :</p> <p>Thảo luận nhóm</p> <p>? Có mấy phép biến đổi câu ?Có thể biến đổi câu bằng cách nào?</p> <p>? Thế nào là rút gọn câu ?</p> <p>? Rút gọn câu nhằm mục đích gì ?</p> <p>Ví dụ : Ăn quả nhớ kẻ trồng cây</p> <p>?Lấy ví dụ về mở rộng câu</p> <p>Cho 1 câu đơn :</p> <p>- Hoa xoan nở rộ.</p> <p>Thêm thành phần trạng ngữ</p>	<p>I. Lý thuyết</p> <p><u>1. Các phép biến đổi câu</u></p> <p>a. Có 2 phép biến đổi câu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thêm bớt thành phần câu<ul style="list-style-type: none">+ Rút gọn câu+ Mở rộng câu: Bằng trạng ngữ <p style="text-align: right;">Bằng cụm chủ - vị</p> <p>b. Chuyển đổi kiểu câu</p> <ul style="list-style-type: none">- Chuyển câu chủ động thành câu bị động

<p>Tháng ba, hoa xoan nở rộ. -> Mở rộng câu: Bằng cụm chủ – vị - Chuột chạy -> <u>Chuột chạy</u>// <u>làm lo hoa/ bị vỡ.</u></p> <p style="text-align: center;">c v C v</p> <p>? Cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động? Vd :Người ta trồng cây nhãn ở trong vườn. -> Cây nhãn được người ta trồng ở trong vườn.</p> <p>Mục đích của biến đổi câu</p> <p>2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - H đọc yêu cầu - H hoạt động cá nhân - H thảo luận nhóm + Đại diện nhóm trình bày <p>* Tác dụng: - Nội dung ý nghĩa của câu thêm cụ thể. - Tạo nhiều kiểu câu, linh hoạt trong khi nói, viết, tránh lặp từ, tăng hiệu quả diễn đạt. ?HS lập sơ đồ Gv phân tích trên sơ đồ và đánh giá quá trình hoạt động nhóm, đánh giá sản phẩm của H.</p> <p>HD 2 : Các phép tu từ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu : Giúp H <p>-Nắm được các phép tu từ. + Điệp ngữ + Liệt kê</p> <p>-Chuyển đổi kiểu câu.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhiệm vụ : H làm việc ở nhà • Phương pháp thực hiện : Thảo luận nhóm, đàm thoại. • Yêu cầu sản phẩm : Kết quả bằng 	<p>* Tác dụng: - Nội dung ý nghĩa của câu thêm cụ thể. - Tạo nhiều kiểu câu, linh hoạt trong khi nói, viết, tránh lặp từ, tăng hiệu quả diễn đạt. * Ví dụ:Lập sơ đồ</p> <p>2. Các phép tu từ</p> <p>a. Liệt kê là gì ? Là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư tưởng, tình cảm. Vd :</p> <p>b. Các kiểu liệt kê - Xét về cấu tạo : + Liệt kê theo từng cặp +không theo từng cặp</p>
--	---

phiếu học tập.

- **Cách tiến hành**

1. G chuyển giao nhiệm vụ cho H :

Thảo luận nhóm

- ? Các biện pháp tu từ đã học ở lớp 7?

- H. Nêu khái niệm

? Thế nào là liệt kê ?

Các kiểu liệt kê ?

? Đặt 1 câu nói về hoạt động ở sân trường có sử dụng phép liệt kê ?

? Thế nào là điệp ngữ ?

Các kiểu điệp ngữ?

? Tìm ví dụ có sử dụng điệp ngữ? Tác dụng?

Lấy ví dụ về điệp ngữ?

- Cháu chiến...thơ

- điệp từ vì

tác dụng.... :

Ví dụ: Chỉ ra các kiểu kiểu điệp ngữ trong bài thơ *cảnh khuya* của Hồ Chí Minh

- “lòng”: Cách quãng” “ Chưa ngủ: chuyển tiếp

2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- H đọc yêu cầu

- H hoạt động cá nhân

- H thảo luận nhóm

+ Đại diện nhóm trình bày

- G đánh giá quá trình hoạt động nhóm, đánh giá sản phẩm của H.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết để làm bài tập

- **Nhiệm vụ:** H suy nghĩ, trình bày

- **Phương thức thực hiện:** Hoạt động cặp đôi

- **Yêu cầu sản phẩm:** Câu trả lời

- Xét về ý nghĩa:

+ Liệt kê tăng tiến

+không tăng tiến

3. Điệp ngữ.

a. Khái niệm : Khi nói hoặc viết người ta có thể dùng biện pháp lặp đi lặp lại từ ngữ (hoặc cả 1 câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại như vậy gọi là phép điệp ngữ ; từ ngữ được lặp lại gọi là điệp ngữ.

b. Các kiểu điệp ngữ

- Điệp ngữ cách quãng, điệp ngữ nối tiếp, điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)

II. Luyện tập

Bài 1.

a, Cho ví dụ về câu đơn bình thường.

Mở rộng câu (theo 2 cách).

b, Cho ví dụ về câu chủ động (bị động).

<p>1. G chuyển giao nhiệm vụ cho H. Trao đổi cặp đôi</p> <p>2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ. - H đọc yêu cầu - Trao đổi cặp đôi a, Cho ví dụ về câu đơn bình thường. Mở rộng câu (theo 2 cách). b, Cho ví dụ về câu chủ động (bị động). Biến đổi kiểu câu thành bị động (chủ động). Các nhóm trình bày... Thảo luận sửa lỗi - H. Trình bày, nhận xét, bổ sung. Gv hướng dẫn cách viết: Hình thức, nội dung. - G. Chữa bài, nhận xét câu trả lời của H chốt.</p>	<p>Biến đổi kiểu câu thành bị động (chủ động).</p> <p>Bài 2: Cho ví dụ về các phép liệt kê khác nhau. Nêu tác dụng của phép liệt kê.</p> <p>Bài 3. Viết đoạn văn (3 - 5 câu) có sử dụng câu bị động.</p> <p>Bài 4 Viết đoạn văn (3 - 5 câu) có sử dụng câu mở rộng thành phần(trạng ngữ, dùng cụm C- V để mở rộng câu</p>
--	---

HD: Vận dụng

- **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

- **Nhiệm vụ:** H suy nghĩ, trình bày

- **Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân

- **Yêu cầu sản phẩm:** Câu trả lời

* Cách tiến hành

1. G chuyển giao nhiệm vụ cho H

Viết đoạn văn (3 - 5 câu) có sử dụng câu bị động.

2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

-Đọc yêu cầu

-Suy nghĩ trả lời

- G nhận xét bài làm của H

- G khái quát

HD: Tìm tòi, mở rộng

- **Mục tiêu:** H mở rộng vốn kiến thức đã học

- **Nhiệm vụ:** H về nhà tìm hiểu, liên hệ

- **Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân

- **Yêu cầu sản phẩm:** Câu trả lời

* Cách tiến hành

1. G chuyển giao nhiệm vụ cho H

- Tìm những đoạn văn, thơ có sử dụng phép liệt kê, điệp ngữ.

2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

Tiết 130

Hướng dẫn

làm bài kiểm tra tổng hợp

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giúp HS nắm được trọng tâm kiến thức và cách làm một bài Kiểm tra tổng hợp.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Vận dụng được kiến thức để làm bài tập ôn tập.

- Tạo lập được đoạn văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất:

- Yêu thích bộ môn.

- Có ý thức, tinh thần trách nhiệm cao trong việc tìm tòi tư liệu, bài tập tham khảo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn tập bài.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

• Mục tiêu

- Tạo tâm thế hứng thú cho H.

- Kích thích H tìm hiểu nội dung bài học

• Nhiệm vụ: H chuẩn bị ở nhà

- **Phương pháp thực hiện:** Hoạt động cặp đôi
- **Yêu cầu sản phẩm:** Câu trả lời
- **Cách tiến hành**

HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức
<p>HD 1 : Các tác phẩm truyện</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu : Giúp H <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung & nghệ thuật. + Giải thích nhan đề + Tóm tắt văn bản • Nhiệm vụ : H nghe câu hỏi • Phương pháp thực hiện : Thảo luận nhóm, đàm thoại. • Yêu cầu sản phẩm : Kết quả bằng phiếu học tập. • Cách tiến hành <p>1. G chuyển giao nhiệm vụ cho H : Thảo luận nhóm</p> <p>2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - H đọc yêu cầu - H hoạt động cá nhân - H thảo luận nhóm + Đại diện nhóm trình bày - G đánh giá quá trình hoạt động nhóm, đánh giá sản phẩm của H. <p>HD 2 : Phần TV</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu : Giúp H <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các kiểu câu, dấu câu, cách nhận diện, biến đổi câu. + Đặc điểm của dấu câu. + Công dụng của dấu câu. 	<p><u>I. Phần văn</u></p> <p>1. Văn bản nghị luận: (4 vb).</p> <p>a. Nội dung của bài được thể hiện ở nhan đề.</p> <p>b. Văn bản truyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sống chết mặc bay: Phản ánh cuộc sống lầm than của người dân, tố cáo quan lại thối nát, vô trách nhiệm. - Đọc thêm: Những trò lố...: Phơi bày trò lố bịch của Va-ren trước người anh hùng đầy khí phách cao cả PBC. <p>* Tóm tắt 2 vb (khoảng 1/2 trang)</p> <p>c, Văn bản nhật dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ca Huế ...: Nét đẹp của 1 di sản văn hoá tinh thần. <p><u>II. Phần TV</u></p> <p>a. Nắm được kiểu câu: câu rút gọn, câu đặc biệt, câu chủ động, câu bị động.</p> <p>b. Cách nhận diện, biến đổi câu.</p> <p>c. Đặc điểm, tác dụng của phép liệt kê.</p> <p>* Vận dụng viết đoạn văn kết hợp các</p>

<p>bằng phiếu học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cách tiến hành <p>1. G chuyển giao nhiệm vụ cho H : Thảo luận nhóm</p> <p>? Cách làm bài văn NL? Bố cục bài GT, CM? - G. Nhấn những điều cần lưu ý khi làm bài. - Cách trình bày, thời gian.</p> <p>2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - H đọc yêu cầu - H hoạt động cá nhân - H thảo luận nhóm <p>+ Đại diện nhóm trình bày - G đánh giá quá trình hoạt động nhóm, đánh giá sản phẩm của H.</p>	<p>hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày sạch, rõ ràng, viết câu đúng chính tả, đủ thành phần. - Bài TLV cần đủ 3 phần... - Cân đối thời gian.
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết để làm bài tập
- **Nhiệm vụ:** H suy nghĩ, trình bày
- **Phương thức thực hiện:** Hoạt động cặp đôi
- **Yêu cầu sản phẩm:** Câu trả lời

1. G chuyển giao nhiệm vụ cho H: Trao đổi cặp đôi

2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.

- H đọc yêu cầu
- Trao đổi cặp đôi

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.
- **Nhiệm vụ:** H suy nghĩ, trình bày
- **Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân
- **Yêu cầu sản phẩm:** Câu trả lời

* Cách tiến hành

1. G chuyển giao nhiệm vụ cho H

Viết đoạn văn mở bài hoặc kết bài cho một đề cụ thể?

2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Đọc yêu cầu
- Suy nghĩ trả lời
- Nhận xét bài làm của H
- G khái quát

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- **Mục tiêu:** H mở rộng vốn kiến thức đã học
 - **Nhiệm vụ:** H về nhà tìm hiểu, liên hệ
 - **Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân
 - **Yêu cầu sản phẩm:** Câu trả lời
- * Cách tiến hành
1. G chuyển giao nhiệm vụ cho H
 - Tìm những đoạn văn, thơ có sử dụng phép liệt kê, điệp ngữ.
 2. H tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

Tiết kiểm tra tổng hợp cuối năm

A. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức:

- Nhằm đánh giá kiến thức cơ bản của học sinh ở cả ba phần : Đọc -hiểu văn bản, Tiếng Việt và Tập làm văn đã học ở kì II lớp 7.
- Khả năng vận dụng những kiến thức và kĩ năng Ngữ văn đã học một cách tổng hợp, toàn diện.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực làm bài kiểm tra tổng hợp cuối năm.
- Năng lực trình bày, diễn đạt, thể hiện sự hiểu biết của mình.
- Thực hành tự luận.
- Đánh giá được chất lượng học tập của bản thân ở để có sự điều chỉnh phù hợp hơn.

3. Phẩm chất: Tự lập, trung thực làm bài.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: đề kiểm tra

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn tập bài.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Ma trận đề

Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	V. dụng	Tổng
Nội dung				
Tục ngữ		c2. b		
Số câu		1		1
Số điểm		2		2
Văn bản	c2. a			
Số câu	1			1
Số điểm	1			1
Tiếng việt	c1			
Số câu	1			1
Số điểm	2			2
T. làm văn			Viết bài văn nghị luận c.m	
Số câu			1	1
Số điểm			5	5
T. số câu				4
T. số điểm				10

Câu1: (2đ)

a, Căn cứ vào sách giáo khoa Ngữ văn 7- tập 2 hãy cho biết: Câu đặc biệt được dùng để làm gì? cho Vd minh họa?

b, Cho đoạn văn sau :

“Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo

trong rương, trong hòm. Bỏ phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.”

(*Hồ Chí Minh*)

- Tìm câu rút gọn?
- Tìm câu bị động?
- Tìm phép liệt kê?

Câu 2: (3đ)

- a. Dựa vào phần chú thích văn bản: “Đức tính giản dị của Bác Hồ”em hãy giới thiệu về thân thế, sự nghiệp của tác giả Phạm Văn Đồng?
- b. Nêu giá trị nhân đạo, giá trị hiện thực, giá trị nghệ thuật của văn bản: Sống chết mặc bay?

Câu 3: (5đ)

Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ: Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Đáp án:

Câu1: (2đ)

- a. Câu đặc biệt được dùng để 1đ
 - Xác định thời gian nơi chốn diễn ra sự việc nói đến trong đoạn; 0,25đ
 - Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng; 0,25đ
 - Bộc lộ cảm xúc; 0,25đ
 - Gọi đáp. 0,25đ
- b. Tìm câu rút gọn?
 - *Có 3 câu rút gọn: 0,1
 - Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. 0,1
 - Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. 0,1
 - Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo,...kháng chiến” 0,1
 - *Có 2 câu bị động: 0,1
 - Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. 0,1
 - Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm.0,1
 - *Tìm phép liệt kê?
 - + trong tủ kính, trong bình pha lê ,trong rương, trong hòm (0,1đ)
 - + giải thích ,tuyên truyền,tổ chức, lãnh đạo (0,1đ)

+ công việc yêu nước, công việc kháng chiến (0,1đ)

Câu 2: (3đ)

a. Dựa vào phần chú thích văn bản: “Đức tính giản dị của Bác Hồ” em hãy giới thiệu về thân thế, sự nghiệp của tác giả Phạm Văn Đồng?1,5đ

*Học sinh nêu được các ý trong sách:

- Phạm Văn Đồng(1906- 2000) 0,25

- Quê Quảng Ngãi 0,25

- Ông tham gia cách mạng từ 1925 và giữ nhiều cương vị quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Đảng 0,5

- Là học trò của Bác...0,5

b.Nêu giá trị nhân đạo, giá trị hiện thực, giá trị nghệ thuật của văn bản: Sống chết mặc bay?1,5đ

1. Giá trị hiện thực: 0,5đ

- C/sống lầm than, thê thảm của người dân.0,25

- Bộ mặt thối nát, vô trách nhiệm của quan lại phong kiến.0,25

2. Giá trị nhân đạo: 0,5đ

- Xót thương người dân trong hoạn nạn do thiên tai:0,25

- Lên án thái độ tàn nhẫn của bọn quan lại cầm quyền. 0,25

3. Giá trị nghệ thuật: 0,5đ

- Kết hợp thành công nghệ thuật tương phản và tăng cấp, kết thúc bất ngờ, ngôn ngữ đối thoại ngắn gọn, rất sinh động.0,25

- Xây dựng tình huống truyện độc đáo.0,25

- Lựa chọn ngôn ngữ kể, tả, khắc hoạ chân dung nhân vật sinh động..

Câu 3:(5đ)

Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ “ Có công mài sắt, có ngày nên kim.”

- Yêu cầu:

+ Nội dung:4,5đ: Đúng thể loại

+ Hình thức: 0,5đ

Bố cục đủ 3 phần, trình bày sạch đẹp văn phong sáng sủa không sai chính tả.

A, Mb:0,5đ

- Giới thiệu vấn đề cần chứng minh.

- Trích dẫn câu tục ngữ.

B, Tb: 3,5đ

b.1: Giải thích và nêu ý nghĩa của câu tục ngữ:

- Nghĩa đen: Một cây sắt lớn mà ta kiên trì, bền bỉ đem ra mài, hết ngày này đến ngày khác sẽ trở thành một cây kim hữu ích.
- Nghĩa bóng: Mượn chuyện mài thanh sắt thành kim, câu tục ngữ muốn khẳng định: Nếu ai kiên trì, nhẫn nại, có ý chí, nghị lực quyết tâm cao trong công việc thì dù công việc có khó khăn đến đâu cũng sẽ đạt được kết quả tốt đẹp.
- Câu tục ngữ khuyên bảo con người ta phải có lòng kiên trì, ý chí quyết tâm cao để gặt hái được thành công trong mọi lĩnh vực.

b.2: CM dựa trên lý lẽ.

- Kiên trì là một đức tính cần thiết trong cuộc sống, là yếu tố quan trọng dẫn đến thành công.
- Lòng kiên trì và ý chí nghị lực sẽ giúp con người say mê nhiệt tình trong công việc do đó công việc có thể hoàn thành một cách nhanh chóng.

b.3: CM dựa trên dẫn chứng.

- Trong LS chống giặc ngoại xâm của dân tộc (dẫn chứng các cuộc k/c)
- Trong học tập: Tấm gương thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký,...
- Trong nghiên cứu khoa học: giáo sư, tiến sĩ Lương Đình Của,...
- Hay trong các lĩnh vực khác.

C, Kb: (0,5đ)

- Khẳng định giá trị của câu tục ngữ.

Chấm

- Bộ cục đủ 3 phần trình bày sạch đẹp văn phong sáng sủa không sai chính tả: 0,5đ
- Làm đúng nhưng phân tích sơ sài trừ 1/2 số điểm, lạc đề, lạc thể loại không có điểm.
- Sai chính tả, diễn đạt từ 3 lỗi – 0,5đ
- Điểm của cả bài là điểm của 3 câu cộng lại.

Làm tròn:

Từ 0,25- 0,75: làm tròn: 0,5

Từ 0,75- trở nên: làm tròn: 1

3. *Củng cố*

- Thu bài. Nhận xét giờ kiểm tra.

4. *Dặn dò*

- Chuẩn bị: Chương trình địa

